

Tác Giả và Tác Phẩm

Đặng Trần Huân

Tiểu sử

Sinh ngày 1.3.1928. Nguyên quán làng Phù Đổng Bắc Ninh.
Mất ngày 21.3.2003 tại El Monte, California.

Tác phẩm

Ngày vui (1962), Chuyện cầm đàn bà (1969), Thành phố buồn hiu (1970)
Chuyện vợ chồng (1970), Hành trình một H.O. (1995), 20 năm văn học Việt Nam hải ngoại
(1975) Những người thích dấu huyền (1998), Chữ nghĩa bẽ bẽ (2000).



Mục Lục

Vai hàng về tác giả - 2

Đọc *Chữ nghĩa bẽ bẽ* của Đặng Trần Huân - Vĩnh Liêm – 2

Làm bàn về một bộ sách văn học - 9

Đặng Trần Huân, tác giả và tác phẩm – Nguyễn Mạnh Trinh – 12

Bấy vị tinh tú – 17

Bản giao hưởng khói sương – Cao My Nhân - 26

Cuộc di cư của chữ nghĩa - 29

Phụ đính I:

Cái khó khăn của người biên khảo – Cũng đủ lãng quên đời
Không có xe nằm nhà đọc hồi ký - Chuyện cải cách tiếng Việt
Theo chân những...- Người em đồng hao của Vũ Ngọc Phan –
Câu chuyện từ điển Việt Cuốn từ điển tái bản tám lần
Vẫn còn chuyện hồi ký - Nỗi nợ

Phụ đính II:

Sửa tên tác phẩm...? - Viết thêm về Nhất Linh và Tự lực văn đoàn
Tên thật nhà văn Thế Lữ - Đặng Trần Huân, những người thích dấu huyền
Hai chữ H.O. từ đâu mà có - Tiếng nổ từ cái ruột xe hư

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Đặng Trần Huân, tác giả Chuyện Cám Đàn Bà đã qua đời ngày 3/21/2003.

Đặng Trần Huân sinh ngày 07 tháng 6 năm 1929 tại Bắc Ninh, cựu thiếu tá QLVNCH, làm việc tại Cục Tâm Lý Chiến, ngành thông tin báo chí. Khởi viết năm 1953. Ông là tác giả tập truyện cười nổi tiếng " Chuyện Cám Đàn Bà I & II (1969, 1970)" , rồi Chuyện Vợ Chồng (1970).

Sau năm 1975, ông đi học tập cải tạo, và định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1992. Mặc dù qua Mỹ muộn màng, sức khỏe sa sút, tuổi tác lại cao nhưng nhà văn Đặng Trần Huân đã cầm bút trở lại, và viết một cách hăng say, qua nhiều thể tài khác nhau. Chỉ trong vòng 5 năm mà ông đã xuất bản 3 tác phẩm, gồm có: Hành Trình Một Hát Ô (bút ký, 1995), Những Người Thích Dấu Huyền (1998), và Chữ Nghĩa Bề Bề (chuyện văn nghệ, 2000).

Mọi người biết đến nhà văn Đặng Trần Huân qua chuyện cười nổi tiếng của ông, nhưng ít ai biết ông còn tác giả tập truyện ngắn Ngày Vui (1962), truyện dịch Hải Đảo Thần Tiên (1963) và bút ký: Thành Phố Buồn Thiu (1970).

Đọc lại chuyện cười của ĐTH, mới thấy ông có cái nhìn rất mới vào thời đó. Cám ơn nhà báo ĐTH đã cho mọi người những giây phút thoải mái trong thời gian mà mọi người rất cần một nụ cười.

Đọc *Chữ nghĩa bề bề* của Đặng Trần Huân Vinh Liêm

Thị trường sách báo Việt ngữ ở hải ngoại lúc này thật là khởi sắc. Đa số các nhà văn, nhà thơ, nhà báo nổi tiếng trước năm 1975 đều đang có mặt tại hải ngoại, đông đảo nhất là ở Hoa Kỳ. Mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau. Đợt ra hải ngoại đầu tiên, trước hoặc trong ngày Dương Văn Minh đầu hàng Việt Cộng, tạm gọi là Di Tản, gồm có nhà văn Nhị Lang, nhà văn Võ Phiến, nhà văn Lê Tất Điều, nhà thơ Nguyễn Sa, nhà văn Thanh Nam, nhà văn Túy Hồng, nhà thơ Hà Huyền Chi, nhà văn Linh Bảo, nhà văn Minh-Đức Hoài-Trinh, nhà văn Vũ Khắc Khoan, nhà văn Xuân Vũ, nhà thơ Du Tử Lê, ký giả Thái Lân, nhà văn Cao Thế Dung, nhà thơ Trần Quốc Bảo, nhà thơ Hà Bình Trung, nhà thơ Vi Khuê, họa sĩ Ngọc Dũng, ký giả Phạm Trần, ký giả Thái Linh, v.v

Đợt thứ hai, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tạm gọi là Thuyền Nhân, gồm có nhà văn Nhật Tiến, ký giả Vũ Thanh Thủy, ký giả Dương Phục, nhà văn Mai Thảo, nhà văn Trần Hoài Thư, nhà thơ Hà Thúc Sinh, nhà văn Triều Khê, nhà văn Chu Tấn, v.v Có thể nói rằng đợt Thuyền Nhân này đông đảo nhất và hùng hậu nhất. Đợt sau cùng gồm những văn nghệ sĩ kém may mắn hơn vì đã bị tù đày trong lao tù Cộng sản, ít nhất cũng phải 5 năm, cho nên đã được chính phủ Hoa Kỳ đặc ân cho đi theo diện HO. Vì vậy, đợt sau cùng này được gọi là HO. Nhà văn Đặng Trần Huân là một trong những văn nghệ sĩ nằm trong diện này.

Mặc dù qua Mỹ muộn màng, sức khỏe sa sút, tuổi tác lại cao nhưng nhà văn Đặng Trần Huân vẫn hăm hở cầm bút trở lại, viết một cách hăng say, qua nhiều thể tài khác nhau. Chỉ trong vòng 5 năm mà ông đã xuất bản 3 tác phẩm, gồm có: Hành Trình Một Hát Ô (bút ký, 1995), Những Người Thích Dấu Huyền (1998), và Chữ Nghĩa Bề Bề (chuyện văn nghệ, 2000).

Nhắc tới nhà văn Đặng Trần Huân, đa số người Việt ở hải ngoại chỉ nhớ tới truyện vui rất nổi tiếng của ông vào cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70, đó là Chuyện Cắm Đèn Bà 1 & 2 (1969 & 1970), chứ ít ai còn nhớ ông là tác giả tập truyện ngắn Ngày Vui (1962) và Truyện dịch Hải Đảo Thần Tiên (1963). Còn anh em ở trong quân đội thì hay gọi ông là nhà báo Đặng Trần Huân vì ông làm việc ở Cục Tâm Lý Chiến, ngành thông tin báo chí.

Cuốn Chữ Nghĩa Bè Bè có gì lạ? Tại sao gọi là chữ nghĩa bè bè? Trong bài Nỗi Sợ ở trang 212, người đọc đã bắt gặp câu:

Văn chương chữ nghĩa bè bè,
Thần lò nó ám thì mê mẩn đời

để ám chỉ những nhà trí thức khoa bảng sợ vợ. Nhưng ở tác phẩm này thì tôi không thấy tác giả có một tiết lộ nào về việc ông sợ vợ cả!

Như tác giả đã xác định, tác phẩm này là nói về chuyện văn nghệ--phát biểu ý kiến hoặc góp ý về tác phẩm--mà ông đã có dịp đọc một cuốn sách, xem một cuốn phim hoặc nghe một bài hát Tuy nhiên, chẳng những tác giả không giới hạn thể tài ở lãnh vực này, mà ông còn bước sang các lãnh vực khác như thời sự, chính trị, xã hội, v.v Nhưng ở bất cứ lãnh vực nào, ông cũng đều có những nhận xét thật là tỉ mỉ và sâu sắc. Theo tôi, tác phẩm này có thể được gọi là tập phiếm luận, vì cái ý thâm trầm của tác giả khi bình phẩm một việc gì không đến nỗi gắt gao, mà chỉ châm biếm một cách nhẹ nhàng, đầy thú vị.

Cuốn Chữ Nghĩa Bè Bè gồm tất cả 19 câu chuyện đã được đăng tải trên các báo Việt ngữ ở hải ngoại, từ tháng Giêng năm 1998 cho tới tháng 7 năm 2000.

Câu chuyện mở đầu là Cũng đủ lãng quên đời. Đó là chữ nghĩa của nhà thơ Đinh Hùng mà nhà văn Mai Thảo đã mượn làm tên cho cuốn tiểu thuyết của ông. Đây là chuyện tản mạn về văn chương, nhắc tới chuyện Phạm Quỳnh ca tụng Kiều một cách khá hăng say: truyện Kiều còn, nước ta còn (trang 12).

Một chuyện vui khác, một nhà văn ca tụng cuốn sách đầu tay của Y sĩ Đại Tá Nguyễn Tuấn Phát một cách rất nồng nhiệt: Một nhà văn có tiếng đã viết bài giới thiệu sách có một câu đại ý là Lâm Ngữ Đường viết Một Nghệ Thuật Sống thật là xuất sắc nhưng so với Anh Tuấn Nguyễn Tuấn Phát thì còn kém xa. Vị bác sĩ nghệ sĩ đọc lời phê bình, má hơi ửng đỏ (trang 13).

Thêm một chuyện khác, nhà văn Hà Thượng Nhân đã hạ bút khen bài Bát phở đầu đời của (cựu Đại Tá) Nguyễn Tử Đóa bằng cách so sánh như sau: Chỉ với bài thơ nhỏ tôi dám nghĩ rằng Nguyễn Tử Đóa có cái phong cách của Bạch Cư Dị lẫn Đỗ Phủ. Bạch trong sáng và Đỗ thâm sâu (trang 13). Bạn đã có dịp đọc bài thơ này chưa?

Nhà văn Vũ Thư Hiên cũng đã hết lời khen nhà văn Kim Lân ở ngoài Bắc mà độc giả miền Nam chưa hề nghe biết tới: Trong Đêm Giữa Ban Ngày, Vũ Thư Hiên kể Kim Lân có một truyện ngắn nhan đề Thăng Cầm và so sánh Kim Lân với văn hào Nga Tourgueniev cho rằng nhà văn Nga này khó vượt nổi được Kim Lân (trang 13).

Và còn nhiều nhân vật nữa, chẳng hạn như nhà văn Trần Bích San khen nhà văn Hoàng Dược Thảo, chủ nhiệm báo Sài Gòn Nhỏ mà tác giả đã thuật lại như sau: Khi viết lời giới thiệu cho tập truyện Tiểu Thư Con Gái Nhà Ai? của Hoàng Dược Thảo, Trần Bích San cũng liên hệ tới nhà văn Nga Chekhov và viết: Anton Chekhov để lại cho nhân loại những truyện ngắn hoàn hảo đến độ

một ngữ sử văn học danh tiếng Tây Phương cho là không ai có thể thay đổi một chữ, dù chỉ một chữ thôi, trong các đoản thiên của ông (trang 14).

Nhà văn Sơn Nam cũng đã có lần bốc nhà thơ Truy Phong lên tận mây xanh: Bài thơ Một Thế Kỷ Mấy Vần Thơ của Truy Phong đăng trên tuần báo Tiến Thủ được Sơn Nam nhận xét là một trong những bài thơ đẹp nhất của thế kỷ hai mươi (trang 15).

Nhà văn Xuân Vũ cũng đã có lần hết lời ca tụng một văn hữu như sau: Xuân Vũ khi giới thiệu cuốn Qua Các Nẻo Đường Quê của Xuân Tước xuất bản năm 1994, ca tụng truyện ngắn Con Rắn Vú Nàng như sau: Trước nhất đây là một truyện ngắn kiệt xuất có thể xếp vào loại truyện hay nhất Việt Nam. Nếu có nhà xuất bản nào in một tập truyện chọn lọc Việt Nam thì xin hãy đọc truyện này (trang 15).

Rồi tác giả quay sang báo chí, nhắc tới việc nhà văn Nhật Thịnh và nhà thơ Nguyễn Phương đã so sánh (quá lố) tờ Saigon Post ở Nam California với tờ báo ảnh Paris Match ở Ba-Lê.

Việc giới thiệu sách cũng được tác giả nhắc tới, mà điển hình là nhà văn Hồ Trường An viết lời bạt cho tác phẩm đầu tay của một nhà văn nữ mà ông chưa hề biết mặt, chỉ nhìn tấm ảnh cũng đủ để ông ca tụng nhan sắc và duyên dáng của nhà văn nữ này!

Sau cùng, tác giả bước sang lãnh vực ca nhạc, nhắc lại bài viết của Vũ Xuân Hùng ca tụng ca sĩ Bích Chiêu, đưa nàng lên tận mây xanh, điển hình như sau: Sang đến nhạc twist, Bích Chiêu đốt lửa chuốc rượu vào lòng khách nghe bằng lối trình diễn của loài trăn, loài cạp. Nàng hát đâu ra đó. Điệu nào cũng hay, nhạc nào cũng tuyệt. Thật là sống động hết sức!

Quả đúng là những chuyện tản mạn về văn học, vì ít khi người đọc để ý tới những chi tiết nhỏ nhặt ấy. Nhưng những chi tiết nhỏ nhặt ấy lại là những yếu tố làm cho uy tín của tác giả bị sút mẻ phần nào hoặc tác phẩm mất đi tính trung thực của nó.

Về từ điển Việt Nam, tác giả Đặng Trần Huân đã viết hai bài về lãnh vực này: Câu chuyện từ điển Việt Nam (trang 21) và Cuốn từ điển tái bản tám lần (trang 59). Tại sao tác giả lại chú ý quá nhiều đến từ điển? Vì Bất cứ nước nào đã tự hào là có một nền văn hóa là phải có một cuốn tự điển để chuẩn xác cho ngôn ngữ của quốc gia mình hầu tránh sự dùng chữ bừa bãi, lố lăng hay lai căng, vay mượn (trang 21). Nhưng đối với Hà Nội, sự lố lăng, lai căng và sự dùng chữ bừa bãi là việc rất thường tình và đầy ắp trong các cuốn từ điển do Hà Nội tung ra thị trường. Chẳng những thế, những chữ có ý nghĩa khác hẳn nghĩa thông thường cũng được bắt gặp trong các cuốn từ điển của Hà Nội, chẳng hạn như: công nghiệp, đường kính, lái xe, lô gích, hồ hởi, quá độ, sự cố

Các soạn giả từ điển của Hà Nội còn nặng đầu óc tuyên truyền vì phải đi theo đường lối và chỉ thị của đảng Cộng Sản nên họ bất chấp những sai lầm tai hại trong lãnh vực văn hóa. Hơn thế nữa, sau hiệp định Geneva 1954, cộng sản chính thức trở về tiếp thu Hà Nội cũng chưa có thì giờ lo chuyện này. Tới sau ngày 30.4.75 chiếm được Sài Gòn cán bộ văn hóa Hà Nội vào Sài Gòn còn ào ào vơ vét các loại từ điển song ngữ Anh-Việt, Pháp-Việt, Hán-Việt mà Hà Nội không có (trang 24). À thì ra thế! Vì đói sách, đói từ điển nên cán bộ văn hóa của Hà Nội phải vào Sài Gòn vơ vét tất cả những cuốn từ điển hiếm quý của ngụy để đem về Hà Nội xào nấu và biến chế ra những cuốn từ điển loại mì ăn liền, chẳng những thiếu phẩm chất, mà còn ngô nghê, lai căng, tối nghĩa, v.v

Tác giả Đặng Trần Huân đã đưa ra rất nhiều dẫn chứng và phân tích một cách tỉ mỉ những sai lầm của các soạn giả từ điển của Hà Nội. Những lời bình luận của tác giả Đặng Trần Huân rất có giá trị, mà người đọc muốn dành cho độc giả có cơ hội nghiền ngẫm một cách thích thú.

Tưởng cũng cần nhắc lại, khi chủ trương tờ Việt Nam Thời Báo (có ấn bản Anh ngữ là Vietnam Times) năm 1985, chúng tôi đã đặt vấn đề văn hóa qua các mục thường xuyên, như: Những vấn đề tiên quyết cho một sách lược văn hóa (do Nguyễn Đăng Vân và Bùi Giá Vũ phụ trách) và Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt (do Triều Khê phụ trách).

Về vấn đề cải cách tiếng Việt cũng đã được tác giả Đặng Trần Huân đề cập tới một cách tỉ mỉ trong bài Chuyện cải cách tiếng Việt (trang 33). Ông nói: Nếu chỉ vì ngại khó mà cứ đọc sao viết vậy thì chữ nghĩa không còn là chữ nghĩa nữa. Hai dấu hỏi và ngã có nghĩa khác nhau, dùng trong những trường hợp khác nhau [nên] không thể đồng hóa thành một được (trang 40). Hơn thế nữa, Học chữ hay muốn nói cho đúng thì cũng phải chịu khó nên không thể ngại khó mà đơn giản hóa quá mức đến thành thiếu sót, thiếu nghĩa. Không thể viện cớ đơn giản để mà đưa đề nghị bất chước người Mỹ chỉ cần xưng hô bằng hai tiếng I, You cho tiện để bỏ hết những từ ông, bà, cô, bác, chú, thím, cậu, dì thân thương, độc đáo của Việt ngữ (trang 41).

Vấn đề này làm người đọc nhớ lại vào đầu thập niên 80, học giả Hoàng Văn Chí cũng đã đưa ra đề nghị cải cách tiếng Việt. Cụ Hoàng Văn Chí đề nghị các danh từ kép thông dụng nên viết liền với nhau và có một số chữ quen thuộc cũng không cần bỏ dấu. Cụ Chí viết:

Nước nào cũng viết liền danh từ-kép, vì hai chữ gộp-lại chỉ có một nghĩa. Người Anh, người Pháp viết Locomotive là đầu tàu, họ không viết rời Loco Motive, hoặc Loco-motive. Chúng ta cứ viết rời chữ một vì chúng ta bị ảnh hưởng chữ Hán, mà chữ Hán không có cách viết liền. Nên để ý rằng bây giờ, khi viết bằng mẫu tự Latin, người Tàu cũng viết liền danh từ kép, như Beijing, Shanghai, Deng Xiaoping.

Người Nhật cũng viết liền Tokyo, Nagasaki, không viết rời To Kyo (Đông Kinh) và Naga Saki (Trường Thành).

Chúng tôi viết Họcgiả, với nghĩa là Người có học. Nếu viết rời hai chữ học và giả thì chữ giả có thể hiểu là giả dối, không thực, chẳng khác vủ giả, rặng giả. Nếu danh từ-kép nào cũng dùng vạch-nối thì lại có quá nhiều vạch-nối. Chúng tôi tin rằng đọc tới trang này các bạn đã thấy quen mắt. Viết liền cũng là một bước tiến tới việc miễn bỏ dấu những chữ quá quen thuộc, như Vietnam, Hanoi, Saigon, v.v

Tuy-nhiên chúng tôi vẫn phải dùng vạch-nối (-) mỗi lần có thể đọc lầm, như Tu-nghiệp, vì nếu viết liền Tunghiệp thì người đọc phải mất công nghĩ-ngợi một chút, xem là Tu-nghiệp hay là Tung-hiệp (Duy-Văn Sử-Quan, Hoàng Văn Chí, trang 16).

Theo đề nghị của Cụ Hoàng Văn Chí thì những chữ thông dụng (quá quen thuộc) không cần bỏ dấu, như vậy ta có thể kể: cakhuc (ca khúc có thể đọc là cá khúc), cakich (ca kịch cũng có thể hiểu là cả kịch), casi (ca sĩ có thể hiểu là ca si), v.v Thật khó mà phân biệt được những danh từ thông dụng với những danh từ ít thông dụng! Còn những danh từ thông dụng nhưng lại rắc rối thì sao? Chẳng hạn như: bacdau (danh từ bắc đẩu, nhưng nếu không bỏ dấu thì đọc giả có thể hiểu lầm là bạc đầu, bác đầu, bác dẩu), danchung (danh từ dân chúng, nhưng cũng có thể đọc lầm là dẫn chứng), dongho (danh từ đồng hồ, cũng có thể đọc lầm là đong hồ hay đống hồ), mauam (danh từ mẫu âm, có thể đọc là mau ấm hoặc mà u ấm), quansu (danh từ quân sự có thể hiểu là quân sự, còn quân sự có thể đọc là quân sự), v.v Vì thế cho nên đề nghị của Cụ Hoàng Văn Chí đã không được khán thính giả và độc giả hưởng ứng.

Nhà văn Đặng Trần Huân kết thúc vấn đề này như sau: Để kết luận vấn đề ngôn ngữ, chúng tôi thiết nghĩ tiếng Việt hiện nay đã sử dụng được trong bậc đại học, đã có những thuật ngữ diễn đạt

được những vấn đề chuyên môn, khó khăn mà không gặp trở ngại nên chúng ta có thể tự hào về ngôn ngữ hiện tại. Công việc cần của chúng ta là bảo tồn ngôn ngữ ấy sao cho tiếp tục trong sáng mà đừng chế ra những cái cách lai căng làm văn đọc tiếng Việt như Hà Nội đã làm (trang 42).

Về văn học, nhà văn Đặng Trần Huân đã dành nhiều thời giờ cho vấn đề này trong hai bài Văn học Việt Nam hải ngoại (trang 71) và Lạm bàn về một bộ sách văn học (trang 223).

Trong bài Văn học Việt Nam hải ngoại tác giả đã lạm bàn về bộ (trọn bộ gồm 2 cuốn) 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995 (gọi tắt là HMNVHVNH). Ông phân tách về bộ sách này như sau: Ngoài bìa ghi một trăm năm mươi tám tác gia nhưng bên trong có 160 tên tác giả được giới thiệu gồm các nhà văn, nhà thơ và 17 họa sĩ, 2 nhiếp ảnh gia và 1 điêu khắc gia. Sở dĩ có sự khác biệt giữa 158 và 160 vì có tác giả có tới 2 bài, trừ bài in ở đầu sách Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Ở Hải Ngoại của Nguyễn Hưng Quốc dài 16 trang vì là bài tổng kết chứ không phải là một bài trong hợp tuyển. [Nguyễn Hưng Quốc cũng có một bài thứ nhì trong tập sách chung với các tác giả khác và ký tên Nguyễn Ngọc Tuấn] (trang 72).

Việc sắp xếp tên các tác giả trong bộ sách văn học cũng đã được tác giả góp ý như sau: Chưa đọc hết chỉ mới nhìn qua sự sắp xếp, người đọc đã nảy ra nhiều ý kiến đóng góp. Trước hết sự sắp xếp tác giả theo thứ tự ABC cũng chỉ áp dụng cho các bài văn thơ được chọn mà thôi, vì tác phẩm của các nghệ sĩ tạo hình không theo thứ tự này.

Việc chọn thêm những tác phẩm không thuộc văn viết vào trong tuyển tập không thể tiêu biểu được cho ngành tạo hình trong văn học hải ngoại vì trong hai mươi năm mà chỉ có 20 vị vừa họa sĩ, nhiếp ảnh gia và một điêu khắc gia duy nhất thì quá nghèo nàn. Ta thấy vắng bóng nhiều họa sĩ tên tuổi như Tạ Tỵ, Trương Thị Thịnh, Thái Tuấn, Võ Đình, Mai Chừng, Hiếu Đệ, v.v (trang 72). Quả thật vậy! Các soạn giả không thể lấy lý do không liên lạc được với các họa sĩ kể trên. Ít nhất, các soạn giả cũng dư biết họa sĩ Võ Đình đã ở tại Maryland từ trước năm 1975. Theo tôi được biết, Họa sĩ Hiếu Đệ đi theo diện HO, nhưng ông đã có mặt ở Mỹ trước khi bộ sách này ra đời.

Chưa hết! Việc bỏ sót các nhà văn tên tuổi đang ở hải ngoại cũng được tác giả nhắc tới: Các nhà văn có tên tuổi trong nước trước 1975, khi ra ngoại quốc vẫn sáng tác, đã được trích trong bộ sách nhưng còn thiếu rất nhiều. Chỉ tạm kể một số thôi mà trong số này có nhiều người rất dễ tiếp xúc. Hãy tạm kể: Bình Nguyên Lộc, Duyên Anh, Vũ Khắc Khoan, Thanh Nam, Minh Đức Hoài Trinh, Duy Lam, Cao Thế Dung, Đỗ Tiến Đức, Trùng Dương, Lê Thị Ý, v (trang 76).

Bộ sách này còn nhiều chỗ đã được nhà văn Đặng Trần Huân nhắc tới, xin để quý độc giả tự tìm hiểu thêm. Hãy lật qua trang khác, hứa hẹn còn nhiều điều lý thú hơn. Trong bài Lạm bàn về một bộ sách văn học (trang 223), tác giả viết: Năm 1986 Võ Phiến cho xuất bản Văn Học Miền Nam Tổng Quan được độc giả đón nhận với hảo ý, rồi cuốn sách được nhật tu và tái bản hai năm sau. Đây là cuốn đầu trong bộ sách mà Võ Phiến gọi là Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam 1954-1975 như ghi ở trang 5 cuốn tái bản 1988 (trang 223).

Tác giả vốn biết rằng nhà văn Võ Phiến là người làm việc rất cẩn trọng, nhưng ông cũng tìm thấy rất nhiều sơ hở trong bộ sách này: Mười ba năm sau, (trong sách nói mười tám năm sau, trang 501) năm 1999, nhà xuất bản Văn Nghệ, Westminster, CA cho trình làng sáu cuốn tiếp theo của bộ sách, một công trình tỉ mỉ và lâu năm. Vì là nối tiếp cho cuốn Tổng Quan sáu cuốn sau ngoài bìa mang tên Văn Học Miền Nam cho gọn. Riêng sáu cuốn có tên là VHMN này dày khoảng 2750 trang, bắt đầu từ trang 491 và kết thúc ở trang 3238.

Tại sao sáu cuốn Văn Học Miền Nam chính thức bắt đầu bài vở ở trang 501 trong khi cuốn Tổng

Quan chỉ mới chấm dứt ở trang 328? (trang 224).

Tác giả còn nhiều điều phân tách về cuốn VHMN này, thiết tưởng để quý độc giả tìm hiểu thêm thì thích thú hơn. Để kết thúc loạt văn học này, xin mời quý độc giả đọc lời nhận xét rất chí lý của tác giả như sau: Hơn nữa bộ sách đã mang tên Văn Học Miền Nam thiết tưởng cũng nên nói tới những trào lưu, những tác giả đã gây xôn xao một dạo dù rằng có thể sau này chìm lắng. Để người đọc cũng có thể qua đó biết được cả mặt xôn xao mà hời hợt trong một giai đoạn văn học (trang 231).

Còn rất nhiều nhận xét rất lý thú và sâu sắc về nhiều lãnh vực và khía cạnh của văn chương, chữ nghĩa, xã hội, v.v chiếm hơn nửa cuốn sách mà vì trang báo có hạn nên người đọc không thể dẫn chứng hết được. Để kết thúc bài này, người đọc xin góp ý với tác giả về Người em đồng hao của Vũ Ngọc Phan (trang 185), tức học giả Hoàng Văn Chí, để đóng góp thêm một số dữ kiện mà người đọc đã được hân hạnh biết do sự quen biết.

Tôi di chuyển về Hoa Thịnh Đốn vào đầu năm 1979 và được quen biết Cụ Ông và Bà Hoàng Văn Chí vào năm đó. Đầu năm 1980, Cụ Chí đề nghị tôi tổ chức lớp diễn thuyết văn hóa và Cụ sẽ đảm trách phần thuyết giảng. Vì thế, tôi đã xin phép tiểu bang Maryland để thành lập Viet Club, Inc. và tự bỏ tiền túi ra mượn trụ sở ở đường Thayer Ave., Silver Spring, nằm cạnh trụ sở của Phật Giáo Hòa Hảo do Tu sĩ Thái Hòa làm Hội Trưởng. Lớp văn hóa này sinh hoạt được hơn một năm thì ngưng vì số người tham dự càng ngày càng ít hơn; và cũng vì một số anh em trẻ ở Virginia muốn Cụ Chí sang bên đó thuyết giảng để có nhiều người nghe hơn. Thế là Cụ Chí đã nghe theo lời của các anh em trẻ và tôi cũng cất được gánh nặng.

Cụ Ông và Bà Hoàng Văn Chí vẫn thường mời vợ chồng chúng tôi và 2 cháu nhỏ tới gia đình dùng cơm vào cuối tuần. Thường thì hai Cụ vẫn dành cho chúng tôi những bữa cơm gia đình, mà ít khi có sự hiện diện của người thân ruột thịt trong gia đình như vợ chồng Hoàng Việt Dzũng, Tiến sĩ Điện Toán, con trai của ông bà cụ, hay vợ chồng giáo sư Nguyễn Tường Vân, người rất gần gũi của gia đình.

Ông bà cụ vẫn thường hay tâm tình với chúng tôi về mọi khía cạnh trong cuộc đời lặn lội gió sương của Cụ, từ lúc trọ học ở Hà thành chung nhà với Võ Nguyên Giáp, Martin đến gặp Võ Nguyên Giáp như thế nào, thời gian ở Việt Bắc đúc tiền cho VC làm sao, Ông Hồ Chí Minh thích cái gì, đệ nhất Cộng Hòa ra làm sao, thời gian làm Phó Lãnh Sự ở Ấn Độ, năm năm lưu vong ở Pháp đói khổ như thế nào, và sau cùng là thời gian làm việc cho Đài VOA ở Mỹ.

Theo lời Cụ Bà kể, quả đúng thân sinh của Cụ Bà là Cụ Lê Dư, biệt hiệu Sở Cuồng, quê quán ở Quảng Nam. Tên của cụ bà là Lê Hằng Phần. Nếu tôi nhớ không lầm thì Cụ Bà Lê Hằng Phần gọi cụ Phan Khôi bằng Cậu. Tôi chỉ được biết bà chị của Cụ Bà là Lê Hằng Phương, vợ của nhà văn Vũ Ngọc Phan, chứ không hề nghe Cụ nhắc tới cô em là Lê Hằng Huân. Mặc dù Cụ Ông có nhắc tới Tướng Nguyễn Sơn nhiều lần, nhưng không hề nhắc tới Lê Hằng Huân.

Cụ Chí sinh năm 1913, thuộc gia đình Nho giáo ở Thanh Hóa. Trong các khóa giảng văn hóa, Cụ Chí đã nhiều lần nhắc tới dân tộc Mường một cách say sưa và Cụ thường đề cập tới sự lợi ích của việc ăn cơm Nếp của người Mường. Mặc dù Cụ Chí không trực tiếp nói với tôi, nhưng qua cách nói của Cụ, tôi biết chắc rằng Cụ là người có gốc Mường.

Tác giả Đặng Trần Huân có nhắc tới các tác phẩm của Cụ Hoàng Văn Chí như sau: Năm 1999, khi đọc bài đính chính đăng trên báo Ngày Nay, anh Vũ Đoàn, một người bạn cũ ở vùng Hoa

Thịnh Đồn viết thư cho biết bà Lê Hằng Phấn là phu nhân của nhà biên khảo Hoàng Văn Chí, tác giả những cuốn Tâm Trạng Của Giới Văn Nghệ Miền Bắc và Từ Thực Dân Tới Cộng Sản, cuốn sau đã có bản Anh, Pháp ngữ (trang 187). Sự thật thì tên của cuốn trước là Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa (của Cụ Chí) xuất bản tại Sài Gòn năm 1959 và tên của cuốn sau là From Colonialism to Communism (nguyên tác bằng Anh ngữ, xuất bản năm 1964 tại New York), mà người đọc đã được Cụ Hoàng Văn Chí ký tặng. Cũng theo lời Cụ Chí nói với tôi thì cuốn From Colonialism to Communism đã được dịch ra 13 thứ tiếng, kể cả bản tiếng Việt có tên là Từ Thực Dân Đến Cộng Sản .

Về tác phẩm của Cụ Hoàng Văn Chí, tôi được biết như sau: Sau khi vào Miền Nam, Cụ Chí làm việc ở Sở Văn Hóa. Nhờ cơ hội này, Cụ thành lập Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa; đồng thời biên soạn cuốn Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc (1959). Theo chỗ tôi được biết thì cuốn Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc do Cụ Hoàng Văn Chí biên soạn, một phần lớn nhờ tài liệu của Tòa Đại Sứ Pháp và Anh cung cấp, phần còn lại là do thân nhân của Cụ Phan Khôi, chứ lúc bấy giờ Bộ Thông Tin của VNCH cũng còn đang mù mờ về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ở ngoài Bắc.

Trong thời gian đó, Cụ Hoàng Văn Chí có cộng tác với một số tạp chí văn hóa bằng tiếng Việt, Anh, Pháp và Hoa; đồng thời xuất bản tập truyện Phật Rơi Lệ. Cụ có một biên khảo về phong tục học nhan đề Đính chánh một định kiến sai lầm về nguồn gốc dân tộc Việt Nam đăng trong báo Ngày Mới ở Sài Gòn năm 1958. Theo cụ Chí cho biết thì, vì một lỗi lầm nào đó, khi bài này được dịch sang Anh ngữ và đăng trong tạp chí Asian Culture của Hội Liên-lạc Văn-hóa Á-châu, năm 1961, lại được ký tên là Nguyễn Đăng Thục, Hội Trưởng của hội văn hóa kể trên! Ngoài ra, Cụ Chí cũng đã xuất bản hai tác phẩm tại Sài Gòn trước khi đi Ấn Độ, đó là The Fate of The Last Viets (Hoa Mai, Sài Gòn, 1956) và The New Class in North Vietnam (Công Dân, Sài Gòn, 1958).

Nhờ vận động, năm 1959, Cụ Chí được đề cử giữ chức Phó Lãnh Sự Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại New Delhi, Ấn Độ. Một năm sau, Cụ ông cùng gia quyến bỏ sang Pháp sống cuộc đời lưu vong mất 5 năm ở Paris trong túng quẫn và nghèo khổ, có lúc gia đình phải gặm bánh mì mốc để dần cơn đói. Cũng trong 5 năm gian khổ đó, Cụ Chí đã hoàn tất một tác phẩm để đời và được dịch ra 13 thứ tiếng (theo lời của Cụ Chí), đó là cuốn From Colonialism to Communism, nguyên tác bằng Anh ngữ do chính tay Cụ viết. Bản Việt ngữ có tên là Từ Thực Dân đến Cộng Sản, bản dịch của Mạc Định (1962). Bút hiệu Mạc Định là của Cụ Hoàng Văn Chí. Cụ Chí còn một tác phẩm dở dang, chưa kịp hoàn tất thì Cụ ngã bệnh qua đời (không nhớ rõ năm, 1986 hay 1987). Trưởng nam của Cụ Chí, Tiến sĩ Hoàng Việt Dzũng, sau đó đã cho ấn hành với tên là Duy Văn Sử Quan (1988).

Tác phẩm Chữ Nghĩa Bề Bề của nhà văn Đặng Trần Huân (mặc dù tác giả khiêm nhường gọi là chuyện văn nghệ) là một tác phẩm phê bình rất có giá trị trong lãnh vực văn hóa và văn học.

Bất cứ ở lãnh vực nào ông cũng đều phân tích một cách tỉ mỉ và sâu sắc. Điều gì biết thì ông nói là biết; điều gì viết sai thì ông nhận là sai và hiệu đính ngay; còn điều gì chưa biết thì ông nói là chưa biết. Tôi rất thích ở chỗ ngay thẳng của tác giả, vì có như thế người đi sau nếu có dẫn chứng những lời nói của ông thì cũng không sợ bị hổ.

Cuốn Chữ Nghĩa Bề Bề dày 250 trang, bìa màu rất đẹp, do Văn Mới xuất bản năm 2000.

Lạm bàn về một bộ sách văn học

Năm 1986 Võ Phiến cho xuất bản Văn Học Miền Nam Tổng Quan được độc giả đón nhận với hảo ý, rồi cuốn sách được nhật tu và tái bản hai năm sau. Đây là cuốn đầu trong bộ sách mà Võ Phiến gọi là Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam 1954 - 1975 như ghi ở trang 5 cuốn tái bản 1988.

Lý do cuốn Tổng Quan được hoan nghênh và nghe đâu đang sắp in lần thứ ba vì trong đó Võ Phiến cho độc giả những nhận xét tổng quát mà khá đủ về mọi sinh hoạt văn học Việt Nam Cộng Hòa từ độc giả, tác giả, ngành xuất bản cho tới các giai đoạn, các bộ môn văn học. Phần cuối ông đã dành hơn ba chục trang tiểu sử và tác phẩm của nhiều nhà văn khiến ta nhớ tới cuốn Tiểu Truyện Các Tác Gia Hiện Đại của Trần Phong Giao do nhà xuất bản Lá Bối đang in dở dang vào đầu năm 1975 thì giữa đường đứt gánh.

Biên khảo là một loại sách kén chọn độc giả nhưng với thành công ban đầu như vậy là một điều phấn khởi và độc giả chờ đợi những cuốn kế tiếp mà Võ Phiến hứa hẹn với sự làm việc cẩn trọng vốn có của ông.

Mười ba năm sau, (trong sách nói mười tám năm sau, trang 501) năm 1999, nhà xuất bản Văn Nghệ, Westminster, CA cho trình làng sáu cuốn tiếp theo của bộ sách, một công trình tỉ mỉ và lâu năm. Vì là nối tiếp cho cuốn Tổng Quan sáu cuốn sau ngoài bìa mang tên Văn Học Miền Nam cho gọn. Riêng sáu cuốn có tên là VHMN này dày khoảng 2750 trang, bắt đầu từ trang 491 và kết thúc ở trang 3238.

Tại sao sáu cuốn Văn Học Miền Nam chính thức bắt đầu bài vở ở trang 501 trong khi cuốn Tổng Quan chỉ mới chấm dứt ở trang 328? Theo chúng tôi nghĩ có thể tác giả chừa lại một số trang để sau này nếu cần bổ túc cho cuốn Tổng Quan thì khỏi phải có những trang bis hay ter. Sống ở Mỹ, ảnh hưởng văn hóa Mỹ thì cách đánh số trang cũng theo cách đánh số nhà rất thực dụng của Mỹ. Ta không lạ khi thấy có những con đường mà nhà đầu mang số 1, nhà cuối mang số 500 chẳng hạn nhưng đếm chỉ có 400 nhà vì số nhà đánh cóc nhảy để chừa cho những nhà sắp xây hoặc chằng bao giờ xây (* 4).

Cũng như ở Mỹ người Giao Chỉ phải nói pha trộn tiếng Mỹ. Như một diễn giả sinh trưởng tại Việt Nam tuổi cũng quá tứ tuần diễn thuyết cho đồng bào Việt lại mở đầu rằng: ATôi xin trình bày sấp dềch này nó liên quan tới pô ly tích và ê cô nô mích, để chứng minh là Việt cộng không tôn trọng cái hiu mần rai của người dânA. Sống ở Mỹ nói pha tiếng Mỹ cho ra vẻ thời thượng. Và nói như ngôn ngữ Việt cộng thì: "Cũng tốt thôi!"

Sáu cuốn Văn Học Miền Nam gồm ba cuốn 1, 2, 3 nói về truyện, cuốn 4 ký, cuốn 5 tùy bút, kịch và cuốn 6 thơ. Sáu cuốn sau này là một hợp tuyển, trích những bài văn của nhiều tác giả để người đọc vì thiếu sách có thể thưởng thức được một mẫu tác phẩm của đa số tác giả mà nay không có điều kiện tái bản. Chủ yếu của soạn giả là giới thiệu những tác phẩm cho nên trong gần 3000 trang sách phần trích tác phẩm chiếm khoảng trên 65%, phần còn lại soạn giả phê bình nhận xét từøng tác giả trước khi trích đăng tác phẩm của họ.

Có những bài Võ Phiến viết cách đây chừng vài chục năm từ 1962, 1963, 1973 khi giới thiệu Linh Bảo, Đỗ Tấn, Trần Thị NgH . . . (869, 2852, 1531) nhưng đa số là những nhận xét viết sau 1975 khi ông đã ra hải ngoại, có những bài viết ngay đầu năm 1999 như khi nói về Vương Hồng Sển, Nguyễn Đình Toàn . . . (2283, 2953).

Khi giới thiệu mỗi tác giả từng bộ môn cũng có sự dài ngắn khác nhau. Viết về Doãn Quốc Sỹ,

Võ Phiến đã bỏ ra tới 44 trang (573), Thế Uyên, Thanh Tâm Tuyền, Nhất Linh. . . . đều trên hai chục trang trong khi nhiều văn, thi sĩ khác chỉ được nhắc tới trong hai trang như Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Thị Vinh, Giản Chi, Văn Quang . . . (1037, 1137, 2879, 1655) thậm chí Dương Hùng Cường, Tuyết Hương . . . chỉ có vài câu (688, 1627).

Về điểm này Võ Phiến đã nói ngay từ đầu là chuyện viết về một người dài hay ngắn không nhất thiết phản ánh một sự đánh giá nào (504). Tuy nhiên rất nhiều người đọc - có thể vì thiếu tinh thần tự lập chẳng - nên vẫn cứ bị ám ảnh với cách đánh giá của nhiều soạn giả từ điển Tây phương.

Đã có những soạn giả cân nhắc rất kỹ sự lựa chọn người để ghi vào sách và tính toán từng giòng khi nói về một nhân vật. Nếu tôi không lầm thì cuốn từ điển nhỏ Petit Larousse Illustré rất phổ biến của Pháp, mỗi năm in lại một lần, bốn năm có bổ sung, khi phát hành ấn bản 1960, có tờ báo văn học Pháp đã tỏ ra mừng rỡ khi thấy trong cuốn mới này đã có hai tài tử điện ảnh Fernandel và Brigitte Bardot. Nhưng cô đào khêu gợi không có tên chung với các danh nhân khác mà chỉ có tên dưới bức tranh in cạnh tên họa sĩ Van Dongen là tác giả bức chân dung. Người Pháp rất dè dặt trong việc lựa chọn nghệ sĩ điện ảnh trong khi lại rộng lượng với các diễn viên kịch nghệ. Cho tới ấn bản kể trên hình như tài tử điện ảnh chỉ có hai người trong từ điển Petit Larousse Illustré là Charles Chaplin và Fernandel.

Người đọc sách cũng như người nghe hát thường hay có thói quen so sánh với những tác phẩm đi trước, trình bày trước và đó cũng là một trong những bất lợi cho người sáng tác sau khi mà tác phẩm trước xuất hiện lúc thể loại đó còn hiếm hoi và đã từng gây ấn tượng mạnh tới người thường ngoạn.

Võ Phiến sắp xếp các tác giả được đề cập theo thứ tự ABC và phân loại theo các bộ môn. Khi Vũ Ngọc Phan viết Nhà Văn Hiện Đại ông xếp theo tác giả, vì vậy mỗi tác giả chỉ được kể tới một lần trong bộ môn xuất sắc nhất, rồi ở cuối bài mới nói tới những bộ môn khác mà ông cho là kém quan trọng. Hoài Thanh, Hoài Chân viết Thi Nhân Việt Nam sau gần năm chục trang giới thiệu tổng quát Một Thời Đại Trong Thi Ca mới lần lượt nói từng nhà thơ với lời nhận xét tiêu sử, trích thơ và có cả ảnh các tác giả. Nhiều tuyển tập thi ca sau này gom các tác phẩm của người khác không giới thiệu, không tiêu sử thì cuốn sách chỉ thuần túy là một hợp tuyển, soạn giả chỉ có công gom và chọn theo ý riêng mình để đem in.

Sáu cuốn VHMN cũng giống như một hợp tuyển bổ sung cho cuốn Tổng Quan nhưng Võ Phiến có công phu đọc và giới thiệu từng tác giả trước khi trích in. Có những tác giả được nói tới trong ba cuốn khác nhau như Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn, Nhã Ca . . . hay trong hai cuốn khác nhau như Mai Thảo, Lê Tất Điều . . . trong khi có nhiều vị cũng viết nhiều thể loại nhưng Võ Phiến chỉ lựa chọn một bộ môn như Nhất Linh, Nguyễn Thị Hoàng, Hà Thúc Sinh . . . Do đó trong phần truyện nói tới 50 tác giả, ký 22, tùy bút 4, kịch 10, thơ 32 nhưng không thể đơn giản cộng những con số đó lại để nói rằng Võ Phiến đề cập tới 118 tác giả.

Sự lựa chọn của Võ Phiến khiến ta nhớ tới một câu trong bài Những Chuyến Xe Trong Đời của nhạc sĩ Lê Mộng Bảo mô tả cuộc đời từ đứa trẻ nằm trong xe nôi tới người từ già cõi thế nằm trong xe tang. Đoạn giữa cuộc đời chuyến xe mà người phụ nữ mong đợi là chiếc xe hoa mà nàng hồi hộp bước lên. Nhưng có phải ai cũng bước lên vui vẻ đâu. Bởi vì: Duyên tơ, có người chỉ một xe đầu, có người vài lần thương đau, có người chẳng bao giờ đâu!

Khi giới thiệu Mai Thảo và Thế Uyên, Võ Phiến đã nhấn mạnh về khía cạnh phóng túng trong tác phẩm của hai tác giả này. Ông phân tách thái độ những nhân vật trong Mười Đêm Ngà Ngọc và Cửa Trường Phía Bên Ngoài mà Mai Thảo đã tuyên ngôn ca tụng tình yêu với nhân vật là

những người chồng, người vợ bỏ người hôn phối, bỏ con cái để bay lên trời cao, ca hát giữa vùng ánh sáng với những người tình mới (900, 901, 902). Khi nói về Thế Uyên, Võ Phiến tốn nhiều giấy mực về khía cạnh dục tình. Ông dẫn chứng bằng những sự kiện của nhân vật trong truyện Thế Uyên như con gái dậy đũa nào cũng dâm nhưng sợ đau, những chuyện liên quan tới giao hợp hay không giao hợp giữa những cặp nhân tình, với em nhỏ mười sáu tuổi, trong hầm trú ẩn nắp bom đạn, dưới gầm giường v . v . . (1481).

Bởi đâu Võ Phiến lại thắc mắc nhiều đến thế? Phải chăng vì là một người đã lớn tuổi, đã quen cái đạo lý trọng những nền tảng tinh thần của Việt Nam xưa cũ ông đã không thể thích hợp với lối sống của xứ sở mới mà ông đang sống. Giờ báo ra ta thấy súng ống là trò chơi hợp pháp, trẻ lên ba mang súng của bố ra chơi, mười một tuổi xách súng bắn chết năm người, đàn ông lấy đàn ông, đàn bà lấy đàn bà được hợp pháp hóa ở một số tiểu bang, một trăm năm mươi phụ nữ cởi truồng giữa đường phố đông người qua lại. Mở ti vi thì thấy những chuyện loạn luân, dâm dục, sa đọa của trai gái vị thành niên, chuyện đổi vợ đổi chồng công khai, chuyện không quen biết bỗng nhiên được giới thiệu và cấp tiền cho đi ngủ khách sạn với nhau, chuyện triệu phú tuyển vợ khi hàng vài chục thiếu nữ chưa quen biết lượn trước mặt để ông lựa chọn như một chợ gà trong các chương trình ti vi chiếu trên cả nước như Jerry Springer, Change of Heart, Blind Date, Who Wants to Marry a Multimillionaire v . v . . Phải chăng vì lo sợ cho thế hệ thiếu niên Việt Nam quên nền đạo lý Việt Nam cũ nên ông đã nhấn khéo các tác giả Việt Nam đừng đổ dầu thêm nữa.

Khi nói tới một tác giả, Vũ Ngọc Phan theo cách viết mà các tác giả ngoại quốc áp dụng từ lâu nghĩa là viết nguyên tên họ hay biệt hiệu Nguyễn Du, Tú Xương, Khái Hưng mà không có những chữ cụ, ông, bà hay anh, chị đi kèm đằng trước vì nhà văn đủ mọi lứa tuổi và giới tính. Nên khi gọi đủ tên họ là một vinh dự cho danh nhân rồi giống như khi lấy tên những vị đó đặt tên đường hay những công trình to lớn. Hầu hết nhà văn, nhà báo của ta mặc nhiên chấp nhận điều đó.

Võ Phiến nói ông chỉ gọi các nhà văn bằng hai tiếng ông, bà khi đứng một mình không kèm theo tên họ hay bút hiệu trừ Lê Tất Điều, Nguyễn Mộng Giác ông gọi trống không là Điều, Giác vì là bạn thân lâu năm (819, 824). Quy định này ông áp dụng ngay cả với nhà văn đã quá cửu tuần Vương Hồng Sển (2283- 2288). Tuy nhiên ông cũng phá lệ rất nhiều lần khi thêm những tiếng ông, cụ trước họ tên với khá nhiều nhà văn trẻ hơn như ông Bình Nguyên Lộc, ông Mai Thảo, ông Phan Tùng Mai, cụ Vi Huyền Đắc v . v . . (515, 896, 2563)

Nhưng cái phân của VHMN khiến cho một số độc giả không mấy hài lòng có lẽ chính ở sự lựa chọn tác giả nào để đưa vào sáu cuốn VHMN. Có người thắc mắc vì sao còn thiếu nhiều nhà văn, nhà thơ đã có những tác phẩm xuất sắc chẳng hạn như Đoàn Thêm, Cung Trầm Tưởng, Hà Huyền Chi, Du Tử Lê v . v . .

Cũng biết trước là sẽ có người phiền trách về điều đó nên ở trang 506, 507 ông đã trình bày sự thiếu sót sẽ có của ông. Ông viện dẫn người đi trước là Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh. Thực ra thì bộ Nhà Văn Hiện Đại hay cuốn Thi Nhân Việt Nam không phải là toàn bích, (mà làm sao có được một tác phẩm toàn bích dù rằng viết bởi nhiều người?). Đã có dư luận cho rằng Vũ Ngọc Phan thiếu vô tư khi bỏ quên Nguyễn Bính mà chọn Nguyễn Giang. Khi chọn Tô Hoài mà quên Nam Cao dù rằng khi đó tài của hai người không biết ai hơn ai khiến nhiều người nói Vũ Ngọc Phan thiên vị vì Tô Hoài khi đó viết cho báo Hà Nội Tân Văn mà ông là chủ bút.

Võ Phiến đã lựa chọn những tác giả để giới thiệu vào bộ sách của ông theo nhận xét chủ quan và theo những sách mà ông đọc được. Vì thế cũng có thể có những tác giả thân quen được ông đọc đầy đủ, thấy được cái hay, mà có những cuốn sách hay mà ông vô tình không được biết. Chắc chắn là ông đọc đầy đủ tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Ngọc Tuấn, Lê Tất Điều,

Võ Chân Cừ . . . là những người cộng tác thân thiết với ông hoặc là cùng quê hương Bình Định. Thì cũng như Vũ Ngọc Phan hiểu sâu sắc những người cộng tác trong Hà Nội Tân Văn hay Nhất Linh phát hiện sớm và hiểu sâu sắc các cộng tác viên Phong Hóa, Ngày Nay hay những người thân trong đại gia đình.

Hơn nữa bộ sách đã mang tên Văn Học Miền Nam thiết tưởng cũng nên nói tới những trào lưu, những tác giả đã gây xôn xao một dạo dù rằng có thể sau này chìm lắng. Để người đọc cũng có thể qua đó biết được cả mặt xôn xao mà hời hợt trong một giai đoạn văn học.

Có thể nói một trong những khó khăn nhất của người viết phê bình văn học vẫn là sự lựa chọn ai để đưa vào sách, đánh giá sao vừa ý mình mà lại hợp lòng đại đa số độc giả, được độc giả cho là hợp ý. Đó cũng là chuyện làm dâu trăm họ, mang lầy nghiệp thì đành chịu mọi búa rìu.

Phương tiện truyền thông tân tiến hơn thì ý kiến, dư luận cũng phổ biến nhiều cách hơn và sâu rộng hơn. Sau khi bộ sách ra đời hẳn Võ Phiến đã đọc nhiều bài nói về công trình của ông, trên báo chí, phát thanh, trên internet. . .

Lời khen, lời giới thiệu dè dặt thường xuất hiện trên báo chí nhưng lời lẽ mạnh bạo nặng nề thường xuất hiện trên internet, phương tiện truyền thông không ai phủ nhận được là tối tân nhất hiện nay. Ngoài những công dụng hữu ích vô tiền khoáng hậu, internet cũng là con dao hai lưỡi vì cái tự do tuyệt đối của nó. Không ai kiểm duyệt, không có ông chủ bút, chủ nhiệm nào có quyền ý kiến gì về bài của mình cả. Mình là tác giả kiêm chủ nhiệm, chủ bút tự mình phóng bài lên mạng lưới chả ai ngăn cấm. Thế nên mới có những chuyện làm tình, chuyện kiểu bầy đêm khoái lạc như vụ Monica Lewinsky được những người đại diện dân cho phép phóng lên, những tuyên ngôn đao to búa lớn chẳng biết thực chất ra sao kêu gọi thế giới, những quảng cáo khoác lác, những bài chửi nhau chát chúa tay đôi, tay ba của các đoàn thể hay cá nhân tung hoành qua không gian. Phải chăng người phát minh ra máy điện toán đã nhìn thấy mặt xấu của nó nên phải ngăn ngừa lạm dụng khi đặt ra nút delete và một thùng rác điện tử mang tên tiếng Anh là recycle bin.

Với cuốn Tổng Quan ra đời mười ba năm trước và 6 cuốn tiếp theo gần đây bộ Văn Học Miền Nam dù sao vẫn cần có trong tủ sách để chúng ta có một số tài liệu tìm hiểu về văn học quốc gia giai đoạn đệ nhất và đệ nhị cộng hòa ở miền Nam.

Cộng sản tịch thu, đốt bỏ các tác phẩm của miền Nam. Bây giờ họ còn khôn khéo hơn, cho in lại một số rất nhỏ những văn phẩm cũ cho ra về tự do, hồng xóa đi tội đốt sách sau 30. 4. 75 nhưng trong kế hoạch trường kỳ, họ vẫn ngấm ngấm triệt hạ nền văn học miền Nam.

Trong thực trạng ấy nếu phía chúng ta không có người làm công việc soạn thảo những sách về một nền văn học đã qua và nếu không có người góp ý, ai ai cũng thờ ơ, chẳng làm gì cả mà chỉ ngồi chỉ trích thì lớp trẻ sau này lấy gì để biết về văn học miền Nam đã kéo dài và rạn vỡ suốt hơn hai chục năm ở phần đất chưa rơi vào tay cộng sản.

Đặng Trần Huân, tác giả & tác phẩm Nguyễn Mạnh Trinh

Nhà văn Đặng Trần Huân là một trường hợp đặc biệt của hai mươi năm văn học miền Nam và ba mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại. Trước năm 1975, mặc dù là một sĩ quan thuộc Cục Tâm Lý Chiến phụ trách tòa soạn các tờ báo quân đội trong một thời gian dài nhưng chỉ xuất

bản có vài tác phẩm như tập truyện ngắn Ngày Vui năm 1962, truyện dịch Hải Đảo Thần Tiên năm 1963, bút ký Thành Phố Buồn Thiu năm 1979, và tập truyện vui Chuyện Cấm Đàn Bà (hai tập) năm 1969 và Chuyện Vợ Chồng năm 1970. Sau năm 1975, ông bị tù "cải tạo" đến năm 1988, được trở về rồi năm 1992 thì định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO. Chỉ trong 5 năm ông đã xuất bản liên tiếp ba tác phẩm dù tình trạng gia cảnh khó khăn, mỗi cuốn sách ra đời là cả một công trình thành quả từ những cố gắng. Ba tác phẩm ấy là bút ký Hành Trình Một HO xuất bản năm 1995, tập tạp văn Những Người Thích Dấu Huyền in năm 1998 và chuyện văn nghệ Chữ Nghĩa Bề Bề xuất bản năm 2000. Những tác phẩm của ông cuất bản ở hải ngoại dường như là từ những kinh nghiệm sống của ông từ những năm phải vất vả sống ở trong nước của một thời đại rất đặc biệt của lịch sử Việt Nam. Đọc những điều ông viết, độc giả có cảm giác đây là những chất chứa, những nỗi niềm của một người sau một thời gian dài cam chịu nay mới có cơ hội để phát tiết ra. Đây có thể gọi là những điều nếu không viết ra, không đụng chạm đến thì không thể nào chịu đựng nổi. Những sự kiện ấy thật gần cuộc sống, có nét chân thực, và được sự chia sẻ chung mang của những người cùng chung cảnh ngộ của một thời thế hỗn độn nhiều nhưng.

Ông sinh ngày 7 tháng 6 năm 1929 tại Bắc Ninh và mất ngày 21 tháng 3 năm 2003 tại thành phố El Monte, tiểu bang California, thọ 74 tuổi.

Ông viết tác phẩm đầu tiên ở hải ngoại, Hành Trình Một HO, trong một tình cảnh đặc biệt. Vốn sinh trưởng ở miền Bắc Việt Nam, chứng kiến ngày Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội năm 1945, vào Nam sau hiệp định Genève năm 1954, ông là một sĩ quan chiến đấu trong quân đội quốc gia. Sau năm 1975 ông bị giam cầm hơn mười năm trời trong các trại tù Biên Hòa, Sơn La, Yên Bái, Nghệ An, Hàm Tân. Khi ra khỏi nhà tù Cộng Sản, ông đã trở lại và thăm Hà Nội trong một tháng để chứng kiến và quan sát đời sống tại đây. Và với những điều đã nghe, nhìn, tại thành phố này, lúc sang định cư ở Hoa Kỳ ông đã có nhiều chứng liệu xác thực cho văn chương của ông. Với trên hai mươi năm sống dưới chế độ cũng như sống ở trong nhà tù Cộng Sản, ông nhìn ra được những điều sâu xa khác với những cái tuyên truyền có chất hào nhoáng bên ngoài của một chế độ đầy khiếm khuyết, vô nhân dựa trên một chủ thuyết không tưởng. Tác phẩm Hành Trình Một HO như một cuộc đối chiếu với những nhận xét và tài liệu mà bạn bè ông, những người cùng chung cảnh ngộ với ông, vừa tới Hoa Kỳ chia sẻ. Cuốn sách đã cống hiến cho độc giả những phần sự thực của thảm cảnh quê hương Việt Nam bây giờ với tư cách là một chứng nhân khả tín. Đời sống ấy, hiện thực ấy nếu những người Việt mà chế độ trong nước gọi là Việt Kiều chỉ sống một thời gian ngắn ở xứ sở của mình có thể không nhận ra. Ông đã viết Hành Trình Một HO trong những ngày vừa chân ướt chân ráo đến Mỹ nên hoàn cảnh khá khó khăn. Ông kể về những cố công ấy của mình:

"Nhà tôi ở phía Đông Los Angeles xuống Westminster để trả bài tôi phải đi ba chuyến xe buýt mất gần bốn tiếng đồng hồ và lúc trở về cũng thời gian như vậy. Trong những tháng hè ngày còn dài và còn áp dụng giờ tiết kiệm, daylight saving time, đi xe buýt còn nhàn hạ nhưng từ cuối tháng Mười vạn lùi lại giờ đúng lúc trời lạnh và chóng tối nên nên đi rất vội vã. Tuy vậy tôi vẫn phần khởi và hy vọng sách sẽ ra mắt kịp vào dịp Tết Ất Hợi tháng giêng năm 1995"

Tâm sự của ông, nỗi niềm của ông, có khi không phải là chuyện cá nhân riêng mình mà đã thành nét chung mang của những người chung thế hệ. Trong một thời kỳ mà "cột đèn đường cũng còn muốn vượt biên" thì con đường xin đi Mỹ theo diện HO có lẽ là phương cách rời bỏ quê hương tốt đẹp nhất so với cách chọn là thuyền nhân hay bộ nhân đầy nguy hiểm. Nhưng, cũng chưa hẳn là dễ dàng mà còn đầy những trắc trở mà người HO phải vượt qua. . . Đoạn trường ai có qua cầu mới hay, những sự kiện ấy, những đời sống ấy chính là những biểu tượng của một thời thế mà xã hội được chấm phá toàn bằng những nét đen tối nhưng con người ở trong hoàn cảnh ấy phải vận dụng để tồn tại để sống còn. Một chế độ làm tiền công

khai người dân bằng đủ mảnh khóe thủ đoạn và cả một hệ thống từ trung ương đến địa phương tha hồ đặt riêng ra những luật và lệ mà mục đích giản dị là để vơ vét.

Ký giả Hồ Nam trong tác phẩm viết chung với Vũ Uyên Giang "100 Khuôn Mặt văn Nghệ Sĩ" đã kể chuyện về nhà văn Đặng Trần Huân khi ông ra khỏi tù Cộng sản sống ở thành phố Sài Gòn:

"...Tôi còn nhớ rất rõ sau khi đi tù "cải tạo" về, Đặng Trần Huân làm nghề buôn bán sách truyện "con nít" tại cổng mấy trường tiểu học ở Sài Gòn. Cứ sáng sáng mỗi khi Đặng Trần Huân bày hàng là đám học trò tiểu học con nhà nghèo xúm đông xúm đò lại đọc "cọp" truyện của Đặng Trần Huân nhiều hơn mua, nhưng mắt Đặng Trần Huân lại sáng lên có vẻ sung sướng lắm. Thường thường, Đặng Trần Huân làm nghề bán sách mỗi buổi sáng không tới một giờ đồng hồ và cứ một ngày đạp xe đạp tới một trường tiểu học và luân phiên bảy ngày mới trở lại trường cũ. Bán sách xong Đặng Trần Huân thu sách ế bỏ vô túi đem đi uống cà phê ăn cơm tấm bì hay gặm một khúc bánh mì độ nhạt qua ngày và sau đó lại đạp xe tới mấy "vựa" ve chai mua sách cũ để "làm hàng" cho ngày hôm sau. Theo Đặng Trần Huân thì cái thời gian đáng sống nhất trong một ngày của Đặng Trần Huân là thời gian tới các vựa ve chai lục lọi tìm mua sách cũ để làm hàng cho ngày hôm sau. Thời gian này Đặng Trần Huân đã được đọc "hầm bà lằng" đủ loại sách báo đồng tây kim cổ và nhất là chuyện tiểu lâm."

Sinh sống như thế thì thu nhập chắc cũng không khả quan gì mấy và chính từ chuyện kể của ký giả Hồ Nam để chúng ta thấy được những cuộc sống lây lất không ngày mai của những người tù cải tạo trở về sống trong một xã hội không hứa hẹn một chút gì tươi đẹp cho bản thân họ và gia đình họ. Tuyển tập tạp văn Những Người Thích Dấu Huyền tác giả vui chân đi từ đề tài này sang đề tài khác. Có chất văn học như bài viết về huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn hay những hạt sạn trong văn chương phê bình nhẹ nhàng nhưng chính xác. Cũng có chất hiện thực cuộc sống như thắc mắc hai chữ HO từ đâu mà có hoặc những chuyện đầu Ngô mình Sở, hay có thể là những trang tự sự như chuyện những hạt sỏi trong hành trình HO hay "Trên xa lộ 10 Đông, ba mươi tám giờ ngồi," một bút ký du lịch. Văn phong của tác giả Đặng Trần Huân nhẹ nhàng, ngôn ngữ ôn tồn nhưng sâu lắng. Thí dụ như khi ông viết Hà Nội Sáng Tạo Tiếng Việt có những đoạn như:

"Thành ra với văn tự Hà Nội thì người và vật dùng lẫn lộn hòa hợp hòa giải rất là dễ huề. Người và vật đồng hóa với nhau, chung đụng với nhau. Lính tự là Người, voi cũng là người. Có phải thế chẳng mà những người Cộng sản từ Liên Xô cũ, từ Đông Âu sụp đổ cho tới Trung Cộng, Cuba, Bắc Hàn, Việt Nam đang hấp hối đều tôn thờ thuyết Darwin là loài người thoát thai từ khỉ. Và cũng vì thế mà một tạp chí Việt ngữ sống dai nhất trong lịch sử báo chí Việt Nam tự do khi nói về Cộng sản Hà Nội đã xếp vào chuyên mục Từ Người Xuống Vượn, Từ Vượn Lên Người."

Tác phẩm Chữ Nghĩa Bè Bè có những bài viết liên quan đến văn học và tác giả đã nói rõ tâm cảm cũng như mục đích của ông:

"Trong những lá thư độc giả cũng có nhiều vấn đề được nêu lên, người viết xin có đôi lời trần tình. Có vị nói viết như mục này không phải là phê bình văn học. Xin thưa, ngay mấy tiếng phê bình văn học nghe đao to búa lớn quá kẻ này không đủ khả năng và không dám nhận. Mục đích của người viết - nằm ở một nơi xa thị tứ thiếu tài liệu tham khảo - chỉ tình cờ đọc được cuốn sách hoặc xem được cuốn phim, nghe được bài hát nào thấy là lạ thì phát biểu ý kiến về tác phẩm đó, ý kiến của một độc giả, một khán thính giả có trình độ kiến thức trung bình như đa số. Vì vậy có khi chỉ nói lên sự thích thú hay nổi bực mình chủ quan với cả tác phẩm, có khi chỉ là góp ý cho một câu, một đoạn mà thấy cần phải nêu lên. Cũng không câu nệ là tác phẩm mới ra hay đã cũ mèm. Không cứ mới mà hay và cũ như Kiều mà dở. Cũng như bây giờ

mới được đọc thì cũ người mới ta, coi xong phải xuýt xoa hay nhăn nhó. Cũng như không phải một ca khúc được chính tác giả trình bày thì hay hơn người khác. Có khi tác giả chỉ giỏi về sáng tác mà không có giọng ca trời cho. Mà người đi xem vì ái mộ nhà soạn nhạc nên muốn thấy cái dung nhan mùa hạ.

Chính khi nói với vài bạn trong giới văn nghệ về mục này có bạn thân chỉ ở cách vài dặm đã cười hề hề và nói:

- Ông viết như thế thì bố ai dám gửi sách cho ông để ông mang ra diễu hả!"

Đúng là ngôn ngữ nửa thật nửa chơi. Nhưng trong cuốn Chữ Nghĩa Bè Bè có nhiều bài viết rất đúng đắn. Tác giả đặt vấn đề với sự cẩn trọng nhất là có sự nhận định về những cuốn sách hay đề cập đến những tác giả. Rõ ràng, với sự công tâm và cố gắng bớt đi sự chủ quan thiên kiến. Tác giả cũng là một người đi tìm cái đẹp cho văn chương và cái hay cho ngôn ngữ. Và ông cũng sẽ lắng nghe những phê phán nếu có....

Thời gian mà nhà văn Đặng Trần Huân mất, thì trước đó nhà văn Long Ân cũng đã qua đời. Chỉ trong vài tháng, tôi mất đi hai người khá gần gũi. Một người là anh Long Ân, thường hay chuyện trò bù khú với nhau, sau một tai nạn, đã ra đi, đột ngột và đau xót.

Ngày cúng thất tuần của anh ở chùa Việt Nam, thì gặp anh Đỗ Tiến Đức cho biết là anh Đặng Trần Huân vừa vào bệnh viện và chắc không qua khỏi được trong vài ngày gần đây. Tự nhiên, tôi thấy có một cái gì mất mát. Trước đây tôi đã biết anh Đặng Trần Huân từ lúc còn ở Saigon. Anh là người hàng xóm của ông anh cả tôi ở trong cư xá ở bên cạnh trại cảnh sát dã chiến mà tụi tôi hay gọi là thành Amac. Lúc đó anh là một ông sĩ quan già lọc cọc chiếc Honda sớm chiều đi về. Mấy người trong cư xá thì gọi ông là ông nhà báo lính hay ông "Chuyện cấm đàn bà". Sở dĩ ông có biệt hiệu ấy là bởi vì những bài viết mang nhan đề ấy trên báo chí quân đội như Chiến Sĩ Cộng Hòa và sau tuyển chọn lại in thành một cuốn sách bán rất chạy, tái bản vài ba lần và làm ông nổi tiếng.

Có lẽ, tụi trẻ tụi tôi lúc ấy cũng chưa để ý lắm. Chúng tôi còn bận làm dáng với sách triết học Phạm Công Thiện hay lãng mạn với thơ Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, hoặc mơ mộng với văn xuôi Võ Phiến, Mai Thảo... Tuổi trẻ thường nhìn văn chương như những cánh cửa mở vào những khung trời lạ, đôi khi chỉ có trong tưởng tượng.

Chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, năm Mậu Thân, tôi vào lính. Sau đó, chúng tôi mới có dịp làm quen với những tờ báo như Lý Tưởng, Tiền Phong hoặc Chiến Sĩ Cộng Hòa. Đặc biệt trên tờ Chiến Sĩ Cộng Hòa, tôi đã đọc những chuyện vui cười, cũng thấy hay hay, và hiểu thêm được cái ngôn ngữ Trạng Quỳnh mà nhà văn Đặng Trần Huân hiển lộ. Và, hình như tôi cũng rất lạ lùng là một nhà xuất bản cực kỳ đúng đắn là nhà xuất bản "Sáng Tạo" của một nhà văn cũng cực kỳ mô phạm là nhà văn Doãn Quốc Sỹ, đã in "Chuyện cấm đàn bà" rồi tái bản tới bốn lần. Có lẽ, đó là một chuyện khá độc đáo thời đó. Nhà văn Đặng Trần Huân thật thà kể lại trong sự hồi nhớ của mình:

"Năm 1969 tôi gom những chuyện đặc ý nhất để in thành sách. Tôi bàn với Duyên Anh, anh rất tán thành nhưng lại không khoái cái tên Chuyện Cấm Đàn Bà mà tôi chọn. Cả hai trang truyện tiểu lâm mà Duyên Anh yêu cầu tôi viết cho Con Ong số xuân năm đó khi đăng anh cũng không đề tên Chuyện Cấm Đàn Bà mà đổi nhan đề thành Chuyện Cấm Cười.

Tôi thì rất thích tên mà tôi đã chọn vì cho đó là một cái tên úp mở gợi sự tò mò của nữ độc giả và cũng là một cái mồi che những chuyện dâm. Năm 1962 và 1963 tôi đã xuất bản hai tập truyện nhưng bán chậm nên lần này muốn có tên một nhà xuất bản cho thêm uy tín. Lúc đó, Tô Thùy Yên là trưởng phòng văn nghệ Cục Tâm Lý Chiến và chủ trương nhà xuất bản Hồng Lĩnh (do tên thực Nguyễn Thị Băng Lĩnh bút danh Thụy Vũ, đệ nhị phòng của anh) Tôi đề nghị anh xuất bản Chuyện Cấm Đàn Bà thì anh nói với tôi điều kiện kiểm duyệt không bị bỏ bài nào. Tôi còn phân vân thì anh đổi ý trả lời là Hồng Lĩnh chỉ xuất bản sách văn nghệ không thể in truyện tiểu lâm.

Tôi gặp anh Doãn Quốc Sỹ chủ nhà xuất bản Sáng Tạo, một nhà xuất bản lâu năm nhưng ít vốn. Sau khi chuyện trò. Biết anh không có đủ khả năng in một số lượng lớn tôi đề nghị mượn tên nhà xuất bản của anh. Doãn Quốc Sỹ cười:

- Nếu anh có tiền in thì đâu có hề gì, anh cứ việc để tên Sáng Tạo miễn là phải in ấn cho đẹp như sách của Sáng Tạo. Rồi anh cười ha hả:

- Tiểu lâm cũng là văn hóa chứ sao!"

Tháng Tư đen, rồi cả nước vào tù, không ở trong hộp lớn thì cũng hộp nhỏ. Như tất cả các sĩ quan VNCH anh Đặng Trần Huân cũng rời cư xá ở đường Trần Quốc Toản để đi "cải tạo" tới hơn chục năm. Tôi thì cũng vậy, dù đi tù ít năm hơn và vượt biên tới Mỹ trước hơn. Mười mấy năm sau, những đợt HO đã mang anh tôi cũng như anh Đặng Trần Huân định cư xứ người. Và, chúng ta có thêm "Hành Trình Một Hát Ô", một bút ký ghi lại trung thực những mảnh đời sống của những người chậm bước đến sau. Đọc những trang sách, như một chứng tích ghi lại một thời thế mà ở đó, chúng ta đã có những chọn lựa bất ngờ cho cuộc đời. Làm lại cuộc đời giữa tuổi về chiều, dĩ nhiên, ai mà chẳng xao động. Con đường nhân sinh chắc chắn không phải trải toàn gấm hoa. Áo cơm sinh kế đã mệt nhọc chi còn nghiệp văn chương đeo đuổi. Một thời những tâm tư được giải bày, không mặc cảm và chân thành. Người sau đọc lại những trang sách này sẽ hiểu thêm được những khó khăn của những người đi tìm đất sống.

Sau bữa cúng thất tuần anh Long Ân, tôi và anh Hoàng Khởi Phong cũng là một người cũng có lúc ở cư xá Trần Quốc Toản lên thăm anh Đặng Trần Huân ở nhà thương. Anh Đỗ Tiến Đức đã dặn là nếu chậm thì không kịp nữa. Anh Huân vẫn còn tỉnh táo và vẫn hứng khởi khi nói chuyện sách vở văn chương. Anh nhắc đến cuốn sách của nhà văn Hoàng Hải Thủy vừa xuất bản và dù anh bệnh hoạn vẫn viết một bài đọc sách nhiều chia sẻ. Anh cũng nhắc đến bài viết "Cắt chỉ văn chương" mà anh có đụng chạm đến nhiều người. Anh nhấn mạnh rằng chính vì quý mến và trân trọng nên anh mới có những góp ý chân tình như thế. Hình như trong bài phỏng vấn của tôi về cuốn sách "Chữ nghĩa bẽ bẽ" anh cũng tỏ bày tương tự.

Trong khi nói chuyện, tuyệt nhiên tôi không tìm được một nét nào của một người sắp xuôi tay đi về cõi khác. Anh vẫn hăng say nói về những suy nghĩ của mình cả tiếng đồng hồ. Chúng tôi nhận được sự nâng niu văn chương của anh qua những diễn tả. Cũng như khi đề cập đến hiện trạng trong nước, anh đã mang kinh nghiệm sống của mình để thấy tiếc nuối cho một đất nước bị quá nhiều nghịch cảnh.

Tôi biết anh nặng lòng với bút mực hơn ai hết. Anh đã in được 3 cuốn sách khi sống ở hải ngoại: Hành Trình Một Hát Ô, Những Người Thích Dấu Huyền, Chữ Nghĩa Bẽ Bẽ. Không biết với những tác giả khác ra sao chứ tôi biết rõ mỗi cuốn sách của anh là cả những công trình. Như chuyện anh cư ngụ ở xa khu vực Tiểu Sài Gòn, không có xe phải đón bus mỗi lần đi từ sáng sớm đến tối mịt mới về. Rồi không kể sự chật vật tiền bạc, những tác phẩm ra đời với anh là một sự hy sinh ghê gớm. Tôi nghĩ văn học Việt Nam ở hải ngoại mà còn tồn tại được đến bây giờ là do những đóng góp và hy sinh của những người cầm bút mà anh Đặng Trần Huân là một người trong đó. Ở đời sống này, ngồi vào bàn viết, trước những tờ giấy trắng, sao cô đơn quá đỗi. Có lúc, trong suy tư là một bãi sa mạc cô liêu không người hưởng ứng. Có phải chúng ta đang ở trong chợ chiều của chữ nghĩa? Có một nền văn học lưu vong hay không và chúng ta còn tồn tại được bao nhiêu thập niên? Những câu hỏi làm buồn lòng những người có tâm huyết. Nhưng mỗi ngày vẫn có những cuốn sách ra đời và những bài viết vẫn sáng đèn đến tận buổi khuya. Dù rằng có tình trạng vàng thau lẫn lộn nhưng nhìn thêm một cuốn sách mới ra đời là chúng ta lại có cảm tưởng gốc rễ của cây văn chương hải ngoại có thêm nhựa sống. Anh Đặng Trần Huân, bài viết này có hơi muộn màng. Những cuốn sách vẫn nằm im trên kệ, có một lớp bụi mỏng. Đã gần tám năm anh đi vào cõi miền viễn. Bây giờ, cảm xúc đã lắng đọng sau một thời gian, em viết những dòng chữ này không ngoài một mục đích nêu lên một trường hợp của một người cầm bút yêu văn chương và bất chấp những khó khăn để theo đuổi cái nghiệp của mình.

Hình như, ngày anh khởi hành đi vào một thế giới khác có tiếng hát "opera" đưa tiễn anh. Tiếng

hát đã vút cao trong ngày tiễn đưa hôm đó. Trời đang xanh nắng và ở mút tầng trời có những cụm mây. Em chắc anh đang lững đững ở trên ấy. Những cuốn sách ngàn trang đang giờ ra. Và ở trong đó, có phần nào ghi chép từ "Chuyện Cầm Đàn Bà ", "Hành Trình Một Hát Ô", "Những Người Thích Dấu Huyền", hay "Chữ Nghĩa Bề Bề"... Chắc là phải có? Bởi, những dòng chữ như vậy phát xuất từ một trái tim rất Việt Nam và yêu đất nước dân tộc như yêu chính bản thân mình.

Bảy vì tinh tú



Tranh Nhất Linh

Chỉ mới thành lập năm 1933 mà tổ chức Tự Lực Văn Đoàn tưởng như đã xa xưa lắm vì cho tới nay có lẽ vẫn chưa có ai trả lời ngay được là văn đoàn này gồm có những ai? Về sau có thêm bớt ai không? Những người liên quan tới TLVĐ có một số còn sống nhưng mỗi người nói một cách có khi mâu thuẫn nhau chẳng biết đâu mà tin. Một văn đoàn có tác phẩm để đời quá nhiều ảnh hưởng sâu đậm tới văn hóa Việt Nam, thế mà thành phần nhân sự của nó tới nay vẫn mờ mờ như huyền thoại. Độc giả giờ sách báo cũ hay một vài hồi ký ra để tìm hiểu thì càng mừng lung hơn và bắt đầu đi vào mê lộ.

Điều mà ta biết chắc chắn là TLVĐ chính thức thành lập khi tôn chỉ đường lối hoạt động được công bố trên báo Phong Hóa số 87 ra ngày 2. 3. 1933 và căn cứ trên dòng chữ Trong Tự Lực Văn Đoàn dưới tên tác giả mỗi cuốn sách, độc giả đếm thấy TLVĐ gồm có sáu người là Nhất Linh, Khải Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Sau 30. 4. 1975 nhiều người Việt chạy ra hải ngoại nhưng sách báo không mang theo được bao nhiêu, tài liệu ít ỏi, trí nhớ suy mòn nên khi viết về TLVĐ có những tác giả tự ý cho thêm nhiều tên vào danh sách theo ý thích của mình.

Trong cuốn Việt Nam Niên Biểu III: Nhân Vật Chí do nhà Văn Hóa xuất bản tại Houston, Texas năm 1993, tác giả Chính Đạo (bút hiệu khác của Nguyễn Vũ tức tiến sĩ sử học Vũ Ngự Chiêu) viết rằng TLVĐ có cả ông Lý Đông A, lãnh tụ đảng Duy Dân (339).

Trên tuần báo Saigon Times Rosemead, CA ngày 24. 9. 1995 trong bài giới thiệu tác phẩm Trên Sông Hồng Cuốn Cuộn của Nguyễn Tường Bách, giáo sư Lưu Trung Khảo viết TLVĐ có 12 thành viên kể cả Nguyễn Gia Trí, Trần Tiêu, Nhật Tiến. Và ông đề nghị thêm Nguyễn Tường Bách. Không thấy ông đề nghị bỏ bớt ai?

Trong bộ 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975 - 1995 do Trương Đình Nho chủ trương , nhà xuất bản Đại Nam, Glendale, CA in năm 1995 về Nguyễn Thị Vinh sách ghi "Sinh ngày 15. 7. 1924 . . . Đầu thập niên 30 được chính thức kết nạp vào Tự Lực Văn Đoàn" (cuốn II, trang 1467)

Nguyệt san Làng Văn (Canada) số 137 - tháng 1. 1996 viết TLVD có 11 người vì có thêm Xuân Diệu, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng.

Trong cuốn sách có cái tên dài của bà Nguyễn Thị Thế, em ruột Nhất Linh, tái bản tại Cali cuối năm 1996, Hồi Ký Về Gia Đình Nguyễn Tường: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam tác giả viết về TLVD rằng: về sau có thêm họa sĩ Nguyễn Cát Tường tức họa sĩ Le Mur (117)

Tạp chí Con Ong Texas, ở Houston, số 65 ra ngày 11. 6. 99, trong bài viết về Đoàn Phú Tứ, nhà báo Đông Ngân không hiểu theo tài liệu nào mà viết Phạm Văn Hạnh cũng là đoàn viên Tự Lực Văn Đoàn.

Trong cuốn Tác Giả Tác Phẩm của Trần Tuấn Kiệt in từ thời VNCH có tái bản ở hải ngoại còn ghi thêm một người cháu khác của Nhất Linh là Thế Uyên cũng là thành viên TLVD.

Trong khu rừng sách báo hải ngoại và quốc nội mà chúng tôi không thể theo dõi hết chắc chắn còn nhiều tác giả khác viết về TLVD cũng ghi thêm những thành viên cho TLVD như đã dẫn trên đây.

Để truy nguyên những danh sách huyền thoại này, ta hãy tìm một số sách biên khảo văn học trong thời gian Nhất Linh còn sống xem các tác giả cùng thời viết ra sao? Bộ Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan không nói tới thành phần TLVD, Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm thì chỉ kể tên bốn người là Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Tú Mỡ rồi thôi.

Hãy tạm tham khảo bộ sách mới hơn, khá công phu Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn xuất bản năm 1962 - 1965. Bộ sách gồm ba cuốn được nhà Đại Nam ở Hoa Kỳ in lại. Trong cuốn III, Phạm Thế Ngũ viết TLVD công bố ra mắt, đường lối hoạt động và dấu hiệu Con Ó trên báo Phong Hóa nhưng không công bố thành phần. Sau này trong tiểu thuyết Những Ngày Vui, Khái Hưng viết khi đó nhóm định thành lập văn đoàn như một Pleiades gồm bảy người trong đó có Nguyễn Gia Trí (433).

Tìm đọc lại Những Ngày Vui, dò từng giòng nhưng không thấy đoạn nào nói tới chuyện Pleiades cả. Hơn nữa Những Ngày Vui chỉ là tiểu thuyết thì ta có nên coi là một tài liệu tham khảo nghiêm chỉnh không? Theo thiên văn và thần thoại thì Pleiades là bảy người con gái của thiên thần Atlas biến thành bảy vì sao nhưng chỉ có sáu vì là có thể trông thấy bằng mắt trần mà thôi. Có nên tán ra rằng Nguyễn Gia Trí chỉ là ngôi sao không thấy trong thất tinh, ẩn hiện, mờ ảo và vì là họa sĩ không thể để dòng chữ Trong TLVD dưới chữ ký trên mỗi họa phẩm, mỗi tranh trang trí cho bài nên chuyện hội viên của ông trở thành nghi vấn.

Trong bài Nhiệm Vụ Của Người Cầm Bút của nhà biên khảo Trần Bích San đăng Sài Gòn Nhỏ, số Xuân Đinh Sửu 1997 cũng viết TLVD gồm bảy người trong đó có Nguyễn Gia Trí. Nhưng khi đọc ở cuối bài thì mới biết Trần Bích San đã tham chiếu nơi trang 433 Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên.

Thực ra câu chuyện Pleiades được kể trong cuốn Chân Dung Nhất Linh của Nhật Thịnh chứ không phải trong tiểu thuyết Khái Hưng. Chân Dung Nhất Linh do nhà Sống Mới in tại Sài Gòn trước 1975 và nhà Đại Nam ở Cali in lại và cũng chỉ là bản chụp của nhà Sống Mới vì thế coi

bản Đại Nam cũng như coi bản Sống Mới vậy.

Trong Chân Dung Nhất Linh in tại Mỹ ở trang 127 và 130 Nhật Thịnh tả cuộc đi chơi Lạng Sơn đầu năm 1932 của Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ và trong cuộc đi chơi này họ bàn chuyện thành lập TLVĐ gồm có bảy người. Khi Thế Lữ cãi lại chỉ có sáu thôi thì Nhất Linh nói:

“Các cậu quên Nguyễn Gia Trí rồi à ? Thiếu hẳn thì bọn mình bắt trí hết”. Nhưng ở trang 129 Nhật Thịnh lại viết: Nguyễn Gia Trí biết Nhất Linh năm 1933 (một năm sau chuyến đi chơi Lạng Sơn). Như vậy làm sao Nhất Linh đề nghị một họa sĩ vào tổ chức của các nhà văn, nhà thơ nhất là khi ông cũng chưa quen biết để phục tài họa sĩ này. Hơn nữa câu chuyện Pleiades của Nhật Thịnh cũng có vẻ hư cấu như một tiểu thuyết mà thôi. Ấy là không kể ngay trong cuốn Chân Dung Nhất Linh cũng có những sai lầm nhỏ mà quan trọng chẳng hạn như nêu tên các họa sĩ Tô Ngọc Vân (hai lần), Lê Thị Liệu, Trần Đình Lộc ở trang 36 mà thực ra tên các vị này là Tô Ngọc Vân, Lê Thị Lưu và Trần Bình Lộc.

Trong cuốn Nhất Linh Trong Tiến Trình Hiện Đại Hóa Văn Học (Nxb Văn Hóa, Hà Nội), Vu Gia viết theo cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ thì TLVĐ bổ sung thêm hai người để trở thành bát tú. Mới đây ca sĩ Duy Trác cho mượn cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ của Nxb Hội Nhà Văn in năm 1993 thấy ở trang 30 ghi TLVĐ có tám người. Nhưng ở nhiều trang kế tiếp chính Tú Mỡ viết năm 1939 cái thất tinh hội ấy bắt đầu lu mờ (37), thất tinh hội TLVĐ tan tác (44), thất tinh hội rơi rụng mất ba (45). Thì ra Tú Mỡ khi về già trí nhớ cũng phần nào thiếu minh mẫn.

Hơn nữa ngay trong cuốn NLTTHĐHVH cũng có những sai lầm khiến mức chính xác của cuốn sách làm ta ngờ vực. Chẳng hạn khi nói tới báo Phong Hóa, Vu Gia viết báo này do Phạm Xuân Ninh chủ trương (137). Thực ra người sáng lập báo Phong Hóa là Phạm Hữu Ninh, giám đốc trường tư thực Thăng Long mà Nhất Linh và Khái Hưng là giáo sư; còn Phạm Xuân Ninh là trung tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa làm thơ với bút hiệu Hà Thượng Nhân không liên quan gì với TLVĐ.

Có lần chúng tôi điện thoại hỏi bác sĩ Nguyễn Tường Bách về vai trò của Nguyễn Gia Trí và Xuân Diệu thì bác sĩ Bách nói TLVĐ có Xuân Diệu nhưng không có Nguyễn Gia Trí.

Nữ thi sĩ Cao My Nhân trong loạt bài Chôn Bụi Hồng ít ra đã hai lần nói rằng khi bà còn ở Việt Nam bà đã gặp nữ sĩ Anh Thơ và được coi tận mắt quyết định trao giải thưởng cho tập thơ Bức Tranh Quê của nữ sĩ Anh Thơ có chữ ký của ba nhà thơ Thế Lữ, Tú Mỡ và Xuân Diệu. Sự kiện này cũng không chứng minh được Xuân Diệu là đoàn viên TLVĐ. Để chấm giải thơ, ngoài hai thi sĩ đoàn viên, TLVĐ vẫn có thể mời thêm một thi sĩ thân hữu vào trong ban giám khảo lắm chứ. Xưa nay thiếu gì những giải thưởng mà ban tổ chức mời thêm người ngoài vào thành phần giám khảo, có khi cả những người thuộc khuynh hướng không giống nhau, cho giải thêm vô tư và giá trị hơn. Trường hợp Anh Thơ, trên giấy chứng nhận tặng giải cho Bức Tranh Quê cũng không có chữ ký của các đoàn viên TLVĐ khác.

Trên bán nguyệt san Kiến Thức Ngày Nay số 193 đề ngày 1. 12. 95 xuất bản tại thành Hồ (nay phát hành 10 ngày một số) nữ sĩ Mộng Tuyết - hiện sống ở Hà Tiên - có xuất trình lời khen của TLVĐ tặng cho bà về tập thơ Phấn Hương Rừng bà gửi dự Giải Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn 1939. Lời khen tặng đề ngày 11. 6. 1940 có chữ ký sáu thành viên TLVĐ là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Không thấy tên Xuân Diệu và Nguyễn Gia Trí trong tài liệu này. Năm 1938 khi nhà xuất bản Đồi

Nay của TLVĐ in Thơ Thơ và đoàn văn Phấn Thông Vàng không biết đã có dòng chữ Trong TLVĐ ghi dưới tên tác giả Xuân Diệu chưa? Còn thời gian sau này Xuân Diệu phản tình hay bị cưỡng ép phản tình, phủ nhận dĩ vãng văn nghệ của mình khi đi theo cộng sản thì không kể.

Về chuyện họa sĩ Nguyễn Cát Tường được mời vào TLVĐ cũng là một điều mà trước nay có lẽ ít độc giả nào nghe thấy. Có giống trường hợp lãnh tụ Lý Đông A chẳng? Bà Nguyễn Thị Thế có làm lộn không? Ngay trong bài cảm nghĩ của Nguyễn Tường Bách (em ruột bà Thế) in trong cuốn sách tái bản của bà Thế, ông Bách cũng nhận xét là: Với vị thế của tác giả, nhiều dữ kiện về các nhân vật trong gia đình về phương diện văn hóa, xã hội, đấu tranh chị không biết rõ.

Hơn nữa Nguyễn Cát Tường cũng chỉ là họa sĩ có công vẽ kiêu áo tân thời cho phụ nữ. Nếu kể những họa sĩ có công với TLVĐ thì Tô Ngọc Vân còn sáng giá hơn nhiều, để ở đâu? Và nếu muốn tri ân những nghệ sĩ có công trong phong trào xây nhà Ánh Sáng cũng do TLVĐ chủ xướng thì không thể bỏ quên kiến trúc sư Võ Đức Diên. Còn nếu cứ thấy tên tuổi nào nổi danh thì kéo vào TLVĐ cho đông vui bất kể bộ môn thì có nên ghi thêm Lê Thương, Hoàng Thi Thơ, Nguyễn Thanh Thu, Kiều Chinh, Kim Chung, Thanh Thúy, Tạ Duy Hiền cho trăm hoa đua nở.

Qua cái mốc 1940 với Giải Thưởng TLVĐ mà nữ sĩ Mộng Tuyết còn tài liệu chính thức, ta có thể nhảy vọt một đoạn đường 17 năm tới bài khai bút của Nhất Linh đăng trên nguyệt san Văn Hóa Ngày Nay, Sài Gòn, số xuân 1957 mặc dầu bài này ông viết từ ngày mùng một Tết năm Quý Tỵ (14. 2. 1953). Trong bài này có câu:

Trong bảy tám nhà văn mới chọn lọc được hai năm nay, tôi thấy có ba nhà văn chắc chắn xứng đáng là nhân viên TLVĐ và tôi tin anh Đỗ Đức Thu cũng như mấy anh mất tích sau này trở về, cũng như tôi sẽ bỏ phiếu bầu khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Ba người đó là Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng và Duy Lam.

Như vậy lời Nhất Linh chỉ có giá trị như một lời dẫn dò, lời dẫn dò khá thận trọng rằng "khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác" chứ không phải là một quyết định vì TLVĐ không phải là một văn đoàn cha truyền con nối kiêu như thời vua chúa. Viện Hàn Lâm Pháp, văn đoàn Goncourt v. v . . . khi có một đoàn viên chết hay vắng mặt vĩnh viễn vì lý do nào đó sẽ được những đoàn viên còn lại biểu quyết tuyển chọn đoàn viên mới. TLVĐ hẳn cũng làm việc không ra ngoài khuôn mẫu đó nghĩa là khi thân nhận đoàn viên mới phải do kết quả bầu phiếu của đa số thành viên. Khi Nhất Linh công bố lời khai bút thì Hoàng Đạo, Khải Hưng, Thạch Lam đã mất. Ở miền Nam, Nhất Linh chỉ có một mình, ở miền Bắc thì Tú Mỡ, Thế Lữ đã khước từ dĩ vãng, hai phía không chính thức liên lạc với nhau cho tới ngày Nhất Linh qua đời.

Trong số người mà Nhất Linh đề nghị thân nhận vào TLVĐ chỉ có Nguyễn Thị Vinh là người ngoài còn Duy Lam và Tường Hùng là hai người cháu gọi Nhất Linh bằng bác ruột. Nếu chỉ kể sáu hội viên nguyên thủy thì một nửa thành phần đã là ba anh em ruột Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam.

Cuốn 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975 - 1995 ghi Nguyễn Thị Vinh là thành viên chính thức của TLVĐ từ đầu thập niên 30 có thể là sự làm lộn về ấn loát. Vì đầu thập niên 30 (1933) TLVĐ mới thành lập Nguyễn Thị Vinh mới lên chín tuổi và năm 1953 Nhất Linh mới đề nghị Nguyễn Thị Vinh mà thôi. Sự thực năm 1995 khi xuất bản cuốn Na Uy Và Tôi ở hải ngoại, Nguyễn Thị Vinh chính thức nhận là đoàn viên TLVĐ khi tuyên bố rằng bà làm như vậy vì thấy chủ trương của TLVĐ hay (Phụ Nữ Diễn Đàn số 132 - tháng 2. 1995). Khi in các tác phẩm Hai Chị Em (1953), Thương Yêu (1955) bà đã cộng tác với TLVĐ mà bà chưa thấy hay mãi hơn

bốn chục năm sau bà mới nhận ra điều đó.

Trường hợp Duy Lam sau khi sang Mỹ tái bản các tác phẩm cũ và in tác phẩm mới đều ghi thuộc TLVĐ cũng là căn cứ trên lời nhắn gửi của Nhất Linh trong bài khai bút mà nay đã trở thành di chúc.

Trường hợp Tường Hùng chỉ xuất bản hai cuốn Gió Mát (1959) và Bướm Lạ (1966) rồi không thấy tên ông xuất hiện trên văn đàn nữa, hoặc có viết nhưng quá ít, không nổi tiếng hoặc dùng một bút hiệu khác mà chỉ có Nhất Linh và một số ít người biết mà thôi. Mãi tới năm 1996 khi Duy Lam cho tái bản Gia Đình Tôi mới thấy mấy tranh vẽ của Tường Hùng minh họa đệm cho cuốn tiểu thuyết này, những tranh còn quá non tay có lẽ chỉ là những tranh vẽ đã in trong Gia Đình Tôi từ mấy chục năm về trước nay được Duy Lam cho in lại.

Trong bài khai bút Nhất Linh viết ông tin Đỗ Đức Thu đồng ý với đề nghị của ông. Vậy nhà văn Đỗ Đức Thu đóng vai trò gì trong TLVĐ, là một tổng thư ký thường trực nhưng không là đoàn viên? Hay nếu Đỗ Đức Thu đã là đoàn viên thì được tuyển chọn bao giờ, theo thể thức nào? Cuốn Vỡ Lòng của Đỗ Đức Thu do nhà Đời Nay của TLVĐ in năm 1940, nhưng tới Bốc Đồng và Nhà Bên Kia thì do hai nhà Nguyễn Du và Cộng Lực xuất bản năm 1942 không liên quan gì với TLVĐ nữa. Theo nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, TLVĐ có mời Đỗ Đức Thu gia nhập nhưng khi đó ông Thu không có mặt ở Hà Nội mà đang làm việc tại Sở Thiên Văn, thành phố Quảng Châu, Trung Hoa nên kể như không có chân trong TLVĐ (Về Những Kỷ Niệm Quê Hương, Phượng Hoàng, CA xuất bản năm 1996, trang 38).

Trong một loạt bài viết về Nguyễn Gia Trí của Duy Lam khởi đăng báo tháng 8. 1997, thì vào những năm 44 - 45 khi Đời Nay xuất bản tuyển tập truyện ngắn Đứa Con thời với sự đồng thuận của các thành viên, dưới tên bác Đỗ Đức Thu đã có ghi Tự Lực Văn Đoàn (Saigon Times 5. 9. 1997). Nhưng đó chỉ là theo ký ức của Duy Lam. Riêng chúng tôi thì chưa được thấy cuốn nào của Đỗ Đức Thu có in dòng chữ Trong TLVĐ cả. Ngày chủ nhật 7. 9. 97 trong buổi họp mặt thân hữu tại tòa soạn Saigon Times tôi có hỏi nhà văn Duy Lam có còn giữ được cuốn Đứa Con có ghi Đỗ Đức Thu là thành viên TLVĐ không thì ông nói ông không có nhưng chắc thư viện trong nước có giữ. Giờ đây thì cả hai nhà văn Đỗ Đức Thu và Nhất Linh đều không còn nữa và bí mật vẫn bao trùm.

Về vai trò Trần Tiêu ta có thể khẳng định rằng ông không hề là thành viên TLVĐ dù tác phẩm của ông rất có giá trị. Tiểu thuyết phong tục Con Trâu nhiều độc giả thích thú và say sưa khen hấp dẫn và gần gũi độc giả Việt Nam hơn những tiểu thuyết viết về phong tục Trung Hoa của Pearl S. Buck, nữ sĩ Mỹ trúng giải văn chương Nobel năm 1938. Từ Con Trâu và Chồng Con do nhà Đời Nay xuất bản đến Năm Hạn, Truyện Quê, Sau Lũy Tre của Trần Tiêu đều không có tiêu đề Trong TLVĐ dưới tên ông, chẳng lẽ là đoàn viên mà ông lại khước từ danh hiệu đó. Mặc dầu văn tài của Trần Tiêu như vậy và dù ông là em ruột của Khải Hưng nhưng không có gì chứng tỏ Trần Tiêu thuộc TLVĐ.

Nhật Tiến thì đã trả lời rõ ràng trong bài phỏng vấn đăng trên báo Ngày Nay ở Kansas, số 25 - tháng 3. 1983 rằng dư luận nói ông thuộc TLVĐ là một chuyện sai lầm, không có.

Như vậy hiện nay chỉ có hai nhà văn thuộc TLVĐ là Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam, người trước ở Na Uy, người sau ở Hoa Kỳ. Trên Saigon Times ngày 5. 9. 97 Duy Lam nói ông là thành viên thế hệ hai của TLVĐ. Như vậy rồi ra có thể có thế hệ ba, thế hệ bốn. Không rõ đường xá xa xôi hai nhà văn Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam có thường xuyên họp mặt với nhau để bàn bạc, duy trì đường lối, tôn chỉ của văn đoàn không hay đều sinh hoạt độc lập.

Tháng 8. 1998, trên nguyệt san Hương Quê xuất bản tại Houston, TX, nhà văn Nguyễn Thị Vinh trả lời phỏng vấn của Anh Vân về TLVĐ, nói bà cũng có một số tài liệu về các thành viên TLVĐ nhưng không bảo đảm sự chính xác nên không dám phổ biến. Trong một câu khác bà Vinh nói cuốn Na Uy Và Tôi của bà là cuốn duy nhất bà ghi giòng chữ Trong TLVĐ dưới tên. Bà khẳng định: Trong tương lai, những cuốn sách tôi sắp in, sẽ như mọi cuốn khác của của tôi từ thập niên 50 tôi không ghi TLVĐ nữa. Tại sao? Để chứng tỏ rằng có chân trong TLVĐ hay không, chẳng phải là chuyện lớn lao đối với một người cầm bút. Quan điểm này phần đông các nhà văn đều có. Tôi yêu mến TLVĐ song lại thích "tự lập" hơn.

Mặc dầu không phải văn tài của các nhà văn trong TLVĐ đều siêu việt bằng nhau, hễ gia nhập TLVĐ thì văn tài rạng rỡ thêm lên và không phải ngoài TLVĐ không có những văn hào lẫy lừng sự nghiệp, nhưng không ai phủ nhận được công lao to lớn của TLVĐ với văn học Việt Nam. Và vì lý do đó khi tìm hiểu chính xác về TLVĐ chúng ta chỉ có thể căn cứ trên những tài liệu cụ thể đã công bố bởi sáu hay một trong sáu đoàn viên nguyên thủy mà mọi độc giả đều biết. Nếu chỉ dựa theo lời kể lại, nhớ theo ký ức e cũng mắc sai lầm. Dựa theo những sách biên khảo thì đã xảy ra chuyện cuốn biên khảo có giá trị đáng tin cậy nhưng vài chi tiết sai sót của nó mà được tham chiếu lại thì sai sót đó sẽ lớn dần và phổ biến rộng thêm như trường hợp Trần Bích San mà chúng tôi kể ở đoạn trên.

Những cuốn hồi ký cũng cũng giúp ích cho người sưu tầm tìm hiểu nhưng cần lựa chọn, cân nhắc thật thận trọng. Không thiếu gì những hồi ký đã xuất bản có những sai lầm có khi vô tình, có khi do cố tình của tác giả.

Cộng sản Việt Nam khi chiếm trọn miền Bắc năm 1954 đã lên án TLVĐ là phản động cấm đoán các tác phẩm của văn đoàn này, mãi những năm gần đây mới phần phục hồi giá trị của họ. Với chủ trương đốt sách kiểu Tần Thủy Hoàng như vậy việc kiếm được những tài liệu chính thức về TLVĐ không dễ dàng gì ngay cả phía chính quyền.

Chúng ta chỉ còn hy vọng vào những tài liệu mà các cá nhân còn cất giữ, lọt lưới cộng sản như tài liệu của thi sĩ Mộng Tuyết. Chẳng hạn tìm hỏi những nhà văn khác đã trúng giải văn chương TLVĐ hay thân nhân họ như Mạnh Phú Tư (Làm Lẽ), Hàn Thế Du (Bóng Mây Chiều), Nguyễn Khắc Mẫn (Nỗi Lòng) v. v . . . Hoặc may ra một vài tài liệu còn lưu trữ ở thư viện các nước tự do. Nếu có được những tài liệu này thì mới có câu trả lời chính xác rằng TLVĐ có những vị nào?

Tài liệu chính xác nhất hiện nay về thành viên TLVĐ có thể nói là phác thảo hồi ký của Nhất Linh được công bố trên nguyệt san Văn Học Nghệ Thuật số 3 phát hành tháng 7. 1985 do Võ Phiến làm chủ nhiệm và Lê Tất Điều chủ bút. Số báo này là số đặc biệt về Nhất Linh. Ngoài những bài nhận định, truyện, thơ của nhiều tác giả phần tài liệu là những bài của chính văn hào Nhất Linh.

Đáng nói là hai trang đăng bài Đời Làm Báo của Nhất Linh mà có in vài giòng bút tích của Nhất Linh. Võ Phiến đã cho tôi xem hai trang phóng ảnh trọn vẹn bài viết tay của Nhất Linh mà ông nói do anh Nguyễn Tường Thiết, con trai út của nhà văn Nhất Linh đã trao cho ông.

Chúng tôi phân tách kỹ hai tờ phóng ảnh: đây chỉ mới là bản phác thảo một cuốn hồi ký chứ chưa phải là những trang đầu của cuốn hồi ký dự định. Chữ của Nhất Linh không đẹp, không rõ

ràng lấm và dập xóa, sửa chữa nhiều chỗ nhưng là một tài liệu quý giá.

Theo bản thảo, Nhất Linh chia những người cộng tác với nhà xuất bản Đồi Nây và hai tờ Phong Hóa, Ngày Nay thành từng nhóm rõ rệt. Nhóm chủ lực thuộc tòa soạn hai tờ báo gồm tám người mà Nhất Linh ghi rõ sáu người A có chân trong TLVĐ A là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ và Thế Lữ.

Nhóm thứ hai Nhất Linh ghi là những người không có tên trong tòa soạn nhưng cộng tác và có bài đăng trên hai tờ báo gồm mười lăm người trong đó có cả Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, Đinh Hùng, Nguyễn Khắc Hiếu, Đỗ Đức Thu, Xuân Diệu.

Nhóm thứ ba ghi tên các vị đã từng vẽ giúp cho TLVĐ có sáu họa sĩ trong đó có Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Cát Tường . . .

Trong số những nhà văn, nhà thơ, họa sĩ mà Nhất Linh ghi trong nhóm thứ hai và thứ ba, đằng sau tên Xuân Diệu ông ghi rõ Acó chân trong TLVĐ (thơ mới)A. Đằng sau tên các ông Nguyễn Gia Trí, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Cát Tường không ghi thuộc TLVĐ.

Xem xét phóng ảnh hai trang di cảo của Nhất Linh chúng tôi có hai thắc mắc nhỏ.

Thứ nhất là trong nhóm đầu Nhất Linh ghi tên thật của Thế Lữ là là Nguyễn Đình Lễ. Ghi xong, nghĩ sao ông đã xóa đi cả mấy tên Nguyễn Tường Long, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Đình Lễ . . . Để rồi ông viết lại những giòng sau vẫn những vị nói trên và lại giữ nguyên tên Nguyễn Đình Lễ tức Thế Lữ, Lê Ta.

Cho tới nay hầu như ai ai cũng nghĩ rằng bút hiệu Thế Lữ là nói lái hai chữ Thứ Lễ trong tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ, giống như trường hợp đảo hai chữ Khánh Giư thành Khái Hưng vậy. Trong Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan và hầu hết những tài liệu đã xuất bản đều ghi tên thật ông là Nguyễn Thứ Lễ. Nhà văn Xuân Vũ cho biết con trai Thế Lữ là một đạo diễn kịch tại miền Bắc cũng mang tên đệm là Thứ, ông Nguyễn Thứ Nghi. Chúng tôi chỉ thấy thêm giáo sư Lê Kim Ngân ghi tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ trong đoạn nói về tiểu sử nhà thơ này trong cuốn sách giáo khoa Văn Học Việt Nam Thế Kỷ Thứ XX (phần kim văn) do nhà xuất bản Văn Hiệp, Sài Gòn in năm 1960 (288). Tuy nhiên ngay chính trong cuốn sách giáo khoa này ở phần nói về TLVĐ, giáo sư Lê Kim Ngân lại ghi tên thật Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ. Và cũng trong phần này có quá nhiều lầm lẫn như ghi tên Khái Hưng là Dư với chữ D và về thành phần TLVĐ thì sau sáu đoàn viên nguyên thủy còn ghi thêm luôn cả ba họa sĩ Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Cát Tường cho tiện việc, rồi tiếp theo là những dấu chấm cuối giòng là ký hiệu để chỉ rằng còn rất nhiều nữa mà kể ra không hết. Như vậy tài liệu của giáo sư Lê Kim Ngân có nên coi là tài liệu chính xác đáng tin cậy không? Cũng có người nói rằng tên khai sinh của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ nhưng sau khi hoạt động báo chí ông mới đổi tên là Nguyễn Thứ Lễ.

Ở nhóm thứ ba trong di cảo Nhất Linh có ghi họa sĩ Trần Bình Lộc mà trong báo Văn Học Nghệ Thuật in là Trần Vinh Lộc. Như đã nói ở trên chữ Nhất Linh không đẹp, khó đọc và chữ Bình thiếu dấu huyền nên tòa soạn Văn Học Nghệ Thuật đã in lộn là Trần Vinh Lộc . Thực ra Nhất Linh muốn viết là Trần Bình Lộc, một họa sĩ cộng tác với nhóm Đồi Nây lâu năm và nhiều người còn rất thích thú bức tranh Trần Bình Lộc vẽ chú tiểu Lan trong Hồn Bướm Mơ Tiên (Khái Hưng) đã từng được chọn làm phụ bản cho một kỳ báo Ngày Nay số Tết.

Ngoài hai chi tiết nhỏ kể trên thì những nét lớn về nhóm Đồi Nây hẳn là Nhất Linh ghi đúng. Di cảo của Nhất Linh không ghi viết ngày nào nhưng có thể nói chắc là ông viết trong thời gian sống dưới chế độ cộng hòa ở miền Nam, vào lúc sự nghiệp của ông đã rạng rỡ chứ không lẽ

định viết hồi ký từ khi mới vào nghề thì đã có gì đâu mà nhớ lại.

Trở lại vai trò của Xuân Diệu ta tự hỏi nhà thơ trữ tình ấy được kết nạp vào TLVĐ bao giờ? Năm 1940 số thành viên ký vào giấy khen tập thơ của nữ sĩ Mộng Tuyết chưa có tên Xuân Diệu. Thế nhưng trong bức thư đề ngày 25. 6. 98 của Huy Cận gửi cho một người bạn ở Sài Gòn, mà chúng tôi có phóng ảnh, ông viết rằng Xuân Diệu là thành viên chính thức của TLVĐ từ 1938. Ở trang đầu quyển Thơ Thơ (của XD) xuất bản 1938 có in rõ “Xuân Diệu trong TLVĐA. Tại sao lại trang đầu mà không ở ngoài bìa? Huy Cận là bạn thân của Xuân Diệu, Mộng Tuyết còn giấy trắng mực đen, người nào đúng?

Năm 1944 khi cho in thi phẩm Trường Ca, không rõ dưới tên Xuân Diệu có giòng chữ Trong TLVĐ không nhưng năm 1945 Xuân Diệu cho in hai tập thơ Ngọn Quốc Kỳ và Hội Nghị Non Sông để làm thành tích với mặt trận Việt Minh (tức cộng sản khi đó) chắc chắn là ông đã chối bỏ tư cách thành viên TLVĐ rồi.

Như vậy còn hai chi tiết về tên thật của Thế Lữ và ngày Xuân Diệu gia nhập TLVĐ vẫn chưa được sáng tỏ. Quý vị nào có tài liệu chính xác về hai chi tiết trên xin vui lòng cho chúng tôi mượn để làm sáng tỏ hai chuyện nhỏ nhưng cần thiết để tránh những sai lầm về sau.

Về thành phần TLVĐ chúng tôi nghĩ di cảo của nhà văn Nhất Linh là tài liệu khả tín nhất, không thể bàn cãi nữa vì không ai có thẩm quyền hơn người đứng đầu văn đoàn.

Với tài liệu đó bây giờ ta có thể kết luận thành viên TLVĐ có sáu vị nguyên thủy khi thành lập năm 1933 là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ và một nhà thơ kết nạp sau là Xuân Diệu. Với những công lao của họ đóng góp cho văn học Việt Nam, các thành viên Tự Lực Văn Đoàn xứng đáng là thất tinh dù rằng trên bình diện văn học ngôi sao Hoàng Đạo chưa sáng lắm.

Tới đây cũng cần ghi thêm là để phục hồi danh dự TLVĐ, nhà xuất bản Hội Nhà Văn tại Hà Nội năm 1999 cho in bộ Tuyển Tập Tự Lực Văn Đoàn gồm ba cuốn nhưng lại khá lơ mơ về văn đoàn này. Trong bài Lời Nói Đầu in ở đầu cuốn thứ nhất ngoài những thành viên đúng của TLVĐ họ còn ghi thêm Trần Tiêu, nhà thơ Tân Việt và họa sĩ Đông Sơn vì họ không biết Đông Sơn và Tân Việt chỉ là hai biệt hiệu khác của Nhất Linh mà thôi.

Một hội nhà văn gần cả ngàn hội viên mà làm ăn như thế thì cũng “ưu việt” thật!

Nguyệt san Thế Kỷ 21 số 159 phát hành tháng 7. 2002 tại Nam California, số đặc biệt tưởng niệm Nhất Linh, là một số báo giá trị, công phu và hữu ích. Vài mươi năm sau khi viết tới những vấn đề văn học liên quan tới Tự Lực Văn Đoàn và các đoàn viên, không thể không tham khảo số báo đặc biệt này.

Vì thế nội dung những bài trong Thế Kỷ 21 số 159, trừ những bài về kỷ niệm và thiên tài Nhất Linh viết theo ký ức hay cảm tính có thể tùy hứng của các tác giả, nhưng những bài có tính chất biên khảo có tham chiếu tài liệu thì cần thật chính xác, chính xác chừng nào hay chừng ấy để người viết sau có thể tin cậy.

Riêng trên phương diện đó, sau khi đọc không sót một bài nào trong Thế Kỷ 21 số 159 (tưởng niệm Nhất Linh) tôi xin góp ý mấy điểm như sau:

1 - Ông, bà Nhất Linh có bao nhiêu con?

Trong bài Những Kỷ Niệm Riêng... , Trương Bảo Sơn viết về bà Nguyễn Tường Tam: "Tuy sinh 13 lần nhưng chỉ nuôi được có bảy con, 5 trai và 2 gái" (tr. 26).

Trong bài Nhất Linh, Tự Lực Văn Học... Lê Đình Thông chú thích "nhà văn Nguyễn Tường Tam có năm người con" và cẩn thận ghi tên cả năm người và nơi họ đang sinh sống (tr. 69).

Trong bài Nữ Sĩ Anh Thơ Viết Về Nhất Linh, bà Tam đã trả lời về việc cho anh Triệu làm con nuôi nhà văn Khải Hưng "... anh Khải Hưng là bạn thân nhất của nhà tôi mà lại không có con trong khi chúng tôi có những bảy cháu" (tr. 93)

Tiếc thay cả ba bài của ba tác giả dẫn trên không cho biết thời gian viết là năm nào, trừ bài Nữ Sĩ Anh Thơ... ghi theo hồi ký Từ Bến Sông Thương xuất bản năm 1986. Thiết tưởng khi viết về địa danh, nhân danh, hay số liệu nên ghi thật đúng, nếu những điều không chắc chắn xin ghi có lẽ, khoảng chừng mà không khẳng định.

2 - Báo Ngày Nay đình bản năm nào?

Trong bài Cười Cợt Để Sửa Đổi Phong Hóa..., Động Đình Hồ nói tham chiếu bài Thư gửi cô Mai, cô Loan của Nguyễn Thị Vinh thì tuần báo Ngày Nay đình bản năm 1939. Nhưng ngay dòng dưới (tr. 52), Động Đình Hồ cho in hình bìa tờ Ngày Nay số 222 phát hành ngày 24. 8. 1940 để chứng minh là năm 1939 báo Ngày Nay chưa đình bản và gián tiếp cho Nguyễn Thị Vinh là sai. Có thể bà Vinh sai thật vì ngay khi trả lời cuộc phỏng vấn của Anh Vân đăng trên nguyệt san Hương Quê số 47 tháng 8. 1998 xuất bản tại Houston, TX, bà cũng nói rằng " hiện nay tôi cũng có một số tài liệu về việc ấy (TLVĐ) nhưng không bảo đảm sự chính xác. Do đó không dám phổ biến". Tôi đề nghị tòa soạn Thế Kỷ 21 nên mượn chính tờ bìa Ngày Nay số 222 của Động Đình Hồ để coi tận mắt và đính chính lại ngày khai tử của Ngày Nay.

3 - Tên thật của Thế Lữ.

Cho tới nay hầu như đa số nhà văn, nhà báo hải ngoại vẫn tưởng tên thật nhà văn Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ và bút hiệu Thế Lữ là sự đảo lộn các chữ cái Thứ Lễ như trường hợp đảo lộn Khánh Giư thành Khải Hưng. Kể cả Thế Kỷ 21 nơi trang 65. Tôi cũng đã lầm như vậy cho tới năm 2000. Sau khi dò hỏi và nhờ tiếp xúc với con trai nhà văn Thế Lữ là ông Nguyễn Đình Nghi được xác nhận tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ tôi đã viết bài kèm phóng ảnh đăng trên Thế Kỷ 21 số 144, phát hành tháng 4. 2000

4 - Sai lầm từ Phạm Thế Ngũ.

Hồi còn ở Việt Nam, cho tới năm 1975 có lẽ bộ sách Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn in năm 1962 – 1965 là công phu nhất về văn học Việt Nam và được nhiều người tham khảo. Trong cuốn III, Phạm Thế Ngũ viết về TLVĐ khá đầy đủ nhưng không nói tên các đoàn viên mà chỉ nói TLVĐ gồm 7 người và được Khải Hưng kể trong tiểu thuyết Những Ngày Vui. Lầm lẫn nhỏ này khiến Trần Bích San đã lầm theo khi viết bài đăng trên tuần báo Sài Gòn Nhỏ số Xuân Đinh Sửu, 1997. Trong Thế Kỷ 21 số đặc biệt về Nhất Linh, tác giả Lê Đình Thông cũng ghi Khải Hưng đã viết về 7 đoàn viên TLVĐ trong Những Ngày Vui. Tôi may mắn không lầm theo Phạm Thế Ngũ vì đã tìm Những Ngày Vui đọc lại, dò từng giòng không hề thấy giòng nào nói về thi đoàn Pleiade ở Anh, Pháp hay các vì sao Pleiades trong thần thoại. Điều đó cho thấy chi tiết trong biên khảo khá quan trọng.

5 - Ai là cha đẻ Xã Xệ?

Trong bài viết về Lý Toét, Xã Xệ, Động Đình Hồ thắc mắc không biết Lý Toét, Xã Xệ do ai sáng tác (tr. 52).

Lê Đình Thông viết Nhất Linh " là cha đẻ của Lý Toét, Xã Xệ" (tr. 66). Thực ra Nhất Linh không nhận điều này vì trong di cảo viết tay của Nhất Linh nói rõ. Ông ghi: "Bút Sơn, ở Sài Gòn (người đã vẽ ra Xã Xệ - tên thật chưa biết). Xin ông Bút Sơn (nếu ông còn sống) hay các bạn ông cho biết tên thật". Như vậy đã rõ cha đẻ của Xã Xệ nhưng ông thân sinh của Lý Toét là ai thì chưa có lý lịch.

6 - TLVĐ có bao nhiêu đoàn viên?

Vấn đề gai góc nhất là thành viên TLVĐ. Trong TK 21 số 159 trang 10 và trang 65 đều viết thành viên TLVĐ khi thành lập năm 1933 có 7 người trong đó có Nguyễn Gia Trí.

Từ năm 1997 tới năm 2000 tôi đã kê cứu nhiều tài liệu để tìm hiểu về thành viên TLVĐ và kết luận văn đoàn chỉ có 7 người căn cứ trên bản phác họa hồi ký do chính Nhất Linh viết tay và đã được in trên nguyệt san Văn Học Nghệ Thuật số 3 phát hành tháng 7. 1985 tại Cali do Võ Phiến làm chủ nhiệm. Trong tờ phác họa này Nhất Linh ghi rõ Xuân Diệu là đoàn viên, Nguyễn Gia Trí chỉ là cộng tác viên. Và ông cũng ghi tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ. Sau khi viết bài về các thành viên TLVĐ đăng trên Thế Kỷ 21 số 102 - tháng 10. 1997, tôi lại đọc được một số bài về TLVĐ ghi thêm nhiều tên vào văn đoàn này.

Chẳng hạn như Hội Nhà Văn Việt Nam Hà Nội viết rằng TLVĐ có Trần Tiêu, thi sĩ Tân Việt, họa sĩ Đông Sơn vì họ không biết Tân Việt và Đông Sơn chỉ là hai bút hiệu khác của Nhất Linh (Lời Nói Đầu trong bộ Tuyển Tập TLVĐ do Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội xuất bản năm 1999).

Trên báo Con Ong TX số 65 phát hành ngày 11. 6. 99, tr. 91, Đông Ngân viết "Phạm Văn Hạnh là một nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn ". Điều này hoàn toàn sai.

Trong cuốn Thơ Và Đời do Lữ Huy Nguyên biên soạn , Nxb Văn Học, Hà Nội thực hiện năm 1995 ở trang 229 viết đoàn viên TLVĐ nòng cốt là 6 nhà văn trong tòa soạn Phong Hóa và Nhất Linh đề nghị kết nạp thêm Trần Tiêu làm đoàn viên thứ bảy cho đủ thất tinh.

Trong bài của tác giả Lê Văn Thông thì Tú Mỡ viết rằng có nhận thêm Xuân Diệu vào TLVĐ để thành bát tú (tr. 69). Trong cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ do Hội Nhà Văn, Hà Nội xuất bản năm 1993, Tú Mỡ viết ở trang 37 "năm 1939 cái thất tinh hội ấy bắt đầu lu mờ", trang 44 ông viết "thất tinh hội TLVĐ tan tác", trang 45 ông bồi thêm "thất tinh hội rơi rụng mất ba".

Tôi được nhạc sĩ Duy Trác ở Houston, TX gửi cho phóng ảnh về những đoạn tôi cần trong cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ. Cuốn sách đó tôi chắc chắn tế tử của nhà thơ Tú Mỡ là nhà văn Doãn Quốc Sỹ cũng ở Houston đang có.

Đầu năm 2002 tôi nhận được từ nhà văn Duy Lam bản phóng ảnh trang báo Văn Hóa Ngày Nay số 1 đăng truyện Cúng Cơm của Đỗ Đức Thu. Trong lời giới thiệu bằng chữ nhỏ in trên tên truyện có câu "Sau hơn mười lăm năm nhà văn lão thành Đỗ Đức Thu trong TLVĐ mới lại có truyện đăng..." . Theo tôi lời giới thiệu này có thể do một người trong tòa soạn viết và Nhất Linh không coi lại kỹ trước khi cho in.

Trước những bài viết theo ký ức rồi mù như vậy tôi nghĩ ta nên tin di cáo của Nhất Linh đã phổ biến trên nguyệt san Văn Hóa Nghệ Thuật số 3.

Không tài liệu nào có thể chính xác và khả tín hơn tài liệu do chính người đứng đầu TLVĐ viết tay để lại cho chúng ta.

Vậy ta hãy cứ tin TLVĐ có 7 đoàn viên là Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ , Tú Mỡ, Xuân Diệu và chúng ta không đủ thẩm quyền tùy tiện thêm hay bớt tên ai cả.

Bản giao hưởng khói sương Cao My Nhân

Gặp ông rất nhiều lần tại những nơi liên hệ đến chương trình HO vào năm cuối thập niên 80 ở SAIGON, thế kỷ trước.

Tôi không có ý tránh cách nhìn và lối nói chuyện của ông, nó có vẻ gì châm biếm, giấu cợt, coi thường thiên hạ mà trong đó có tôi là một phụ nữ đang khốn khổ vì những sự đổi thay ngoài xã hội.

Nhưng ông với tôi lại thường gặp nhau rất sớm vào những ngày làm việc, tức là từ thứ hai tới thứ sáu, nơi cái thành phố mang tên người phụ bếp đi làm chính trị khởi thủy năm 1911 ở Bến Nhà Rồng, Khánh Hội, nay được đặt tên kiểu Leningrat của Liên Xô thời xưa sụp đổ và chúng tôi cứ tình cờ gặp nhau, chủ ý bởi việc nhà mỗi người. Chúng tôi phải bước qua những “ái làm việc” Công an quận Phú Nhuận, Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Ngoại vụ đường Nguyễn Thị Minh Khai rồi tới được phi trường Tân Sơn Nhất là mất hút nhau.

Cái lý do có mấy lần ông ta gọi chuyện tôi tỏ vẻ không muốn đáp, chỉ vì diện mạo khó đăm đăm của ông. Rồi cả 2 gia đình ông và tôi đều tới được Hoa Kỳ, đều cư trú tại miền Nam Cali vào đầu thập niên 90, thế kỷ trước.

Cho đến một ngày nắng ấm, anh chị Duy Lam rủ tôi qua Cánh Đồng Hồng thăm tòa soạn báo Saigon Times. Đang vui vẻ nói chuyện với nhà thơ Thái Tú Hạp và nữ sĩ Ái Cẩm, thì ông xuất hiện ở quầy để báo tặng, phía cửa.

Tôi thấy ông và nhà thơ Thái Tú Hạp gật đầu chào nhau, chính cái ông mà tôi thường gặp trước ngày đi Mỹ.

Tôi hỏi khế: “Ai thế?”

Thái Tú Hạp trả lời: “Ông Đặng Trần Huân”

Tôi bèn vui mừng chào ông.

- Lâu quá mới gặp lại ông.

Ông tỉnh bơ đáp:

- Tôi vẫn gặp bà ở Chón Bụi Hồng này.

Tôi khựng lại ngay, vì ông vốn là người viết chuyện cảm cười, cảm đàn bà. Sang tới Hoa Kỳ, lại bàn qua lãnh vực phê bình văn chương, khiến tôi ngại ngùng, chỉ ậm ừ.

- Thế à.

Ông bồi luôn một câu:

- Có sang Mỹ mới đọc văn Cao My Nhân, Kiều Mỹ Duyên chứ.

Cơn giận của tôi lâu nay bùng dậy, tôi cũng hỏi đáp một cách văn hoa:

- Vâng, qua đây ông mới đọc văn kiểu Chón Bụi Hồng, chứ ở Việt Nam thì ông đọc Victor Hugo, Ernest Hemingway.

Ông lặng người nhìn tôi:

- Tôi không có ý nói vậy, chỉ là muốn nói cô vốn toàn làm thơ.

Ông lấy báo Saigon Times, rồi ra về.

Buổi ấy tôi như được giải tỏa điều gì trong lòng.

Không lâu sau, ông ra tập truyện viết ở Hoa Kỳ, do 2 nhà báo Đỗ Tiến Đức và Lâm Tường Dũ tổ chức ở hội trường trung tâm Beauty College Westminster, ông khẩn khoản bảo tôi nên tham dự, vì khách mời toàn thân hữu và nhà báo thôi.

Tôi vô hội trường chưa đầy 15 phút, đang phần trình bày của các vị giới thiệu tác giả và tác phẩm thì nhà báo Lâm Tường Dũ mời lên phát biểu, nói là muốn biết ý kiến của giới phụ nữ về cây bút hài hước trong Quân đội ngày xưa.

Vốn sẵn không thích tiểu lâm, tôi bèn kể lại chuyện một lần nào sinh nhật tôi ở Đà Nẵng tôi đã nhận được 4 cuốn chuyện cảm đàn bà từ 4 người bạn quân ngũ gửi tặng.

Nhà văn Đặng Trần Huân cười vui, vì ông không ngờ ảnh hưởng văn chương của ông trong giao tế lại được đọc giả ái mộ thế.

Sau đó, chúng tôi có vẻ thân nhau hơn, tôi kính trọng kiến thức rộng rãi sâu xa của ông, truyện viết của ông thì tôi đọc rồi, còn thơ tôi gửi tặng ông, ông cũng chịu khó xem qua loa. Mùa thu năm 1997, nhà văn Đỗ Tiến Đức tổ chức ra mắt cuốn Thơ Mỹ 2 cho tôi tại tòa soạn báo Thời Luận ở Los Angeles, 4 vị văn nghệ sĩ gốc thuộc 4 giới: Họa sĩ Tạ Tỵ, nhà thơ Thái Thủy, nhà văn Đặng Trần Huân, nhà báo Đỗ Tiến Đức chụp chung một tấm hình... lịch sử (văn nghệ sĩ). Tôi vừa là tác giả ra mắt sách, vừa điều hợp chương trình.

Nhà văn Đặng Trần Huân thường có vẻ mặt nghiêm trang và khắc khổ, ít thấy ông cười kiểu dễ dãi như trong các chuyện cảm cười của ông, ông mang cuốn Thơ Mỹ 2 đến chỗ tôi chờ giới thiệu tiếp chương trình, ông nói vừa đủ nghe:

- Tôi đọc bài Chia Xẻ trang 50, trong Thơ Mỹ 2 tất nhiên tôi thích hơn những bài kia, cô viết 3 đoạn lục bát, mà nói đầy đủ tâm hồn.

Tôi nhủ thầm, ông này là tổ sư chế giễu, mình phải cẩn thận lời ăn, tiếng nói. Y chang, ông tiếp:

- Bài thơ 12 câu đều đúng lắm đấy, nhưng 2 câu tôi thích nhất là:

Một lần “nói nhỏ” bên anh

Lững lờ, lơ lửng, long lanh, lạ lùng

(Chia Xẻ – CMN)

Biết ngay luận điệu cảm cười của ông, tôi hơi gắt gỏng, cũng vừa đủ nghe:

- Tại sao cả tập thơ, cả bài thơ, không thích dẫn câu nào, mà lững lờ, lơ lửng vậy?

Nhà văn Đặng Trần Huân nở trọn vẹn nụ cười:

- Thì người viết chuyện cười như tôi, đọc 2 câu thơ ấy, thấy hay là ... may lắm rồi.

Chúng tôi thường chỉ thông báo cho nhau những tin tức văn thơ, báo chí ở hải ngoại.

Ngay cả việc gia đình ông qua city Gardena thăm họ hàng, nơi đến rất gần nhà tôi, ông cũng chỉ phone, và hẹn một ngày đẹp trời hơn, sẽ ghé thăm Chốn Bụi Hồng CMN.

Khoảng đầu thiên niên kỷ, ông ấy nói rằng:

- Phạm Huân trẻ trung và khỏe mạnh hơn tôi mà vô viện dưỡng lão rồi đấy. Còn tôi, hình như cũng đang đau.

- Không được, anh không được... đau chứ. Năm nay anh sáu mấy rồi?

- Sáu mấy thế nào được, ngoài cổ lai hy lâu rồi.

Mùa xuân tiếp nữa, tôi từ phi trường LAX về nhà, thấy có bao thư nhỏ ghim ở cửa nhà, tôi mở ra xem. Mảnh giấy viết: “Biết cô từ Việt Nam trở qua hôm nay, tôi đến tin cho cô biết: anh Đặng Trần Huân đang nằm bệnh viện X., nhờ tôi đi tìm CMN, anh nói hình như CMN hiện đang công tác với một số tờ báo ở tận Sacramento, dặn hỏi thăm báo ấy xem CMN đang ở nơi nào mà bồng bật thăm?”

“Mai tôi tới đón cô tới thăm anh Đặng Trần Huân ở bệnh viện nhé, nguy kịch lắm”.

Nhà báo Nguyễn Vạn H. đã lái xe chở tôi đến bệnh viện X thăm nhà văn Đặng Trần Huân.

Trước mặt nhà báo Nguyễn Vạn H., ông nhờ tôi mở tủ lấy gói thuốc cho ông uống. Tôi còn loay hoay, thì ông nháy phốc khỏi giường, tự mở tủ lấy thuốc, tôi thấy ông còn Power lắm, mà sao lại bảo nguy kịch nhỉ?

Ông Nguyễn Vạn H. ra ngoài làm chi đó, nhà văn Đặng Trần Huân về nhẩn nhện hỏi tôi?

- Bộ năm nào Cao My Nhân cũng về Việt Nam à?

- Vì còn kẹt 2 đứa con gái bên ấy.

- Tôi vô đây, gần cả tuần nay, mong CMN quá đấy!

- Nhưng, có thể làm được việc gì?

- Thăm tôi (cười nhẹ), thăm người đau.

Bệnh viện Mỹ ở Covina, nhân viên toàn người Mỹ. Một ông y tá Mỹ mang hồ sơ bệnh, tới hỏi:

- Tên ông?

- HUAN TRAN DANG

- Bà XXX

- Là vợ tôi

- Ông YYY

- Là con trai tôi

Họ hỏi về người nhà thăm hỏi sáng.

Người y tá Mỹ nhìn tôi, giờ đó chắc không phải giờ thăm viếng, tôi vội bỏ ra ngoài, nhà văn Đặng Trần Huân nói English rất rõ ràng. Đúng lúc nhà báo Nguyễn Vạn H. trở lại, nhà văn Đặng Trần Huân ngó 2 chúng tôi, nói vẫn nghe vừa nhỏ như mọi lần:

- Thế thôi, về hà?

Vâng, thế thôi. Ai nấy về lại nhà mình.

Vài ngày sau, ông cũng về lại nhà ông, con trai ông kể lại qua phone: ông ngồi ở Salon, nhìn ra ngoài trời... Rồi lại vào nhà thương khác, và mãi phần.

Tôi không đưa tiễn ông về đồi Hồng, nơi ở vĩnh cửu của ông. Ông đã nằm yên trong nỗi nhớ của quyền thuộc, bạn bè, trong mỗi chuyện cười bé nhỏ nhưng lan xa, và cả trong thơ tôi một chút buồn... thấp thoáng.

Sớm nay, một ngày cận Tết dương lịch ở xứ người, sương khói mịt mù trước nhà, tôi đứng bên trong cửa sổ, nghe tự đáy lòng nổi băng khuâng của mỗi kiếp người. Chẳng thấy trời đâu, chẳng thấy đất đâu, trong sương khói mịt mù kia, giọng nói tiếng cười miên viễn như một bản giao hưởng phức tạp, trầm tư, bất chợt nghe tiếng khóc của hoa tàn, cỏ lạnh. “Thế thôi, về hà” – Ai về, về nhà hay về nơi vĩnh cửu muôn tiếng gió thổi, mây bay. Nhà văn họ Đặng đã già từ cõi tạm gần chục năm nay.

Hawthorne 12-12-2010

Cuộc di cư của chữ nghĩa

Năm 1954, người ta nói đến cuộc di cư người, thật ra còn có cuộc di cư chữ nghĩa nữa. Người đi, chữ cũng đi theo. Chữ nghĩa miền Bắc cũng lênh kênh, lếch thếch nối đuôi nhau lên tàu há mồm. Chuyển đi gian nan của người di cư thế nào thì chữ nghĩa cũng vậy. Chữ ở lại, chữ ra đi, chữ nào còn, chữ nào mất. Chẳng ai còn tâm trí đâu để lưu tâm tới điều đó. Chữ được di cư vào miền Nam, chở đi rồi, bao nhiêu chữ đã rơi rụng, vung vãi dọc đường. Bao nhiêu chữ đã sống còn sau khi đã hội nhập với chữ bản địa.

Phải đợi đến sau ngày 30 tháng tư 1975, người ta mới có thể biết được sự còn mất này một phần nhờ so sánh chữ nghĩa giữa hai miền. Hình như cũng ít ai để ý đến cái mất, cái còn của chữ nghĩa, vì có quá nhiều cái mất cái được được lớn hơn. Cái mất lớn hơn đó để người khác lo, người viết lăm bần về số phận chữ nghĩa người di cư sau 1954 và nếu có dịp về chữ nghĩa của người di tản.

Phần 1. Chữ mòn theo thời gian.

Cho dù không có cuộc di cư, chữ nghĩa cũng cách này cách khác bị sói mòn. Sự mất còn này trước hết là do sự sói mòn của thời gian. Chữ nghĩa như một vật dùng một lần thì còn ngon, nhưng dùng nhiều lần thì mòn hay cùn đi. Như cái kéo cắt mãi cũng phải cùn. Dao băm mãi

cũng lụi đi. Khen đi khen lại đâm nhảm tai. Yêu nhau lắm, cắn nhau đau, hay ít ra cũng chán. Đùa dai hoài đâm nhạt như nước ốc. Hình như chữ nghĩa dị ứng với cái lập đi lập lại. Tất cả những ngữ nghĩa trên chỉ ra một điều: Thời gian và sự đi lập lại có thể làm sói mòn, hoen rỉ chữ nghĩa. Tâm lý con người lại ưa chuộng cái mới, cái lạ. Như trong tình yêu, dùng chữ đó với nhau lần đầu, trọng lượng của chữ nặng lắm, thấm thía lắm, cảm động lắm. Dùng lần thứ hai thấy nhẹ đi rồi. Phải tăng cường độ nghĩa bằng những chữ lắm, nhất, số một. Có khi cả bằng tay chân vẫn chưa đủ. Tăng lời thề...hình như vẫn hụt.

Trong văn chương, ta cũng gặp cảnh ngộ tương tự. Nhất là trong lãnh vực thơ. Thơ là khơi nguồn cho sáng tạo chữ mới, văn ảnh mới, biểu tượng mới. Còn nhớ, hồi thơ Nguyên Sa xuất hiện đúng lúc khi mà cuộc di cư đã hoàn tất. Chữ nghĩa thơ của ông còn nóng hổi, thơm phức như bánh mì mới ra lò. Nhiều cô cậu, ghi ghi chép chép để dùng lại:

*Áo nàng vàng, tôi về yêu hoa cúc.
Áo nàng xanh, tôi mến lá sân trường.*

Chữ nghĩa đó được truyền tay, đến người cuối cùng có thể chỉ là chiếc bánh mì nguội. Cứng như đá. Thật ra, thơ đó có một vài văn ảnh mới. Mới với người đọc thôi. Nguyên Sa đã gọi nguồn cảm hứng từ người tình là cô Nga (sau này là bà Trần Bích Lan). Có thể lúc mà thơ đó mới ra lò, đối với ông, thơ vẫn đó chả có ấn tượng gì nữa. Nhưng mới người cũ ta. Có lẽ vì vậy mà nhà thơ suốt đời mang cái nghiệp phải sáng tạo cái mới. Sáng tạo không ngừng.

Số mệnh chữ nghĩa mỏng manh như số phận con người. Thời gian như thước đo chiều dài ngắn của chữ nghĩa, đồng thời cảnh báo về cái hữu hạn của nó. Sự sợ hãi của Nguyễn Du phải chăng cũng từ đây mà ra.

Chữ có thể vẫn số nên có nhiều chữ đã trở thành chữ cổ ít ai nhắc tới. Còn nhớ, hồi mới di cư vô Nam, người Bắc sửng sốt nhất, nghe lạ tai nhất là chữ “Mã Tà”. Mã tà thời tây là gọi là Hiến Bình, sau này trong Nam gọi là Cảnh sát, ngoài Bắc gọi là Công An. Không biết vì lý do gì, chữ Mã Tà sau khoảng hai năm gì đó, không còn nghe ai nói nữa. Cũng vậy, theo sách vở (1), chữ *manh* nghĩa là nhỏ mọn. Người đời chỉ còn nhớ vảng vát khi nó đi với chữ khác như mong manh, tan manh, chiếu manh, manh áo, manh mún. Một chữ khác như chữ *khem*, nghĩa là kiêng cử. Nếu nó không cặp bạn với chữ Kiêng thì người ta không còn nhận ra nó như kiêng khem ra nắng, ra gió. Chữ khác như chữ *lụn*, nghĩa là hết, người ta cũng chỉ dùng trong một số trường hợp hiếm hoi: Tim lụn có nghĩa tim đèn cháy hết, lụn năm, lụn ngày, mềm lụn, lụn xuống, lụn mạt. Mấy ai còn nhớ, còn biết, còn sử dụng những chữ cổ trên. Nhưng có chết đi mới có sống lại, cái chết đi ung mầm ra cái mới. Nhờ vậy mà chữ nghĩa thay đổi và tiến bộ, mỗi ngày một đa dạng, một phong phú và chuẩn xác hơn. Thời gian đã là một lẽ, cộng thêm dụng ý của người sử dụng chữ làm chữ nghĩa sống dở, chết dở. Từ nay, chữ có thêm nghĩa. Chữ và nghĩa. Chữ dùng giống nhau, nhưng nghĩa thì mỗi người hiểu một nghĩa. Rày rà từ đây mà ra.

Huyền thoại về việc xây tháp cổ Babel phải chăng là một bằng cứ báo trước về sự sa đà của ngôn ngữ, chữ nghĩa và đến cả số phận của nó nữa.(2)

Số phận chữ nghĩa, cái sống, cái chết của nó là sống mòn, chết mòn, chết từ từ. Mỗi ngày của nó là một bước ngăn lại. Cả làng, cả nước đang dùng, vậy mà không đâu biến đi đàng nào. Từ mòn đến là hay, nó gọi lên văn ảnh của một đồ vật mới đầu bóng loáng, sáng choang, màu sắc rực rỡ, hấp dẫn người ta. Ai ai cũng mê, cũng nói, cũng dùng. Chữ trở thành thời thượng. Càng được dùng, càng nhiều người nhắc đi nhắc lại, càng phổ biến thì cái nguy cơ mất lúc nào không hay. Chữ vẫn đó, mà nghĩa đã mất dần. Cái xe chở chữ, lúc chở chữ này, lúc khác chở chữ khác, hoặc dán nhãn hiệu khác. Nó đã chở như thế bao nhiêu chuyến, đã thay hình đổi

dạng bao nhiêu lần.

Nói như thế thì chữ mòn hay nghĩa mòn. Cái nào mòn trước, cái nào mòn sau. Chữ là cái chuyên chở nghĩa và một chữ có thể có nhiều nghĩa, tùy theo vị trí của nó trong câu nên nghĩa dễ bị mòn hơn chữ. Chẳng hạn, chữ cái và con. Chữ chỉ có hai, nhưng nghĩa thì nhiều lắm nên nghĩa lúc thế này, lúc thế khác. Cũng là con, nhưng con dao, con với cái, nhỏ con, con đại cái mang, con đĩ, cõn con. Nhưng cũng không thiếu trường hợp cả hai đều mệnh yếu.

Chữ càng mòn nhanh nếu nó chuyên chở nhiều nội dung, ý hướng của người dùng. Tất cả tùy thuộc vào ý hướng người sử dụng. Nhưng làm sao nắm bắt được ý hướng đó. Dĩ nhiên khó lắm. Vấn đề nay đã lây lan sang một chủ đề triết lý là: sự ngộ nhận, sự thông cảm hay sự bất lực trong việc tìm hiểu tha nhân mà các triết gia hiện sinh thường đề cập tới. Vì có dụng ý chữ nghĩa đôi lúc trở thành gian dối, lừa phỉnh và trong chính trị trở thành tuyên truyền. Một thứ bạo lực ngôn ngữ, một thứ vũ khí như con dao, khẩu súng. Chẳng hạn chữ Việt gian thời Việt Minh, hay chữ tay sai Cộng Sản thời bây giờ.

Với cái nhìn nhân bản thì chữ nghĩa có một cuộc sống, có dòng sinh mệnh, có thể mất, có thể còn, trôi nổi như đời sống một người. Nhiều chữ nay đã chết, nằm chôn vùi trong nghĩa địa của các Bảo tàng hay sách cổ. Nói ra cũng ngậm ngùi.

Xin trích dẫn một số chữ nghĩa làm bằng chứng về sự mất còn này. Trong lời mở đầu báo Nam Kỳ địa phận, số đầu tiên, năm 1907 có những câu như sau:

Bỏn báo kính cáo, tòa báo đã ước ao cho con nhà Annam, đua nhau tấn tài, tấn đức, thông phần đạo, ngoan việc đời...

Tờ báo có ý khai đảng văn minh cho nhân dân đặng tấn phát cho mọi bề, việc đạo việc đời đều thông thuộc.

Xin trích dẫn một đoạn khác:

Lời rao cần kíp. Bỏn báo gửi cho mỗi người hai số nhật trình đầu hết mà xem thử, như ai bằng lòng mua thì đem ba đồng bạc đến mượn cha Sở mua dùm.

Trong một trả lời bạn đọc, chúng ta nghe thử lời rao sau đây:

Bỏn báo có nhận được một mandat của một ông nào đó không đề tên, không đề địa chỉ, nhưng yêu cầu gửi báo.

Tức cười thật. Nhưng 25 năm sau, trong tờ L'Impartial viết vào ngày 20/11/1929, ta thấy lối viết đã nhẹ nhàng thông thoát hơn:

Sự giải phóng người Annam về phương diện thương mại và kỹ thuật chỉ là một huyền thoại.

Bạn đọc thấy có nhiều chữ được sử dụng cách nay một thế kỷ đã không còn được dùng nữa như bỏn báo kính cáo, nhật trình, con nhà Annam, tấn tài tấn đức, khai đảng văn minh. Nhưng có nhiều chữ vẫn được dùng cho đến ngày nay như chữ Cha Sở và nhất là những chữ khá chuyên môn cách nay 70 năm như giải phóng, phương diện thương mại và kỹ thuật, huyền thoại vẫn còn được dùng. Nhất là chữ *huyền thoại* mà người viết có cảm tưởng là nó chỉ được dùng sau này trong Triết học Tây Phương mà thôi. Hóa ra nó đã có một nguồn gốc lâu đời đến thế. Vấn đề là tìm hiểu xem – những chữ bị mòn, mất đi... ở trên – tại sao chúng không còn được dùng nữa. Sự mất còn của một chữ trước hết là thói quen, rồi sự sỏi mòn, sự được dùng ít hay dùng nhiều, tính địa phương, sự sáng tạo của các nhà văn, nhà báo, dụng ý chính trị và

cuối cùng là các cuộc di dân. Và đặc biệt nhất là cuộc di cư năm 1954 cũng là mục tiêu của bài viết này.

Phần 2. Cuộc di cư của chữ nghĩa.

Cuộc di cư năm 1954 không phải chỉ là vấn đề chính trị của một tập thể người chọn lựa một thể chế chính trị. Điều đó đúng nhưng không đủ. Một triệu người di cư chuyên chở theo cả một nếp sống văn hóa, phong tục, tôn giáo, cách làm ăn, cách suy nghĩ sinh sống, tính nết và cuối cùng cách ăn cách nói. Chữ nghĩa đã làm một cuộc di cư không tiền khoáng hậu trong lịch sử của người Việt từ Bắc vào Nam.

Khi lần đầu tiên tiếp xúc lại với chữ nghĩa miền Bắc sau 20 năm xa cách. Người viết có cái cảm giác sung sướng đến ngạc nhiên, đến ngỡ ngàng vì nhớ lại những chữ nghĩa tưởng chừng đã quên nay nhớ lại. Sau bao năm xa cách, hình như bắt lại được mình, nói lại được dĩ vãng thân thuộc, gần gũi. Chẳng hạn, lúc đọc nhà văn miền Bắc Vũ thư Hiên trong cuốn *Miền Thơ Ấu* và nhất là cuốn *Chuyện ở tỉnh lỵ*, hay Tô Hoài trong *O chuột* (1942), *Nhà nghèo* (1944) và nhất là *Cát bụi chân ai* Cửa Biển, Nguyễn Tuân *Người Lái đò trên sông Đà*, Nam Cao với *Chí Phèo*, *Đôi mắt*. Nguyễn Khải với *Mùa lạc*. Lê Lựu với *Thời xa vắng*. Và gần đây thôi Nguyễn Khắc Trường với *Mảnh đất lắm người nhiều ma*. Họ, những nhà văn, đã làm sống lại từ trong mồ nhiều chữ mà người viết đã nghe, hoặc chính mình đã dùng và nay đã quên, đã không dùng nữa. Người viết cảm động như một khám phá, như một sưởi ấm lại ký vãng đã quên. Chẳng hạn thay vì nói, ông ấy bệnh nặng, sắp chết, hay ông ấy đang hấp hối, đã cầm khẩu, tay bắt chuồn chuồn. Nhưng hạ một câu: Ông ấy sinh thì rồi thì đã quá. Và cứ như thế dàn trải ra khắp các cuốn sách quê hương cũ tìm về, dấu chân kỷ niệm và niềm thơ ấu sống lại.

Chữ nghĩa như có hồn được vực dậy, thổi thêm sinh khí. Phần lớn những thứ chữ này có vào thời tiền chiến và gần như bị “đoạn tuyệt” với Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ). TLVĐ chẳng những đoạn tuyệt với phong tục, nếp sống cũ mà cả với chữ nghĩa cũ nữa. Như vậy, song song với nhóm TLVĐ, vẫn còn sót lại một dòng văn học ngược chiều với nhóm Văn Hoá Ngày nay và cứ thế nó kéo dài đến bây giờ. Và một lần nữa, nó lại phải đương đầu với những nhà văn trẻ, thế hệ sau 1975, thế hệ sau cõi trời hay sau nữa Hậu Hiện đại.

Cũng một cách thức tương tự, người ta tìm thấy ở miền Nam với Nhóm Sáng Tạo đổi mới nội dung, giải phóng chữ nghĩa bằng cách sử dụng những từ có vóc dáng triết lý thời thượng. Bên cạnh đó có một dòng chảy văn học chữ nghĩa như khe suối nguồn, lau lách, rỉ giọt giữ lại cội nguồn, giữ lại bản sắc của mình với Sơn Nam, Bình nguyên Lộc và đặc biệt nhất là nhà văn Lê Xuyên. Đây là một hiện tượng văn học có vóc dáng và đáng nể. Nhưng chuyện phải đến đã đến. Càng đọc các nhà văn miền Bắc, càng thấy chữ nghĩa mất nhiều lắm. Đếm không hết, nói mấy cũng không đủ.

(1) Trong từ điển *Từ Việt cổ*, nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà nội 2001 các tác gia Nguyễn ngọc San, Đinh văn Thiện cũng đã thu tập được gần một ngàn chữ cổ như các chữ vừa nêu trên.

(1) Theo Thánh kinh, các con của ông Nô-ê (Noé, Noah) muốn xây một cái tháp ở Babel (Thành Babylone) để tới được trời cao. Chúa thấy sự cao ngạo đó nên muốn dẹp tan ý định ngông cuồng đó bằng cách tạo ra sự lẫn lộn và phức hợp của các ngôn ngữ. Quả nhiên ý định xây tháp không thành, vì mỗi người nói và hiểu khác nhau.

Phụ đính:

Cái khó khăn của người biên khảo

Trong bộ Văn Học Miền Nam xuất bản năm 1999, Võ Phiến điểm tắt cả bộ môn văn học như tiểu thuyết, kịch, thơ, ký v.v... nhưng ông bỏ qua biên khảo vì ông cho là bộ môn này không có tính cách sáng tạo mà thuộc về học thuật.

Thực ra khi hoàn tất một cuốn biên khảo thường mất nhiều công phu và những tác phẩm biên khảo có giá trị dù rằng chỉ là công việc đúc kết, tóm lược, phán xét đi chẳng nữa cũng là những tác phẩm rất hữu ích và cần thiết khi mà số sách vở xuất bản thời nay bễ bộn về số lượng khiến độc giả không biết đâu vàng thau để mà mò. Các tác giả biên khảo thường là những người viết có học vị cao, nghiên ngẫm hàng trăm, hàng ngàn cuốn sách để cô đọng nên tác phẩm của họ. Nhưng không phải những công trình khổ cực ấy không có những sai sót mà những người viết sau căn cứ vào những chi tiết sai lầm đó để viết thành một tác phẩm khác sẽ trở nên một dây chuyền sai lầm mãi mãi.

Chúng ta có thể kể vài sự kiện để chứng minh nhận xét.

Trong cuốn Mảnh Vụn Văn Học Sử do nhà xuất bản Chân Lưu, Sài Gòn in năm 1974, Bằng Giang đề cập tới nhiều nghi vấn liên quan tới các nhà văn học Tấn Đà, Phạm Quỳnh, Huỳnh Tịnh Của... đã được viết trong các sách thời tiền chiến. Ông cũng tìm ra rất nhiều sai lầm văn học trong một số tác phẩm nổi danh nhưng chưa rõ xuất xứ.

Trong cuốn Thi Văn Bình Châu của Trúc Khê xuất bản thời thập niên 1940 có bài Chùa Hương Tích mà khi bình giải ông ghi tác giả bài thơ là vua Lê Thánh Tông. Thực ra căn cứ theo thần phả của nhà chùa thì chùa được xây dựng thời Chính Hòa (1680 - 1705) và vua Lê Thánh Tông mất từ năm 1497 không thể là tác giả bài thơ được. Trần Văn Tích đã nêu lên sự sai lầm này và rất nhiều sai lầm khác của nhiều tác phẩm đáng tin cậy của ông cha chúng ta trong cuốn Sự Muôn Năm Cũ do NXB Làng Văn in năm 1992.

Bộ Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên gồm ba cuốn của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư xuất bản năm 1962 - 1965 là một bộ sách văn học công phu có giá trị sau những cuốn thuộc loại này trước ông. Chúng tôi đã tham khảo bộ sách trên khi tìm hiểu lai lịch Tự Lực Văn Đoàn, thì đọc thấy rằng Khái Hưng có kể chuyện thành lập TLVĐ trong tiểu thuyết Những Ngày Vui. Lần theo dấu vết để đọc lại Những Ngày Vui của Khái Hưng nhiều ấn bản khác nhau chẳng thấy đoạn nào nói về chuyện đó cả.

Trong lãnh vực từ điển biên soạn bởi một người khó tránh được lỗi lầm nhưng ngay cả những cuốn biên soạn do nhiều nhà chuyên môn đủ ngành nghề chung lưng làm việc cũng không tránh được sai sót. Cuốn từ điển về chiến tranh Việt Nam, Dictionary of the Vietnam War, soạn bởi mấy chục nhà chuyên môn của nhà xuất bản từ điển lừng danh nước Mỹ là Webster đã làm lộn rất nhiều chi tiết vì họ không am hiểu Việt Nam. Không kể khi họ định nghĩa rất dài nhưng sai lạc về Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa mà ta có thể cho là cố tình, nhưng những chi tiết về ông Ngô Đình Nhu hay các tướng Nguyễn Việt Thanh, Đỗ Cao Trí cũng không đúng. Theo từ điển thì hai tướng Thanh và Trí tử nạn cùng một ngày và ông Nhu là bộ trưởng nội vụ. Sự thực ông Nhu dù quyền uy rất lớn nhưng chức vụ chỉ là cố vấn chính phủ và hai tướng Thanh, Trí chết vào hai thời điểm khác nhau là những sự kiện cụ thể như toán học chứ không phải những chuyện trừu tượng mà có thể sai do suy diễn.

Cuốn Từ Điển Anh Việt của Hà Nội do một tập thể thuộc chính quyền là Viện Ngôn Ngữ Học

biên soạn hẳn phải đáng tin cậy. Cuốn sách in từ năm 1975 rồi tái bản nhiều lần. Nhưng tới ấn bản 1993 khi định nghĩa chữ okra cũng vẫn thấy còn giảng là cây mướp tây. Sự lầm lộn này có lẽ vì những nhà ngôn ngữ học của cộng sản mặc dù có học vị cao nhưng chỉ ngồi trong phòng sao chép từ sách vở tài liệu nên đã xa rời thực tế. Nếu các vị đó có thì giờ đặt chân vào nơi chợ búa hay bước vào một siêu thị khỏi công du nước ngoài chắc hẳn sẽ biết ngay okra chỉ là trái của cây đậu bắp. Phải chăng khi nhìn tranh vẽ trái đậu bắp trong một cuốn sách tham khảo nào đó giống hình thù trái mướp nên gọi đại nó là trái mướp tây cho tiện việc mặc dù cây đậu bắp là loại cây nhỏ còn mướp thuộc loại dây leo. Nếu chỉ đoán theo tranh vẽ hay suy luận theo tên gọi thì quý vị ấy sinh trưởng ở miền Bắc Việt Nam dám nói cây mướp tây và mướp tây là hai loại cây cùng họ với loài tre trúc, hay cây tầm vông cùng họ với cây vông mà không phải thuộc họ tre.

Trong cuốn Văn Học Và Thời Gian của Nguyễn Vy Khanh, xuất bản cuối năm 2000, ở trang 111, tác giả viết về nguồn gốc tên họ của ta có đoạn như sau:

Nhiều gia đình mang họ kép như Vũ - Đỗ Thìn, Đặng-Trần Huân, Trần-Lê Quang v.v... Tuy nhiên cần phân biệt hai loại họ kép:

- Họ + tên đệm...

- Họ kép hợp bởi hai họ: Đây là những họ kép chính thức. Thường thấy có: Vũ-Đỗ, Nguyễn-Trần, Trần-Lê, Hồ-Đặng, Lê-Phan, Vũ-Phạm, Đặng-Trần...

Tôi cảm ơn Nguyễn Vy Khanh đã dẫn tên tôi trong bài khảo luận nhưng thực ra trường hợp của tôi hơi khác với trường hợp chung như tác giả Nguyễn Vy Khanh nêu ra. Theo tộc phả họ Đặng Trần thì nguyên thủy thuộc giòng tôn thất cùng thời Trần Quốc Tuấn nhưng vì quá lâu không có tộc phả lưu truyền chỉ có từ thế tổ Du Phúc Công Trần Văn Vy mà trong tộc phả họ Đặng Trần ghi là đời thứ nhất.

Tới đời thứ năm Ngạn Hòa Công đổi họ các con ra họ Đặng Trần không nói rõ lý do tại sao nhưng chắc chắn không ở trường hợp ghép họ vợ vì người vợ chính thất và hai thứ thất của Ngạn Hòa Công tất cả đều họ Nguyễn. Tới đời tôi là đời thứ mười sáu vẫn giữ họ Đặng Trần từ đời thứ sáu truyền lại và là một chi họ định cư ở xã Phù Đổng thuộc Kinh Bắc tức là Bắc Ninh sau này. Do vậy nếu nói khi tên người có hai họ là do ghép từ hai họ khi đi làm con nuôi, được vua ban hay ghép chung họ mẹ tuy đúng nhưng không phải là một định luật mà cũng có ngoại lệ.

Thiếu thực tế và suy luận chủ quan vô căn cứ là hai nguyên nhân dẫn tới sai lầm. Nhưng nguyên nhân quan trọng chính là sự tin tưởng hoàn toàn vào sách cũ, thu mình trong thư viện, do không đánh giá, chọn lọc, không cân nhắc kỹ càng các tài liệu tham chiếu.

Ở phần cuối mỗi cuốn biên khảo thường thường có danh sách dài dằng dặc những sách được kê cứu để chứng minh. Chúng tôi đã đọc thấy một cuốn biên khảo liên quan tới Việt sử mà trong danh sách tham chiếu mấy chục cuốn sách thì đa số là sách xuất bản tại Việt Nam nhiều cuốn sau năm 1975. Thử hỏi nếu viết về sử cận đại mà lại tham khảo và tin tưởng hoàn toàn ở những sách của nhà xuất bản Sự Thật của đảng cộng sản Việt Nam thì đúng được bao nhiêu phần trăm. Tham khảo những cuốn sách của Mỹ hay Pháp viết về cuộc chiến Việt Nam còn cần lựa chọn, cân nhắc các dữ kiện hơn nữa vì đa số tác giả Mỹ, Pháp nhìn cuộc chiến Việt Nam bằng một cái nhìn thiên lệch. Lấy ví dụ như cuốn Vietnam, a History của Stanley Karnow nói về

cuộc chiến Việt Nam. Cuốn sách này đã được quay thành phim truyền hình với sự xuất hiện nhân chứng hầu như tuyệt đại đa số là các cán bộ cộng sản. Bộ phim 7 tập được Việt cộng chiếu trong các nhà tù gọi là cải tạo ở Việt Nam sau 1975 cho các tù nhân là các chiến sĩ quốc gia xem thì đủ biết nội dung nó thiên lệch và có lợi cho cộng sản đến thế nào.

Trên tạp chí Đi Tới xuất bản tại Quebec, Canada từ số 33 +34, phát hành tháng 4 -5. 2000, một chuyên viên ngành thư viện đã có thiện chí giới thiệu 100 cuốn sách Anh, Pháp ngữ nói về Việt Nam để cho các sinh viên gốc Việt trẻ tuổi, không thạo tiếng Việt nên tìm đọc để hiểu về quê hương cũ. Danh sách 100 cuốn sách đăng trong bảy tháng nhưng chỉ riêng tên 26 cuốn đầu giới thiệu trong số báo dẫn trên đã có cuốn thứ 8 là cuốn Vietnam, a History mà ông giới thiệu Karnow là một đại ký giả Hoa Kỳ (grand journalist american) cho thêm phần thuyết phục.

Với những sinh viên Việt Nam sinh trưởng tại Mỹ sau 1975 am hiểu rất ít về nguồn gốc và lịch sử Việt Nam mà lại chỉ đọc và tin vào những sách kiểu như của Karnow thì việc giới thiệu những tác giả loại này có thể là một con dao hai lưỡi.

Muốn thực hiện một công trình mang tính chất lịch sử, sự thận trọng và không tự mãn có lẽ là những đức tính cần thiết. Cách làm việc này có thể lấy ví dụ cụ thể là bức tường vinh danh những chiến binh Hoa Kỳ hy sinh trong cuộc chiến Việt Nam tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tổng số tên ghi trên bức tường này là 58202 người và thời gian tính bắt đầu 1959 là năm hai cố vấn Mỹ hy sinh tại Biên Hòa ngày 8 tháng 7 và cuối cùng là năm 1975 khi 18 quân nhân Mỹ hy sinh trong trận giải cứu thương thuyền Mayaguey tại đảo Thổ Tang, vịnh Thái Lan ngày 15.5.75 sau khi cộng sản Việt Nam đã chiếm Sài Gòn.

Nhưng con số và ngày tháng ghi trên không bắt di bắt dịch. Những người hoàn thành bức tường đã phòng hồ để dấu quả trám để chỉ người đã hy sinh và những dấu chữ thập để chỉ người mất tích bên cạnh tên của họ. Khi một người mất tích trở về thì dấu chữ thập được khoanh một vòng tròn xung quanh và nếu tìm thấy hài cốt được xác nhận thì dấu thập tự được đổi thành quả trám. Tuy đã thận trọng như thế nhưng sau khi hoàn thành bức tường, đã phát giác ra người chiến sĩ đầu tiên hy sinh không phải vào năm 1959 mà từ năm 1957 là đại úy Harry Cramer. Và trong số trên 58 ngàn người có tên trên đài kỷ niệm đã ghi lộn 15 người còn sống. Để giữ sự chính xác, những sai lầm này đã được đính chính mà không hề ngưng ngưng, tự ái.

Trở lại vấn đề biên khảo, nếu muốn tránh khỏi mắc những lỗi lầm là một chuyện vô cùng khó khăn dù là cuốn sách được soạn thảo bởi nhiều người chứ đừng nói là do sự biên soạn của một người. Theo chúng tôi nghĩ cách duy nhất để cho một cuốn biên khảo có giá trị chính xác là người hay nhóm soạn thảo phải có tinh thần trách nhiệm với tác phẩm của mình, phải theo dõi nuôi nấng tác phẩm như một đứa con. Các tác giả lắng nghe và sửa đổi, bổ sung những sai lầm khi được biết rõ ràng với một tinh thần cầu tiến mà không bỏ qua, không thêm đính chính hay cáo lỗi. Và phía người đọc không nên có thái độ dễ dãi, thờ ơ mà cần có sự đóng góp vô tư và tích cực khi chứng minh được sự sai lầm.

Nếu sự cộng tác chặt chẽ, thành thực giữa độc giả và tác giả thực hiện được tốt đẹp, những tác phẩm biên khảo chắc chắn sẽ càng giá trị và chính xác hơn.

Cũng đủ lãng quên đời

Người Việt có câu ca dao: Lời nói chẳng mất tiền mua. Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau. Vì thế đi đâu đâu, mọi cơ hội giỗ Tết, cưới hỏi, tiệc tùng, tiếp tân, mừng con đỗ đạt, ra mắt sách, khai trương ta nghe tràn đầy những lời chúc tụng tốt đẹp, văn hoa, những lời giới thiệu, những câu tâm bốc, khen ngợi nhau ngọt hơn mật ong.

Trong lãnh vực văn chương thì những lời khen ngợi còn lên cao độ, siêu đẳng vì các nghệ sĩ là gì nếu chẳng phải là những chuyên viên làm cho mọi sự đời thêm hồng, thêm thắm. Đây không phải là chuyện mới lạ mà là chuyện từ ngàn xưa. Còn nhớ khi văn Nôm bắt đầu có, và truyện Kiều của Nguyễn Du ra đời thì đã có biết bao nhà văn nhà báo ca tụng tác phẩm này. Số sách báo ca tụng Kiều chắc đây gấp mấy chục lần chính cuốn Kiều. Tuy cũng có người chê Kiều nhưng chỉ chê một khía cạnh nào đó như trường hợp học giả Huỳnh Thúc Kháng.

Diễn hình về những lời ca tụng Kiều chắc phải là nhà văn Phạm Quỳnh. Khi đó, ngày 8. 9. 1924, Phạm Quỳnh tổ chức một cuộc nói chuyện về truyện Kiều ở trụ sở Hội Khai Trí Tiến Đức, Hà Nội với hai diễn giả là Trần Trọng Kim và chính ông. Phạm Quỳnh ca tụng Kiều với một giọng say sưa, xuất thần như trong mộng. Ông nói Kiều là một áng văn hay nhất thế giới, không nói đâu xa chỉ so sánh với văn học hai nước trực tiếp ảnh hưởng tới Việt Nam hồi đó là Pháp và Trung Hoa thì Kiều cũng xếp hạng trên cơ rồi.

Ông thao thao ca tụng Kiều vừa là kinh vừa là truyện vừa là thánh thư Phúc âm của dân tộc là quốc hồn quốc túy. Phạm Quỳnh nói như hát rằng:

Thử hỏi cỗ kim đồng tây đã có một áng văn chương nào cảm người được sâu và được rộng như thế chưa? . . . Than ôi mỗi lần nghĩ tới mà không khỏi rùng mình, chột dạ sửng sốt rụng rời, tưởng như hòn ngọc trên tay bỗng rơi xuống vỡ tan tành. Rồi mới tỉnh ra sự nhớ đến mấy câu Kiều, vỗ bàn đập ghế, gõ nhịp rung đùi, lớn giọng ca ngâm: Lơ thơ tơ liễu . . . bỗng thấy trong lòng vui vẻ, trong dạ vững vàng, muốn nhảy muốn múa, muốn reo muốn hò, muốn ngạo nghễ với non sông mà tự phụ với người đời: truyện Kiều còn, nước ta còn . . .

Nghe đã thấy mê ly ngây ngất chưa?

Những lời văn của Phạm Quỳnh có ảnh hưởng chẳng tới các thế hệ phê bình đi sau không? Hay là những linh hồn lớn gặp nhau, các nhà phê bình giới thiệu những thế hệ sau cũng luôn luôn có những lời mật ngọt.

Hồi sinh thời y sĩ đại tá Nguyễn Tuấn Phát, ông có viết những bài phiếm về y học trên vài tờ báo Sài Gòn. Ông cũng vẽ và làm thơ. Ông viết có duyên, ngoài đời ông rất vui vẻ, cởi mở, có cảm tình với anh chị em nghệ sĩ. Có lần người viết bài này tặng sách ông đề nghị đề tặng: "Tặng anh Nguyễn Tuấn Phát, người nghệ sĩ lạc đường vào y học", ông dấy nảy lên đáp "Đừng đề thế, mày! Chẳng gì nghề bác sĩ cũng nuôi sống mình, không nên bội bạc". Khi xuất bản cuốn sách đầu tay và duy nhất Một Vài Cảm Nghĩ Của Người Thầy Thuốc, Anh Tuấn Nguyễn Tuấn Phát được đón nhận với nhiều nồng nhiệt, và những nhà văn quen biết ông cũng dành cho ông những cảm tình đặc biệt. Một phần cũng nhờ các đơn vị cảm mến ông y sĩ trưởng của ngành, cuốn sách được tái bản ngay vài tháng sau đó. Một nhà văn có tiếng đã viết bài giới thiệu sách có một câu đại ý là Lâm Ngữ Đường viết Một Nghệ Thuật Sống thật là xuất sắc nhưng so với Anh Tuấn Nguyễn Tuấn Phát thì còn kém xa. Vị bác sĩ nghệ sĩ đọc lời phê bình, má hơi ửng đỏ.

Trên Sài Gòn Nhỏ số ra ngày 17. 1. 1997, Tổ Mai kể rằng nhà thơ Hà Thượng Nhân viết bài

khen bài Bát Phở Đầu Đồi của Nguyễn Tử Đóa như sau:

Chỉ với bài thơ nhỏ tôi dám nghĩ rằng Nguyễn Tử Đóa có cái phong cách của Bạch Cư Dị lẫn Đỗ Phủ. Bạch trong sáng và Đỗ thăm sâu.

Trong Đêm Giữa Ban Ngày, Vũ Thư Hiên kể Kim Lân có một truyện ngắn nhan đề Thăng Cầm và so sánh Kim Lân với văn hào Nga Tourgueniev cho rằng nhà văn Nga này khó vượt nổi được Kim Lân.

Lúc thanh niên, Kim Lân có dịp tới thăm tôi vì quê anh ở Phù Lưu (Bắc Ninh) cách làng tôi chỉ một cánh đồng, và anh em vẫn thường gọi là Tài Ròm (tên thật Nguyễn Văn Tài) vì anh ốm yếu gày gò, lúc đó mới bắt đầu tập viết. Nếu tôi không lầm thì hình như Kim Lân chỉ có một tác phẩm khá là Vợ Nhật. Bây giờ mới thấy Vũ Thư Hiên ca tụng Kim Lân với truyện Thăng Cầm viết nhưng chưa bao giờ đăng báo, còn ở trong vòng bí mật.

Khi viết lời giới thiệu cho tập truyện Tiểu Thư Con Gái Nhà Ai? của Hoàng Dược Thảo, Trần Bích San cũng liên hệ tới nhà văn Nga Chekhov và viết:

Anton Chekhov để lại cho nhân loại những truyện ngắn hoàn hảo đến độ một ngụy sử văn học danh tiếng Tây phương cho là không ai có thể thay đổi một chữ, dù chỉ một chữ thôi, trong các đoạn thiên của ông.

Khi đọc đoạn văn này, có người bạn ngồi bên cạnh tôi đã nói đùa:

- Thay đổi luôn cả câu hay bỏ luôn cả truyện cũng được. Có chết ai đâu?

Thói quen dẫn chứng quá nhiều bằng văn học ngoại quốc, ít tự tin vào văn tài của mình, mà thích dựa vào bóng một cây cổ thụ sẵn có khiến người ta nhớ đến những đoạn văn của nhà phê bình Trương Tửu viết trong cuốn Kinh Thi Việt Nam từ hơn năm chục năm trước.

Đại ý Trương Tửu thắc mắc sao hỏi đó có thể có những con người Việt Nam từ đầu móng chân đến cuối sợi tóc mà lại chỉ đi tìm thú văn chương, thú tinh thần ở những thơ Quan Thục, Cát Đàm, Thảo Trùng, Hàng Lộ của Kinh Thi là một tác phẩm thuần chất Trung Hoa.

Ông cũng dẫn chứng câu Khổng Tử nói Bất học Thi vô dĩ ngôn, không đọc Kinh Thi thì không có chuyện gì mà nói và cho rằng câu đó chỉ đúng với đồng bào Tàu của ông Khổng Tử chứ đâu đúng với chúng ta. Từ xưa hàng chục triệu người Việt không hề biết tới Kinh Thi trong ngũ kinh Trung Quốc thì họ không nói được hay sao? Có hay không có Kinh Thi với người Việt có hề chi?

Khi không muốn dẫn chứng bằng văn phẩm ngoại quốc để so sánh, một vài tác giả có tinh thần độc lập đôi khi lại chủ quan thổi phồng giá trị tác phẩm.

Bài thơ Một Thế Kỳ Mấy Vần Thơ của Truy Phong đăng trên tuần báo Tiến Thủ được Sơn Nam nhận xét là “một trong những bài thơ đẹp nhất của thế kỷ hai mươi”.

Xuân Vũ khi giới thiệu cuốn Qua Các Nẻo Đường Quê của Xuân Tước xuất bản năm 1994, ca tụng truyện ngắn Con Rắn Vú Nàng như sau:

Trước nhất đây là một truyện ngắn kiệt xuất có thể xếp vào loại truyện hay nhất Việt Nam. Nếu có nhà xuất bản nào in một tập truyện chọn lọc Việt Nam thì xin hãy đọc truyện này . . .

Theo tôi, nói về cuộc sống nông thôn ở Nam Kỳ chưa có một truyện ngắn nào hay bằng truyện "Con Rắn Vú Nàng" của Xuân Tước tính cho đến nay. Nó có thể xếp ngang với bất cứ truyện ngắn hay nào của thế giới . . . Về bố cục thì thật là tài tình. Nó chuyển biến nhanh chóng, khoa học và đưa tình cảm của người từ thấp lên cao chót vót, rồi đổ lộn nhào một cách khoái trá, bất ngờ nhưng rất lô gích.

Có những áng văn phải hay như thế nào thì mới có người la lên mà ca tụng tận tình như thế chứ mà lại bị chìm lấp trong bóng tối thật là phí uổng. Có nên lập lại đề nghị của nhà văn Xuân Vũ rằng có nhà xuất bản nào in tuyển tập hãy nhớ đừng quên những áng văn này. Ít nhất để chúng trình diện với độc giả xem độc giả có đồng ý là những áng văn được ca tụng vào hàng quốc tế không, có làm cho văn học Việt Nam nở mày nở mặt hay không? Nếu không thì cũng được biết chân giá trị của tác phẩm theo khiếu thưởng ngoạn của riêng mình và lần sau không nghe lời giới thiệu của các vị đó nữa. Chúng ta đã có hàng chục tuyển tập xuất bản ở hải ngoại rồi mà các nhà sưu tầm, phụ trách tuyển chọn đã bỏ quên những tác phẩm lớn kể trên hay là đã tuyển chọn theo cảm hứng, theo sự thân quen, sự thù tạc hàng ngày.

Trong bài phỏng vấn luật sư Nguyễn Văn Chức đăng trên báo Con Ong Texas ngày 10. 10. 97, ông Chức cho biết ông nhận được năm cuốn Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên của những người đề nghị ông viết bài ca tụng. Trong số những người đó có cả những bậc đàn anh có nhận thức cao về văn hóa và chính trị đã ca ngợi Đêm Giữa Ban Ngày là một kiệt tác của thế kỷ thứ hai mươi. Những lời tâng bốc ngọt như mía đó hẳn ẩn dụ một ý đồ chính trị, đón gió trở cờ.

Những lời khen quá đáng, cũng có khi rất thành thực vì quá chủ quan, quá hài lòng về những điều mình thấy, mình đọc và vì cảm tình đã lấn át lý trí, lấn át sự vô tư?

Trong làng báo Nam Cali cũng có một hiện tượng một tờ tuần báo sinh sau nhưng đã nổi lên và đứng vững là tờ Saigon Post. Số đầu tiên ra mắt cuối năm 1995, nhờ kỹ thuật ấn loát tờ báo trông đẹp mắt, rục rờ nhất là cái bìa, tiếc rằng tám bìa in công phu chỉ là một tờ quảng cáo, với cái tên báo nhỏ xíu.

Thường thường bìa một tờ báo tuần giá trị phải là một bức ảnh, một họa phẩm, hay đơn giản là mục lục nhưng không để cho quảng cáo lấn lướt. Nhưng tiếc thay quảng cáo lại là lẽ sống còn của nhiều tờ báo.

Ở xứ Mỹ này ngay đối với những tờ báo thâm niên nhiều khi quảng cáo vẫn nắm sự sinh tử của chúng, trừ khi được tài trợ bởi những thế lực giấu tên. Tờ tuần báo ảnh lâu đời của nước Mỹ (hình như Saturday Evening Post) đình bản chỉ vì bị truyền hình tranh mất quảng cáo sau cả trăm năm làm mưa gió trên thị trường báo chí. Tờ Life cũng ngắc ngoải phải ra khổ nhỏ hơn, xuất bản khi trời khi sục vì lý do như thế.

Tờ báo in đẹp như Saigon Post đứng vững được hơn một năm phải là lý do để cho anh em tòa soạn hài lòng. Trong bài xông đất đăng số Xuân Đinh Sửu nhà văn Nhật Thịnh và nhà thơ Nguyễn Phương đã tỏ ra phấn khởi khi so sánh Saigon Post với tờ báo ảnh Paris Match ở tận Paris, Pháp quốc.

Paris Match có cả trăm tuổi thọ vẫn cải tiến liên miên để mong tiến thủ. Có thời tờ báo này đã đổi mới bằng cách thay vì khuôn khổ hình chữ nhật thì báo in vuông như hòn gạch bông cho lạ mắt, mục lục thì đảo lộn thông lệ thay vì in ở cuối hay đầu thì cho vào giữa các trang báo cho độc giả mắt thì giờ lẫn mò cho vui. Loanh quanh rồi cuối cùng trở về dạng bình thường thôi. Và

tờ báo đứng vững, có uy tín quốc tế chính vì nội dung của nó hơn là báo đẹp và đổi mới lối
lãng, lập dị.

Khi nghe các bạn so sánh báo nhà với Paris Match tôi cũng hơi chột dạ, hơi ngượng vì mình
cũng có chân trong ban biên tập mà không đóng góp được là bao nhưng vẫn phải chia sẻ hoài
bảo của các bạn mình dù thấy rằng so sánh hơi quá đáng.

Việc giới thiệu sách nhiều khi cũng đưa đẩy người viết say sưa, xa rời thực tế. Một trường hợp
điển hình là nhà văn Hồ Trường An khi viết lời bạt cho tác phẩm đầu tay của một nhà văn nữ
khoan khoái quá, ca tụng tác phẩm chưa đủ còn ca tụng cả nhan sắc và duyên dáng của tác
giả cuốn sách mặc dầu ông chưa gặp mà chỉ nhìn qua ảnh. Ông viết:

Ở bìa sau quyển sách có in tám ảnh màu của chị . . . Có lẽ nếu đem thơ của cụ Tiên Điền
Nguyễn Du khi cụ mô tả Thúy Vân ở hai câu:

[Vân xem trang trọng khác vời](#)
[Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang](#)

thì đúng diện mạo chị . . . ngay. Khuôn mặt chị tròn nét mày hơi dày và đậm nhưng tia gọt rất
thanh nhã. Thúy Vân có thêm Hoa cười ngọc thốt đoan trang. Trên tám ảnh kia, nụ cười của
tác giả . . . tươi ơi là tươi, như hoa hồng buổi sáng tinh mơ với cặp môi rõ nét và thanh tú được
tô hồng đào ngọt lịm. Nụ cười rất tự nhiên không chút điệu đà, không chút nắn nót để phô bày
đôi hàm răng ngọc trai khít khao và đều đặn. Đó là hoa cười . . .

Còn tới mười hai giọng nữ tả giọng nói và màu áo của tác giả nhưng xin thôi không trích nữa.
Chẳng trách gì người thưởng ngoạn khi gặp áng văn hay, hợp gu mình thì ngất ngư khoan
khoái như ca dao: Chim khôn thì khôn cả lông. Khôn cả cái lông người xách cũng khôn.

Trên lãnh vực văn thơ báo chí thì vậy, nhưng trên lãnh vực ca nhạc còn du dương gấp trăm lần
vì ca nhạc bản chất vốn đã du dương. Chỉ xin cử một đoạn - coi như lạc lõng - để mời quý vị
thưởng lãm thêm. Đoạn này trích trong bài viết về ca sĩ Bích Chiêu của Vũ Xuân Hùng khi nàng
tới thăm Cali, đăng trên nguyệt san Hồn Việt số 158, tháng 11. 1996:

Phải nhìn và nghe Bích Chiêu hát mới thấy hết được chất quyến rũ, sinh động của nàng. Ở
Bích Chiêu lúc đó là nam châm, là giọng điện cao thế, là cái ngọt của đường phèn. Hát Nỗi
Lòng thì chẳng ai có thể ngậm ngùi, chua xót như Bích Chiêu. Hát Em Đến Thăm Anh Một
Chiều Mưa thì chưa tiếng ca nào ăn đứt được cái đầm thắm, nũng nịu, tình tứ của Bích Chiêu.
Ca Gái Xuân thì chao ôi, lãng lơ tình ái đến độ ta muốn ôm chầm mà cắn một cái cho đã cái
hàm răng.

Sang đến nhạc twist, Bích Chiêu đốt lửa chuốc rượu vào lòng khách nghe bằng lối trình diễn
của loài trăn, loài cạp. Nàng hát đâu ra đó. Điệu nào cũng hay, nhạc nào cũng tuyệt.

Quý vị hết bàng hoàng chưa?

Sống tha hương nơi xứ lạ, ngày đêm lẫn lộn với nhiều công việc hai ba ca không ngừng nghỉ
để có tiền trả tiền nhà, tiền xe, tiền bệnh viện, thì giờ nghỉ ngơi hạn hẹp có khi cả ngày chỉ có
vài chục phút không có lúc nào rảnh để đọc sách, thưởng văn, không có thì giờ đi phòng trà ca
nhạc thì cứ nghe kể lại cũng đủ lằng lằng, thả hồn lên tận Thiên Thai rồi.

Tiết kiệm gì một lời khen, không mất lòng ai cả. Người được khen, cũng có khi biết là hơi quá nhưng vui mừng trong bụng, người khen viết xong cũng thở phào khoan khoái. Và người đọc thì cũng được vài phút mê ly, lâng lâng như đang mừng đám cưới, như đang uống rượu trước giờ hợp cẩn và nói như mấy chữ trong thơ Đinh Hùng mà Mai Thảo đã mượn làm tên cho tiểu thuyết của mình: Cũng Đủ Lãng Quên Đời.

Không có xe nằm nhà đọc hồi ký

Mấy ông già Việt ở Mỹ không có xe hay không biết lái xe, mà con cái đi làm suốt cả ngày thì cũng kể như đi ở tù. Đi xe buýt thì ngại quá, tuy giá rẻ nhưng lập cập trượt chân ngã một cái, động một giây thần kinh nào đó dễ liệt nửa người rồi vào nhà dưỡng lão như chơi. Đành nằm nhà đọc báo hay tiểu thuyết. Tiểu thuyết thì chuyện vẫn vương cũng chán mớ đời, thành ra loại sách các cụ thích lại là hồi ký mặc dầu loại sách này không được coi trọng như nhiều thể văn khác. Người ta gọi tiểu thuyết gia, kịch tác gia, thi sĩ rồi ký mục gia. Có ai gọi người kể chuyện đời là những văn hào hồi ký bao giờ.

Không phải các cụ bây giờ mới đọc loại sách này. Xa xưa lắm các cụ cũng từng giờ những hồi ký của thủ tướng Anh, tổng thống Mỹ, Pháp như Churchill, Truman, De Gaulle xem họ kể chuyện thế chiến ra sao?

Thời Việt Nam Cộng Hòa thì cũng đảo qua những hồi ký của tổng thống Nixon, của tiến sĩ Kissinger (chưa có chức vụ gì đáng khoe thì khoe tiến sĩ vậy!) nhưng đây quá chỉ lật lật những đoạn liên quan tới Việt Nam xem mấy chính khách Mỹ này nhận xét về giọng nói tiếng Anh của tổng thống Thiệu ra sao, Hoàng Đức Nhã có đáng dấp như thế nào mà nói giống tài tử điện ảnh Humphrey Bogart v. v...

Đọc hồi ký của Tô Hoài ta cũng thấy có cái đặc biệt. Tác giả viết như tiểu thuyết, xáo trộn thời gian, không cần ngày tháng.

Cuốn Cát Bụi Chân Ai? của ông do nhà xuất bản Hồng Lĩnh, Westminster, CA tái bản năm 1993 được nhiều người khen là khá, trung thực, can đảm nhưng khi viết về vụ Nhân Văn Giai Phẩm ông chỉ nói phớt qua tới các bạn văn của ông nhưng tránh né không nói tới số năm khổ nhục trong tù mà họ đã trải qua.

Trong lúc xã giao gặp nhau ở sở làm, đám tiệc từng người ta tay bắt mặt mừng, văn hoa, lịch thiệp. Nhưng khi hoạn nạn, nghèo túng hay tù đầy con người mới lộ chân tướng của mình. Với nhà văn Tô Hoài thì không thể mà lộ ngay cả khi chiến thắng, lúc hòa bình. Cái đoạn mà Tô Hoài viết về Phan Nhật Nam, nhà văn Việt Nam Cộng Hòa đối nghịch với ông cũng đáng được kể lại.

Phan Nhật Nam theo phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa ra Bắc chứng kiến cuộc trao trả tù binh Mỹ; khi trở lại Sài Gòn nói rằng lúc tới sân bay ngoài Bắc ông không thấy một nhà văn miền Bắc nào có mặt. Tô Hoài trả lời trong Cát Bụi Chân Ai? như sau:

Rõ hò hò, Nguyễn Tuân và ông đây từ sáng sớm đã uống bia Trúc Bạch trong quày nhìn ra đám tù binh giặc lái áo xanh lá cối, cổ đeo tràng hạt gộc tre, sắp hàng chui vào bụng máy bay.

Và xem mày ngọc nguyệt lên xuống, giờ máy ảnh (309, 310).

Trong văn chương nếu có đả kích nhau thì cũng dùng những câu nhã nhặn, nếu cần thì chua cay mặn chát thôi, đều tỏ ra là con người có văn hóa (theo lời nói của Hà Nội) mà ít khi xách mé, hần học. Đằng này Tô Hoài đã không còn bình tĩnh khi tự tôn xưng mình là ông và gọi đồng nghiệp bằng mày khi cùng Nguyễn Tuân lên lút nắp ở phía trong như hai kẻ gian phi rình đập. Con người cộng sản Tô Hoài dù có viết đi, viết lại cũng không còn giữ được bình tĩnh nữa, chân tướng cũng lộ ra. Còn đâu cái văn phong duyên dáng của những Đế Mèn Phiêu Lưu Ký, O Chuột, Quê Người của một thời xa xưa.

Nhưng nói tới hồi ký của các tác giả quốc gia xuất bản ở hải ngoại thì thật là phong phú. Đủ loại, đủ cỡ, đủ đề tài, xum xuê như một rừng hoa lá trên một trang trại màu mỡ đầy đủ gió, nắng, nước và hóa chất dinh dưỡng.

Chỉ riêng hồi ký về tù cải tạo của các cựu tù nhân thôi cũng có cả hàng chục cuốn. Nào Đại Học Máu của Hà Thúc Sinh, Đáy Địa Ngục của Tạ Ty, Trại Kiên Giam của Nguyễn Chí Thiệp cuốn nào cũng tái bản, Nhà Tù của Duyên Anh v. v. . . rồi Những Bước Chân Tù của Chánh Trung mỏng và nhỏ xíu nhưng khá chính xác bởi tác giả của nó chính là một thiếu tá ngành an ninh quân đội.

Mỗi tác giả tù ở mỗi nơi, có cái nhìn khác nhau, theo từng góc cạnh khác nhau. Những độc giả Việt rời khỏi nước từ 1975 hay sau này, may mắn không nếm mùi tù cộng sản nhưng đọc tất cả những hồi ký tù đầy đó, ráp nối chúng với nhau, loại bỏ những phần khoác lác anh hùng tính quá đáng, loại những đoạn bi thảm hóa tột cùng không chính xác thì cũng có thể hình dung đúng đắn được phần nào cảnh tù và thông cảm với các tác giả. Trong loại sách về cải tạo có một cuốn cần được nói kỹ phải chăng là cuốn Trại Cải Tạo của Phạm Quang Giai do tác giả xuất bản tại Houston, TX nạp bản tại thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ năm 1986. Cuốn sách chúng tôi có dưới tay ghi là tái bản lần thứ tư, không rõ năm nào. Nội dung cuốn sách mô tả nhiều cực hình mà tù nhân gánh chịu, nhiều hành động can đảm bất khuất của tù nhân nhưng cũng có nhiều chỗ khiến ta đâm ra phân vân khi thấy tác giả phạm khá nhiều sai sót. Là một trung tá nhưng tác giả đã viết sai tên nhiều bạn đồng đội thậm chí sai cả tên một trong những cấp chỉ huy của mình là đại tá phụ tá tổng cục trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị (trang 20). Khi bị tù cộng sản tại Sơn La chúng tôi không biết là anh Giai cũng bị nhốt chung một trại vì khác khu. Thế mà ở trang 247, anh Giai viết mỗi lần từ vườn rau khu B về anh lại tạt vào vườn rau khu A để nói chuyện với Văn Quang và tác giả Chuyện Cấm Đàn Bà vì tôi làm tổ trưởng tổ vườn khu A và Văn Quang là tổ viên của tôi.

Sự thực khi bị giam giữ tại Sơn La tôi là một tổ viên thuộc toán rau ngày ngày ra làm cỏ ở vườn, có một lần trông thấy Phan Lạc Phúc (Ký giả Lô Răng) làm ở khu vườn kế cận nhưng cách nhau bởi một hàng rào kẽm gai, mừng quá nên chúng tôi giả bộ ra làm cỏ ở hai góc vườn sát nhau nhưng cũng chỉ chuyện trò được vài phút. Do đó tôi biết Văn Quang cũng ở cùng khu với Phan Lạc Phúc nhưng tôi không gặp lần nào. Vì khu trung tá Phan Lạc Phúc và khu thiếu tá chúng tôi riêng biệt không được tiếp xúc với nhau chứ không phải chiều chiều nói chuyện với nhau thanh thản.

Phạm Quang Giai cũng hồi tưởng lại khi anh bị công an bắt đi trong đoạn văn tả lúc anh được tha như sau:

Cả nhà reo mừng khi được tin tôi trở về. Vợ và các con tôi ôm cứng người tôi, thổn thức giữa

sân, nhưng lần này là thổn thức trong hành phúc đoàn tụ, chứ không phải cảnh gào thét cách đây sáu năm, lúc tôi bị tên CA chĩa súng sau lưng tống tôi ra khỏi sân để đi nằm ụ (543).

Thế nhưng khi tác giả trình diện đi tù thì lại khác. Hãy nghe:

Tôi bước đi thật nhanh xuống nhà dưới, thoát đi thật lẹ ra khỏi cánh cổng, không đủ can đảm nhìn lên ban công nơi vợ con tôi đang sụt sùi nhìn những bước tôi đi.

Tôi đi thẳng ra đầu đường hẻm, ghé vào nhà một bạn thân là trung tá Nguyễn Thái Đồng, nguyên Liên Đoàn Trường Liên Đoàn Địa Phương Quân & Nghĩa Quân tỉnh Ninh Hòa để rủ anh cùng đi.

Hai chúng tôi ra đường Trương Minh Ký thuê một chiếc xe xích lô máy để trực chỉ Trường Kỹ Thuật Don Bosco, Gò Vấp (52).

Thì ra lúc đầu vào sách tác giả còn mô tả như chuyện kể, đúng sự thực là tác giả thủng thủng cùng bạn dùng xích lô tới trình diện đi tù nhưng về cuối sách chắc là nghĩ tới những ngày tù đầy cay đắng, hoặc say sưa trong mạch văn cảm hứng tác giả đã vui tay hư cấu cho anh công an dí súng vào lưng thành tiểu thuyết phiêu lưu để thêm phần hấp dẫn.

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và cuộc chiến Việt Nam trong giai đoạn 1954 - 1975 được khá nhiều tác giả kể lại trong các hồi ký nặng về quân sự. Bên cạnh Lịch Sử Chiến Đấu Của QLVNCH của Phạm Kim Vinh, không thể không nói tới công trình của Phạm Huân từ 1987 tới 1990 qua những cuốn Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975, Tướng Phạm Văn Phú Và Những Trận Đánh, Những Uất Hận Trong Trận Chiến Mất Nước, Điện Biên Phủ 1954 Ban Mê Thuật 1975 và Trận Hạ Lào 1971. Với nội dung khá đầy đủ chi tiết của các trận đánh, nói riêng về hình thức theo nghĩa đen thì đây là một bộ sách nặng ký vì cuốn nào cũng khổ lớn hơn khổ tiểu thuyết bình thường, cuốn nào cũng giấy tốt bìa các tông dày như sách Mỹ, loại sách đồ sộ để bày trong những tủ sách nhà giàu. Khổ những người nghèo mà yêu sách không biết chừa vào đâu vì ở chung cư quá chật chỗ chừa dĩa cà mắm muối còn chưa đủ. Ước gì có những cuốn sách nhà nghèo, bìa mỏng cho gọn nhẹ.

Cũng có cuốn gọn nhẹ chứ! Cuốn sách nhỏ thôi, mỏng thôi nhưng tác giả và tên sách lại vô cùng đao to búa lớn. Như cuốn hồi ký có cái tên dài kỳ lục: Hồi Ký 25 Năm Khó Lửa Của Một Tướng Lãnh Cầm Quân Tại Mặt Trận với tên tác giả là tướng Lý Tông Bá. Bạn nào thích sách gọn nhẹ hẳn phải hài lòng. Và cũng sẽ hài lòng khi đọc những đoạn mô tả đời sống của tướng lãnh quốc gia trong nhà tù cộng sản.

Năm 1996, 1997 khi nói tới chiến sử Cao Nguyên, có nhiều bài báo xuất hiện nhắc lại những sự kiện liên quan tới tướng Phú và trận chiến Ban Mê Thuật, trận mở màn cuộc sụp đổ VNCH.

Cũng dịp này nguyệt san Hồn Việt số tháng tư 1997 có đăng đoạn trích dịch hồi ký của tướng Westmoreland viết về sự thất thủ Ban Mê Thuật khiến ta vô cùng ngạc nhiên. Tác giả viết trong thời gian này tư lệnh Phạm Duy Tất là tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh, tỉnh trưởng Darlac tử trận và hai tiểu đoàn dù Việt Nam bị tiêu diệt do máy bay Việt Nam bắn lầm. Sơ báo in lộn, tìm đọc cuốn Bản Tường Trình Của Một Người Lính do Duy Nguyên dịch và nhà Thế Giới, San Jose, CA xuất bản 1997 cũng thấy ở trang 587 và trang 583 viết đúng như vậy.

Chưa tin ở bản dịch, chúng tôi tìm nguyên bản A Soldier Reports của tướng Westmoreland do

nhà Double Day and Company Inc., Garden City, NY xuất bản (ấn bản 1976) thì quả tác giả viết như thế thật:

Before daylight on Monday, March 10, the commander of the 23d Division, General Phan Duy Tat, radioed from Ban Me Thuot to Saigon (485).

Although the South Vietnamese planes knocked out several of the enemy tanks, they also knocked out the ARVN division's headquarters, killing the province chief and severing all communications to Saigon (486).

Then another of those "unfortunate incidents": planes of the South Vietnamese Air Force mistakenly bombed and strafed two battalions of the ARVN airborne regiment, virtually wiping them out (488).

Thực ra tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh là tướng Lê Trung Tường, đại tá Phạm Duy Tất (không phải Phan) được thăng chuẩn tướng để chỉ huy cuộc rút quân khỏi Pleiku, Kontum, Phú Bổn. Và đại tá Nguyễn Trọng Luật, tỉnh trưởng Darlac đóng tại tòa tỉnh Ban Mê Thuột chỉ bị bắt trong trận đánh, bị cộng sản đưa đi tù và sau khi được tha ông đã sang định cư tại Hoa Kỳ. Chuyện hai tiểu đoàn dù bị phi cơ Việt Nam bắn lầm trong trận Ban Mê Thuột cũng không có vì Ban Mê Thuột thất thủ ngày 11. 3. 75 mà Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù từ Vùng I Chiến Thuật về tăng cường cho Quân Đoàn II mãi ngày 19. 3. 75 mới tới Nha Trang và hôm sau mới nhận trách nhiệm phòng thủ tuyến Khánh Dương (Khánh Hòa).

Tướng Westmoreland chỉ huy quân đội Mỹ tại Việt Nam là vị tướng hết lòng với Việt Nam Cộng Hòa và được người Việt cảm mến. Sau 1975 nếu có cơ hội ông còn bên vực và ca tụng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng ông đã rời chiến trường Việt Nam từ sau trận Mậu Thân (1968) và cuốn sách của ông được xuất bản ngay từ 1976 khi mà tin tức về Việt Nam còn mù mờ và có thể ông đã viết theo lời kể của những cộng sự viên để khiến có những sai lầm đáng trách. Cuốn sách của ông đã tái bản, có hàng chục triệu người khắp năm châu đọc và tin tưởng vì tác giả là một viên tướng đã trực tiếp tham chiến tại Việt Nam.

Sự kiện tỉnh trưởng Nguyễn Trọng Luật và vài trăm chiến sĩ dù bị khai tử sớm hay chuẩn tướng Tất chuyển sang Sư Đoàn 23 Bộ Binh tới bây giờ chẳng còn quan trọng gì. Lời đính chính trên vài tờ báo Việt ngữ của một người lính thất trận cũng chỉ là một giọt nước trên đại dương, chìm lấp trong hàng trăm tờ báo và đa số báo cả Mỹ lẫn Việt ở xứ Mỹ này thì phần bài vở cũng bị chìm lấp trong đa số trang báo là quảng cáo thương mại. Nhưng dù sao cũng cần có lời nói lại.

Nhưng những hồi ký viết về tình hình Việt Nam trong hai thời kỳ đệ nhất và đệ nhị cộng hòa cả chính trị lẫn quân sự là những cuốn sách sôi nổi nhất, có lẽ nhiều người tìm đọc nhất.

Tuổi già đọc hồi ký để tiếc nuối dĩ vãng, để may ra tìm thấy hình bóng mình trong đó dù chỉ là một hình bóng nhỏ như đầu tăm, một nhân vật được gọi là đồng bào trong một đám đông.

Không kể những cuốn viết ra bởi những nhà báo, nhà văn, những nhân chứng cấp nhỏ như Nhật Ký Đỗ Thọ, Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống, Bên Giòng Lịch Sử v . . . nhiều cuốn được viết ra bởi những nhân vật chóp bu góp phần nắm vận mạng của chế độ và quân đội. Nào là Le Dragon d' Annam (Con Rồng Việt Nam) của hoàng đế Bảo Đại, nào Việt Nam Nhân Chứng của trung tướng phó thủ tướng Trần Văn Đôn, Từ Tòa Bacih Ốc Tới Dinh Độc Lập của tổng trưởng Nguyễn Tiến Hưng, Việt Nam, Một Trời Tâm Sự của tướng Nguyễn Chánh Thi

,Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi của tướng Đỗ Mậu . . .

Cuốn Twenty Years and Twenty Days của phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ thì còn được công sản Việt ưu ái cắt xén, dịch và in lại tại Việt Nam tới hai lần với hai tên sách khác nhau là Chúng Ta Đã Thua Trận Ở Việt Nam Như Thế Nào? (Nxb VNNTTX, 1985) và Lời Thú Nhận Của Tên Tướng Cao Bồi (Nxb Thông Tin, 1990).

Nhiều như thế nhưng mỗi người viết có một chủ ý riêng nên có nhiều vấn đề vẫn còn nằm trong sự mập mờ.

Ai ra lệnh giết tổng thống Diệm? Câu trả lời vẫn chưa có mặc dầu nhân chứng trong hồi ký khá nhiều.

Mười sáu tấn vàng của VNCH đã đi đâu? Tờ tuần báo lớn của Mỹ Newsweek, không biết nghe ai mà viết rằng ông Thiệu thuê một hãng máy bay chở đi mà viên phi công từ chối với một lý do nghe có vẻ khôi hài là số vàng quá nặng sợ phi cơ mất thăng bằng. Tướng Nguyễn Chánh Thi viết tổng thống Thiệu đã cướp mười sáu tấn vàng. Tướng Đỗ Mậu thì viết rằng ra ngoại quốc ông Thiệu đã thú nhận có lấy. Một nhân chứng từ phía cộng sản là Bùi Tín lại nói Trường Chinh đã cho mang vàng ra Hà Nội một phần chi viện cho Căm Bốt và phần còn lại chia nhau dùng hết rồi.

Dùng hồi ký để khoác lác, để tự ca tụng mình, để bênh vực mình và bạn bè phe nhóm của mình hay là cưỡng có khi dùng để tấn công kẻ mình không ưa là chuyện chủ quan, khó tránh. Thế nên trong rừøng hồi ký của các tác giả Việt Nam nói về những cuộc binh biến thời VNCH, cũng phải chọn những cuốn nào có ít nhược điểm vừa nói.

Đôi Dòng Ghi Nhớ của Phạm Bá Hoa do nhà xuất bản Ngày Nay, Houston, TX phát hành năm 1994 là một cuốn sách ít nhược điểm, đáng đọc. Tác giả đã từng là chánh văn phòng, là tham mưu trưởng nhiều đại đơn vị nên biết khá nhiều chuyện thuộc loại thâm cung bí sử.

Qua cách kể giản dị, Phạm Bá Hoa đã cho là tướng Trần Thiện Khiêm do thời cuộc đưa đẩy vào chính trị trong khi mô tả tướng Nguyễn Khánh là một người nhiều thủ đoạn, không tình nghĩa, đầy tham vọng chính trị nhưng đã thất bại đau đớn trong mê lộ này. Qua ông Hoa đọc giả được biết về số phận của 52 kí lô vàng tịch thu của gia đình họ Ngô sau 1. 11. 63 (79, 81), tính nóng nảy của đại tá Nguyễn Chánh Thi khi ông tát một thiếu tá ngay chỗ công chúng (126), cái khôn ngoan của tướng Huỳnh Văn Cao khi chỉ huy Sư Đoàn 7 Bộ Binh đã ép được 90% quân sĩ trực thuộc gia nhập đảng Cần Lao và trong báo cáo dám nhận là sư đoàn ông xuất trận trăm lần là trăm lần thắng (68, 163), từ bữa tiệc Giáng Sinh 1974 tướng Smith đã tiết lộ là Mỹ dự trù di tản sĩ quan Việt Nam và gia đình ra khỏi Việt Nam (192).

Lý thú là đoạn tả về tinh thần trách nhiệm của tướng Dương Văn Minh:

Trung tướng Dương Văn Minh người lãnh đạo quốc gia tròn ba tháng. Đó là thời gian quá ngắn để người lãnh đạo thi thố khả năng và bản lĩnh của mình. Nhưng với câu nói của ông vào chiều 2. 11. 63 - tức là cuộc lật đổ ông Diệm và ông Nhu thành công - với các tướng lãnh có mặt:

- Các "toa" có cần gì "moa" không để "moa" còn đi đánh tennis.

Lúc bấy giờ tôi không hiểu là ông nói thật hay ông nói đùa sau khi ông tự mãn về chức vụ mà ông vừa nắm trong tay là chủ tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng tức quốc trưởng của VNCH? (81, 82).

Như vậy khi đại tướng Minh nói chính đại sứ Martin đưa cho ông bản văn yêu cầu quân Mỹ rút khỏi Việt Nam để đọc trên đài phát thanh ngày 29. 4. 1975 (235) hoặc là hồi tháng tư 1997 ông tuyên bố sẽ về Việt Nam để xây dựng dân chủ (báo Nhân Bản, Paris) chắc cũng chỉ là lời nói đùa mà thôi.

Cuốn Đồi Dòng Ghi Nhớ của Phạm Bá Hoa khá thành thực khi ông kể lại chuyện hối lộ trong quân đội và chính ông cũng nhiều lần nhận những khoản này. Ông không khoe khoang, không phô trương, khá nhũn nhặn và dè dặt trong sự phán xét. Do đó người đọc có thể tin được nhiều điều ông kể lại là trung thực.

Cũng hiếm có một cuốn hồi ký như vậy (* 3).

Dù là hồi ký viết cẩn thận đến đâu cũng không thể tránh được khuyết điểm nhưng vẫn là những cuốn sách hấp dẫn, cần đọc. Đọc để giải trí, để tìm tài liệu, để nghe người ta nói dóc, để phần nào biết chân tướng từng tác giả và cũng để biết thêm những chuyện mà ta chưa biết, dù đúng dù sai, nếu sai ta cũng hiểu được tác giả vô tình hay có dụng ý gì?

Miền là khi đọc vẫn phải thận trọng, suy xét mà chớ vội tin tất cả những điều được kể. Vì nếu dễ tin quá mà gặp một cuốn hồi ký dỏm thì cũng như là tin ở lời quảng cáo dầu cù là có thể làm giảm tử vong, tăng tuổi thọ, chữa được cả ung thư, sida và bán thân bất toại.

Chuyện cải cách tiếng Việt

Kể từ khi tiếng Việt được hình thành tới nay biết bao nhiêu nhà ngôn ngữ học và không ngôn ngữ học đề xướng thay đổi nó. Nhiều quá kể ra không xuể.

Theo Vũ Ngọc Phan những nhà văn lớp trước muốn cải cách tiếng Việt được nhiều người biết đến có lẽ là Nguyễn Trọng Thuật và Trần Trọng Kim. Với cuốn Việt Văn Tinh Nghĩa xuất bản năm 1928, Nguyễn Trọng Thuật có nhiều nhận xét về tiếng Việt thời đó và đồng thời đề nghị một số cải cách nhưng những cải cách của ông bị văn phạm Pháp ảnh hưởng khá sâu đậm.

Thấy tiếng Pháp có số nhiều, số ít, giống đực, giống cái, ông đề nghị tiếng Việt cũng nên có những chữ cam đặng sau để phân biệt khi nghĩa khác nhau. Ví dụ chữ kinh có nhiều nghĩa khác nhau nên mỗi khi viết chữ kinh theo nghĩa nào phải viết khác nhau cho chính xác như viết kinhhs sợ, kynhp đồ, kynh Thánh, kinh nghiệm v. v . . Những đề nghị của Nguyễn Trọng Thuật chỉ gây thêm rắc rối phức tạp vì tất cả mọi nghĩa của chữ kinh khi đọc nguyên một câu văn hoặc nó có kèm theo một chữ khác là đủ nghĩa rồi. Do đó cuốn Việt Văn Tinh Nghĩa của ông dù có nhiều nhận xét, phân tích Việt ngữ rất hay nhưng những đề nghị của ông không được mấy người tán thành.

Ngoài Việt Văn Tinh Nghĩa của Nguyễn Trọng Thuật, Trần Trọng Kim soạn cuốn Việt Nam Văn Phạm (chung với Phạm Duy Khiêm và Bùi Kỷ) có những tiến bộ rõ rệt. Ngay trong bài tựa, Trần Trọng Kim đã công bố đường lối minh bạch rằng Việt ngữ là một ngôn ngữ đơn giản, không nên mô phỏng văn phạm Pháp để áp đặt cho tiếng Việt. Nhưng xét về nội dung Việt Nam Văn Phạm cũng phân chia ra danh từ, động từ, tính từ . . . Một ví dụ: ba chữ cái nhà ở, Trần Trọng Kim cho là động từ vì có chữ ở. Thế nhưng khi cuốn Việt Nam Văn Phạm được dịch sang tiếng Pháp với tên Grammaire Annamite do Lê Thăng xuất bản thì cái nhà ở được dịch là maison d'

habitation thì không thể coi là động từ được nữa.

Thành ra chủ trương không theo văn phạm Pháp khi soạn tiếng Việt nhưng vô hình trung các tác giả đã bị ảnh hưởng nặng nề văn phạm Pháp mà không hay. Y như bây giờ có khá nhiều nhà văn, nhà báo hải ngoại mặc dầu biết Việt cộng đã đặt ra những chữ rất ngô nghê, lố bịch nhưng khi viết thì vẫn vô tình bị lôi cuốn và dùng những chữ lố lăng mà cộng sản đã chế ra.

Sau Nguyễn Trọng Thuật và Trần Trọng Kim, nhiều lần vấn đề cải cách ngôn ngữ được đề ra. Cái trở ngại của tiếng Việt là năm dấu và những chữ cái mà văn Pháp ngữ không có trong khi chúng ta đang sống dưới thời thuộc Pháp. Có một đạo ngành bưu điện đã đề nghị và áp dụng thử những chữ Việt mà tiếng Pháp không có như ưng ý, ăn cháo . . . thay bằng uung ý, aan cháo để dùng khi gửi điện tín. Ngành in cũng muốn bỏ năm dấu và thay những tiếng thuần túy Việt bằng chữ cái Pháp nhưng không thực hiện nổi mà vẫn phải dùng con chữ đúc riêng cho tiếng Việt không tinh xảo lắm để chờ tới khi kỹ thuật đúc chữ Việt tinh vi hơn.

Tới nay máy điện toán (computer) được phát minh, các nhu liệu tiếng Việt được sáng chế kịp thời vấn đề sắp chữ không còn nữa. Nhưng tới thư điện tử (e-mail) thì không đọc được hết các loại tiếng Việt từ các nhu liệu ở nhiều vùng khác nhau trên trái đất. Người dùng đành tùy tiện gửi cho nhau với nhu liệu tiếng Anh không dấu. Nhưng cũng có trở ngại. Ví dụ đánh thiếu phụ dam dang ta có thể lầm đảm đang với dâm dăng. Hoặc khi nhận một thư điện tử có câu: Bac Duong cuoi vo cho chau Hung ngay 7 thang 3 vua qua. Tuy o xa nhưng cô chu Duong cung ve du dam cuoi. Người ngoài có thể biết có một người tên Duong mới làm đám cưới cho con nhưng chỉ người trong gia tộc mới hiểu được người anh tên là Đường, người em là Dương và chú rể là Hưng chứ nếu đoán sẽ có thể lộn hai tên Duong và Hung với Hùng hay húng . . . quế.

Biết khi đề nghị cải cách có thể gặp chống đối nên những người đề xướng phải tự thực hành lối viết của mình để làm gương.

Vào thập niên 1960, khi in tập phiếm luận Chuyện Vô Lý của Lãng Nhân, nhà xuất bản Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn đã áp dụng lối viết các từ kép bỏ dấu nối và viết liền vào nhau như ânái, hạnhphúc, chínhchuyên, giadình. . . Lối viết này mới trông cũng thấy ngộ ngộ nhưng không phải là không có trở ngại. Nếu những từ kép ô mai, phát hành, bác sĩ thú y mà viết liền thành ômai, pháthành, bác sĩ thúy người ta cũng có thể lộn với ôm ai?, phá thành, bác sĩ Thúy. Phải chăng thấy chuyện thí nghiệm này cũng gian nan nên bút ký Chuyện Vô Lý lần đầu chỉ in 160 bản tặng bạn bè và chuyện dính liền cũng rơi vào quên lãng một thời gian khá dài.

Nguyễn Hữu Ngự một mình một chợ đưa ra nhiều thay đổi cách viết trong tiếng Việt như bỏ Y dài thay thế bằng I ngắn, bỏ phụ âm H trong GH, NGH v . v . . . Không ai nghe theo thì ông tự thực hành một mình. Ông bỏ tên Nguyễn Hữu Ngự của cha mẹ đặt để ký biệt hiệu là Nguyễn Ngu Í, Ngê Bá Lí đơn thương độc mã áp dụng lối viết ấy trong các tác phẩm của mình.

Sau 1975 ở hải ngoại cũng có nhiều tác giả đưa ra những cải cách có khi mới, có khi không. Về việc viết I ngắn thay thế Y dài hai nhà biên khảo Lê Hữu Mục và Nguyễn Đình Hòa nêu lại vấn đề này và hỗ trợ nó. Có nhiều người không đồng ý chuyện thay đổi này nhưng có người yểm trợ và người yểm trợ mạnh mẽ nhất là Dương Đức Nhựt.

Theo một bài đăng trên tuần báo Sài Gòn Nhỏ, Westminster, CA, số xuân Kỷ Mão của Đỗ Hữu và Diên Nghị (sau đăng lại có sửa chữa trên tạp chí Tinh Hoa, Minneapolis, MN, số tháng 10. 99 với tên Đức Cố & Diên Nghị), hai tác giả cho biết Dương Đức Nhựt không những yểm trợ chuyện thay thế Y dài do Lê Hữu Mục và Nguyễn Đình Hòa theo đuổi mà còn đề nghị cả chuyện viết dính liền, bỏ phụ âm H, du nhập chữ cái F, J, W, Z. Ông đề nghị viết ngấm ngĩ,

ngẽnh ngãng, gồ gề thay cho ngẫm nghi, ngễnh ngãng, gồ ghề; viết zẽ zàng, zu dương thay cho dễ dàng, du dương.

Nhà thơ Diên Nghị và Đức Cố hẳn là cũng không tán thành lối cải cách của ông Nhựt khi đưa ra thí dụ chép truyện Kiều như sau:

Trăm năm trong kỡ người ta
Cữ tài, cữ mệnh qéw là gét nhaw .
Trái kwa một kuộc bể zâu
Những diềw trông thắj mà daudón lòng
Lạ jì bĩsắc tufong,
Trời xanh kwen thój má hồng đánh gen.
Kẻw thơm lằn jở trước dèn
Fongtinh kỏlụk kòn trwiền sử xanh . . .

Có thể bị ám ảnh về kiến thức uyên bác của mình, về những điều đã dày công học hỏi và nghiên cứu nên thạc sĩ ngôn ngữ học Dương Đức Nhựt thấy cần phải thay đổi một cái gì mà ông cho là mới chắng? Nhưng thực ra những cải cách của giáo sư Nhựt tưởng là mới lại không có gì là mới cả. Viết toàn I ngắn thì đã có từ khi Paulus Của viết tên ông là Hùinh Tịnh Của vào cuối thế kỷ thứ 18. Nguyễn Hữu Ngự cũng chỉ làm công việc lặp lại. Còn cộng sản Hà Nội thì quen cách cai trị theo lối độc tài nên đã ra hẳn một pháp lệnh về việc thay đổi I ngắn, Y dài.

Cách viết tiếng Việt với những chữ cái la tinh F, J, W, Z thì ông Hồ đã thực hiện và lần cuối cùng là trong chính di chúc viết tay của ông đã có những chữ nhân dân, xã hội chủ nghĩa, phục vụ, Đổ Fủ . . . Lối viết đó được các đàn em bợ đỡ, điển hình nhất là Nguyễn Kim Thán, viện trưởng Viện Ngôn Ngữ Học đã tâng bốc như sau:

Ngay từ khi viết Đường Kách Mệnh người đã dùng F thay Ph, Z thay D và G , dùng K thay cho C, bỏ H trong GH và NGH. Những người làm công tác ngôn ngữ học ở nước ta ngày nay vô cùng khâm phục những sự sửa đổi nói trên của Bác. Thiên tài và sự vĩ đại của Bác biểu hiện ở từng việc làm, từng chủ trương cụ thể như vậy đó . . . (Tiếng Việt Của Chúng Ta, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1983, tr. 40).

Di chúc viết tay của ông Hồ với cách viết lố lăng như trên đã được chụp lại in trong báo Nhân Dân sau khi ông chết và năm 1976 cũng bút tích ấy trong cuốn Chủ Tịch Hồ Chí Minh, Tiểu Sử Và Sự Nghiệp do Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng Trung Ương biên soạn. Sự thay đổi chữ nghĩa đó sau này đã được ban hành bằng một pháp lệnh của chính quyền và được thực hiện trong Từ Điển Tiếng Việt (Hoàng Phê) từ ấn bản 1988 và trong Đại Từ Điển Tiếng Việt (Nguyễn Như Ý) do Bộ Giáo Dục và Đào Tạo xuất bản năm 1998.

Cách viết dính liền những từ kép thì cũng là lặp lại điều mà Nam Chi Tùng Thư đã làm từ năm 1962 mà không ai theo.

Sống ở Mỹ ảnh hưởng lối viết cắt xén chữ nghĩa trong ngôn ngữ nên đã có khá nhiều người lên tiếng hoặc tự cải cách viết tiếng Việt theo một lối riêng mà mạnh mẽ nhất là viết tắt. Nhà thơ Du Tử Lê sau những sáng kiến về thơ gạch chéo cũng đã cho in hẳn ngoài bìa sách của ông cái tên với chữ thật lớn K. Khúc Của Lê mà không viết ca khúc như thường lệ.

Báo Văn Nghệ Tiền Phong đã từng lên tiếng châm biếm lối viết tắt này khi đưa ra những “dự phóng” (đao to búa lớn cho nó oai):

K nhạc, H hong, C xich
Chan minh nhung lam b b
Lai cam bo duoc ma d chan nguoi

Những người ủng hộ lối viết tắt lý luận rằng người Mỹ viết Toys R Us (chữ R viết ngược), BBQ, U R here, Open on Nite thay cho Toys are us, Barbecue, You are here, Open all night mọi người vẫn hiểu. Không những viết mà khi đọc họ cũng bỏ những khuôn mòn sáo cũ. Khi nói về Quân Đoàn Một họ viết chữ số La Mã I Corps nhưng khi đọc họ đâu cần đọc First Corps hay Corps One mà đọc là Ai Co. Nước Mỹ là cường quốc bậc nhất thế giới tại sao ta không bắt chước họ cho tiện lợi?

Nghĩ cho cùng thì những cách viết lạ lùng khác thường ở Mỹ cũng thường chỉ thấy trong những bảng hiệu, trong những quảng cáo. Ở một quốc gia tự bản tự do, cạnh tranh kịch liệt thì một số chuyên viên quảng cáo chỉ nghĩ làm sao cho mọi người chú ý, làm sao lôi kéo được sự tò mò, lôi kéo nhiều khách hàng nghĩa là mang lại nhiều lợi lộc bằng mọi cách. Nếu không có luật lệ hạn chế hay quần chúng phản đối thì quảng cáo thương mại có thể sử dụng mọi hình thức dù lố bịch, vô luân, bạo lực, dâm đăng để làm sao kiếm được nhiều tiền. Nếu đúng như vậy có lẽ ta ta chẳng nên du nhập vào văn chương chữ nghĩa tiếng Việt để coi như một cái cách tân kỳ.

Tiếng Việt có ưu điểm của nó nhưng cũng làm cho những người ngoại quốc muốn nghiên cứu phải bối rối về việc sử dụng uyển chuyển các từ ngữ mà chẳng cần văn phạm và năm dấu Việt đọc đáo không có trong ngôn ngữ nào trên thế giới.

Có thể vì lẽ đó tác giả Phụng Nghi trong cuốn 100 Năm Phát Triển Tiếng Việt (Nxb Văn Nghệ, 1999) đã dành hẳn một chương để bàn chuyện có nên bỏ một trong hai dấu hỏi (?) ngã (~) trong tiếng Việt không? (tr. 137).

Ông dẫn chứng ba khuynh hướng khác nhau về vấn đề này là khuynh hướng chỉ dùng một dấu trên toàn quốc, khuynh hướng dùng một dấu riêng tại miền Nam và khuynh hướng giữ nguyên trạng không cần thay đổi.

Vấn đề đáng nói nhất là khuynh hướng đầu được nêu lên trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, xuất bản tại Sài Gòn từ năm 1990 là hai dấu hỏi ngã nên nhập chung làm một cho tiện, hỏi ngã gì cũng được. Ý kiến của tác giả bài báo thật dễ dãi nhưng khó chấp nhận và thực tế thì đã chín năm trôi qua chưa có ai tán thành đề nghị đó. Nếu chỉ vì ngại khó mà cứ đọc sao viết vậy thì chữ nghĩa không còn là chữ nghĩa nữa. Hai dấu hỏi và ngã có nghĩa khác nhau, dùng trong những trường hợp khác nhau không thể đồng hóa thành một được.

Nếu câu nói: Anh nở bỏ cô ấy mà không nghĩ tới tình nghĩa những năm qua sao? mà viết toàn một dấu hỏi là Anh nở bỏ cô ấy mà không nghĩ tới tình nghĩa những năm qua sao? thì chắc cả trăm năm nữa cũng khó có thể quen tai. Nếu báo thành Hồ chủ trương chỉ viết một dấu cho dễ thì cũng nên theo những anh bộ đội nói ngọng không phân biệt được hai chữ L và N, mà bỏ một chữ L đi. Khi đó học trò viết Nu na nu nống cái Bống nằm trong cái Ong nằm ngoài hoặc là Nảo nính nễ nằng Náng nên nằng Nủ nấy nong nợn nuôn nuôn đều được coi là đúng chính tả. Và nhân tiện cũng bắt chước giọng đọc của người miền Nam tất cả những chữ bắt đầu bằng V đều viết thành D cho tiện việc mặc dầu trong Nam đồng bào dù đọc là D nhưng vẫn viết V trúng phóc (la ve).

Cũng như không thể viện cứ thông tin trung thực, vô tư để khi rồi rãi ngồi ghi âm hai người nói chuyện gẫu rồi cứ thế chép lại nguyên văn in thành sách, chắc chắn tác phẩm kịch này phải dày cả nghìn trang với đầy rẫy thì, mà, à, ờ, ừ và nhiều khi còn chửi thề, nói tục.

Học chữ hay muốn nói cho đúng thì cũng phải chịu khó nên không thể ngại khó mà đơn giản hóa quá mức đến thành thiếu sót, thiếu nghĩa. Không thể viện cớ đơn giản để mà đưa đề nghị bắt buộc người Mỹ chỉ cần xưng hô bằng hai tiếng I, You cho tiện để bỏ hết những từ ông, bà, cô, bác, chú, thím, cậu, dì . . . thân thương, độc đáo của Việt ngữ.

Vấn đề cải cách một ngôn ngữ không phải là một chuyện dễ dàng. Người Trung Hoa hẳn cũng biết chữ viết của họ phức tạp, bất tiện nhưng không hề nghĩ tới chuyện la tinh hóa chữ Hán mà chỉ thay đổi Hán tự từ văn ngôn ra bạch thoại cho đơn giản hơn thôi. Người Nhật mạnh dạn hơn đã đặt ra một cách viết tiếng Nhật bằng chữ cái la tinh gọi là romanji được chính quyền tích cực truyền bá nhưng cho tới nay có lẽ vẫn chưa có sách Nhật in bằng tiếng Nhật cải cách romanji. Họ vẫn yêu thích lối chữ Nhật hiện hành, hình thức hơi giống chữ Hán nhưng ít nét và không rườm rà.

Việc thay đổi chữ viết có ảnh hưởng tới kho tàng thư tịch của các dân tộc nên khó bề thực hiện. Giả thử có một nền văn học lâu đời như Trung Quốc, nếu thay đổi chữ Hán bằng chữ la tinh thì phải có một đội ngũ hùng hậu người mình dịch các áng văn của mình sang chữ mới của chính mình.

Học giả Hoàng Xuân Hãn chắc chắn đã nghiên cứu những đề nghị cải cách tiếng Việt của các tác giả trước ông, đã biết sự khó khăn khi cải cách nên năm 1942 ông đã viết trong cuốn Danh Từ Khoa Học rằng: Tiếng hiện thời của các nước đều đầy những sự vô lý. Nhưng đó ai cải cách nó được.

Để kết luận vấn đề ngôn ngữ, chúng tôi thiết nghĩ tiếng Việt hiện nay đã sử dụng được trong bậc đại học, đã có những thuật ngữ diễn đạt được những vấn đề chuyên môn, khó khăn mà không gặp trở ngại nên chúng ta có thể tự hào về ngôn ngữ hiện tại. Công việc cần của chúng ta là bảo tồn ngôn ngữ ấy sao cho tiếp tục trong sáng mà đừng chế ra những cải cách lai căng làm vẩn đục tiếng Việt như Hà Nội đã làm.

Việc thay đổi chỉ nên thực hiện khi thật sự cần thiết cho việc diễn đạt tư tưởng, hay cải đổi những phi lý rõ rệt mà không nên quá dễ dãi để a dua, mô phỏng nhất thời ngôn ngữ nước ngoài với mục đích làm duyên khiến cho mất sự đơn giản nhưng phong phú và uyển chuyển của tiếng Việt chúng ta.

Theo chân những tiếng hát

Tôi khá khó tính khi mua sách mà thường đọc sách tại thư viện, sách một vài nhà xuất bản thân gửi tặng, hay sách trao đổi với bạn bè. Nhưng lần này gặp cuốn Theo Chân Những Tiếng Hát của Hồ Trường An tôi không chờ được đã nhờ mua ngay, nằm đọc trong nhà thương và thấy cuốn sách 20 đô la còn rẻ.

Tôi muốn theo dõi các bộ môn văn học Việt Nam qua những cuốn biên khảo nhẹ nhàng, tương đối đủ vì sợ mai đây không còn ai đủ sức viết loại này nữa khi mà trong nước cộng sản cố tình xóa bỏ mọi thành tích văn học của các nghệ sĩ Việt Nam thời kỳ quốc gia cuối thập niên 40 tới 1975. Về nhạc ta đã có sách của Phạm Duy, về văn ta có Võ Phiến.

Về nghệ sĩ trình diễn có lẽ chưa có cuốn nào đáng chú ý. Ta chỉ có thể theo dõi sinh hoạt này

qua những bài báo, những tạp chí chuyên về ca nhạc nhưng các bài viết tiếc thay đa số chỉ để quảng cáo, tăng bốc hơi hợt bên ngoài, những điều mà ai lưu tâm đến ca nhạc đều đã biết cả rồi.

Theo Chân Những Tiếng Hát do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, Virginia, phát hành cuối 1998. Sách khổ nhỏ in đẹp, dày 392 trang, bìa 4 màu của Võ Đình. Nội dung gồm 11 chương bao trùm khoảng thời gian dài từ lúc mới hình thành chính quyền quốc gia cho tới ngày dứt phim 30. 4. 75 và nói tới hàng ngàn ca sĩ, nhạc sĩ, kịch sĩ, vũ công, nghệ sĩ ngâm thơ v . v . . . kèm theo phụ bản hình 42 ca, nhạc sĩ và một hình tác giả .

Mới đọc lướt qua chưa đọc kỹ ta thấy ký ức của tác giả quả là phi thường. Tôi nhớ khi còn học tiểu học ở Hà Nội, tôi rất ghiền xi nê, nhịn quà để coi phim hay mua sách. Không có tiền vào rạp thì đi dạo các rạp xin các tờ quảng cáo nâng niu đóng tập, dày cộm như từ điển. Tôi nghĩ Hồ Trường An ngoài ký ức phi thường có thể cũng ôm nặng những từ điển quảng cáo như tôi chẳng?

Khác với một vài cuốn biên khảo của các đấng học giả, tiến sĩ, giáo sư dày cộm với những danh từ cao siêu khó hiểu mà đôi khi cũng chẳng thuyết phục nhiều, tưởng tượng khi đọc phải ngồi nghiêm chỉnh trên bàn tôi sợ quá và tôi càng thích Hồ Trường An hơn.

Tác giả Theo Chân Những Tiếng Hát viết như chơi, như kể chuyện mà súc tích, lời cuốn độc giả đi theo. Hồ Trường An phê bình nhận xét vui vẻ, không khô khan và thẳng thắn không sợ mất lòng ai. Ông cũng nhiều lúc đi vào những đời sống riêng tư của nghệ sĩ mà nhiều người viết loại này thường né tránh. Tại sao phải né tránh nhỉ? Một ca sĩ một nhạc sĩ lừng danh chinh phục trái tim hàng triệu khán thính giả, thì khán giả cũng có quyền biết sơ sơ về gia đình, về cuộc sống riêng tư, về những thăng trầm của họ bên ngoài sân khấu. Họ nổi lên nhờ quần chúng thì quần chúng cũng có quyền biết về những cuộc sống riêng mà không riêng của họ. Nếu mất công hoan hô cả đời một nghệ sĩ để rồi chỉ được coi những hoạt động của họ trên sân khấu, coi những quần áo đẹp họ mặc, đọc toàn những lời tăng bốc thì cứ xem các tờ quảng cáo là quá đủ rồi.

Hồ Trường An sinh sống trong Nam nên phần ca sĩ miền Bắc hồi đầu quốc gia tôi thấy ông không nhắc tới hai ca sĩ được nhiều người ưa thích. Người thứ nhất là Thanh Hằng, không đẹp lắm nhưng khi ra sân khấu với cặp mắt lơ lơ trắng như mắt cá trôi và giọng ca truyền cảm đã làm nhiều người say đắm. Bản hát tử của cô là bài Tan Tác của Tu Mi, sau này nghe đồn tác giả ca khúc trở thành chồng ca sĩ và nàng bỏ nghề luôn.

Người thứ hai tôi không còn nhớ tên nhưng chắc nhiều vị cao niên còn nhớ. Nàng nổi tiếng đồng thời với Lệ Thanh. Hai nữ ca sĩ này tài ngang ngửa nhưng nàng chỉ hát khoảng một năm rồi vào Nha Trang kết hôn với một bác sĩ và cũng bỏ nghề. Tôi nhớ những buổi trưa hè Hà Nội nóng cháy, ngồi trên gác ba học bài mà vẫn nghe giọng ca của mấy ca sĩ nói trên từ những máy thu thanh từ các lầu ba khác mở lớn phóng lên bầu trời oi bức đã cuốn hút hồn tôi từ đó và còn gây ấn tượng tới tận bây giờ.

Một thiếu sót dễ sửa của Theo Chân Những Tiếng Hát là cuốn sách nói tới hàng ngàn danh nhân còn sống mà thiếu một cái mục lục tên người. Khi đọc qua vài chục trang độc giả gặp một chi tiết muốn so sánh tác giả phê bình hai ca sĩ khác nhau ở chỗ nào thì lại khá ngại ngần nếu phải giờ lại từ đầu để mò mẫm từng giòng.

Như cuốn hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên cũng nói tới vài trăm người cộng sản đóng góp vào cuộc điều linh hóa nước Việt cũng thiếu một mục lục tên người.

Cuốn hồi ký A Soldier Reports của tướng Westmoreland, theo cách làm cẩn trọng của nhiều tác giả Mỹ có một mục lục tên người đầy đủ nhưng khi nhà Thế Giới ở San Jose, CA in bản dịch Việt ngữ đã quên bém cái mục lục mà có lẽ bị coi là lằng cằng này đi cho tiện việc. Thật là đáng tiếc. Ấy là chưa kể chuyện chẳng cần tôn trọng nguyên bản ngay cái tên sách nữa. Tên sách của Westmoreland đặt là A Soldier Reports, có thấy bản tường trình nào đâu, chữ report là động từ ngôi thứ ba đang chia thì phải là Người Lính Báo Cáo chứ sao bản Việt ngữ lại mang cái tên Bản Tường Trình Của Một Người Lính mà chắc ông tướng khiêm nhường Westmoreland chẳng muốn.

Việc làm một mục lục tên người cho kỹ không tốn công nếu ta chịu khó bỏ thì ra một hay hai ngày cho một cuốn sách 500 trang khi sách đã trình bày xong và có số trang đầy đủ.

Trở lại với Hồ Trường An điểm lướt hàng ngàn nghệ sĩ suốt mấy chục năm hẳn là phải tìm ra rất nhiều ngọc quý tuy không phải tất cả đều toàn bích.

Khi cần chê ông cũng ngập ngừng nghĩ tới bạn bè nên có lúc mượn tay kẻ khác. Phê bình Chế Linh, ông đã mượn lời hai nhà văn Túy Hồng và Phạm Quốc Hùng:

- Giọng Chế Linh là giọng nửa trong nửa đục, nửa âm nửa dương, nửa trống nửa mái, nửa đục nửa cái . . Giọng hát Chế Linh như giọng con heo nái đang lúc động cõn được chủ nhà lấy cọng dọc mừng thọc vào bí huyết khoái lạc của nó cho nó đỡ ngứa ngáy tình dục (tr. 272).

Dần dà chính ông chê bai thẳng cánh. Khi chê một ai ông cũng nói thẳng ý nghĩ của mình không sợ ai buồn, không cần chi xã giao đả bôi.

Xin trích vài câu tác giả nhận xét về vài ca sĩ:

- Khuôn mặt cô là khuôn mặt trứng ngỗng, đôi mắt lá răm hơi nhỏ, giọng hát hơi lu chìm. Suốt quãng thời kỳ mới lớn với tám nhan sắc thịt không ra thịt cá không ra cá ấy, không ai nghĩ rằng Phương Hồng Hạnh có thể tiến xa trên đường sự nghiệp (278).

- Thanh Lan có cái bậy là cô thích khỏa thân trên màn bạc, dù trong những màn ấy cô vẫn che ở ba chỗ cần phải che trên thân thể. Nhưng cái ức của cô không mịn, sừng ngực cô không báo hiệu một nét gồ ghề của cặp nhũ hoa, đôi chân cô không dài, đùi cô không săn chắc, mông cô không vun cao và tròn trặn (286).

Nhưng phải nói là tác giả khen nhiều hơn chê. Chê làm sao được khi một nền ca nhạc trải dài trên 20 năm với hàng ngàn nghệ sĩ tự do phát triển không gò bó.

Những nhận xét của Hồ Trường An về Tâm Vấn, Kim Chung, Bích Hợp, Thanh Hùng, Elvis Phương, Quang Minh hẳn phải làm các ca sĩ ấy hài lòng, phật phùng cánh mũi khi đọc những giòng văn hoa chải chuốt nói về mình (66, 90, 196, 310, 385).

Ông không tiếc lời khen mà có lẽ chỉ oán hận tiếng Việt quá nghèo nàn tính từ cho ông sử dụng khi viết về những người ông yêu thích. Cũng phải cần trích thêm một vài câu cho cụ thể:

Về Lệ Thủy:

- Luôn luôn chị lấy màu xanh làm chuẩn trong cách chọn áo dài: thiên thanh, lam ngọc, hồ thủy, thanh tùng, bích liễu, thụy trúc, bích ngọc, uất lam, tĩnh thanh v.v . . . (43, 44)

Về Tâm Đan:

- Những màu đỏ mà cô mặc gồm màu phi hồng tươi sáng ánh ráng chiều, màu hồng đan gồm màu hồng tươi pha chút xám bạc, màu hồng hạnh gồm màu đỏ ửng ánh vàng kim nhũ, màu yên chi thắm thiết sắc đỏ bông vang (238).

Về Băng Tâm :

- Đó là màu tẻ thanh như màu da trời sau cơn mưa. Đó là màu cát thụy của lông chim trả hoặc của ngọc xa phía. Và đó là màu hoàng yến của hoa mướp trong miền quê thơ mộng (239).

Về Hồng Vân:

- Những chiếc áo dài để diện với khăn vành giấy thường có màu thụy ngọc trông ngọt cả mắt, màu yên chi thật thắm rõ rở, màu hoàng yến sáng ánh nắng mai, màu lục ngọc thắm biếc như mạ non, như đọt chuối . . .(304, 305)

Độc giả đọc một số lời ca tụng đã thấy mệt chưa? Riêng tôi thấy Hồ Trường An đã tìm ra và sáng tạo ra nhiều tính từ để đưa ta vào mê hồn trận. Vừa đọc ta vừa lâng lâng nghĩ ông vừa là họa sĩ, vừa là thợ nhuộm, vừa là nhà vẽ kiểu y phục, vừa là chủ tiệm kim hoàn, vừa là người chơi hoa kiểng. Có nhiều chữ, nhiều màu mà giá kê cứu trong sách vở chẳng tìm ra nhưng chúng có tác dụng lừa người vào cõi mộng để lim dim hai mắt không còn phân biệt nổi thật hư. Hàng ngàn ca sĩ mà chỉ có vài chục tính từ tưởng làm cho tác giả bó tay. Những tiếng rựa rảng, ngân nga, vàng ròng, ngọc báu, cuộn cuộn, lảng lơi . . . cứ phải nhắc đi nhắc lại là vì thế.

Tuy chỉ là một cuốn sách văn nghệ không nặng màu sắc chính trị nhưng bàng bạc trong từng câu văn ta thấy lập trường của tác giả rõ ràng qua nhiều nét: chống xâm lăng, chống độc tài gia đình trị, chống cộng, chống nhân danh văn nghệ để mập mờ giao lưu văn hóa theo cộng sản...

Cuốn sách lấy 30. 4. 1975 làm mốc cuối nhưng tác giả nhiều lúc vượt qua mức thời gian này khi có những sự kiện cần liên hệ. Tuy nhiên tác giả không viết một chữ nào tới Paris by Night của nhóm Thúy Nga một nhóm có những đóng góp đáng kể. Phải chăng vì cái thân cộng của băng Paris by Night 40, rồi tới sự thiếu phục thiện của nhóm này đã khiến lòng bao dung của khán giả mệt mỏi. Độc giả và thính giả nhiều nơi vô cùng thán phục lập trường dứt khoát của một số nhà báo tuyên bố không đăng quảng cáo cho Paris by Night và đã làm như vậy. Còn nhiều cơ quan truyền thông khác cũng có những hành động tương tự. Người quốc gia không hẹp hòi mà mong mỗi chuyện khó khăn là dim một cơ sở thương mại như Thúy Nga nhưng cần phải có thái độ một thời gian một năm, hai năm, vừa đủ để họ tỉnh ngộ.

Nhiều nhà văn lớn, tờ báo lớn đã ngang nhiên xài những từ ngữ sai hay ngô nghê hay có dụng ý tuyên truyền do Việt cộng đặt ra như hồ hởi, quân hàm, giải phóng Sài Gòn, chính quyền cách mạng, quá độ, hộ khẩu . . . thì ta ít thấy bóng dáng những chữ loại này trong sách của Hồ Trường An. Có một lần - có thể là để mỉa mai - ông không gọi máy computer là com puy tơ, máy điện toán, hoặc là máy vi tính như cộng sản dùng mà ông đặt ra tiếng mới là máy vi toán (80).

Cuốn sách có khá nhiều lỗi lầm nhỏ mà chúng tôi thấy cần nêu ra ở đây không với ý bới lông tìm vết. Nhưng mong ước tác giả lưu ý sửa lại những sai lầm nếu ông chịu thừa nhận để cho cuốn sách khi tái bản càng có giá trị hơn.

Một vài lỗi nhỏ :

- . . . ngồi trong quán cà phê ở đường Pellerin (về sau gọi là đường Nguyễn Công Trứ) (tr. 28) (Ý kiến ĐTH, chữ nghiêng): Đường Pellerin Sài Gòn chưa bao giờ đổi là đường Nguyễn Công Trứ cả. Đường Pellerin đổi thành đường Pasteur từ trước. Sau 1975, trong đợt đổi tên đầu tiên cộng sản thay tên Pasteur bằng Nguyễn Thị Minh Khai. Năm 1991 chiều lòng người Pháp lại phục hồi tên đường Pasteur và Nguyễn Thị Minh Khai chuyển sang nửa đường Hồng Thập Tự. Đường Công Lý đổi thành Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Đường Nguyễn Công Trứ nằm xa khu Lê Lợi, lối sang Khánh Hội gần sông Sài Gòn , nơi có những cao ốc như ngân hàng Anh The Chartered Bank, nhà hàng ăn Nhật Bản King v. v . . . Cũng vì chuyện cộng sản đổi tên hai đường Tự Do và Công Lý nên dân Sài Gòn đã truyền khẩu nhau hai câu thơ châm biếm: Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý. Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do.

- Nói về các đĩa hát tác giả viết: . . . giọng Ai Liên, Kim Chung và Lê Thương được phân phối như sau (tác giả liệt kê ba đĩa) (24) . . . Còn những đĩa Oria từ bên Pháp gửi về với các nam ca sĩ Văn Lý, Hải Minh (một biệt hiệu của Trần Văn Khê), Hoàng Lan và Bích Thuận (tác giả liệt kê tám đĩa (25) . . . Những đĩa hát từ ngoài Bắc đem vào Nam có (tác giả liệt kê bốn đĩa) (24) (Người ta không tin là những hãng đĩa hát lớn kể trên chỉ phát hành được một số đĩa nhỏ nhoi như tác giả khẳng định. Cuối những câu này nên để hai chữ vân vân thì hơn. Thử hỏi ngay như Phạm Duy đã sáng tác hàng ngàn ca khúc, liệu ông có thể một lúc nhớ được tác phẩm của ông gồm bao nhiêu không mà người ngoài dám khẳng định ông sáng tác được 997 hay 1003 ca khúc?).

- Giọng hát sao mà hùng dũng như thác Cam Ly (43) . . . cái dũng mãnh ào ạt của thác Cam Ly (196) (Du khách tới Đà Lạt nếu muốn coi những thác hùng dũng thì đi các thác Pongour, Gougah chứ không ai coi Cam Ly là một thác hùng dũng hay dũng mãnh ào ạt cả. Thác Cam Ly tiện lợi là nằm ngay trong thành phố, có các quán hàng đẹp để nhiều màu sắc, thế thôi. Mùa mưa thác Cam Ly cũng chỉ như một con suối, mùa khô nước rỉ rách yếu ớt du khách đi qua thác như không. So sánh với thác Tuyên Lâm khai thác sau này, Cam Ly cũng còn kém.)

- Hai bản nhạc ngoại quốc thịnh hành nhất là Hà Nhật Quân Tái Lai (có nghĩa là Ngày Nào Chàng Trở Lại) và bản Shina no Yoru (Tô Châu Dạ Khúc) (49, 50) (Ca khúc Nhật Shina no Yoru không phải là Tô Châu Dạ Khúc mà là Trung Hoa Dạ Khúc hoặc Đêm Trung Hoa. Tiếng Nhật Shina là Trung Hoa, No là của, Yoru là ban đêm. Bài này rất phổ biến đi đâu cũng nghe hát lời Việt: Đêm trường thanh vắng gió lướt qua ngàn thông. Lắng nghe như ru lòng. Một mình trong đêm tối, chờ một hình bóng ai. Luôn luôn đắm đuối trong u sầu riêng. Ta luyến tiếc thương cho người tình xưa. Nhớ hồi nào cùng với nhau , . . Ca khúc Nhật khác là Tô Châu Dạ Khúc cùng thời nhưng không nổi lắm.)

- . . . Bài dân ca Đan Mạch mà Thông Đạt đặt lời Việt có cái tựa là Trên Đồng Trong Rừng (108) (Nhiều người nói bài này là dân ca Phần Lan. Những bản nhạc phổ biến trong vùng kháng chiến chỉ ghi Trên Đồng Trong Rừng của Phan Lan, không thấy ghi Thông Đạt nên khá nhiều người tưởng tác giả là Phan Lan)

- Còn đài Philco Radio là của tư nhân người Pháp đặt ở đường Catinat (sau đổi là đường Nguyễn Huệ) (118). . . Lại có tiệm Ménéstrel ở đường Catinat (sau đổi là đường Nguyễn Huệ) (121) (Đường Catinat, Sài Gòn chưa bao giờ mang tên là Nguyễn Huệ cả. Thời cộng hòa

đường Catinat đổi là đường Tự Do, khi cộng sản chiếm miền Nam họ đổi là đường Đồng Khởi. Còn đường Nguyễn Huệ là đường song song với đường Tự Do, đổi từ tên Pháp của đường Charner, khi cộng sản chiếm Sài Gòn vẫn giữ nguyên tên Nguyễn Huệ chứ không xóa bỏ để thay bằng một tên cán bộ các ké như ở vài tỉnh lẻ)

- Tiệm Harmonia ở đường Lagrandière (về sau đổi là đường Gia Long) (121). (Nếu kể cả tên hiện thời do cộng sản đổi thì là đường Lý Tự Trọng).

- Dòng Sông Xanh của Johann Strauss (tức Le Beau Danube mà do Phạm Duy phổ lời Việt) (183) (Phải ghi đủ tên bản nhạc là Le Beau Danube Bleu. Nếu thiếu chữ Bleu sẽ chỉ là Dòng Sông Danube Đẹp)

- Túy Hồng có đóng ba phim: Gác Chuông Nhà Thờ (do Lê Hoàng Hoa đạo diễn), Nhà Tôi (do Lê Dân đạo diễn) và sau hết là phim hài hước Lệnh Bà Xã (194) (Không nên khẳng định là chỉ có ba phim. Có chắc không? Nên viết với chữ vân vân ở cuối câu.)

- Từ năm 1969 đã có đài truyền hình ở Việt Nam (322) (Sài Gòn có đài truyền hình từ cuối năm 1966. Cuối năm ấy đài phát dưới đất chưa xây xong nên mỗi đêm phát hình từ máy đặt trên phi cơ bay trên không phận Sài Gòn suốt mấy tiếng đồng hồ. Khi đó máy truyền hình tư nhân cũng còn ít nên chính quyền thành phố cho đặt nhiều máy công cộng ở nhiều góc đường phục vụ cho nhân dân lao động. Năm 1967 đài phát dưới đất đã xong và nhiều gia đình có máy truyền hình nên các máy công cộng giảm dần. Người Sài Gòn hẳn không quên là đã coi hình ảnh chiến sĩ ta diệt cộng trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân, tháng 1.1968, của Việt cộng trên đài truyền hình Sài Gòn chứ đâu phải chờ tới năm 1969)

- Những ca sĩ thời trang dần dần chiếm đài Quân Đội (322) (Hai chữ thời trang do từ tiếng Pháp mode và từ tiếng Hán có nghĩa là kiểu y phục, trang phục chứ không hề có nghĩa là ăn khách, thịnh hành, đang nổi tiếng như Hồ Trường An muốn nói. Có thời kỳ nhạc sĩ Bảo Thu có một chương trình ca nhạc trên đài truyền hình Sài Gòn mang tên Thời Trang Nhạc Tuyển khiến thi sĩ Hà Thượng Nhân đã lên tiếng phân tách cái sai của cái tên Thời Trang Nhạc Tuyển trên nhật báo Tiền Tuyến)

- Vào dịp tết Mậu thân có 7 văn nghệ sĩ cộng sản hồi chánh . . . Về bên âm nhạc có giáo sư Lê Ba (322) (Theo chúng tôi biết giáo sư âm nhạc cộng sản về hồi chánh là Lê An chứ không phải là Lê Ba. Chính chúng tôi đã phỏng vấn ông trên đài truyền hình Quân Đội vào dịp đó. Cũng xin kể thêm là cùng thời kỳ chúng tôi còn phỏng vấn nhạc sĩ cộng sản miền Nam hồi chánh là Phan Thế. Khi thông báo cho nhạc sĩ Phan Thế là ông chuẩn bị trả lời phỏng vấn, ông đã đề nghị với Cục Tâm Lý Chiến là xin được phỏng vấn bởi nhạc sĩ Phạm Duy hoặc nhà văn Văn Quang. Cục trả lời rằng chỉ chấp thuận cho anh Đặng Trần Huân phỏng vấn ông. Cục sẵn sàng để nhà văn Văn Quang hay nhạc sĩ Phạm Duy phỏng vấn nếu người hồi chánh là Lưu Hữu Phước chẳng hạn.)

- Kim Xuân có đóng một vai quan trọng trong phim Loan Mất Nhung . . . dựa theo cuốn tiểu thuyết cùng tựa của Duyên Anh (365) (Tác giả tiểu thuyết Loan Mất Nhung là Nguyễn Thụy Long chứ không phải là Duyên Anh)

Trang cuối sách tác giả tâm sự: Dù nhớ nhiều hay nhớ ít tôi cũng ghi lại những gì mắt thấy tai nghe về các bộ môn văn nghệ, không sợ viết sai, không sợ viết thiếu. Tôi chỉ sợ mình không đủ tầm lòng bền sắt son để viết về chúng mà thôi (385).

Tôi không đồng ý với ông là khi cầm bút cứ viết bừa mà không sợ viết sai. Trái lại đã cầm bút thì phải thận trọng, chịu trách nhiệm về những điều mình viết. Nhưng với tình trạng thiếu thốn tài liệu ở ngoại quốc như hiện nay viết được một cuốn như Theo Chân Những Tiếng Hát là một nỗ lực đáng khen. Tác giả sẽ lắng nghe những đóng góp của bạn bè, của chính những nhân vật được nói tới, của độc giả để bổ sung vào lần tái bản, cuốn sách càng có giá trị thêm.

Nhà văn Võ Phiến khi in xong Văn Học Miền Nam Tổng Quan vẫn tiếp tục dò hỏi bạn bè để bổ sung cho cuốn sách khi in lại lần hai và sắp in lại lần thứ ba. Và bây giờ ông vẫn thường xuyên liên lạc với những người am hiểu để bổ sung, sửa chữa thêm những sai sót dù rất nhỏ. Cách làm việc thận trọng của Võ Phiến, Nguyễn Hiến Lê. . . thật là đáng khen. Sự thận trọng của người cầm bút rất cần thiết vì độc giả tin ở họ nên không thể đánh lừa họ bằng sự cẩu thả.

Tôi tin cuốn Theo Chân Những Tiếng Hát sau mỗi lần in lại sẽ càng có giá trị hơn nữa, giá trị của một cuốn biên khảo vui tươi cho các thế hệ sau cất trong tủ làm tài liệu chứ không theo số phận những cuốn tiểu thuyết tầm thường xem qua lúc đi xe tàu rồi liệng bỏ.

Ngày nay chúng ta đã có những cuốn tự điển Việt Nam tương đối có giá trị như của Lê Văn Đức, của Hội Khai Trí Tiến Đức, những cuốn mới soạn sau 1975 của Hà Nội nhưng các nhà soạn tự điển lớp sau không thể không tham khảo và quên ơn cuốn từ điển Việt Nam mở đường đầu tiên của Huỳnh Tịnh Của dù rằng cuốn này không còn giá trị phổ thông và chẳng còn bày bán trên thị trường.

Người em đồng hao của Vũ Ngọc Phan

Giữa năm 1997, trong bài nhận xét về một số hồi ký Việt, Mỹ đăng trên nguyệt san Diễn Đàn Phụ Nữ xuất bản ở Virginia, Hoa Kỳ tôi có nói tới cuốn Những Năm Tháng Ấy của nhà văn Vũ Ngọc Phan trong đó có viết Vũ Ngọc Phan đã lỡ đi không nói gì tới chuyện con gái ông bị tướng Nguyễn Sơn lấy làm vợ. Bài này sau được đăng trên nhiều báo và cuối cùng in trong cuốn Những Người Thích Dấu Huyền xuất bản đầu năm 1998.

Trong giai phẩm Người Việt số xuân Kỷ Mão, 1999, tác giả Nguyễn Hoàng Lưu trong bài Tướng Nguyễn Sơn Và Hồi Ký Những Năm Tháng Ấy đã trách tôi xuyên tạc hoặc có hậu ý chính trị gì đó khi viết rằng tướng Nguyễn Sơn cưỡng hiếp con gái nhà phê bình Vũ Ngọc Phan. Và vợ tướng Nguyễn Sơn không phải là con ông Phan mà là em bà Lê Hằng Phương (tức bà Vũ Ngọc Phan) là Lê Hằng Huân. Tôi coi lại những bài báo mà tôi còn giữ và bài đã sửa kỹ in trong sách thì thấy tôi chỉ dùng hai chữ cưỡng ép chứ không dùng chữ cưỡng hiếp như ông Lưu phiên trách.

Chi tiết về con gái nhà văn Vũ Ngọc Phan, tôi đã viết theo hồi ký của Đông Ngàn đăng trong tạp chí Con Ong Texas số 17 phát hành ngày 5. 9. 1996 ở Houston, TX. Tôi tin ở tài liệu của Đông Ngàn vì đã đọc nhiều hồi ký ngắn của tác giả đã gần 80 tuổi này hơn là bài viết của Nguyễn Hoàng Lưu là tác giả tôi mới được đọc lần đầu không biết rõ là ai vì báo Người Việt chỉ giới thiệu tổng quát là người đã nắm nhiều chức vụ quan trọng trong nền đệ nhị cộng hòa ở Nam Việt Nam. Muốn tìm hiểu chính xác tránh những chi tiết sai lầm tôi đã điện đàm với nhà báo Đông Ngàn ở San Antonio, TX. Đông Ngàn cho biết ông là bạn với ông Vũ Minh Thiệu, em ruột Vũ Ngọc Phan, làm việc cùng một sở với ông Thiệu và chính ông Thiệu đã kể với ông về chuyện con gái Vũ Ngọc Phan và tướng Nguyễn Sơn. Đông Ngàn cũng cho biết là em gái bà Vũ Ngọc Phan là Lê Hằng Phấn chứ không phải Huân vì bà Đông Ngàn là bạn học của bà

Phấn.

Sau đó tôi nhờ bạn bè tìm địa chỉ ông Vũ Minh Thiều định để hỏi thêm vì thời gian 1953 - 1955 ông Thiều là đại úy đồng hóa và tôi là chuẩn úy có quen nhau, cùng làm việc với nhau trong ngành tác động tinh thần nhưng không tìm được.

Tôi điện thoại hỏi thêm nhạc sĩ Phạm Duy về người vợ của tướng Sơn thì ông nói vợ tướng Sơn là em bà Vũ Ngọc Phan và tên là Lê Hằng Phấn. Tôi tin vào Phạm Duy vì trong thời kháng chiến chính tướng Sơn khi đó là tư lệnh Liên Khu 4 (vùng Thanh Hóa) đã tác hợp và chủ hôn đám cưới Phạm Duy - Thái Hằng.

Khi đọc lại bộ Hồi Ký (cuốn II) nói về thời Cách Mạng Kháng Chiến, Phạm Duy kể hơi khác một chút:

Tướng Nguyễn Sơn đang bị Trung Ương ép phải lấy vợ chứ không được giao du với cô Hoài . . . Thế nhưng người vợ trẻ này lại không phải là cô Hoài mà là cô Lê Thị Hằng Phấn (tức là mảnh trăng chia đôi), con gái của cụ Lê Dư, một nhà nho thường viết báo dưới bút hiệu Sở Cuồng. Người chị của cô Hằng Phấn đã kết duyên từ lâu với kỹ thuật gia Hoàng Văn Chí . . . (204, 205)

Có thể khi nói chuyện điện thoại, Phạm Duy đã lộn tên Phấn và Hằng.

Do những tìm hiểu nói trên tôi đã viết lại về chi tiết sai sót dính dáng tới con gái Vũ Ngọc Phan đăng trên nhiều báo và xin lỗi hai gia đình Vũ Ngọc Phan và tướng Nguyễn Sơn nếu có sự lầm lẫn.

Năm 1999, khi đọc bài đính chính đăng trên báo Ngày Nay, anh Vũ Đoàn, một người bạn cũ ở vùng Hoa Thịnh Đốn viết thư cho biết bà Lê Hằng Phấn là phu nhân của nhà biên khảo Hoàng Văn Chí, tác giả những cuốn Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc và Từ Thực Dân Tới Cộng Sản, cuốn sau đã có bản Anh, Pháp ngữ. Ông bà Hoàng Văn Chí sống tại Hoa Thịnh Đốn rất nhiều người Việt quen biết. Tôi thắc mắc nhờ anh bạn dò hỏi xem bà Hằng lấy tướng Sơn thời gian nào và lấy học giả Hoàng Văn Chí bao giờ thì anh cũng không giúp chúng tôi được vì ông bà Chí đã mất cách đây vài năm.

Nỗi thắc mắc này tôi vẫn ôm mãi trong lòng. Có lúc tôi tin vào ông Nguyễn Hoàng Lưu khi ông viết bà Nguyễn Sơn là Lê Hằng Huân. Nhưng do một sự tình cờ tôi được đọc bản thảo bài của ông Lưu thì thấy lúc đầu ông cũng đánh máy nhiều lần là Lê Hằng Phấn, sau này mới chữa tay là Lê Hằng Huân nên chúng tôi nghĩ ông Lưu cũng chưa nhớ rõ lắm, mà phải trông tìm một tài liệu khác chính xác hơn.

Tới tháng giêng năm 2000 thì thắc mắc của tôi về tướng Nguyễn Sơn, em đồng hao của Vũ Ngọc Phan, được giải tỏa khi đọc một bài trên internet gửi đi từ Hà Nội nói về những người vợ viên tướng cộng sản này. Tác giả bài báo ký tắt là Đ. V. H. và đăng trên báo An Ninh Thế Giới số 161 không ghi rõ ngày nào.

Nội dung bài báo đại ý kể tướng Sơn có người vợ đầu tiên là bà Hoàng Thị Diệm khi ông mới 16 tuổi và người vợ lớn hơn ông bốn tuổi. Bà Diệm có một con gái với ông tên Vũ Thanh Các vì ông Sơn khi đó còn mang tên thật là Vũ Nguyên Bác. Cưới nhau một năm thì Vũ Nguyên Bác bí mật sang Trung Quốc để học khóa chính trị do ông Nguyễn Aùì Quốc chủ trì. Bà Diệm tưởng ông mất tích nhưng cũng chờ bảy năm sau mới lấy chồng khác. Năm 1945 Việt Minh cướp chính quyền ông Các trở về Việt Nam với tên mới là Nguyễn Sơn và coi bà Diệm như bạn qua

người con gái cho đến khi bà qua đời.

Năm 1938 ông Sơn lấy một người vợ Tàu và đổi tên vợ thành Trần Kiểm Qua có một con gái đầu là Phong Ba nhưng bé gái chết khi mới được mấy tháng. Đưa con trai thứ hai sinh năm 1944 và bà đang mang thai đứa con thứ ba thì ông Sơn về nước và dặn bà đặt tên con là Tiểu Việt. Hai vợ chồng mất liên lạc và sau có tin là bà Qua chết trong một vụ máy bay oanh tạc. Khi làm tư lệnh Liên Khu 4 ông Sơn sống vài tháng với bà Huỳnh Thị Nội người Cần Thơ và có một con gái là Nguyễn Mai Lâm. Sau đó bà Nội tái giá và mang con vào miền Nam.

Người vợ thứ tư của ông Sơn là bà Lê Hằng Huân, con gái nhà nho Lê Dư bút hiệu Sở Cường. Ba người con gái ông Lê Dư nổi tiếng khắp Hà thành là xinh đẹp và có học thường được gọi là các cô Hằng. Cô chị là Lê Hằng Phương lấy nhà văn Vũ Ngọc Phan, cô em kề là Lê Hằng Phấn lấy nhà biên khảo Hoàng Văn Chí, người đã theo Việt Minh nhưng khi rõ họ chỉ là cộng sản nên đã bỏ vào Nam sau hiệp định Geneva 1954. Em bà Phấn là Lê Hằng Huân theo gia đình từ Hà Nội tản cư vào Thanh Hóa và lấy tư lệnh Liên Khu 4 Nguyễn Sơn đúng một năm sau ngày ông được phong tướng. Sau đó tướng Sơn biết tin bà Trần Kiểm Qua và hai con trai còn sống. Năm 1950 khi tướng Sơn trở lại Trung Quốc, bà Huân mang hai con theo chồng mà đứa con đầu là Nguyễn Thanh Hà và thời gian ở Trung Quốc bà sinh với tướng Sơn hai con nữa. Cũng thời gian đó tướng Sơn đã gặp lại bà Qua ở Bắc Kinh như người bạn cũ. Cuối năm 1956 bệnh nặng tướng Sơn trở về Việt Nam và chết ngày 21 tháng 10 khi bà Huân mới 30 tuổi.

Trước khi chết ông tướng đa thê này ước nguyện một ngày nào đó tám đứa con khác giòng của ông được gặp nhau và ước nguyện của ông được thực hiện vào tháng ba năm 1998. Hiện diện trước mộ ông tại nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội hôm đó có chị Vũ Thanh Các (con bà Hoàng Thị Diễm), chị Nguyễn Mai Lâm (con bà Huỳnh Thị Nội) từ Sài Gòn ra, bà Trần Kiểm Qua và hai con trai từ Trung Quốc sang, bà Lê Hằng Huân mất năm 1991 nên chỉ có mặt Nguyễn Thanh Hà và hai em trai đang sống ở Hà Nội.

Trong bài báo trên internet cũng có những sai sót nhỏ như người con thứ hai của tướng Sơn và Trần Kiểm Qua khi viết là Trần Tiểu Phong khi viết là Trần Hàn Phong, không hiểu bà Nội còn sống hay đã mất vì trong bài ghi A chị Lâm sống của mẹ tại thành phố Hồ Chí Minh" (có lẽ là cùng mẹ chẳng?) và theo tên liệt kê chỉ thấy 7 người con trước mộ cha.

Ngoài những lời ca tụng vuốt đuôi viên tướng cộng sản bị thất sủng Nguyễn Sơn của tác giả Đ. V. H. mà chẳng nên kể lại nhưng qua sự kiện về những cuộc tình của ông Sơn nay chúng ta biết chắc là bà Lê Hằng Huân là vợ tướng Nguyễn Sơn và là em bà Lê Hằng Phấn tức bà Hoàng Văn Chí. Về bà Phấn chính nhạc sĩ Phạm Duy cũng ghi lầm là Lê Hằng Phấn. Như trên đã nói do một sự tình cờ chúng tôi được đọc bản thảo đánh máy bài Tướng Nguyễn Sơn Và . . . thì chính tác giả Nguyễn Hoàng Lưu cũng lộn bà Nguyễn Sơn là Lê Hằng Phấn ở trang 2 rồi sau mới xóa đi viết tay lại là Huân, ở phần chú thích trang 15 vẫn giữ nguyên tên Lê Hằng Phấn. Cũng ở phần chú thích ông Lưu ghi tên người vợ Tàu của ông Sơn là Trần Kim Thu thay vì Trần Kiểm Qua.

Trong mục đích tìm hiểu những chi tiết liên quan tới tác phẩm hay cuộc đời những nhà văn hóa như Vũ Ngọc Phan, câu chuyện người em vợ và người em cọc chèo Nguyễn Sơn của ông kể như đã đầy đủ và chính xác.

Mãi tới tháng sáu năm 2000, tôi tiếp xúc được với bà Vũ Minh Thiều mới được biết gia đình bà ở Hoa Kỳ, ông Thiều cũng mất năm 1998.

Về người con gái Vũ Ngọc Phan tên Vũ Giáng Hương lấy chồng là một bác sĩ, cả hai theo

kháng chiến hiện nay vẫn sống thuận hòa với nhau ở Việt Nam và bà Hương cũng đã ở tuổi thất tuần.

Một lần nữa chúng tôi xin cảm ơn quý vị và bạn bè đã giúp tài liệu để làm sáng tỏ những chi tiết mập mờ và thành thực xin lỗi thân nhân của những nhân vật chúng tôi đã nói tới mà làm lẫn vì tham chiếu những tài liệu sai sót.

Câu chuyện từ điển Việt Nam

Bất cứ nước nào đã tự hào là có một nền văn hóa là phải có một cuốn tự điển để chuẩn xác cho ngôn ngữ của quốc gia mình hầu tránh sự dùng chữ bừa bãi, lố lăng hay lai căng, vay mượn. Chữ quốc ngữ sau khi thành hình không lâu đã có ngay một cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên của Paulus Huỳnh Tịnh Của, cuốn Đại Nam Quốc Âm Tự Vị xuất bản cuối thế kỷ 19.

Dựa theo cuốn tự điển đầu tiên này nhiều tự điển và từ điển Việt Nam khác được các tác giả sau này biên soạn. Trước 1975, hai cuốn thông dụng trong Nam là Việt Nam Từ Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức và Việt Nam Từ Điển của Lê Văn Đức. Phía nhà cầm quyền cộng sản sau 1946 không biên soạn tự điển tiếng Việt ngay. Cho tới khi cộng sản chiếm hoàn toàn miền Nam Việt Nam năm 1975 cuốn từ điển thông dụng của họ chỉ có Từ Điển Tiếng Việt do Văn Tân chủ biên. Bộ Bách Khoa Tự Điển Việt Nam mà Hà Nội quảng cáo từ lâu chưa biết đến bao giờ hoàn tất.

Có nhiều tác giả thường khen Hà Nội có những công trình khảo cứu văn học công phu hơn Việt Nam Cộng Hòa vì nhà cầm quyền cộng sản chịu bỏ ra những ngân quỹ lớn cho việc biên khảo và huy động nhiều nhân lực. Điều này có thể đúng với một số tác phẩm nhưng không đúng với tất cả vì các nhà biên khảo Hà Nội vô tình hay cố ý còn nặng về tuyên truyền, và phải hướng mọi nghiên cứu của họ theo đường lối chỉ thị của đảng cộng sản nên trở thành thiếu vô tư.

Ví dụ đơn giản là cuốn biên khảo Người Anh Hùng Làng Dóng của Cao Huy Đình nói về huyền thoại thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương) cả hàng nghìn năm trước mà cũng xen kẽ vào những đoạn tuyên truyền chống Mỹ cứu nước khiến ta có cảm tưởng như ăn cà rem mà lại thêm gia vị . . . mắm tôm.

Trong cuốn Từ Và Vốn Từ Tiếng Việt do nhà xuất bản Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội phát hành năm 1986, tác giả Nguyễn Văn Tu viết rằng từ trước tới nay Việt Nam chỉ mới có 6 cuốn từ điển tiếng Việt mà ông gọi là từ điển một ngôn ngữ. Tác giả liệt kê những từ điển có trước 1945 như cuốn từ điển của Huỳnh Tịnh Của, Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức tới Từ Điển Học Sinh của nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội và kể thêm một cuốn thờoi Việt Nam Cộng Hòa của Đào Văn Tập xuất bản tại Sài Gòn.

Sau đó, cũng tác giả Nguyễn Văn Tu cho nhà xuất bản Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội in cuốn Các Nhóm Từ Đồng Nghĩa Trong Tiếng Việt, khi liệt kê các từ điển Việt Nam có ghi thêm Từ Điển Tiếng Việt Phổ Thông của Viện Ngôn Ngữ Học nhưng cả hai cuốn sách của ông Tu đã dẫn đều không hề nói tới cuốn từ điển của Lê Văn Đức .

Việt Nam Từ Điển của Lê Văn Đức được biên soạn trong mười năm với sự hiệu đính của nhà ngôn ngữ học Lê Ngọc Trụ, ấn hành trong ba năm và tới năm 1970, nhà xuất bản Khai Trí mới cho ra mắt tại Sài Gòn. Bộ từ điển gồm hai cuốn khổ lớn, chữ nhỏ dày tổng cộng 2515 trang có

đầy đủ phần định nghĩa thông thường và các phần nhân danh, địa danh, tục ngữ, thành ngữ, điển tích . . .

Chẳng lẽ Nguyễn Văn Tu là một giáo sư nhiều năm, đã từng viết sách về ngôn ngữ mà không biết tới bộ từ điển đồ sộ Lê Văn Đức. Thực ra thì ông Tu biết nhưng hoặc là theo chỉ thị hoặc là tự ý ông muốn đìm những tác phẩm của miền Nam chẳng vì cho rằng cái gì xuất hiện ở miền Nam đều vô giá trị.

Điều nhận xét này không vô đoán mà chỉ là nhận xét về đường lối của cộng Việt xưa nay vẫn cố tình lờ đi những công trình của miền Nam.

Ví dụ về truyền hình, Việt cộng phổ biến và giảng dạy rằng truyền hình Việt Nam chỉ có từ năm 1970 là năm Hà Nội bắt đầu có đài, một tuần phát hình hai ba lần, mỗi lần vài chục phút. Trong khi tại Việt Nam Cộng Hòa đã có truyền hình từ năm 1966 khi đài phát đặt trên một phi cơ lượn trên không phận Sài Gòn trong thời gian chờ đài dưới đất đang xây cất dở dang.

Nói tới lịch sử điện ảnh thì cộng sản chỉ kể từ những phim đèn chiếu (phim tranh vẽ chỉ có hình, không cử động) sau 1946 khi họ chạy vào rừng, rồi tới phim phóng sự vài chục phút Nước Về Bắc Hưng Hải mà không nói gì tới những phim Việt Nam vùng quốc gia như Cánh Đồng Ma, Trần Phong Ba hay Kiếp Hoa.

Sách viết về lịch sử mỹ thuật hay âm nhạc chẳng hạn, họ sẵn sàng bôi tên những họa sĩ, những nhạc sĩ có tên tuổi từ trước 1945 nếu những nghệ sĩ tài danh đó đã ở lại hoặc trở về vùng quốc gia không theo họ, cùng ở với họ trên rừng già Việt Bắc.

Trở lại chuyện tự điển, sau hiệp định Geneva 1954, cộng sản chính thức trở về tiếp thu Hà Nội cũng chưa có thì giờ lo chuyện này. Tới sau ngày 30. 4. 75 chiếm được Sài Gòn cán bộ văn hóa Hà Nội vào Sài Gòn còn ào ào vơ vét các loại từ điển song ngữ Anh - Việt, Pháp - Việt, Hán - Việt mà Hà Nội không có.

Về tiếng Việt mãi tới năm 1963, Hà Nội mới soạn xong cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên, rồi tới năm 1967 mới phát hành. Cuốn Từ Điển Tiếng Việt này do Văn Tân chủ biên với thành phần biên soạn gồm 13 người trong đó có những nhà trí thức, học giả quen tên từ lâu như Nguyễn Tấn Gi Trọng, Ngụy Như Kontum, Trần Văn Giáp, Hoa Bằng . . .

Kể từ khi Việt cộng rút vào rừng thì ngôn ngữ Việt tại miền Bắc đã có nhiều tiếng mới rất xa lạ với tiếng Việt bình thường. Lấy ví dụ ngay trong cuốn Từ Điển Tiếng Việt của Văn Tân ta đã bắt gặp những chữ lạ tai có nghĩa khác hẳn nghĩa thông thường mà người Việt đã dùng trước khi cộng sản Việt ra công khai năm 1945. Xin đan cử vài ví dụ:

- lô gích: hợp với luận lý.
- quá độ: thời gian chuyển tiếp giữa hai thời kỳ.
- hồ hởi: cười mở, vui vẻ, phấn khởi.
- đường kính: thứ đường ăn đã tinh chế thành tinh thể màu trắng.
- lái xe: người điều khiển tay lái cho xe ô tô chạy. (dùng động từ làm danh từ)
- sự cố: nguyên nhân sinh ra việc biến .
- công nghiệp: phương thức dùng máy móc biến hóa nguyên liệu thành vật dụng hoặc thành công cụ.

Có lẽ vì những ngôn ngữ mới chế, ép buộc ấy ăn sâu vào tim óc các soạn giả tự điển, nên nhiều khi tiếng Việt trở nên rất ngô nghê.

Trong Từ Điển Tiếng Việt (Văn Tân) nhiều tiếng Việt gốc Hán đã Việt hóa cho ngôn ngữ thêm phong phú thì các tác giả tự điển lại cho là lộn xộn và chủ trương loại bỏ nhiều từ thông dụng. Về điểm này các tác giả viết trong Lời Nói Đầu: “Cái hiện tượng thiếu ngăn nắp trong tiếng Việt kể ra thì còn nhiều”. Cũng trong bài này, khi giải thích cách xếp đặt từ theo thứ tự nào, họ viết: Về trật tự A B C chúng tôi theo đúng trật tự của vần chữ quốc ngữ Việt.

Ngôn ngữ của một dân tộc có phải là một cái tủ áo đâu mà gọi là một ngôn ngữ thiếu ngăn nắp. Và khi sắp xếp chữ theo vần A B C sao không gọi là theo thứ tự mà lại dùng hai chữ trật tự như khi sắp xếp ngôi vị các đảng viên trong Bộ Chính Trị, hay hô hào trật tự trong một đám biểu tình tiền chế để hoan hô lãnh tụ. Họ hô hào làm cho tiếng Việt trong sáng nhưng chính những người làm tự điển lại làm mù mờ và nghèo nàn thêm tiếng Việt.

Cho tới trước năm 1967, ở trong Nam và có thể cả ngoài Bắc khi cần kê cứu tiếng Việt vẫn phải dùng tạm cuốn Việt Nam Tự Điển do Hội Khai Trí Tiến Đức (Ban Văn Học) Hà Nội biên soạn và nhà in Trung Bắc Tân Văn in năm 1931. Cuốn này dày khoảng 700 trang, được tái bản nhiều lần và được dùng rộng rãi vì cuốn từ điển Huân Tịnh Của thì quá cổ cả về định nghĩa và cách viết nên chỉ còn dùng để nghiên cứu mà thôi.

Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức còn thiếu sót nhiều (Ví dụ chữ sen chỉ có định nghĩa là một loài cây dưới nước mà thiếu định nghĩa thông thường nữa là cô giúp việc trong gia đình) nên miền Bắc năm 1967 có Từ Điển Tiếng Việt (Văn Tân) và miền Nam năm 1970 có Việt Nam Từ Điển của Lê Văn Đức thay thế.

Viện Ngôn Ngữ Học của Hà Nội xúc tiến việc soạn thảo một cuốn tự điển Việt Nam mới, và tới năm 1988 nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội in xong tại thành phố Hồ Chí Minh với tên là Từ Điển Tiếng Việt. Sách dày 1206 trang do Hoàng Phê chủ biên. Theo lời giới thiệu ở đầu sách Từ Điển Tiếng Việt là một cuốn từ điển đầu tiên của Việt Nam do một tập thể cán bộ ngôn ngữ biên soạn. Tập thể này gồm 17 người so với cuốn Từ Điển Tiếng Việt (Văn Tân) thì tập thể của Từ Điển Tiếng Việt (Hoàng Phê) đông hơn tới bốn người nhưng không có những học giả quen tên lâu đời như trường hợp từ điển Văn Tân mà toàn là những tên lạ hoắc có thể là những đảng viên được cử vào làm thành viên của Viện Ngôn Ngữ Học.

Trong lá thư đề ngày 7. 3. 1987 in trên đầu sách, thủ tướng Phạm Văn Đồng khen ngợi bộ biên tập, tán dương cuốn sách này là chuẩn hóa tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng cho tiếng Việt.

Cho tới nay từ điển Hoàng Phê đã được tái bản nhiều lần và cuốn mới nhất chúng tôi được thấy là ấn bản 1996. Khi biên soạn Từ Điển Tiếng Việt (Hoàng Phê), các tác giả đã tham chiếu các từ điển trong Nam, ngoài Bắc nên có một số ưu điểm và mới mẻ hơn nếu so với Từ Điển Tiếng Việt (Văn Tân) hoặc Việt Nam Từ Điển (Lê Văn Đức).

So với cuốn Văn Tân, từ điển Hoàng Phê có nhiều từ hơn. Chẳng hạn hai từ thanh nhạc và lâm sàng là hai từ mà báo chí cộng sản thường dùng, từ điển Hoàng Phê có giải nghĩa nhưng từ điển Văn Tân không có và từ điển Lê Văn Đức cố nhiên không có vì hình như trong Nam không ai dùng hai từ này. Về thành ngữ có từ “ đầu “ đứng trước Văn Tân có 14 thành ngữ như đầu của tai neoh, đầu trâu mặt ngựa . . . nhưng thiếu đầu Ngô mình Sở. Hoàng Phê có đầy đủ hơn nhưng nếu so với Lê Văn Đức thì không thấm vào đâu vì trong Việt Nam Từ Điển (Lê Văn Đức) có tới 44 thành ngữ với từ “ đầu “ đứng trước.

Về cách định nghĩa, trong từ điển Hoàng Phê được biên soạn gọn gàng và chính xác. Tuy nhiên cũng còn nhiều trường hợp cần bàn bạc. Chẳng hạn từ trước tới nay khi định nghĩa chữ “cây” các tác giả thường thường theo cách định nghĩa chữ tree hay arbre trong tiếng Anh và tiếng Pháp. Và ghi cây là thực vật có lá, thân mộc, thẳng. Định nghĩa như thế thì hồng, cúc, bầu, bí không được gọi là cây nữa vì chúng làm gì có thân mộc và không thẳng. Trong từ điển Hoàng Phê và Văn Tân cây được định nghĩa là thực vật có thân lá rõ rệt. Vậy nếu tra chữ “tơ hồng” trong từ điển Hoàng Phê thì giống thực vật không có lá rõ rệt này vẫn được gọi là cây. Theo Lê Văn Đức thì cây là tất cả loài thực vật biết ăn phân, chịu sương nắng, sống, lớn và sinh sản. Định nghĩa như thế thì lại quá dài dòng.

Từ “ly” trong Nam thay từ “cốc” ngoài Bắc, từ điển Văn Tân định nghĩa ly là cốc pha lê nhỏ. Từ điển Hoàng Phê định nghĩa là cốc nhỏ để uống rượu. Thực ra cốc và ly chỉ là hai tiếng của hai miền Nam và Bắc chỉ chung một đồ dùng, chữ cốc và ly không hề khác nhau như mèo và hổ. Trong trường hợp này ở từ ly có thể ghi “xem từ: cốc” và khi ở từ cốc sẽ mô tả rõ ràng và chính xác hơn tránh rườm rà mà làm sai nghĩa.

Văn Tân giảng là cốc pha lê nhỏ, Hoàng Phê thêm cốc dùng để uống rượu. Vậy thì những cái cốc làm bằng nhôm, bằng chất dẻo, bằng thủy tinh và mang ra uống nước cam, nước trà mà không uống rượu thì không được gọi là “ly” hay sao?

Về chính tả, tự điển Hoàng Phê viết li với chữ l ngắn và có giải thích là sở dĩ họ dùng l ngắn là tuân hành quyết định ngày 5. 4. 1984 của Bộ Giáo Dục. Cái kiểu ra sắc lệnh bắt phải viết thế này thế nọ là một lẽ thói quen dùng của các chế độ cộng sản. Tuy nhiên có lẽ thấy cách dùng l ngắn nó ngô nghê quá và quyết định của Bộ Giáo Dục cũng phi lý nên nhiều tác giả chẳng nghe theo. Trong cuốn Từ Điển Chính Tả Thông Dụng của Nguyễn Kim Thán do nhà xuất bản Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội in năm 1985 (sau quyết định của Bộ Giáo Dục) tác giả vẫn viết và khuyên nên viết ly, cộng ly với chữ y dài như dân ta vẫn dùng từ xưa tới nay, và cũng là mặc nhiên không coi quyết định của Bộ ra sao cả.

Một điểm nữa là từ điển Hoàng Phê còn rất nhiều từ nguyên văn Anh, Pháp. Từ volt trong từ điển Hoàng Phê được giữ nguyên tiếng Anh với định nghĩa đơn vị đo hiệu thế, điện thế. Ta cũng thấy nhan nhản những từ nguyên văn ngoại quốc khác rồi giảng nghĩa bằng tiếng Việt như logarithm, clinker, logic v . v . . . xếp thẳng hàng với những chữ Việt trong một cuốn từ điển mang danh là Từ Điển Tiếng Việt. Chúng tôi nghĩ việc định nghĩa những tiếng Anh, Pháp như trên là công việc của từ điển song ngữ Anh Việt và Pháp Việt chứ không phải là công việc của nhóm Hoàng Phê. Trừ những tiếng Anh, Pháp đã Việt hóa và viết theo lối Việt như ô tô, sà bông, xe tăng chẳng hạn, chúng tôi thấy cách làm của từ điển Văn Tân khi ghi theo lối Việt như ga men, lô ga rít, vôn, vôn kế, lô gích, ác mô ni ca . . . rồi giảng nghĩa những từ này bằng tiếng Việt hợp lý hơn. Còn nếu làm như Hoàng Phê là ghi cả clinker, logic . . . sao chẳng ghi luôn shool, book, maison, amour . . . cho từ điển Việt Nam phong phú, nhiều từ nhất thế giới.

Một điểm khác cần bàn cãi là địa vị tiếng Việt miền Nam mà Hoàng Phê có ý muốn loại bỏ. Trong Từ Điển Tiếng Việt (Hoàng Phê) có rất ít từ miền Nam. Khi giảng giải những từ vô (vào), mền (chăn), mừng (màn) . . . các nhà soạn từ điển thuộc Viện Ngôn Ngữ Học đã ghi chú là phương ngữ tức là thổ ngữ địa phương. Thiết nghĩ một từ nếu chỉ thông dụng ở một địa bàn thật nhỏ hẹp như cấp tỉnh chẳng hạn thì gọi là thổ ngữ được, nhưng trường hợp những chữ như vô, mừng, mền được đồng bào trên cả một lãnh thổ bát ngát từ Quảng Trị tới Cà Mau đều nói và hiểu mà chỉ coi là thổ ngữ thì người ta có thể ngờ rằng tập thể soạn giả từ điển Hoàng Phê có tinh thần tự tôn, địa phương hay kỳ thị. (Trong từ điển Văn Tân có các từ vô, mừng, mền . . . mà không hề ghi là phương ngữ).

Ngoài Bắc ai ai cũng hiểu những từ vùng, lạc, bít tất, hoa đại . . . mà đồng bào trong Nam chỉ hiểu được khi gọi là mè, đậu phộng, vớ, bông sứ . Tuy vậy trong Việt Nam Từ Điển của một người, Lê Văn Đức, vẫn có những chữ vùng, lạc, tất . . . ghi như là tiếng nói chung của quốc gia. Nếu Lê Văn Đức mà lại ghi vùng, lạc, tất . . . là thổ ngữ thì độc giả miền Bắc sẽ nghĩ sao?

Có thể vì quan niệm phương ngữ của nhóm Hoàng Phê quá khát khe nên rất nhiều từ thông dụng trong Nam bị coi như không có trong ngôn ngữ Việt. Có thể dẫn chứng là trong Từ Điển Tiếng Việt ấn bản đầu tiên từ la ve mà đồng bào trong Nam thường đọc là la de, dùng thay cho từ bia của miền Bắc đã bị loại bỏ không được nhắc nhở. Sau khi từ điển phát hành, trên báo Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh số 528 - 15. 4. 1988 đã có người nêu lên sự bất công này nên ở ấn bản 1994, 1996 của từ điển Hoàng Phê mà chúng tôi được thấy đã bỏ túc sự thiếu sót đó. Tuy nhiên từ la ve và tất cả từ miền Nam thông dụng khác nếu có trong các ấn bản mới của từ điển Hoàng Phê vẫn được các soạn giả giữ vững lập trường coi là chúng là những thổ ngữ chẳng đáng lưu tâm.

Vì người ngoài Bắc không lưu tâm tới thổ ngữ la ve nên khá nhiều nhà văn có tiếng miền Bắc đã phạm lỗi chính tả sơ đẳng khi viết là la de hai từ quá thông dụng này của miền Nam. Vũ Thị Thường trong Câu Chuyện Bắt Đầu Từ Những Đứa Trẻ do nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, Hà Nội in năm 1977, Dương Thu Hương trong Những Bông Bần Ly cũng do Tác Phẩm Mới xuất bản năm 1981 và bao nhiêu nhà văn miền Bắc khác cho tới bây giờ vẫn viết la de với chữ D như những văn hào lóí ngọng.

Nếu từ la ve và những từ miền Nam khác được ghi trong từ điển, trong các sách văn phạm chắc nhiều tác phẩm hay đã tránh được những viên sạn, cắn phải ê răng.

Soạn một cuốn từ điển cho có giá trị không phải là chuyện dễ mà đòi hỏi công sức của nhiều người, thời gian của nhiều năm.

Nhưng vẫn phải làm vì tương lai của một ngôn ngữ luôn luôn phải chuẩn hóa, phải gìn giữ cho trong sáng, chọn lọc thêm từ ngữ cho chính xác và phong phú. Người Pháp, người Mỹ hãnh diện với những Petit Larousse, Petit Littré hay Webster, American Heritage không công kênh như các bộ từ điển bách khoa chỉ khoảng hai ngàn trang mà đầy đủ và chính xác, lẽ nào Việt Nam không có một cuốn từ điển cho đầy đủ dùng được cho toàn quốc, cả ba miền Nam, Trung, Bắc.

Việc đó chúng tôi nghĩ Hà Nội có thể làm được với một Viện Ngôn Ngữ Học trong tay miễn là các soạn giả chịu lắng nghe những ý kiến xây dựng và gạt bỏ sự tự tôn, gạt bỏ tư tưởng địa phương hay kỳ thị.

Cuốn từ điển tái bản tám lần

Cuốn Từ Điển Việt Anh do nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội tung ra thị trường đầu năm 1998 mới thoát nhìn ta thấy có cảm tình ngay. Sách dày 2296 trang, khổ trung 16 và 24 phân (6, 25 và 19, 25 inh) in trên giấy trắng tốt, bìa cứng, dày nhiều màu. Điều đáng nể hơn nữa là giòng chữ A 220.000 từ A ghi ngay bìa sách.

Nhưng khi thấy tên tác giả Bùi Phụng, độc giả khựng lại và hoài nghi. Đây là một cuốn từ điển

có một quá trình cầu thả từ nhiều năm nay bây giờ được bổ sung và in lại. Từ Điển Việt Anh của Bùi Phụng xuất bản lần đầu năm 1977, phát hành tại Hà Nội và một tờ báo xuất bản tại Hà Nội đã chê trách nặng nề. Nhưng phải mãi tới năm 1986 Sài Gòn mới thấy cuốn Từ Điển Việt Anh do nhà xuất bản Trường Đại Học Tổng Hợp in lại và bán tại miền Nam. Trong cuốn tái bản 1986 tác giả viết rằng cuốn sách đã được thành ủy cộng sản Hà Nội khen ngợi, cho phép tái bản và ông cũng đã "chỉnh lý" lại hoàn toàn so với ấn bản đầu tiên.

Liên sau đó trên tuần báo Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh tại miền Nam số ra ngày 15. 4. 1988 đăng một bài vạch ra rất nhiều lỗi lầm sơ đẳng của cuốn tái bản 1986. Ra hải ngoại chúng tôi cũng đã nhận xét sơ qua về cuốn sách đó và đã đăng trên nhiều báo và in trong một cuốn sách xuất bản năm 1995. Chúng tôi xin phép được trích lại vài đoạn tiêu biểu:

Trước hết soạn giả lầm lẫn liên miên về những từ quân sự hay vạn vật. Hãy tạm kể ba từ theo định nghĩa trong từ điển Bùi Phụng:

- Hạ sĩ: Sergeant.
- Rau muống: Spinach.
- Thược dược: Peony.

Theo sự hiểu biết thông thường thì sergeant là trung sĩ, corporal là hạ sĩ. Dahlia là thược dược còn peony là mẫu đơn hoặc bông trang theo tiếng miền Nam. Spinach là giống rau Tây phương ta tạm so sánh với rau giền còn chấp nhận tạm nhưng không thể Việt hóa nó ra rau muống được.

Dịch sang tiếng Anh những từ có tính cách hơi chuyên môn như thế cũng tạm coi là chuyện khó. Nhưng với nhiều từ rất thông thường mà tác giả cũng chọn những tiếng Anh không tương ứng, không chính xác và sai lầm nữa. Hãy lật một số trang và lấy ra một số trường hợp điển hình trong ấn bản 1986 như sau:

- Á đông: Asian. Các nước Á đông: Asian countries.
- Hoạt họa. Phim hoạt họa: Walt Disney movie.
- Bí danh: Penname.
- Lung tung: Roll of drum.
- Tằm tơ: Silkworm.
- Tằm tang: Raising of silkworm.
- Tầm chương trích cú: Plagiarize.
- Tên cúng cơm: First name.
- Hán học: Chinese characters.
- Học thuyết. Học thuyết chủ nghĩa cộng sản: Accept the Communist doctrine.
- Gạo tám: High quality rice.
- Tắm xoan: Perfume rice.
- Hoa quả: Fruits.
- Hoa trái: Flowers and fruits.

Chúng ta hãy phân tách những từ nói trên.

Trong tiếng Việt có từ Âu tây có nghĩa là châu Âu, là phương Tây nhưng từ Á đông không có nghĩa là châu Á mà chỉ có nghĩa là miền đông châu Á. Tiếng Anh từ Asian có nghĩa thuộc về châu Á nhưng không có nghĩa là miền đông châu Á. Vì vậy không thể dịch Asian countries là các nước Á đông mà chỉ có nghĩa là các nước Á châu. Nói như Bùi Phụng thì Ấn Độ, Ba Tư cũng là hai nước Á đông như Nhật Bản, Cao Ly hay sao vì đó là những Asian countries. Để nói

về phim hoạt họa người Anh, Mỹ viết cartoon movie chứ không dùng Walt Disney movie. Walt Disney là người Mỹ nổi tiếng khắp thế giới về những phim hoạt họa của ông như Lọ Lem, Bạch Tuyết nhưng tên ông chưa trở thành một danh từ chung như các nhà khoa học Watt, Hertz hay Bell. Liên Xô hồi xưa cũng có một bộ phim hoạt họa khá hay Hầy Đợi Đấy mà lại gọi là Walt Disney movie thì chắc nhà làm phim Liên Xô buồn không ít.

Bí danh là một tên hiệu để dấu tung tích thật của mình, còn penname là bút danh mà các nhà văn ký trên tác phẩm. Một tổng bí thư hay một anh du kích xã cũng có quyền lấy một bí danh nhưng không thể có penname nếu không có đủ chữ nghĩa để viết sách, viết báo. Lung tung là một tính từ hay trạng từ chỉ sự bừa bãi, mất trật tự tại sao trong từ điển Bùi Phụng lại trở thành roll of drum có nghĩa là hồi trống. Tầm tở là một nghề không thể dịch thành silkworm là con tằm, một động vật. Tầm tang dịch là raising of silkworm chưa đúng vì thiếu từ tang là cây dâu.

Tầm chương trích cú là sưu tầm những câu văn hay, câu văn lạ không thể dịch thành plagiarize có nghĩa là đạo văn, lấy văn người khác rồi ký tên mình. First name theo người Mỹ thì là tên nhưng nếu theo người Việt thì là họ. Ngày nay lưu vong trên đất Mỹ người ta viết ngược lại theo lối Mỹ như Nguyễn Thái Kỳ thành Ky Thai Nguyen thì first name là Ky được nhưng gọi tên cúng cơm chưa hẳn đúng. Học thuyết chủ nghĩa cộng sản dịch là Communist doctrine là đủ và đúng rồi can chi phải thêm chữ accept là chấp nhận vừa thừa vừa sai nghĩa. Gạo tám dịch là high quality rice (gạo thật ngon), tám xoan dịch là perfume rice (gạo có mùi thơm) thì quá mơ hồ. Nếu tác giả vào Nam sinh sống đi chợ sẽ gặp vài chục thứ gạo: Nàng Hương, Nanh Chồn, Sóc Nâu, Chợ Đào . . . thì tác giả có khả năng nào để kiếm đủ từ để dịch các loại gạo hay lại chung chung. Cũng như hoa quả và bông trái là hai từ Nam, Bắc nhưng đồng nghĩa mà sao khi thì có hoa (flowers and fruits) khi thì có quả chẳng có hoa (fruits).

Về chính tả soạn giả đã quá dễ dãi trong một cuốn từ điển. Chúng ta thấy ông dùng những từ như anh mấy tôi (you and me), gái giá (widov) răng há (whore), săn seo (wrinkled), hoi hóp (very weakly) v . v . . . Phát âm "mấy" chỉ là phát âm sai của từ "vời" mà đồng bào miền quê hay mắc phải. Trong truyện Lụa, Tô Hoài tả đôi nhân tình miền quê dùng từ A mấy lỵA thay cho Avới lại@ nhưng ông đã cẩn thận cho in chữ nghiêng. Khi nói tới các chị em ăn sương người ta mĩa mai là Agiang hồ, giang háA chứ không viết là "răng há"ù. Da người khi ngâm nước có thể săn lại và người già thì da "nhăn nheo" chứ không nói "săn seo". Người ta cũng nói "thoi thóp" chứ không dùng A hoi hópA. Từ sau này dùng trong cổ văn hoặc ở vài địa phương hẹp. Người có chông hay vợ chết gọi là "góa", đôi khi chấp nhận từ A hóaA. Ở miền Nam đồng bào nói làAở giá, gái giá, giá chồng" nhưng không viết là "giá". Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị của Lê Ngọc Trụ (Nxb Thanh Tân, Sài Gòn 1959) và Từø Điển Chính Tả Thông Dụng của Nguyễn Kim Thân (Nxb Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội 1984) đều thừa nhận điều đó.

Khi mượn được cuốn Từ Điển Việt Anh tái bản lần thứ tám chúng tôi tra ngay những từ mà chúng tôi nghĩ là sai lầm ghi ở đoạn trên xem có được "chỉnh lý" như tác giả nói chưa?

Chỉ có nhóm từ học thuyết chủ nghĩa cộng sản đã bỏ chữ accept mà lần trước ông giảng là accept the Communist doctrine và từ phim hoạt họa thêm một định nghĩa animated film. Còn lại tất cả những từ mà chúng tôi phê phán như tầm chương trích cú, hoa quả, hoa trái, thược dược, Hán học, Á đông, lung tung, răng há, gái giá, anh mấy tôi, hạ sĩ, bí danh v . v . . . đều còn y nguyên không thay đổi một chữ.

Cuốn sách tái bản năm 1998, tác giả không ghi chỉnh lý nữa mà ghi là "cố gắng sửa chữa và bổ sung" thì không hiểu ông sửa chữa ở những chỗ nào? Chúng tôi hoài nghi và tra cứu thêm thì

lại tìm ra quá nhiều nhược điểm mới, đếm ra không xuể.

Trước hết nói về danh từ sử địa ông sử dụng cả những từ kiểu phiên âm của Hà Nội như Philippin, Ixraen, Indonêxia đồng thời vẫn dùng Cao Ly, Nam Hàn, Triều Tiên, Cao Miên nhưng vẫn còn thiếu Lào, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Liên Xô, Ca Na Đa hay Gia Nã Đại v. v. . . Nhưng ông không thống nhất cách viết hoa các danh từ sử địa. Trong khi Sơn Tinh, Mỹ kim, Mỹ la tinh viết hoa thì thủy tinh và mỹ quốc lại viết chữ thường.

Đó có thể coi là những lỗi ấn loát nhưng trường hợp hai từ cùng nghĩa tầm để chỉ con tầm nhà tợ, Búi Phụng khi thì viết với chữ ă (tầm tợ) khi thì chữ â (tầm tang) không thể đổ lỗi cho nhà in được. Cũng có nhiều lỗi khác không thể chấp nhận được như những từ yêng hùng, ba tui, ba tăng, hĩm . . . mà từ điển nghiêm trang ghi nhận như tiếng nói đứng đắn không chú thích đó là tiếng lóng, tiếng tục.

Những từ định nghĩa không thỏa đáng còn nhan nhản chỉ xin ghi một vài từ mà thôi:

- han: ask.
- hoa hồng bán: selling commission.
- đại hồ cầm: large Chinese violin.
- hai mắt: binocular.
- quả hạnh: almond
- me tây: Vietnamese woman married to French man.
- thủy: beginning.

Từ han đứng một mình có nghĩa là rỉ sét, chứ ngày nay không dùng với nghĩa là hỏi nên không thể giảng là ask; bán hàng thuê từng món để chia lấy công thì chỉ gọi là ăn hoa hồng chứ không ai dùng từ kép hoa hồng bán. Đại hồ cầm mà nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát gọi đùa là đàn trâu và người Mỹ gọi là double bass khác với vĩ cầm, trung hồ cầm không phải là một nhạc cụ gốc Tàu nên không thể gọi là large Chinese violin. Nhóm từ hai mắt không thể giảng là binocular có nghĩa là ống nhòm vì không ai nói một câu tiếng Việt là ATôi mang cái hai mắt đi xem đá banh cho rõA. Cũng như không ghi quả hạnh khi dịch là almond mà phải ghi hạnh nhân. Không ai nói Achè quả hạnhA mà chỉ nói Achè hạnh nhânA. Từ thủy muốn có nghĩa là beginning thì phải viết là khởi thủy và cũng không thể giảng nghĩa thủy chung là beginning and end như trong cuốn từ điển đang nói.

Với tiếng Việt từ me tây có một hàm ý xấu thường để chỉ những phụ nữ Việt lấy chồng Pháp thường không cưới xin, tạm bợ, không vì tình yêu chứ không thể nói chung tất cả phụ nữ lấy chồng Pháp là me Tây được. Nếu dùng từ như vậy thì tất cả phụ nữ Việt lấy chồng Mỹ cũng là me Mỹ sao? Và bà tổng thống Cao Ly Lý Thừa Vãn là người Áo chẳng lẽ trong từ điển Áo gọi bà là me Cao Ly? Dùng chữ như thế có thể bị coi là mạ ly.

Có những trường hợp ông phân chia ra ba bốn từ khác nhau nhưng khi giảng tiếng Anh thì chỉ có một từ mà thôi như ba từ quạ, quạ cái, quạ khoang chiếm ba giòng riêng biệt nhưng bên phần Anh ngữ ba từ đó chỉ gọn ghẽ lặp lại ba lần một tiếng crow. Cũng tương tự ông kê ra đủ thứ khoai lang, khoai ngà, khoai nghệ, khoai ngọt, khoai từ nhưng tất cả đều giảng bằng một tiếng Anh thống nhất sweet potato.

Có những từ không cần phải tách bạch ra làm nhiều từ, nhiều giòng như trường hợp các từ thủy lợi lớn, thủy lợi nhỏ, thủy lợi vừa để rồi cũng giảng chung là conservancy projects với những tính từ chỉ khối lượng đặt phía trước.

Có lẽ muốn cho từ điển được dày ông đã cho ghi những từ lạ.

Chẳng hạn trong hai trang 1248 và 1249, tác giả liệt kê tới 47 từ có từ mỹ đứng đầu trong đó có mỹ cảnh, mỹ chất, mỹ chính, mỹ hiệu, mỹ mục, mỹ sắc, mỹ tài, mỹ tú. Hoặc ở mục cà có cà nát, cà vơ. Những từ này trong Nam không ai biết, ngoài Bắc có ai dùng không nhưng không thấy ghi trong cuốn từ điển mới nhất là Đại Từ Điển Tiếng Việt do Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo (Trung Tâm Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Việt Nam) chủ trương, phó tiến sĩ Nguyễn Như Ý chủ biên cùng với ba phó tiến sĩ khác và nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội in năm 1998, dày gần 2000 trang khổ lớn 19 và 27 phân.

Ở ba trang 1913 - 1915 có đến 132 từ bắt đầu bằng chữ thủy. Ta không thể so sánh tất cả 132 chữ ấy mà chỉ bắt thăm chín từ thủy cần, thủy cầm, thủy cầu, thủy chuẩn, thủy công, thủy hiểm, thủy hoạn, thủy ngọc, thủy quốc thì tới tám từ không có trong Đại Từ Điển Tiếng Việt. Riêng từ thủy công trong từ điển Bùi Phụng giảng là matelot nghĩa là lính thủy nhưng ở ĐTDV lại có nghĩa là công trình thủy lợi.

Cũng trong mục đích làm cho có nhiều từ để có thể trưng ra bìa trong Từ Điển Việt Anh có những từ kép như hai tay: both hands, ba cuộc cách mạng: three revolutions, hai mắt: two eyes, bốn bánh: four wheel, quả bơ: avocado, quả hạnh: almond, quả bưởi: grapefruit . . .

Trong tiếng Việt có những từ đứng một mình cũng đủ nghĩa nhưng cũng có những từ nếu không có loại từ đi kèm sẽ mang một nghĩa khác. Ví dụ nếu viết mực người Việt hiểu là một chất có màu, voi cũng hiểu là con thú lớn có vòi và ngà nhưng ở vần C ta phải có từ kép cá mực, chó mực hay cá voi để cho rõ nghĩa nhưng trường hợp những từ như rô, diếc, chếp, trắm, lòn bơn thì dùng một mình là đủ.

Trường hợp từ cam người ta hiểu là trái hay cây gì rồi khỏi cần phân tách bằng những cụm từ riêng để giảng nghĩa trong từ điển như hoa cam, quả cam, nụ cam, rễ cam, cành cam nữa.

Nếu muốn làm giàu từ bằng cách đó thì tác giả nên thêm vào những từ ba mắt, bốn mắt, năm mắt, năm bánh, sáu bánh, bảy bánh, tám bánh, quả đào, quả chanh, quả quýt . . . cứ thế mà đếm (riêng từ bốn mắt còn có thể ghi giải nghĩa thứ hai là tiếng lóng mắt đeo kính, và ngoài những quả đào, quả chanh ông còn có thể thêm các từ trái đào, trái chanh nữa để khỏi mang tiếng kỳ thị "thổ ngữ" miền Nam)

Ngôn ngữ thường đàm của người Việt còn những dạng như nói lái (sạn công, cộng sản; hổi xạ, xã hội), lặp lại bằng vần iéc (cơm kiéc, nhà nhiéc, vợ viéc), giản lược hai tiếng của miền Nam (ảnh, bả thay cho ảnh ấy, bà ấy) mà đem ghi tất cả vào từ điển thì biết bao nhiêu cho hết.

Phải chăng vì muốn cho cuốn từ điển 50.000 từ năm 1986 biến thành cuốn từ điển 220.000 từ năm 1998 nên Bùi Phụng đã đặt ra nhiều tiếng mà người Việt không ai biết, không ai dùng hoặc nhiều từ trùng lặp. Với cái kiểu làm con voi con voi cái vòi đi trước ấy thì trong lần tái bản thứ chín Bùi Phụng có thể hãnh diễm là người làm phong phú cho tiếng Việt và có thể ngang nhiên ghi ngoài bìa 500.000 từ hay một triệu từ nếu đủ giấy để in và đủ chỗ để bày.

Tóm lại cuốn Từ Điển Việt Anh tái bản lần thứ tám của Bùi Phụng chỉ có thể coi là một cuốn sách đẹp và dày mà thôi. Về nội dung sách biên soạn thiếu khoa học và quá cầu thả, tặc trách.

Từ lần tái bản năm 1986, Bùi Phụng đã viết rằng mục đích từ điển của ông nhằm phục vụ sinh viên và người nước ngoài. Trong lần tái bản thứ tám ông không ghi rõ nhưng chắc lập trường phục vụ của ông hẳn vẫn không thay đổi. Nếu vậy thử hỏi nếu người ngoại quốc tra Từ Điển Việt Anh và tin vào những từ sai nghĩa, sai chính tả lẫn những từ ngọng, từ tục mà cho rằng đó

là ngôn ngữ đứng đắn thì họ sẽ nghĩ sao về tiếng Việt mà Hà Nội vẫn luôn luôn nói là trong sáng, là ngôn ngữ của một dân tộc có bốn ngàn năm văn hiến.

Vẫn còn chuyện hồi ký

Trong bài Không Có Xe Nằm Nhà Đọc Hồi Ký chúng tôi viết rằng hồi ký không phải là văn vì chẳng ai gọi những người viết hồi ký là văn hào hồi ký trong khi lại nhắc tới hồi ký của ngài thủ tướng nước Anh Sir Winston Churchill. Thật là dốt khi quên rằng ngài Churchill chẳng được giải thưởng văn chương quốc tế Nobel năm 1953 hay sao? Dù rằng sau khi rời chính trường ông có đi làm báo, viết nhiều sách cả sách về thế chiến I lẫn thế chiến II nhưng ai cũng biết hội đồng Nobel trao giải văn chương cho ông chính là nhắm vào bộ sách The Second World War (Thế Chiến Hai) đồ sộ gồm 6 cuốn của ông.

Bộ sách rất đầy đủ, nhiều chi tiết kèm theo cả các bản sơ đồ, nguyên văn các văn kiện, thư từ v. v . . . như là một bộ sử, như một công trình biên khảo mà Churchill không nhận mình là sử gia, biên khảo gia mà chỉ ghi là hồi ký chiến tranh thôi. Vậy thì Churchill là văn hào hồi ký đấy!

Cũng có người xấu mồm nói rằng các giải thưởng nhiều khi chẳng tuyệt đối vô tư, không nhắm vào giá trị thuần túy của tác phẩm, mà thường bị chi phối bởi chính trị, bởi sự gửi gắm giới thiệu, bởi muốn hợp thức hóa tài năng một người về nhiều mặt, về nhân đạo và về uy tín của người được trao giải nữa. Họ nói nếu ngài Churchill không phải là thủ tướng, không phải là một lãnh tụ lỗi lạc trong cuộc chiến tranh chống phát xít Đức mà chỉ thuần túy là tác giả bộ Thế Chiến Hai thì chắc gì mấy ông chấm Nobel văn chương ngồi bên Thụy Điển đã nghĩ tới.

Cũng như hai tài tử điện ảnh James Stewart và Robert Mitchum đều có tác phẩm điện ảnh để đời nhưng chưa thể phân định ai đã hơn ai. Hai tài tử ra đi chỉ cách nhau có ít ngày nhưng Stewart được đương kim tổng thống phân ưu, bà cựu tổng thống phúng điệu mà Mitchum thì không, vậy phải hiểu rằng vị nguyên thủ phân ưu với một tài tử điện ảnh đấy nhưng cũng là phân ưu với thiếu tướng Stewart có công trong thế chiến II nữa chứ.

Cũng như Diana, giá nàng chỉ là một thường dân và cuộc đời không chìm nổi, nhan sắc không dễ coi thì dù có làm mười lần việc từ thiện như Diana đã làm cũng chẳng có bao người nhắc tới, có ai mua hoa thương khóc, có phóng viên nào theo sát cả lúc nàng ăn, nàng ngủ, nàng vào phòng tắm?

Nhưng nói lan man lại lạc mất đề rồi. Đang nói chuyện hồi ký mà.

Hồi ký nổi tiếng, bán chạy nếu không vì những sự kiện liên hệ tới thời sự bên ngoài mà chỉ nói chuyện riêng tư của mình thì cũng phải thế nào mới được người ta chú ý. Hồi ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng là một trường hợp đặc biệt. Cũng một bộ như Churchill nhưng Churchill sáu cuốn dày, Ngọc Dung chỉ có hai, hai cuốn mỏng. Churchill nói chuyện đao to búa lớn bao trùm thế giới, Ngọc Dung chỉ nói chuyện riêng, chuyện tình mình.

Hai cuốn Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội và Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương vừa ra đời đã khá ồn ào. Là một nhà văn nữ mới ra sách đầu tay, bà Dung đã bị ngay mấy nhà văn cùng giới phụ nữ đánh tơi bời. Không hiểu ai khai pháo đầu tiên nhưng chúng tôi chú ý tới cuốn sách này do bài của Hoàng Dược Thảo với bút hiệu Đào Nương mở màn trên ba trang báo Sài Gòn Nhỏ số ra ngày 25. 10. 1996 sau khi cuốn Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương được ra mắt trong buổi

lễ um sùm tại hội trường nhật báo Người Việt ở Westminster, CA. Nguyễn Tà Cúc tiếp theo với bài Đọc Sài Gòn Nhớ Mưa Thương đăng liền trên hai số Thời Luận ngày 21 và 28 tháng 11. 1996. Bà cũng còn một bài dự trữ rất dài nhưng chưa phổ biến. Trần Thị Vĩnh Tường thoạt đầu khen cuốn I, rồi khi cuốn II xuất hiện thì bà nghiêm khắc phê phán trong bài Giải Oan chữ nhỏ li ti đăng liền trên hai số Văn Nghệ Tiền Phong 519 và 520 phát hành hồi tháng 8 năm 1997.

Cũng có thể còn có những bài khác nữa của các cây viết nữ khác?

Phụ nữ với nhau phải hiểu nhau hơn đàn ông chứ, phải bênh nhau chứ! Có sao lại nặng lời? Đàn bà đều ghen chồng, chẳng ai thích người chồng lăng tử nhưng ba nhà nhà báo nữ nói trên lại thương cảm người đàn ông nhân vật chính, chồng cũ của Nguyễn Thị Ngọc Dung chính vì không đồng ý với Ngọc Dung khi bà lôi lại dĩ vãng mấy chục năm một cách quá nặng lời.

Những điểm mà Ngọc Dung bị phê phán là bà đã phạm những sai lầm khiến độc giả có thể hiểu lầm về người phụ nữ Việt Nam và những quân nhân Việt Nam Cộng Hòa nhất là khi bà Dung có ý định dịch hai cuốn hồi ký của bà sang Anh ngữ.

Có thể tóm tắt vài điểm sai lầm của bà Dung được các đồng nghiệp nữ kể ra là: đánh giá sai người dân tỉnh Quảng Nam qua một nhân vật người làm thuê mà tác giả nói rằng hỗn xược và ngu dốt, nhận xét sai về các binh chủng VNCH, sai về những con số trong chiến cuộc Việt Nam, nói sai về tư cách một vị tướng không nói tên nhưng dễ đoán là ai, mô tả sự xử sự quá đáng của tác giả trong gia đình chồng cũ khiến người ngoại quốc có thể tưởng là đa số phụ nữ Việt Nam đều như thế v. v . . .

Trừ những nhược điểm đã được nêu trên báo chí, về các mặt khác thì công bằng phải kể bộ hồi ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung có nhiều ưu điểm. Chỉ là một tác phẩm đầu tay nhưng bà đã viết khá vững chãi, trí nhớ của bà thật minh mẫn, những chuyện xa xưa được bà kể lại thật là sống động.

Tuy giận chồng, nhưng vẫn đắm đuối, vẫn yêu chồng, ly thân rồi nhưng tơ tằm chưa dứt, tâm lý diễn tả như vậy phải kể là hay.

Đây là tâm trạng rối bời vừa thương vừa ghét của một người đàn bà đa cảm. Bẵng đi khá lâu sau khi hai người ly thân, tối 30. 12. 1967 Nguyễn tới rủ Dung đi chơi. Nàng rất vui, chọn chiếc áo đẹp nhất, trang điểm kỹ lưỡng rồi tới quán Thanh Thanh bên xa lộ khiêu vũ với Nguyễn:

Trong ánh nến lung linh huyền ảo của nhà hàng vũ trường đêm đó, tôi đã quên tình trạng ly thân, ly dị với Nguyễn và trao gợn hình mai dáng liễu trong vòng tay êm ái của chàng. Nguyễn ôm tôi không khoảng cách. Tim tôi rung động thốn thức như thuở mười chín, đôi mươi. Với bước nhảy kinh nghiệm vững chãi Nguyễn đưa tôi theo điệu Rumba quyến rũ, Slow khêu gợi. Tôi muốn quên không gian, thời gian tan biến vào thân thể của chàng mãi mãi. Tôi khép mắt để mơ thấy mình đi trên con đường tình yêu với Nguyễn để tận chân trời vô tận. (Sài Gòn Nhớ Mưa Thương, trang 225)

Đắm đuối như thế đấy nhưng khi sự nhớ ra điều gì, trông thấy cái gì hay kỷ niệm buồn gì thì nữ tính của tác giả lại vùng lên, nổi sùng ngay.

Ở trang 242 SGNMNT có bức ảnh chụp năm người, thay vì chú thích từ trái sang phải như thông lệ, tác giả lại ghi: Từ phải sang trái: anh Khánh, anh Châu, bà nội, anh Uẩn. Chỉ có bốn

người. Người thứ năm trong ảnh không được nhắc đến nhưng nhìn thoáng anh chàng duy nhất đứng, vận com lê thất cà vạt sọc xéo ấy ta nhận ngay ra nhà văn Văn Quang tức nhân vật Nguyễn, người làm say sưa và điều đứng cuộc đời tác giả và cũng trở nên một trong những đề tài chính cho cuốn sách gây nhiều sôi nổi này.

Đoạn tả Dung gặp Nguyễn trong phòng ngủ chung của trường Đại Học Quân Sự nơi Nguyễn chỉ có một giường:

Nguyễn ngả người trên giường, một tay chống đầu một tay vuốt tóc tôi:

- Em nằm xuống đây nghỉ với anh.

Tôi nhìn xung quanh:

- Kỳ quá anh, không được!

Nhưng Nguyễn đã nhanh tay kéo tôi ngã xuống bên chàng và tung chăn trùm kín cả hai. Nguyễn bắt đầu ôm hôn, sờ soạng vợ lia lịa. Tôi càng chống cự chàng càng tham lam. Tôi trở sang thế thụ động, nằm yên để Nguyễn dụ cơn sôi động. Tôi thì thầm:

- Đứng, anh ơi, đứng! Thấy mình lục đục trong chăn người ta cười cho. Anh làm tới, lát nữa em phải đội cái chăn này đi ra cửa đấy. Xấu hổ chết mất!

Quả nhiên ngọn núi lửa hạ hỏa dần, không đòi phun nhám thạch bất tử.

...

Sau cùng, tôi thoát ra khỏi cái chăn nhà binh hôi mùi len dạ. Khi ngồi dậy chải tóc, thoa chút phấn hồng, môi son, tôi thấy một người vẫn nằm chăm chú đọc sách ở một góc phòng từ lúc tôi vào. Ông ta có vẻ không để ý chuyện xung quanh, nên tôi đỡ mắc cỡ, cùng Nguyễn đi ra ngoài ba rắc. (SGNNMT 180, 181)

Trong Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương, trang 177, 178 khi tả Phạm Huấn đến giục Dung đi thăm Nguyễn đang học trên Đà Lạt, Dung nói Nguyễn đang có bồ, Huấn phản ứng:

Người bạn bất đồng rõ rệt:

- Chị nói thế không được. Chị không cần, nhưng cái gia đình bốn đứa con này cần Nguyễn.

Thấy tôi im lặng, Phạm Huấn sốt sắng hỏi tiếp:

- Chị đi ngày mai hay ngày mốt?

Tôi nói trong xa vắng:

- Đúng vậy, nếu chỉ có bản thân, tôi về với bố mẹ là yên chuyện. Nhưng còn bốn đứa con. Thôi thì nghe anh vậy!

- Phải lắm, tôi lấy vé máy bay cho chị đi ngay ngày mai và sẽ đưa chị ra phi trường.

Nghĩ đến sự tổn kém và làm phiền Phạm Huấn, tôi nói:

- Cám ơn anh, tôi sẽ đi, nhưng chưa biết mai hay mốt. Tôi phải thu xếp vài việc và đi xe Minh Trung cũng nhanh chóng.

Trước khi về, Phạm Huấn nhất mực bắt tôi hứa sẽ đi Đà Lạt và dọa:

- Ngày mốt tôi đem xe qua đây, nếu chị còn ở nhà tôi sẽ bốc chị lên phi trường.

Có lần gặp Phạm Huấn tôi kể đoạn văn này, Phạm Huấn nói chuyện đó không có nhưng chúng tôi đều đồng ý là tuy là đoạn văn tưởng tượng nhưng diễn tả khá đúng tâm lý và ngôn ngữ của Phạm Huấn. Thiết tưởng đó cũng là cái tài của Nguyễn Thị Ngọc Dung vậy.

Đầu thập niên 1940 Thạch Lam đã bày tỏ là ông rất phàn nàn là đồng thời với ông, phái nữ lưu hình như thiếu sức, thiếu hơi để viết một tác phẩm vững chãi. Ông cho rằng không ai hiểu đàn bà hơn là đàn bà. Và ông thêm muốn được biết những ý nghĩ thầm kín nào trong vầng trán những phụ nữ kiều diễm trang nhã mà ông thường gặp hàng ngày. Ông thêm muốn và phải viết thành câu trong Theo Giọng rằng:

"Những ý nghĩ của một người đàn bà!" Tôi bằng lòng đánh đổi cả một đời để được biết, vì tôi bắt đầu nghi ngờ những điều mà tôi đã tự tìm hiểu một mình.

Thạch Lam không nói rõ là những ý nghĩ thầm kín của đàn bà về chuyện gì nhưng người ta đoán chắc ông muốn nói những tình cảm thực của phụ nữ về tình yêu, về tình dục mà phong tục của ta chưa cho phép. Hồi đó đã có Tương Phố, Mộng Tuyết, Vân Đài, Hằng Phương đấy . . . nhưng các bà chỉ nói chuyện mây gió, sầu tư.

Giá nhà văn Thạch Lam còn sống tới bây giờ hẳn ông phải hài lòng về hàng ngũ áp đảo của nhà văn nữ Việt Nam - nhất là ở hải ngoại - với những đề tài xông xáo của họ. Từ trước 1975, Nguyễn Thị Thụy Vũ đã táo bạo, số sòng (Mèo Đêm, Lao Vào Lửa), Nguyễn Thị Hoàng cho cô giáo yêu học sinh (Vòng Tay Học Trò), Trùng Dương cho xẻo bộ phận sinh dục kẻ thù vút vào bụi rậm (Truyện ngắn Bí Mật Cửa Rừng Già), Phạm Thị Hoài với nhân vật chính củ bự có thể xuyên suốt lưng người nữ như xuyên chả nướng (Marie Sến) và biết bao nhà văn nữ khác cho nhân vật của mình làm tình tưới hạt sen trên các trang văn, chồng đang đi đường cũng rên lên với vợ là muốn quá sờ coi nè, vợ mang bầu như cái trống chồng cũng đòi chui vào thăm con v . . . Mới đây nhất chúng ta còn được Nguyễn Thị Hoàng Bắc khuyên nhân vật của bà nếu khó tính, chán chuyện tình âm dương, nam nữ bình thường thì hãy đồng tính luyến ái. Bà viết:

Lấy chồng rồi, Hằng mới biết đàn ông không dâm dăng thì không thực là đàn ông. Ngoài ra lúc nào họ cũng là những chú nhỏ luôn luôn ủng oảng với các đàn bà khác nhưng khi vắng vợ nghĩa là vẫn giữ nguyên thói quen bám đít mẹ lúc bé. Không chịu được hai điều kiện đó thì tốt hơn không nên lấy chồng hoặc là nên theo kiểu mới, là hãy yêu một người đàn bà (Kéo Neo Mà Chạy, Nxb Văn Mới, Los Angeles 1997, trang 13, 14).

Về mặt này thì Nguyễn Thị Ngọc Dung không tinh ranh bằng các nhà văn trẻ tuổi. Hãy nghe bà kể về kinh nghiệm đàn ông của bà:

Hai cánh tay vươn ôm vai Nguyễn, tôi buông mình trong vòng tay chàng xiết chặt cái eo gầy, áo sát. Có một lúc tôi đã hỏi Nguyễn:

- Bữa nay anh phải đeo súng ừng chiến hay sao?

Nguyễn xích xa người vợ ly thân, đắm đuối nhìn sâu vào mắt nàng. Chàng cười rộng, không trả lời và ôm nàng chặt hơn để nàng lại chạm vào súng. Tôi nghĩ đến cái súng lục nhỏ xinh xắn, trắng như bạc của Nguyễn mà một lần tôi đã giấu đi và dọa sẽ bắn tan xác bất cứ con tình nhân nào của chồng, nhưng sau khi nghe chàng cuống quýt thề thốt, năn nỉ tôi đã trả lại. Từ đấy Nguyễn không dám đem súng về nhà. Tuy đã bốn đứa con, ở khía cạnh nào đó Ngọc Dung vẫn ngây thơ, không biết người ta chỉ đeo súng bên hông, bên đùi . . . , chứ không giữa hai đùi. (SGNNMT tr. 227)

Tóm lại hai cuốn hồi ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung không phải là những cuốn sách dở, nhưng bị nhiều người lên án vì vài chi tiết trong nội dung của nó. Nhất là khi bà có ý định dịch sang Anh văn cho người Mỹ đọc và có tham vọng nó phổ biến khắp năm châu.

Đã cầm bút ít ai không có hoài vọng tác phẩm của mình có nhiều người đọc. Từ khi văn chương Việt Nam bắt đầu xuất hiện bằng Việt ngữ đã có những nhà văn Việt Nam viết văn bằng Pháp ngữ như Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Tiến Lãng, Cung Giũ Nguyên v. v . . . vì họ muốn văn họ phổ biến rộng hơn trong phạm vi người đọc tiếng Việt. Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã không nói tới những nhà văn viết bằng Pháp ngữ vì cho rằng đó không phải là công việc của người phê bình văn học Việt Nam mà là công việc của những nhà phê bình viết về văn học Pháp.

Trường hợp người Việt ở hải ngoại nay có khác. Đa số họ đã nhận quốc gia cư trú là quê hương thứ hai, đã trở thành người Mỹ, người Pháp, Thụy sĩ, Thụy Điển . . . vì quê hương chính đã rơi vào tay cộng sản mất rồi mà ta chưa thể trở lại. Chuyện viết văn, dịch văn sang tiếng Anh là chuyện nên, nếu chẳng nói là cần làm.

Dù người Việt có trở thành người Mỹ thì cũng không thể quay lưng quên được cội nguồn. Người Pháp, người Anh, người Ý, Đức có những người mà tổ tiên họ tới đây đã cả thế kỷ vẫn còn tự hào về nguồn gốc của họ. Có những thị trấn mang tên Pháp (Baton Rouge, Louisiana) tên Đức (New Ulm, Minnesota) tên Nga, tên Ý v. v . . . Người Việt là một cộng đồng thiểu số tương đối mới với người Hoa Kỳ, mà cũng đã có Tiểu Sài Gòn, được chính thức công nhận, được mệnh danh là thủ đô tị nạn ở Cali. Người Mỹ nếu muốn hiểu người Việt qua sách vở, chắc chắn họ sẽ nghĩ rằng sách viết về Việt Nam do người Pháp hay người Mỹ viết không thể nào sâu sắc bằng do chính người Việt viết ngoại trừ sách báo cộng sản luôn luôn bị gò ép tuyên truyền.

Vì lẽ đó sách do người Việt quốc gia viết bằng Anh ngữ liên quan tới Việt Nam nếu sơ hờ kiểu *When Heaven and Earth Changed Places* (Trời Đất Đổi Thay) của Lệ Lý Hayslip sẽ có một tác dụng tai hại. Độc giả Mỹ sẽ nghĩ người Việt đúng là xấu như thế vì đó là chính do người Việt hay người gốc Việt có quốc tịch Mỹ kể ra.

Trường hợp hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung nếu bà sửa lại những khuyết điểm đã được báo chí và độc giả nêu ra, có nhiều điều chính bà đã nhận là sơ sót thì có điều kiện dịch và rồi in ra bằng Anh ngữ cũng là một điều tốt.

Một đất nước, một thành phố, một tập thể hay một con người không có gì có thể thập toàn. Phải có điều hay điều dở là lẽ đương nhiên, nhưng khi kể lại chẳng nên bịa thêm nhiều cái xấu hoặc làm nổi bật quá nhiều cái xấu và làm chìm lấp những cái hay cái tốt, tự mình vạch áo cho người xem lưng.

Tấm thân để lộ ra cho người thương chiêm ngưỡng thì thật nồn nà mát rượi, thơm như quế, mượt như nhung. Vậy thì khi vạch ra cho công chúng đều biết thiết tưởng cũng nên ý tứ, chẳng vô tình để lộ ra đúng chỗ có nốt sẹo hậu quả của chủng ngừa đậu mùa từ thời thơ ấu.

Nỗi nợ

Trong những trạng thái tình cảm của con người, người ta hay nhắc tới thất tình là mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn. Cái tình cảm sôi nổi được người ta nói tới nhiều nhất là ái hay yêu tạo nên bao hạnh phúc nhưng cũng gây nhiều đổ vỡ, hận thù, bắn giết nhau . . .

Tuy vậy cái trạng thái tình cảm xếp hàng thứ tư là sợ không sôi nổi như yêu nhưng thực ra tuyệt đại đa số chúng ta đều thường xuyên biểu lộ hơn cả.

Sống dưới các chế độ độc tài và cộng sản, người dân luôn luôn nơm nớp lo sợ bị tù, bị giết, bị xiết dạ dày cho đói meo vì không tuân các lệnh phi lý là một chuyện hiển nhiên khỏi nói dài dòng.

Nỗi sợ phổ biến khác bất cứ ở đâu khi mà có hai giống đàn bà và đàn ông có lẽ là sợ vợ. Điều này ta thấy hàng ngày trong đời sống từ ông đứng đầu cường quốc tới kẻ bạch đình chứ không ai còn lạ nữa. Nhưng với người Việt ngay cả trong thơ văn, tư tưởng, nỗi sợ cái nữa mình yêu quý cũng biểu hiện cả trên giấy trắng mực đen để lưu truyền.

Tiền bối của chúng ta là cụ nghề thi sĩ Nguyễn Khuyến đã phải la lên rằng ông sợ bà hơn cả ông Trời:

Ô hay sao vợ hơn giờ nhi ?
Vợ chỉ hơn giờ có cái trai.

Gần đây lúc sinh thời hãn nhà thơ Nguyễn Bính cũng sợ vợ thấy mờ nhưng không nhận mà còn làm thơ nói chuyện bạn mình lấy vợ, đổ cho bạn bằng cách nói xa xôi bóng gió:

Đôi tay người đẹp trông mềm thế.
Tôi có ngờ đâu khóa được người.

Nhưng quần chúng thì thật thà hơn nói toạc móng heo ra cái sợ vợ của những nhà khoa bảng:

Văn chương chữ nghĩa bề bề,
Thần lờ nó ám thì mê mẩn đời.

Bà thần mà đã làm cho mê mẩn thì hẳn là làm cho sợ bà như đứng trước long nhan chứ còn chối cãi chi được nữa. Nhưng thôi đừng đụng tới bà thần này khiến bà nổi giận thì phiền lắm, tan cửa nát nhà như không.

Hãy quay sang một cái sợ khác là sợ nói thực, nói thật về văn chương. Còn nhớ khoảng thập niên 1950 hay 60 gì đó mấy cơ quan ngôn luận lớn tại Ba Lê, thủ đô nước Pháp hợp tác với nhau tuyển chọn và cho in một cuốn sách nhan đề là 56 Meilleures Nouvelles du Monde, 56 Tân Truyện Hay Nhất Thế Giới (hoặc là cuốn 54 Meilleurs Contes du Monde do nhà Gallimard, Paris xuất bản) trong đó nhắc tới truyện Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp của Hồ Hữu Tường tuy không in trong sách nhưng được lọt vào vòng bán kết. Truyện được chấm là hay nhất trong 56

truyện được tuyển lựa là truyện Pourquoi? (Tại sao?) hình như của nhà văn Pháp Alain Poitou. Khá nhiều người chịu khó đọc hết truyện này chẳng thấy nó hay ở chỗ nào cả, nhưng hỏi mấy ông nhà văn, nhà báo, nhà trí thức thì ai cũng gật gù nghiêm trọng nên cũng sợ chẳng dám nói cái không thích của mình.

Điều đó cũng không phải chỉ xảy ra với Pourquoi? Vì trong lãnh vực văn chương có nhiều điều cao siêu bí ẩn lắm, người bình thường không thể biết được.

Đầu thập niên 1950 nhà văn Aùì Nhĩ lan Samuel Beckett cho xuất bản cuốn kịch mỏng tang En Attendant Godot (Trong Khi Chờ Godot) chỉ một thời gian ngắn đã được dịch sang 20 ngôn ngữ trên thế giới, và được trình diễn thành công nhiều lần trên nhiều quốc gia. Năm 1969 Beckett được trao giải thưởng Nobel văn chương. Ở Việt Nam không được xem trình diễn vở Trong Khi Chờ Godot thì cũng phải tò mò đọc vở kịch khoảng 100 trang này qua bản Pháp, Anh văn hay bản Việt ngữ vì riêng ở VNCH thôi ít nhất cũng đã có tới hai bản dịch. Xem xong thì mười người tới chín chẳng thấy nó hay ở đâu. Vở kịch trừ ba nhân vật phụ trong đó có Lucky như cầm như điếc, hai nhân vật chính lúc thì gặm xương, lúc thì nói chuyện với nhau nhát gừng, cộc lốc không có gì gây cần, khúc mắc, không kịch tính. Kịch có hai màn thì màn hai cũng tương tự như màn một.

Khán giả khi đọc hoặc nếu được xem Trong Khi Chờ Godot chắc hẳn phải ngẩn người ra như vịt nghe sấm nhưng nó được ca tụng quá nên sợ chẳng dám phát biểu ý kiến gì. Tuy nhiên cũng gật gật cái đầu, đôi khi chép chép cái miệng, lên tiếng xuýt xoa. Những người xung quanh cũng vậy và tất cả đều tỏ ra trí óc mình cao sâu hiểu được cái thâm trầm của những đối thoại lặp đi lặp lại, nhát gừng, cộc lốc mà các ông chắm giải Nobel có khi đã hiểu.

Sau cái hướng dẫn thường ngoạn của các nhà đại trí thức, thái độ thường ngoạn của dân thì thường phải như thế. Còn nhớ một lần bên Pháp, văn đoàn Goncourt tại Ba Lê họp chắm giải văn chương, một giải thưởng tuy đứng sau giải Viện Hàn Lâm Pháp nhưng uy tín có lẽ còn hơn cả giải hàn lâm. Trong vòng bầu thứ nhất các ông hàn chọn hai cuốn tiểu thuyết A và B, nhưng cả hai cuốn chia phiếu nên không cuốn nào đủ đa số quy định. Sang vòng hai sau những giờ phút suy nghĩ đăm chiêu, kết quả cuốn B có vượt phiếu lên nhưng cũng vẫn chưa đạt được đa số cần thiết. Các ông hàn ra uống cà phê xả hơi rồi vào bỏ phiếu vòng ba thì kết quả thật bất ngờ. Hai cuốn A và B đều bị loại trên danh sách "hoa hậu" và cuốn trúng giải với đa số lại là cuốn C mà hai lần trước các ngài hàn chẳng chú tâm là bao.

Thế là thế nào? Kết quả được công bố trên báo chí, phát thanh, độc giả ào ào mua cuốn sách C, ngấu nghiến đọc xong rồi hay dở cũng chẳng dám nói thật vì nghĩ tới các ông hàn Goncourt trịnh trọng thì sợ quá rồi sao dám chê các . . . ông.

Thập niên 1960 ở Pháp có mấy nhà văn nổi lên gây một phong trào văn chương mới đã phá những nền nếp cũ. Họ tự coi như những nhà văn tiên phong nêu cao ngọn cờ cách mạng văn tiểu thuyết. Đó là những ông, bà Alain Robbe Grillet, Michel Butor, Nathalie Sarraute . . . Họ chủ trương viết khác thường để cho độc giả bình thường chẳng sao hiểu được. Về hành văn có vị chủ trương viết những đoạn văn dài lê thê hàng hai ba trang chẳng thèm chấm câu. (Chuyện này không mới vì Marcel Proust đã làm từ lâu rồi). Vị khác thì cho rằng viết mà để nhân vật ở ngôi thứ ba "ông, bà, chàng, nàng" hay tác giả xưng "tôi" ở ngôi thứ nhất thay cho nhân vật là cổ quá rồi, phải cách tân. Và tiểu thuyết gia bèn phát minh ra lối xưng hô mới mẻ bằng ngôi thứ hai, chỉ mặt nhân vật xưng hô "anh kia, chị kia" như cảnh sát gọi can phạm.

Có một số nhà phê bình viết bài ca tụng, bốc thơm. Độc giả quen lối văn trong sáng, dễ hiểu khi đọc các nhà văn này mới thấy hụt hẫng, bỡ ngỡ, thấy không hay nhưng báo chí, truyền thanh

ca tụng quá, thành ra sợ không dám nói thật cảm tưởng của họ, mà đôi khi phải khen theo, hoặc gật gù cái đầu tỏ ra hiểu biết, thông thái, có óc thường ngoạn cao. Chỉ có ông văn hào Francois Mauriac có lẽ nhờ mình là ông hàn trong Viện Hàn Lâm Pháp nên đã gan góc đả kích cái cách mạng văn chương của mấy nhà văn trẻ.

Ở Việt Nam cũng có Triều Đầu công khai chê truyện Tại Sao? Và Mỹ Tín gián tiếp chê Trong Khi Chờ Godot.

Nhưng đa số độc giả bậc thường, chỉ gật gù, xuýt xoa, chép miệng thì sẽ nghĩ rằng các ông Đầu, ông Tín, ông Riach là những người bất thường, không điên thì cũng bệnh tâm thần, đi ngượng trào lưu tiên bộ của văn học thế giới.

Quay về xứ Mỹ nơi đứng đầu về tự do mà có người cho là tự do quá trốn cũng có nhiều nỗi sợ mà nỗi sợ lớn nhất hẳn phải là sợ súng.

Kể từ cuộc nội chiến Bắc Nam, trong nội địa nước Mỹ không hề có cuộc chiến nào lớn nữa nhưng số người chết vì súng đạn vẫn là kỷ lục. Như một cuộc chiến triền miên của thời bình trên hè phố, trong quán rượu, trong trường học, trong nhà thương, trong nhà thờ . . .

Ở Mỹ có khoảng 1200 hãng chế tạo súng mà chỉ cần đóng 150 đô la và chịu sự thanh tra một lần là có giấy phép sản xuất. Hiện nay toàn quốc có khoảng 220 triệu khẩu súng và hàng năm chế tạo thêm 6 triệu, chưa kể súng nhập cảng. Mua súng thật dễ dàng tại các hội chợ và số súng mất cắp hàng năm cũng tới 200.000 khẩu. Con số người chết vô duyên vì súng thì cứ mở bất cứ ti vi ở địa phương nào cũng thấy thường xuyên như cơm bữa. Riêng trẻ em thôi, theo thống kê công bố ngày 28. 3. 1998 của tổ chức Quỹ Bảo Vệ Trẻ Em (Children's Defense Fund) cho biết ở Hoa Kỳ cứ mỗi chín mươi phút có một em bé chết vì súng.

Sau vụ ám sát tổng thống Kennedy, quốc hội Mỹ ban hành luật hạn chế súng nhưng chỉ ít năm sau nghe êm êm những đạo luật này lại được sửa lại do đa số những nhà lập pháp yêu súng hoặc bảo vệ cho cử tri thích súng hơn là chuyện khác.

Cho tới ngày 19. 4. 1999 hai học sinh vị thành niên của trường trung học Columbine, CO mang súng và bom tới trường định phá nổ trường nhưng không thực hiện nổi nên hai kẻ sát nhân trẻ tuổi này đã bắn chết 12 học sinh, một giáo viên rồi tự sát. Vụ nổ súng gây rung động nước Mỹ và cả thế giới.

Cũng trong thời gian ấy Hội Súng Toàn Quốc Hoa Kỳ đang chuẩn bị đại hội thường niên với trên 22000 hội viên tham dự chỉ cách nơi ngôi trường án mạng vài dặm. Tài tử Charlton Heston, chủ tịch hội súng khi trả lời phỏng vấn không thấy chia buồn với gia đình các em học sinh xấu số mà nói một câu cũng đáng ghi vào lịch sử rằng đó là lỗi của cha mẹ các em học sinh thủ phạm.

Câu nói của tài tử Heston khiến ta nhớ tới một danh ngôn khác tận nước Anh từ năm 1996. Năm đó một tên khủng mang súng vào trường bắn một hơi chết 16 học sinh, khiến sau đó quốc hội phải thảo luận, chấp thuận một đạo luật hạn chế súng. Đạo luật nghe cũng nhân đạo nhưng có một người Anh ham súng hơn mạng sống trẻ thơ lại phản đối và người đó chính là hoàng tể Philip, chồng của nữ hoàng Elizabeth II. Ông nói súng chỉ là một dụng cụ thể thao có làm gì nên tội, nếu bây giờ một cầu thủ bóng cricket dùng chày thể thao đánh chết một học sinh thì cũng phải ra luật cấm chày cricket hay sao. Câu nói vô trách nhiệm của ông chồng chỉ bám vào áo vợ này khiến nhiều người bất mãn, và ông chồng chỉ biết ăn chơi ấy phải công khai xin lỗi. Đúng là chồng đại vợ mang.

Trở lại nước Mỹ, sau vụ trường Columbine chỉ một tháng, ngày 19. 5. 1999 một học sinh khác ở Georgia mang súng tới trường trung học Heritage bắn loạn xạ khiến 6 em học sinh bị thương.

Tu chính án thứ hai của hiến pháp Mỹ từ năm 1791 quy định công dân được quyền mang, giữ súng. Trên báo Los Angeles Times ngày 11. 8. 1999 có thư lên tiếng muốn hủy bỏ cái tu chính án này. Chắc hẳn vì ông ta thấy mang tiếng được quyền mua súng để ngừa trộm cướp nhưng mỗi năm không nghe nói người có súng ngăn được mấy vụ cướp mà chuyện dùng súng để ăn cướp, để giết con, giết cha mẹ, giết bạn hay giết khơi khơi vì nóng giận thì xảy ra như cơm bữa. Nhưng với một quốc hội có đa số đại diện dân thích súng thì cũng còn khó lắm. Vậy thì cái cách bảo vệ an ninh cho dân hữu hiệu là cấm súng như chính phủ Úc đã mua súng của tư nhân đem đốt hay làm như một nước con con chậm tiến là Căm Bốt thu súng của tư nhân rồi cho xe lăn cán bẹp chắc còn lâu mới có thể xảy ra tại Mỹ. Trừ trường hợp . . . trong phim giả tưởng.

Với tình trạng gần như toàn dân võ trang như vậy, nỗi sợ của đa số nhân dân sống trên đất Mỹ càng tăng gia và chỉ còn một cách là đừng lạng quạng tới những nơi nghi là có nhiều súng đạn.

Sau cái sợ súng có một nỗi hoang mang, lo lắng khác không nguy hiểm chết người nhưng cũng đáng nói. Đó là mê hồn trận của các luật gia và tu chính án thứ nhất.

Người Việt hải ngoại khắp thế giới hẳn không ai có thể quên anh chàng gàn dở Trần Trường ngang nhiên trưng cờ đỏ sao vàng và hình Hồ trong cửa hàng của y ngay ở khu Tiểu Sài Gòn, CA hồi Tết Kỷ Mão (1999) khiến cộng đồng Việt Nam biểu tình đòi y phải hạ những biểu tượng đó. Trường ngoan cố không chịu và chỉ hạ cờ máu và hình Hồ khi có lệnh tòa án Santa Ana. Trớ trêu thay chỉ ít ngày sau chính tòa án Santa Ana lại thay đổi phán quyết cũ nói là căn cứ trên quyền tự do tư tưởng quy định trong tu chính án thứ nhất của hiến pháp Hoa Kỳ.

Cảnh sát hộ tống vợ chồng Trần Trường vượt qua đám biểu tình, vào cửa hàng treo lại cờ máu và hình Hồ. Sự phẫn nộ của người Việt ty nạn lên cao độ, số người biểu tình lên tới hai chục ngàn người và quyết tâm phản đối cho tới khi tiệm của Trần Trường phải dẹp bỏ. Nếu cảnh sát không tìm ra bằng cứ truy tố tội sang băng lậu của Trường thì không biết đồng bào sẽ biểu tình tới bao giờ khi Trường đã được nấp sau tu chính án thứ nhất.

Hai hung thủ gây án mạng ở trường Columbine đều mang áo choàng đen. Tội ác của hai học sinh đó không thể ai bênh vực được và hình ảnh áo choàng đen gây kinh hãi cho quần chúng. Các trường học khắp nước Mỹ ban hành những biện pháp ngăn ngừa tội ác như kiểm soát vũ khí, cấm mặc áo choàng đen v .v . . . Luật sư trong Hội Dân Quyền Mỹ (American Civil Liberties Union) bèn lên tiếng phản đối những biện pháp phòng ngừa đó căn cứ trên . . . tu chính án thứ nhất.

Cũng ngay sau và nhân vụ án mạng bi thảm tại Colorado, giáo sư Timothy Falls đã dạy cho sinh viên tại trường trung học ở thành phố Palm Springs, FL cách chế tạo bom và dạy nếu đặt bom ở trường đó thì phải đặt thế nào cho có hiệu quả tốt. Một thân nhân học sinh phản nản về sự kiện này thì được ông chủ tịch Nghiệp Đoàn Giáo Chức Jade Moore trả lời rằng chuyện giảng về bom đạn chỉ là thi hành tu chính án thứ nhất về tự do giáo huấn.

Tháng năm 1999 thành phố Arcadia, CA cho phép khai trương một tiệm vũ trường cời gần ranh giới thành phố kế cận là El Monte. Chính quyền El Monte và nhiều người dân Arcadia phản đối, được nghị viên Bob Harbicht giải thích rằng các nghị viên Arcadia cũng đều giận dữ và bối rối

nhưng họ không thể cấm còi trường vì hành động phơi của quý cho các đấng mày râu chiêm ngưỡng là một biểu thị tự do được bảo vệ bởi tu chính án thứ nhất.

Ngày 8. 6. 1999, hội đồng thành phố Hermosa Beach, CA đang bàn định cấm phụ nữ còi trần khi tắm biển thì cô người mẫu Jennie J. tóuì hội nghị còi phăng áo phơi hai vú trước các nhà làm luật và nói: @ Tôi tin tưởng hai vú là biểu tượng của tình mẫu tử A để biểu lộ sự phản đối. Các nhà làm luật của Hermosa Beach sau cùng đã chịu thua và người ta hiểu các ông nghĩ tới điều gì trong hiến pháp.

Có lẽ thấy quốc kỳ Hoa Kỳ bị lạm dụng như mang ra để lau xe, may quần lót, may quần áo tắm bikini, mang ra xé và đốt nên ngày 26. 6. 99 hạ viện Mỹ thông qua bản dự án tu chính mới cấm xúc phạm quốc kỳ với 304 phiếu thuận, nhưng sẽ còn phải qua cầu thượng viện nữa. Bản tu chính nghe cũng xuôi tai nhưng trong khi chờ đợi thì ngay trong hàng ngũ dân biểu cũng đã có tới 124 phiếu chống nó và điển hình là dân biểu Gary Ackerman và phi hành gia John Glenn. Họ viện dẫn rằng nếu cấm đoán thì tu chính mới sẽ vi phạm tự do của nhân dân ghi trong tu chính án thứ nhất.

Chao ôi cái tu chính án đầu tiên này đã khiến người ta nhớ tới một số chế độ chính trị trên thế giới đã nhân danh hai chữ tự do để làm rất nhiều điều chẳng có tự do và chẳng hiền lành, nhân đạo. Người dân nghèo và thấp cổ bé miệng không thể mày mò để thoát ra khỏi những rắc rối, chằng chịt của luật pháp chắc chỉ còn cách kính nhi viển chi đối với cái tu chính án thứ nhất tiến bộ và vô tội này bằng nỗi sợ. Cứ tránh xa nó đừng dính vào nó thì may ra yên thân mà làm ăn để có lương mà trả tiền nhà, tiền xe, tiền bảo hiểm . . .

Dù ở Hoa Kỳ là nước đứng đầu thế giới về tự do và dân chủ, chẳng thằng nào sợ thằng nào, nhưng lở ngớ rơi vào mê hồn trận của những đạo luật dài dằng dặc, dăm vào vòng lao lý, bỏ công ăn việc làm hàng tuần hàng tháng để đi tới, đi lui rồi có thể lãnh vài trăm năm tù như chơi đấy.

Trước những hình ảnh sợ hãi tràn lan khắp nơi khắp chốn - hay nói như ngôn ngữ kinh điển của các học giả, diễn giả nghiêm túc là khắp mọi thời gian và không gian - như vậy thiết tưởng ngôi vị của nỗi sợ phải được tu chính lại. Phải để nó lên hàng đầu cho hợp lý chứ không thể bị đứng hàng tư bất công như hiện nay.

Thứ tự của thất tình sau tu chính phải là: sợ, mừng, giận, thương, yêu, ghét, muồn.

Phụ đính II :

Sửa tên tác phẩm của người quá cố?

Cuối năm 2002 Thụy Khuê, nhà phê bình văn học, cộng tác viên đài phát thanh Pháp RFI từ Ba Lê sang Westminster, Nam Cali thuyết trình về ba nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn. Trước buổi thuyết trình bà đã được giới thiệu rầm rộ dưới nhiều hình thức trong đó có bài "Nhất Linh, Giòng Sông Thanh Thủy" đăng trên nguyệt san Thế Kỷ 21 rồi nhật báo Người Việt số ra ngày 18. 11. 2002. Trong bài bà đã đổi tên tác phẩm Giòng Sông Thanh Thủy của Nhất Linh từ chữ

Giòng thành chữ Dòng và bà viết trong lời chú thích nguyên văn như sau: "Nguyên tựa của Nhất Linh là Giòng Sông Thanh Thủy, chúng tôi sửa lại là Dòng Sông Thanh Thủy cho đúng chính tả". Đọc lời chú thích đó chúng tôi phân vân tự hỏi Thụy Khuê theo chính tả nào và chính tả nào là đúng? Viết "Dòng" đúng chính tả vậy viết "Giòng" có coi là sai chính tả hay không?

Tiếng Việt từ khi được hình thành cho tới nay có lẽ chưa hề có một cuốn văn phạm nào của một tổ chức thẩm quyền về ngôn ngữ quy định thế nào là viết đúng và thế nào là viết sai. Biết bao công trình về văn phạm hay từ điển từ thời Huỳnh Tịnh Của, Pétrus Ký cũng chỉ là những công trình cá nhân hay một nhóm người đề ra và người viết - các nhà văn, nhà báo - nếu thấy điều gì hữu lý đáng theo thì tự động chấp nhận mà thôi. Chuyện cải cách tiếng Việt đã nhiều nhà nghiên cứu đề ra nhiều phương cách rất công phu nhưng không phải không có những điều bất tiện. Nhà khoa bảng về ngôn ngữ như tiến sĩ Dương Đức Nhựt đề nghị một lối viết mới và gửi một tờ tạp chí ở Houston, TX để đăng tải bài này theo lối mới của ông nhưng báo đã từ chối vì không thích hợp với đa số quần chúng. Tiếng Việt đang ngon lành, trơn tru chỉ cần thay đổi một vài từ, vài chữ không hợp lý tại sao lại đưa ra hẳn một lối viết mới lại căng, phức tạp, rắc rối, tại sao lại mua giấy mà buộc vào mình.

Giáo sư quá cố Nguyễn Đình Hòa, tác giả một công trình về tiếng Việt rất công phu nhưng chỉ để cho các nhà ngôn ngữ học tham chiếu thôi chứ chưa thể là khuôn vàng thước ngọc để căn cứ vào đó mà coi là chính tả hay "tà tả". Trong cuốn Tiếng Việt Chữ Việt của Nguyễn Phước Đáng xuất bản tại San Jose, CA ông Đáng có kể chuyện ông có thỉnh ý giáo sư Nguyễn Đình Hòa về hai từ "Mùi" và "Vị". Giáo sư Hòa đã trả lời đại ý là trong tiếng Việt hai tiếng "Mùi" và "Vị" là một, là đồng nghĩa. Cố nhiên Nguyễn Phước Đáng không chịu. Và nhiều người không chịu lời giải thích này. Giáo sư Hòa bèn dẫn chứng "Vị" là mượn từ tiếng Hán và "Mùi" cũng là mượn từ tiếng Hán đó nhưng ở vào một thời đại cổ hơn nữa nên hai từ "Mùi" và "Vị" là một. Cũng như hai chữ "phù dung" mà "Từ Điển Truyện Kiều" của Đào Duy Anh chỉ căn cứ trên sách Tàu cổ để giảng là "cây sen" là không thích hợp. Mặc dù cả hàng mấy ngàn năm trước những nhà thơ cổ Trung Hoa như Lý Bạch, Vương Xương Linh ... đã dùng "phù dung" là một loài sen cạn nhưng đó là chuyện ngày xưa. Những người kế vị Đào Duy Anh tái bản Từ Điển Truyện Kiều năm 1987 đã không còn giải thích phù dung là cây sen nữa.

Ngôn ngữ Việt Nam hiện tại phải phù hợp với thực tế. Nguyễn Du khi phóng tác Kiều ông phải nghĩ tới người

Việt, lấy cây cối Việt Nam, phong cách Việt Nam mô tả thì phù dung là phù dung chứ không thể là sen được. Cũng trong thực tế đời sống hiện tại không ai cho mùi và vị đồng nghĩa để có thể nói : "Tôi ném thấy mùi tanh của cá ươn" hoặc "Chị người thấy vị đắng của hạt tiêu".

Dẫn chứng sách cổ trong kho thư viện, viện bảo tàng rất cần thiết, ích lợi trên phương diện tâm nguyên từ ngữ, nghiên cứu cổ văn nhưng cũng phải so sánh với thực tế, với đời sống hiện tại nếu không sẽ rơi vào mê hồn trận của những chồng sách vở bao la cả hay lẫn dở. Vì thế nếu lý luận hay căn cứ vào chữ cổ để áp dụng nguyên ngữ và dùng cho tiếng Việt hiện hành sẽ mang đến hậu quả đưa tiếng Việt trở lại thời tiền sử.

Trong ngôn ngữ Việt hiện nay thiếu gì tiếng nghe như không hợp lý nhưng dùng quen rồi được đa số chấp nhận thì chúng ta cũng dùng theo mà không cần truy nguyên gốc gác. Chẳng hạn khi nói "điện thoại cầm tay" thì ai cũng hiểu là điện thoại cellular chứ có bao giờ cần thắc mắc truy nguyên xem có thứ điện thoại nào cầm bằng chân đâu. Hình thức sao một bản văn, một bức hình tại chỗ gọi là photocopy, nay có thể đi gửi đi xa bằng lối facsimile, FAX được gọi là "điện thư" không rõ ai đặt ra tiếng đó nhưng nghe xuôi tai được mọi người chấp nhận. Từ khi có internet lối gửi thư email được chấp nhận gọi là "thư điện tử" để khỏi lẫn lộn với điện thư đã có từ trước thì lại được chấp nhận chứ đâu có cần một Viện Ngôn Ngữ Học. Đối với nhà cầm quyền Hà Nội, vốn dĩ là những người độc tài nên sự độc tài đã đi vào cả lãnh vực ngôn ngữ. Có thời gian báo Nhân Dân của cộng sản đã vận động sửa lại một số từ ngữ đã dùng quen mà họ cho là không hợp lý. Ví dụ chữ "cảng" là "bến" thì phải có sông, có nước nên phải đổi lại những từ phi cảng, xa cảng vì những nơi đó không có nước. Phải đổi thành ngữ "con ông cháu cha" thành "con cha cháu ông" thì mới đúng với trật tự gia đình. Cuộc vận động bắt thành vì dân chúng chỉ cười thầm và vẫn dùng những điều họ đã quen.

Thất bại, nhà cầm quyền bèn dùng lệnh vì cộng sản quen lối độc tài nên mới dùng lệnh mong thay đổi ngôn ngữ. Cho là dùng chữ I hay hơn, sáng tạo hơn chữ Y nên Bộ Giáo Dục cộng sản ra hẳn một quyết định ngày 5. 4. 84 về việc thay thế chữ Y (Người quốc gia không chấp nhận sự thay đổi này. Tên nhà văn Doãn Quốc Sỹ viết Y nhưng đôi khi thấy xuất hiện tên Sĩ, hỏi ông, ông cười xòa nói tên ông là Sĩ nhưng nhà in hay bạn bè sửa tên ông, nể quá đành thôi. Mới đây bác sĩ Nguyễn Văn Quý, tác giả "Nhật Ký An Lộc" được ghi trong từng trang sách đúng tên ông là Quý, nhưng ở ngoài bìa họa sĩ Khánh Trường viết là

Quý khiến ông tiến sĩ y khoa này nhăn nhó mãi không biết kêu ai trước việc sửa tên ông). Cuối năm 2002 cộng sản ra lệnh muốn dùng chữ Sài Gòn trong các giao dịch hay quảng cáo thương mại phải có giấy phép, nhằm cưỡng bách người dân phải xài chữ "thành phố Hồ Chí Minh" mà họ quá chán ghét. Mấy từ điển tiếng Việt của Hà Nội chẳng hạn như Từ Điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên, Nxb Khoa Học Xã Hội thực hiện năm 1988 còn miệt thị những tiếng người miền Nam vẫn dùng như mùng, mền, mè, vô v. v... gọi là phương ngữ, thổ ngữ. (Mới đây chính phủ Pháp có ban hành lệnh chính thức dùng chữ arobase để chỉ ký hiệu Ỡ trong e-mail nhưng không phải do chính phủ đặt ra, áp đặt dân phải dùng mà chỉ là hợp thức hóa danh từ này vì người dân Pháp đã sử dụng từ nhiều năm rồi).

Dưới chế độ cộng sản còn có những sửa đổi cả gan hơn nữa là đổi tên các danh nhân tiền bối Trong cuốn "Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam" của Nguyễn Q. Thắng (cái tên cũng còn mập mờ, ám muội) và Nguyễn Bá Thế do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội thực hiện năm 1987 và cả khi tái bản, các tác giả đã đổi những nhân vật họ Huỳnh thành Hoàng, Chu thành Châu, Vũ thành Võ v. v... Do đó trong từ điển có những danh nhân như Hoàng Thúc Kháng, Hoàng Tịnh Của, Châu Mạnh Trinh, Võ Ngọc Phan, Võ Trọng Phụng... Làm như vậy không những kỳ quặc mà còn là một điều bất kính với tiền nhân.

Một chế độ mà coi thường ngôn ngữ như thế thì nếu họ có đặt ra một quy định về chính tả chúng ta cũng không thể công nhận. Người Việt ở hải ngoại ra đi từ 1975 không phải là Việt kiều mà là những người tỵ nạn. Họ vẫn tôn thờ chính nghĩa quốc gia, vẫn tôn thờ lá cờ vàng ba sọc đỏ thì nếu trong nước có đặt ra những quy định về ngôn ngữ ta không phải lấy đó làm tiêu chuẩn để tuân hành mà điều gì nghe được thì áp dụng, chớ ngại tai gai mắt thì bỏ qua

Cuối năm 2002 trên Internet có một bạn vô danh bắt bẻ một nhà văn viết "chia xẻ" với chữ X mà ông ta cho là sai Một bạn khác dẫn chứng nhiều từ điển thì cũng có cuốn viết là "chia sẻ" với chữ S. Để đóng góp phần nào thống nhất cách viết trong khi chưa ai có thẩm quyền về chính tả riêng tôi không câu nệ sách Hà Nội, Sài Gòn xưa hay hải ngoại mà khi phân vân vẫn dựa theo hai cuốn "Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị" của Lê Ngọc Trụ xuất bản năm 1959 tại Sài Gòn và cuốn "Từ Điển Chính Tả Thông Dụng" của Nguyễn Kim Thản do nhà Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp xuất bản năm 1984. Tôi không tuyệt đối theo hai tác giả này vì có khi họ cũng mâu thuẫn nhau Trong trường hợp đó đành dùng theo cách quen dùng từ xưa như một truyền thống. Và những tiếng miền Nam được dùng rộng rãi trong một nửa

nước với dân số đông hơn miền Bắc thì phải công nhận cả hai, không biết thì học, chứ không như Hà Nội miệt thị tiếng Nam là thổ ngữ.

Do đó thì những từ "chia sẻ" hay "giòng sông" đã dùng lâu rồi sao lại đổi làm chị Đó chỉ là một ước lệ. Nếu chữ "giòng" viết nhỏ trong một câu văn ta không chú ý nhưng nếu đã thành tên một tác phẩm in chữ lớn ngoài bìa như Giòng Dối (Học Phi), Bên Giòng Lịch Sử (Linh mục Cao Văn Luận), Giòng Lê Thơ Ngây (Thanh Nam), Giòng Sông Thanh Thủy (Nhất Linh), Dòng Sông Định Mệnh (Doãn Quốc Sỹ) thì đó là sự tự do lựa chọn của các tác giả, chúng ta chấp nhận cả hai mà không coi là sai

Ở Việt Nam Cộng Hòa cho tới 30. 4. 75 về phía chính quyền đã từng có Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Phó Thủ Tướng Đặc Trách Văn Hóa.. và ở những cộng đồng tị nạn cộng sản hải ngoại sau 1975 có lẽ vẫn chưa có ai dám áp đặt một chính tả cho tiếng Việt. Sách chính tả của Lê Ngọc Trụ hay của các giả Hà Nội dù nhiều cuốn công phu nhưng vẫn là những công trình của nhóm hay cá nhân, người viết chỉ tham chiếu những sách đó thấy điều gì vừa ý thì theo, trái ý thì thôi

Tên một người do cha mẹ đặt ta không có quyền sửa tên người đó. Ví dụ thực tế trong QLVNCH của ta có trung tá Hồ Thị Vẽ, chỉ huy trưởng Trường Nữ Quân Nhân, sinh trưởng tại Thừa Thiên, tên bà đánh dấu hỏi (?) chứ không phải dấu ngã (~), bà có người em gái tên Vang, nhưng bạn bè nhiều người cứ gọi và đôi khi báo in tên bà là Vẽ (dấu ~) khiến bà rầu rĩ triền miên và mệt công đình chính. Cộng sản Hà Nội sau khi chiếm Sài Gòn đổi tên đường, kẻ bảng tên mới trong đó có đường Nhật Tảo bị cưỡng bách kẻ lại là Nhật Tảo vì họ muốn dùng cường quyền tiêu diệt tiếng Nam, đồng hóa ngôn ngữ với miền Bắc như hành động của những kẻ ngoại xâm.

Tên một cuốn sách do tác giả đặt cho đứa con tinh thần của mình thì nó trở một danh từ riêng. Chúng ta phải tôn trọng danh từ riêng đó như tên người, tên đất mà không thể nhân danh cá nhân mình, nhân danh chính tả hay "tà tả" để sửa lại tên đó. Làm như vậy là vô tình dẫm phải vết xe của Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế, đồng tác giả Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam.

Viết thêm về Nhất Linh và Tự lực văn đoàn

Nguyệt san Thế Kỷ 21 số 159 phát hành tháng 7. 2002 tại Nam California, số đặc biệt tưởng niệm Nhất Linh, là một số báo giá trị, công phu và hữu ích. Vài mươi năm sau khi viết tới những

vấn đề văn học liên quan tới Tự Lực Văn Đoàn và các đoàn viên, không thể không tham khảo số báo đặc biệt này.

Vì thế nội dung những bài trong Thế Kỷ 21 số 159, trừ những bài về kỷ niệm và thiên tài Nhất Linh viết theo ký ức hay cảm tính có thể tùy hứng của các tác giả, nhưng những bài có tính chất biên khảo có tham chiếu tài liệu thì cần thật chính xác, chính xác chừng nào hay chừng ấy để người viết sau có thể tin cậy.

Riêng trên phương diện đó, sau khi đọc không sót một bài nào trong Thế Kỷ 21 số 159 (tưởng niệm Nhất Linh) tôi xin góp ý mấy điểm như sau:

1 - Ông, bà Nhất Linh có bao nhiêu con?

Trong bài Những Kỷ Niệm Riêng... , Trương Bảo Sơn viết về bà Nguyễn Tường Tam: "Tuy sinh 13 lần nhưng chỉ nuôi được có bảy con, 5 trai và 2 gái" (tr. 26).

Trong bài Nhất Linh, Tự Lực Văn Học... Lê Đình Thông chú thích "nhà văn Nguyễn Tường Tam có năm người con" và cẩn thận ghi tên cả năm người và nơi họ đang sinh sống (tr. 69).

Trong bài Nữ Sĩ Anh Thơ Viết Về Nhất Linh, bà Tam đã trả lời về việc cho anh Triệu làm con nuôi nhà văn Khái Hưng "... anh Khái Hưng là bạn thân nhất của nhà tôi mà lại không có con trong khi chúng tôi có những bảy cháu" (tr. 93)

Tiếc thay cả ba bài của ba tác giả dẫn trên không cho biết thời gian viết là năm nào, trừ bài Nữ Sĩ Anh Thơ... ghi theo hồi ký Từ Bến Sông Thương xuất bản năm 1986. Thiết tưởng khi viết về địa danh, nhân danh, hay số liệu nên ghi thật đúng, nếu những điều không chắc chắn xin ghi có lẽ, khoảng chừng mà không khẳng định.

2 - Báo Ngày Nay đình bản năm nào?

Trong bài Cười Cột Đẻ Sửa Đổi Phong Hóa..., Động Đình Hồ nói tham chiếu bài Thư gửi cô Mai, cô Loan của Nguyễn Thị Vinh thì tuần báo Ngày Nay đình bản năm 1939. Nhưng ngay dòng dưới (tr. 52), Động Đình Hồ cho in hình bìa tờ Ngày Nay số 222 phát hành ngày 24. 8. 1040 để chứng minh là năm 1939 báo Ngày Nay chưa đình bản và gián tiếp cho Nguyễn Thị Vinh là sai. Có thể bà Vinh sai thật vì ngay khi trả lời cuộc phỏng vấn của Anh Vân đăng trên nguyệt san Hương Quê số 47 tháng 8. 1998 xuất bản tại Houston, TX, bà cũng nói rằng " hiện nay tôi cũng có một số tài liệu về việc ấy (TLVĐ) nhưng không bảo đảm sự chính xác. Do đó không dám phổ biến". Tôi đề nghị tòa soạn Thế Kỷ 21 nên mượn chính tờ bìa Ngày Nay số 222 của Động Đình Hồ để coi tận mắt và đính chính lại ngày khai tử của Ngày Nay.

3 - Tên thật của Thế Lữ.

Cho tới nay hầu như đa số nhà văn, nhà báo hải ngoại vẫn tưởng tên thật nhà văn Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ và bút hiệu Thế Lữ là sự đảo lộn các chữ cái Thứ Lễ như trường hợp đảo lộn Khánh Giư thành Khái Hưng. Kể cả Thế Kỷ 21 nơi trang 65. Tôi cũng đã làm như vậy cho tới năm 2000. Sau khi dò hỏi và nhờ tiếp xúc với con trai nhà văn Thế Lữ là ông Nguyễn Đình Nghi được xác nhận tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ tôi đã viết bài kèm phóng ảnh đăng trên Thế Kỷ 21 số 144, phát hành tháng 4. 2000

4 - Sai lầm từ Phạm Thế Ngũ.

Hồi còn ở Việt Nam, cho tới năm 1975 có lẽ bộ sách Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn in năm 1962 – 1965 là công phu nhất về văn học Việt Nam và được nhiều người tham khảo. Trong cuốn III, Phạm Thế Ngũ viết về TLVĐ khá đầy đủ nhưng không nói tên các đoàn viên mà chỉ nói TLVĐ gồm 7 người và được Khái Hưng kể trong tiểu thuyết Những Ngày Vui.

Lầm lẫn nhỏ này khiến Trần Bích San đã làm theo khi viết bài đăng trên tuần báo Sài Gòn Nhỏ số Xuân Đình Sửu, 1997. Trong Thế Kỷ 21 số đặc biệt về Nhất Linh, tác giả Lê Đình Thông cũng ghi Khái Hưng đã viết về 7 đoàn viên TLVĐ trong Những Ngày Vui. Tôi may mắn không

lầm theo Phạm Thế Ngũ vì đã tìm Những Ngày Vui đọc lại, dò từng giòng không hề thấy giòng nào nói về thi đoàn Pleiade ở Anh, Pháp hay các vì sao Pleiades trong thần thoại. Điều đó cho thấy chi tiết trong biên khảo khá quan trọng.

5 - Ai là cha đẻ Xã Xệ?

Trong bài viết về Lý Toét, Xã Xệ, Động Đình Hồ thắc mắc không biết Lý Toét, Xã Xệ do ai sáng tác (tr. 52).

Lê Đình Thông viết Nhất Linh " là cha đẻ của Lý Toét, Xã Xệ" (tr. 66).

Thực ra Nhất Linh không nhận điều này vì trong di cảo viết tay của Nhất Linh nói rõ. Ông ghi: "Bút Sơn, ở Sài Gòn (người đã vẽ ra Xã Xệ - tên thật chưa biết). Xin ông Bút Sơn (nếu ông còn sống) hay các bạn ông cho biết tên thật". Như vậy đã rõ cha đẻ của Xã Xệ nhưng ông thân sinh của Lý Toét là ai thì chưa có lý lịch.

6 - TLVĐ có bao nhiêu đoàn viên?

Vấn đề gai góc nhất là thành viên TLVĐ. Trong TK 21 số 159 trang 10 và trang 65 đều viết thành viên TLVĐ khi thành lập năm 1933 có 7 người trong đó có Nguyễn Gia Trí.

Từ năm 1997 tới năm 2000 tôi đã kê cứu nhiều tài liệu để tìm hiểu về thành viên TLVĐ và kết luận văn đoàn chỉ có 7 người căn cứ trên bản phác họa hồi ký do chính Nhất Linh viết tay và đã được in trên nguyệt san Văn Học Nghệ Thuật số 3 phát hành tháng 7. 1985 tại Cali do Võ Phiến làm chủ nhiệm. Trong tờ phác họa này Nhất Linh ghi rõ Xuân Diệu là đoàn viên, Nguyễn Gia Trí chỉ là cộng tác viên. Và ông cũng ghi tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ.

Sau khi viết bài về các thành viên TLVĐ đăng trên Thế Kỷ 21 số 102 - tháng 10. 1997, tôi lại đọc được một số bài về TLVĐ ghi thêm nhiều tên vào văn đoàn này.

Chẳng hạn như Hội Nhà Văn Việt Nam Hà Nội viết rằng TLVĐ có Trần Tiêu, thi sĩ Tân Việt, họa sĩ Đông Sơn vì họ không biết Tân Việt và Đông Sơn chỉ là hai bút hiệu khác của Nhất Linh (Lời Nói Đầu trong bộ Tuyển Tập TLVĐ do Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội xuất bản năm 1999).

Trên báo Con Ong TX số 65 phát hành ngày 11. 6. 99, tr. 91, Đông Ngàn viết "Phạm Văn Hạnh là một nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn ". Điều này hoàn toàn sai.

Trong cuốn Thơ Và Đời do Lữ Huy Nguyên biên soạn , Nxb Văn Học, Hà Nội thực hiện năm 1995 ở trang 229 viết đoàn viên TLVĐ nòng cốt là 6 nhà văn trong tòa soạn Phong Hóa và Nhất Linh đề nghị kết nạp thêm Trần Tiêu làm đoàn viên thứ bảy cho đủ thất tinh.

Trong bài của tác giả Lê Văn Thông thì Tú Mỡ viết rằng có nhận thêm Xuân Diệu vào TLVĐ để thành bát tú (tr. 69). Trong cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ do Hội Nhà Văn, Hà Nội xuất bản năm 1993, Tú Mỡ viết ở trang 37 "năm 1939 cái thất tinh hội ấy bắt đầu lu mờ", trang 44 ông viết "thất tinh hội TLVĐ tan tác", trang 45 ông bồi thêm "thất tinh hội rơi rụng mất ba".

Tôi được nhạc sĩ Duy Trác ở Houston, TX gửi cho phóng ảnh về những đoạn tôi cần trong cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ. Cuốn sách đó tôi chắc chắn tế tử của nhà thơ Tú Mỡ là nhà văn Đoàn Quốc Sỹ cũng ở Houston đang có.

Đầu năm 2002 tôi nhận được từ nhà văn Duy Lam bản phóng ảnh trang báo Văn Hóa Ngày Nay số 1 đăng truyện Cúng Cơm của Đỗ Đức Thu. Trong lời giới thiệu bằng chữ nhỏ in trên tên truyện có câu "Sau hơn mười lăm năm nhà văn lão thành Đỗ Đức Thu trong TLVĐ mới lại có truyện đăng..." . Theo tôi lời giới thiệu này có thể do một người trong tòa soạn viết và Nhất Linh không coi lại kỹ trước khi cho in.

Trước những bài viết theo ký ức rồi mù như vậy tôi nghĩ ta nên tin di cảo của Nhất Linh đã phổ biến trên nguyệt san Văn Hóa Nghệ Thuật số 3.

Không tài liệu nào có thể chính xác và khả tín hơn tài liệu do chính người đứng đầu TLVĐ viết tay để lại cho chúng ta. Vậy ta hãy cứ tin TLVĐ có 7 đoàn viên là Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, Xuân Diệu và chúng ta không đủ thẩm quyền tùy tiện thêm hay bớt tên ai cả.

Tên thật nhà văn Thế Lữ

Trong bài viết đầu tiên từ năm 1997 với mục đích tìm hiểu chính xác về các thành viên TLVĐ tôi đã thắc mắc là Xuân Diệu có là thành viên của TLVĐ không? Khi đọc di cảo của Nhất Linh biết Xuân Diệu cũng là một thành viên TLVĐ thì từ di cảo này nảy sinh hai thắc mắc mới là Xuân Diệu gia nhập TLVĐ năm nào và tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ hay Nguyễn Thứ Lễ.

Hầu như tất cả các tác giả khi nói về tiểu sử Thế Lữ đều ghi tên thật ông là Nguyễn Thứ Lễ rồi nói lái thành bút hiệu Thế Lữ. Gần đây nhất, nhà văn Xuân Vũ, một người tập kết từ miền Nam ra Bắc theo kháng chiến, được gặp gỡ nhiều nhà văn tiền chiến trong bài "Cọc Thế Lữ Như Rừng" đăng trên bán nguyệt san Văn Nghệ Tiền Phong, VA số 540 xuất bản tháng 7.1998 cũng đã khẳng định rằng "Thế Lữ tên thật là Nguyễn Thứ Lễ có người con trai làm đạo diễn kịch tên là Nguyễn Thứ Nghi (Lễ Nghi)."

Tôi chỉ đọc được tài liệu duy nhất viết tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ là di cảo của Nhất Linh đăng trên nguyệt san Văn Học Nghệ Thuật tại Mỹ năm 1985 nhưng không nói rõ chi tiết. Trong cuốn Văn Học Việt Nam Thế Kỷ Thứ 20 (phần kim văn) xuất bản tại Sài Gòn năm 1960, giáo sư Lê Kim Ngân nói về tên thật Thế Lữ đã bắt nhất khi viết Nguyễn Thứ Lễ, khi viết Nguyễn Đình Lễ.

Trên nguyệt san Thế Kỷ 21 số 114 - tháng 10. 1998, ông Huy Anh ở Nebraska nêu ý kiến nên hỏi thẳng ông Nghi qua địa chỉ Hội Nhà Văn, Hà Nội là chắc nhất. Tôi không làm theo lời khuyên đó vì cuối thập niên 1980 tôi có viết một lá thư gửi Hội Nhà Văn nhờ chuyển cho nhà văn Kim Lân, người bạn cùng huyện Tiên Du (Bắc Ninh) và cùng làm việc trong tòa soạn báo Xông Pha của Khu 12, Việt Bắc khi tôi theo kháng chiến lúc mới 19 tuổi nhưng không biết thư có được chuyển không vì không có hồi âm.

Năm 2000 tôi ngộ ý với người em họ ở Hà Nội đã làm việc trong ngành sân khấu là tôi muốn tiếp xúc với ông Nghi, em tôi đã cho số điện thoại và địa chỉ ông Nghi ở Khu Tập Thể Nhà Hát Kịch Trung Ương, phố Tràng Tiền, Hà Nội (đằng sau nhà Hát Lớn). Tôi viết cho ông Nghi một lá thư tỏ ý muốn biết chính xác tên thật của nhà văn Thế Lữ để làm sáng tỏ một chi tiết văn học. Cùng với lá thư kèm tem hồi báo, tôi gửi cả bài tôi viết về TLVĐ nhưng đã xóa bỏ một vài dòng liên quan tới những nhận xét sai về thành viên văn đoàn này trích trong Lời Nói Đầu in ở cuốn I bộ Tuyển Tập Tự Lực Văn Đoàn do nhà xuất bản của Hội Nhà Văn in năm 1999 và của một tác giả trong nước là Vu Gia.

Ít ngày sau em tôi gửi thư điện tử (e-mail) cho tôi biết là ông Nghi đã lớn tuổi hiện đang nằm bệnh viện và tỏ ý nghi ngại không muốn liên hệ với người lạ ở Mỹ. Cho tới ngày 12 tháng 2 năm 2001 tôi nhận được một e-mail khác báo một tin buồn trong đó có câu liên quan tới Thế Lữ nguyên văn như sau:

" Mọi chi tiết về cụ Thế Lữ tức cụ Nguyễn Đình Lễ bố của ông Nguyễn Đình Nghi đều được ông

Nghi gọi điện thoại cho em xác nhận là đúng và còn nhắn khi nào xong sách anh gửi cho một cuốn. Nhưng anh Huân ơi ngày 11 tháng hai năm 2001 ông Nghi đã qua đời tại bệnh viện do tuổi già và căn bệnh hiểm nghèo..."

Tuy chưa hề gặp mặt ông Nghi, tôi cũng bồi hồi khi nhận tin ông quá vãng. Tôi gửi thư chia buồn với thân quyến ông và thật tiếc là đã không tặng ông được cuốn sách tương lai của tôi sẽ có bài báo này. Vì chưa kịp tiếp xúc trực tiếp với ông Nghi nên tôi chưa hỏi thêm được chi tiết về lý do bởi đâu và từ bao giờ có tên Nguyễn Thứ Lễ nhưng điểm chính về tên thật nhà văn Thế Lữ đã sáng tỏ.

Nhân câu chuyện này khiến tôi nhớ tới câu chuyện nhà văn Mỹ Jerome David Salinger, tác giả tiểu thuyết *The Catcher in the Rye* (Bắt Trẻ Đồng Xanh) mà nguyệt san Văn Học thuật lại trong số phát hành tháng 3. 2001. Salinger là một nhà văn tên tuổi nhưng cực kỳ khó tính chỉ cho độc giả đọc tác phẩm của ông mà không muốn cho ai được biết thêm về cuộc đời ông dù năm 2001 ông đã 82, đang ở cuối đời. Ông tránh mọi cuộc tiếp xúc, ông kiện người phỏng vấn giả tưởng ông. Ông kiện Hamilton tại Tối Cao Pháp Viện để chặn ông này không cho xuất bản sách nói về ông. Ông dọa kiện trường đại học Brandeis vì trường loan báo trao giải thưởng cho ông nghĩa là muốn ông xuất hiện. Những người ái mộ ông mở một trang nhà trên mạng lưới điện toán vinh danh ông rồi cũng phải dẹp bỏ vì ông phản đối.

Ở một xứ sở nhiều luật gia như Hoa Kỳ thì chuyện Salinger còn có thể hiểu nhưng chúng tôi nghĩ Thế Lữ và những nhà văn khác của TLVĐ không đến nỗi khó như thế. Vậy thì sao trường hợp làm lẫn về bút hiệu Thế Lữ thoát thai từ cái tên giả Nguyễn Thứ Lễ kéo dài mãi mà không ai đính chính kể cả khi những người liên hệ còn sống. Phải chăng vì một số nhà văn của ta quá coi thường những chi tiết, coi như những chuyện tầm phào chẳng thêm lên tiếng, chẳng thêm đính chính. Nên mới gây ra những lời đồn, những suy đoán, những sự sao chép tài liệu trong thư viện không kiểm chứng để gây rắc rối cho người đi sau muốn biết chính xác những vấn đề thuộc văn học sử.

Chi tiết thứ hai chúng tôi tìm hiểu là ngày gia nhập TLVĐ của Xuân Diệu. Nhà thơ Cao My Nhân đã từng viết bà có được coi quyết định trao giải thưởng TLVĐ tổ chức năm 1939 cho cuốn *Bức Tranh Quê* của Anh Thơ trong đó có ba chữ ký Thế Lữ, Tú Mỡ và Xuân Diệu.

Trong thư Huy Cận gửi ông Khai Trí đề ngày 25. 6. 1998 có đoạn viết rằng: Xuân Diệu là thành viên chính thức của TLVĐ từ 1938. Ở trang đầu quyển "Thơ Thơ" (của Xuân Diệu) xuất bản 1938 có in rõ "Xuân Diệu trong TLVĐ." Tại sao lại ở trang đầu trong khi thông thường dòng chữ Trong TLVĐ luôn luôn được in ở ngoài bìa, ngay dưới tên tác giả. Trên báo Kiến Thức Ngày Nay xuất bản tại Sài Gòn số 93 ngày 1.12.1995 Mộng Tuyết kể bà cũng được khen thưởng trong giải văn chương TLVĐ năm 1939. Chúng tôi có phóng ảnh Lời Khen Tặng này ký ngày 11.6.1940 bởi sáu thành viên nguyên thủy là Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Hoàng Đạo, Thế Lữ mà không có Xuân Diệu dù là giấy khen về bộ môn thơ.

Vậy thì Xuân Diệu được kết nạp từ 1938 như Huy Cận nói hay là sau 1940 nếu căn cứ theo giấy khen của TLVĐ cấp cho nhà thơ Mộng Tuyết?

Để chấm dứt bài này chúng tôi nghĩ có thể kết luận chính xác được hai điểm Xuân Diệu là thành viên thứ bảy của TLVĐ và tên thật nhà văn Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ.

Mọi chi tiết về ngày gia nhập văn đoàn của Xuân Diệu và tại sao có câu chuyện nói lái thành bút hiệu Thế Lữ lưu truyền, được viết trên sách báo gần một thế kỷ qua không còn cần thiết nữa. Và để tránh những suy luận hồ đồ có thể gây thêm rối rắm bài này sẽ là bài cuối tìm hiểu về các

thành viên TLVĐ.

Đặng Trần Huân, những người thích dấu huyền

Thế Phong

Lời dẫn.

Nhờ Lê Ngô Châu chủ báo Bách Khoa cho mượn, tôi được đọc NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỀN, tạp văn Đặng Trần Huân, Văn Mới U.S.A 1998. Sách dày 188 trang - mượn tên Văn Mới xuất bản - rồi cậy Cơ sở xuất bản Văn Nghệ (Võ Thắng Tiết) tổng phát hành - một hình thức bỏ cục vốn lớn in, rồi tác giả thu lại tiền lẻ nhiều lần. Kể ra tác giả " Chuyện cấm đàn bà " (Sáng Tạo, Saigon 1969) rất yêu tác phẩm văn chương của mình, muốn phổ biến tới độc giả - bằng chính đồng tiền trợ cấp cơm cối hàng tháng dùm dành để in 1000 ấn bản lần 1 - sau khi định cư tại Hoa Kỳ, diện H.O.

" Chuyện cấm đàn bà " in ở Saigon xưa kia, bán chạy, tác giả nhờ nhà văn Doãn Quốc Sỹ cho mượn tên nhà xuất bản Sáng Tạo (Doãn Quốc Sỹ phụ trách Nxb S.T.) in tiếp tập 2 năm 1970 - cùng tập bút ký " Thành phố buồn thiu".

Sang Hoa Kỳ, không biết lái xe hơi, di chuyển bằng xe công cộng - nhiều lần lợi bộ tới nhà in sửa mo-rát " Hành trình một H.O " (Thời luận, Hoa Kỳ 1995) với bao tâm sự thâm kín chẳng thể cùng ai tâm sự !

Trước lần anh xuất cảnh - tôi được nghe chuyện kể - căn nhà trên đường Bà Hạt (Q.10, tp. HCM) trao lại nhà nước quản lý (diện sĩ quan cấp tá VNCH) - chủ nhà tiếc hùi hụi, vì mua được nó - nhờ cậy từng đồng tiền sạch vợ chồng dành dụm ! Căn nhà này sau được anh ghi chú" nhà anh lại được trao lại cho một nhà biên khảo CS. ở ".)

Tuy bạn văn cùng thời - tôi không mấy giao tiếp - thiếu úy Địa phương quân Lê Cự Phách (thi sĩ Du Tử Lê) dắt tới trại Trần Nguyên Hãn (Chợ lớn) uống cà phê - lần đầu tiên xiết tay trung úy Đặng Trần Huân - rồi từ đó tôi được biết : anh là một tác giả. !

Thực mà nói, đó là cây viết có học vấn uyên bác, - hay cười nửa miệng, mà tây gọi là hautain (cao ngạo, khinh thị...)*- có thể ở môi trường báo chí quân đội - phải sống chung cùng số sĩ quan võ biền chữ nghĩa ăn đong, lại ăn trên ngồi chốc- nên tâm sự vụn hài hước, nhạo báng, đôi khi được Đặng Trần Huân dòn vào bút ký, tạp văn in ở hải ngoại sau này ?! .

THĂNG PHẢI GIÓ 'S blog đề nghị đại diện bản quyền tác giả không khiêu nại xin phép bản quyền - để tôi lần lượt giới thiệu đôi, ba tạp văn bút ký giá trị cổ văn sĩ Đặng Trần Huân - gốc người Bắc Ninh văn vật !

Đặng Trần Huân sinh 1928 ở tỉnh Bắc Ninh (Bắc Bộ), giấy khai sinh 1929, qua đời ở Huế Kỳ năm 2003.

* qui montre un orgueil autoritaire, méprisant, condescendant. (Le Petit Larousse).

Thế phong

Chuyện đầu Ngô mình Sở

tạp văn Đặng Trần Huân

Ở Mỹ vai trò của cái ti vi thật là quan trọng, nhất là đối với những người đã nghỉ hưu suốt ngày

chỉ vui ở trong nhà. Cái ti vi bật từ sáng cho tới giờ đi ngủ. Mà ngay cả những người đi làm khi về nhà cũng bật ti vi liền dù đang xào nấu hay tắm rửa.

Thành ra khuôn mặt các xướng ngôn viên truyền hình có lẽ là khuôn mặt quen thuộc nhất của mỗi gia đình, khuôn mặt đủ dáng điệu và tên họ ghi to đậm trên màn ảnh nhỏ mỗi ngày, mỗi giờ.

Vai trò của người đọc tin quan trọng thế nên ngay cả trên truyền thanh không nhìn thấy mặt mà các xướng ngôn viên cũng được nêu tên. Trời cho có một giọng tốt cũng sướng thật. Như là ca sĩ trời cho có một giọng ca, như là hoa hậu trời cho có một thân hình và một khuôn mặt xinh xẻo.

Một bản tin được loan trên một đài truyền hình cỡ quốc tế chẳng hạn cũng là công trình của nhiều người; người phóng viên (có khi phải lăn vào chỗ chết để lấy tin chiến sự), người quay phim, người chuyển tin, người đánh máy... Nhưng thường thường chỉ có người đọc tin được nêu tên. Còn những người khác thì không được nói tới. Nếu bây giờ đề nghị khi đọc tin nên nêu tên tất cả những người đóng góp vào bản tin thì là một đề nghị lắm cảm. và trở ngại chính là quá dài. Đành để cho xướng ngôn viên đại diện là đủ. Người đọc tin duyên dáng, xinh xắn, giọng nói ấm áp, thân hình mát mẻ đại diện là phải rồi.

Cũng như trong lãnh vực ca nhạc thôi. cả trăm, cả ngàn cuốn băng vi de o, cát xet, CD bán trên thị trường lắm khi đâu tìm thấy tên người soạn ra bài hát mà chỉ có tên ca sĩ.

Người nhạc sĩ khi soạn ra một bản nhạc hay phải khổ công nhiều ngày tháng. Có khi cả đời soạn nhạc chỉ có vài bài nổi tiếng, có người cả đời chỉ nổi tiếng một bài, chẳng hạn như nhạc phẩm *Mẫu Tím Hoa Sim* của Dzũng Chinh (phổ thơ Hữu Loan), rồi tác giả ra đi vĩnh viễn.

Người trình bày bài hát dù sao cũng ít nhọc nhằn hơn người sáng tác mà còn có lợi điểm là trình bày được nhiều lần. Nói ngay như nhạc sống, một ca sĩ có thể một đêm hát ở một hai nơi. Ở Việt Nam, nhạc ngoài trời, tụ điểm khá phổ biến, bình dân, ca sĩ *chạy số* hàng chục chỗ. Nếu tin vào *Tuổi Trẻ Cười* (C.S.) thì trong một dịp Tết có ca sĩ thành phố Hồ Chí Minh đã phá kỷ lục chạy số mấy chục lần trong một đêm.

So sánh như vậy, người sáng tác luôn luôn bị quên tên thì thật là một điều thiếu công bằng. Đã bị bỏ quên còn bị hát sai nữa mới khổ chứ. Có một băng video cô ca sĩ hát *Trăng Sáng Vườn Chè*, phổ bài thơ *Thời Trước* với câu:

*Kẻo không rồi chúng bạn cười
Rằng tôi nhan sắc cho người say mê
Tôi hằng khuyên sớm khuyên trưa*

.....

Không hiểu nhạc sĩ hay ca sĩ sai không ghi đúng thơ Nguyễn Bính là "*Rằng tôi nhan sắc cho người say sưa*" mới có thể hợp vần với câu dưới "*khuyên sớm khuyên trưa*" được chứ. Còn nếu muốn đổi là *say mê* thì phải sửa thơ Nguyễn Bính lại cho đỡ mang tiếng thi sĩ làm thơ thất vận:

*Rằng tôi nhan sắc cho người say mê
Tôi hằng khuyên tái khuyên tề...*

Còn cái ông giáo sư Hoàng Như Mai kiêm nhà phê bình văn học của C.S., thì khi in sách trích thơ Xuân Diệu cũng trích như sau:

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm*

Khi cuốn sách của Hoàng Như Mai in ra, thì thơ Xuân Diệu bán thiếu gì ở Hà Nội. Ông Mai và ông Diệu cùng chung một chế độ, ở cùng một thành phố, có xa xôi gì đâu mà không hỏi nhau để in sách dạy lại học sinh như vậy.

Đôi khi người chép thơ không có tài liệu chỉ nhớ mang máng thì cũng vô tình sửa thơ nhưng còn còn có trường hợp giảm khinh. Chẳng hạn như hai câu của Huyền Kiều:

Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ?

Có giống như mình lưu luyến chẳng ?

Hai chữ *lưu luyến* đã bị vô tình sửa thành *yêu mến* rồi tiến tới *ân ái, chăn gối, ôm ấp*, khi sang Mỹ nó đổi thành mới cho hợp với nền tự do để thành:

Người xưa giao cáo (?) ra sao nhỉ ?

Có giống như mình giao cáo (?) chẳng ?

Cũng rộng lượng đại xá đi vì nó còn đúng vần điệu.

Còn như giáo sư Mai mà đổi thơ Xuân Diệu thì chẳng cần âm điệu chút nào. câu thơ Xuân Diệu đúng ra là :

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm

Em vui đi trăng nở giữa trăng rằm

Anh hút nhụy của mỗi giờ ình tự.

Như thế mới còn vần điệu dù là thơ mới. Sửa văn như Hoàng Như Mai mà muốn giữ được vần điệu đề nghị nên sửa là :

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt

Còn hơn buồn đau mắt suốt quanh năm .

Nhưng sửa như thế e rằng hai cố thi sĩ trữ tình tài danh của Việt Nam sẽ hiện hồn lên bóp cổ chết mất.

Gia tên nhạc sĩ cũng được nêu cùng ca sĩ thì có sai nhạc sĩ cũng chịu trách nhiệm chung, vui cùng hưởng , buồn cùng chịu sống chết có nhau có vui vẻ, đoàn kết hơn không ?

Nhưng cái chuyện bỏ quên tên nhạc sĩ hình như là cái đấng trí của nhà sản xuất rồi khó mà thay đổi. Họ chẳng các nhà sáng tác nhạc chỉ được C.S.tôn trọng nêu tên có lý do như họ đã từng làm.

Đó là trường hợp một cơ sở sản xuất băng nhạc quốc doanh ở tp. HCM, vì thấy dân chúng thích nhạc miền Nam cũ bèn thu một vài bài nhạc ăn khách của miền Nam trước 1975 xen kẽ vào những bản nhạc của các tác giả Hà Nội. Nhưng thay vì ghi tên Phạm Duy, Hoàng Thi Thơ, Phạm Mạnh Cương... thì họ ghi tuốt là Trịnh Công Sơn để qua mắt những nhà kiểm duyệt *cấp cao* vốn yếu kém về âm nhạc.

Trở lại câu chuyện ti vi với các xướng ngôn viên Mỹ. Người Mỹ có một lối trình bày tin tức khác với ti vi Việt. Trước hay sau bản tin họ còn bản luận trình diễn, còn rỡn với nhau, có khi mang cái nón, cái áo, cái quần lót giơ lên cười đùa coi khán giả như đang xem kịch.

Nói thời tiết có xướng ngôn viên cũng trình trọng com-lê cà -vạt, kính trắng gọng vàng, bông hồng cài áo như chú rể đến giờ hợp cần, rồi đột nhiên lại rỡn như một chú hề.

Lối trình bày đó xem ra chẳng mấy thích hợp với khán giả Việt vốn nghiêm trang coi phần tin tức là đúng đắn. Thế nhưng có đài truyền hình ở Nam Cali lại có vẻ khoái lối trình diễn đó và bắt chước theo kiểu Mỹ. Có lẽ anh chị em chủ trương đài nghĩ rằng *đi nước Lào ăn mẳm* *ngóe* nên thí nghiệm thử cách trình diễn này xem sao. Các anh chị chưa đùa rỡn rên truyền hình như trên đài Mỹ nhưng đã bình luận những sự việc trên thế giới sau bản tin. Có anh chị lại còn khoái, cứ luồn luồn liên hệ chuyện người ta vào với gia đình mình, bà xã mình và thằng cu Tý nhà mình.

Bình luận là quyền của mọi người, quyền tự do phát biểu được bảo vệ tôn trọng trong 10 tu chính án đầu tiên của hiến pháp Hoa Kỳ đấy ! Nhưng cần phải noi rõ đó là ý kiến riêng của người đọc tin hay là phản ảnh lập trường của đài.

Vả lại bình luận một bản tin nhiều khi cũng khó lắm. Nó có thể là con dao hai lưỡi. Tin tức vô tư, bao gồm trên mọi lãnh vực hoạt động cả ở Việt Nam, cả ở Mỹ, cả khắp trên thế giới. *Gỡ rối tơ lòng* những tin tức đủ mọi loại như thế đòi hỏi người bình luận rỡn chơi phải có kiến thức của một nhà thông thái. Nếu không, khi bình luận dễ sai lầm hay vô duyên mà không biết. Nói

nhỏ với bạn ta thì lại giận.

Có một lần nhận một bản tin liên quan tới vấn đề ngôn ngữ, việc chính phủ Pháp muốn giữ cho tiếng Pháp khỏi lai căng nên đã cấm không cho dùng tiếng Anh xen kẽ trong Pháp ngữ.

Đó là một vấn đề tế nhị. Ngôn ngữ tự nó phát triển, không thể ra lệnh cho người ta nói thế này thế kia. Một nhà ngôn ngữ học nổi tiếng khi được hỏi ai đặt ra văn phạm đã trả lời rằng văn phạm chỉ là sự sắp xếp có hệ thống ngôn ngữ của một dân tộc, những tiếng được dùng bởi đa số sách báo và những người có trình độ học vấn tương đối. Cố nhiên không dùng bừa bãi. Về chuyện cấm tiếng anh trong tiếng pháp hai xướng ngôn viên của chúng ta đã lạm bàn đại khái như sau:

nam xướng ngôn viên nói:

-Hồi xưa nói tiếng ngoại quốc xen kẽ là một biểu hiện quý tộc đấy.

Nữ xướng ngôn viên đáp:

- Em thấy xen lẫn tiếng anh trong tiếng pháp có sao đâu ? Trong tiếng anh người ta dùng thiếu gì tiếng pháp như *fiancé, attaché, rendez-vous* ... Có sao đâu ?

Đó là một ý kiến. Và ý kiến cá nhân. Bởi vì đứng ra trong tiếng Việt chúng ta cũng thiếu gì những tiếng Pháp nhưng đã việt hóa, đã thành tiếng việt như *gác -dan, ô-tô, xà -bông...* Còn tiếng hán trong việt ngữ thì có những tiếng ta dùng luôn luôn mà cũng chẳng ngờ nó là tiếng ngoại quốc như *hoa, tề, thuyền* v.v..

Việc nói xen kẽ tiếng anh trong tiếng việt có người cho là nên có người cho là không. Nói như các bình luận gia chính trị đó là hai khuynh hướng của phe *bảo thủ* và phe *cấp tiến*.

Nhưng với những chữ. đã có tiếng việt rất phổ thông rồi mà còn cố dùng xen tiếng ngoại quốc cho có vẻ quý tộc mà có khi còn dùng sai nữa thì *xét rằng* không nên (Đây cũng chỉ là ý kiến cá nhân thôi nhé !).

Người ta còn nhớ trước đây trên nhật báo *Tự Do*, họa sĩ Phạm Tăng có vẽ một bức tranh hí họa về ngôn ngữ khá lý thú. Bức tranh vẽ hai con két đậu chung trên một thanh ngang trong một cái lồng sơn và dưới có câu chú thích " *I am sorti de Marie l' Écurie* ". (Ý con chim muốn nói nó đã học ở trường đầm Marie Curie, Sài Gòn). Hay là một bức tranh khác vẽ người Giao Chỉ đang tỏ tình với một thiếu nữ Pháp rằng: " *Je vous t'aime de tout son coeur*".

Hoặc là tên bài này *Chuyện đầu Ngô mình Sở* mà lại phát ngôn là *A chuyện tète Corn mình mon bureau* thì tác giả nhất định không chịu đó.

Với trường hợp này thì dù để tính đến đâu cũng khó má chấp nhận được. Không thể xí xóa chín bỏ làm mười cho tiện àm nói rằng *No star where hay Yes star where*.

Tháng tám 1997

Đ.T.H.

(trích Những người thích dấu huyền - tr. 31 - 38).

Hai chữ H.O. từ đâu mà có

Trong 18 năm, nhiều vụ gởi thư bom đã xảy ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ làm ba người thiệt mạng và một số lớn bị thương. Chính phủ Mỹ treo giải một triệu đô la cho ai tìm ra thủ phạm. Cơ quan d9ie2u tra liên bang FBI tận dụng mọi phương tiện để lùng bắt kẻ vô danh này. Họ khai sinh cho thủ phạm một cái tên là Unabomber. Tới tháng Tư 1966 người bị tình nghi là tác giả các vụ thư bom bị sa lưới. Ông là một nhà khoa học tên Theodore Kaczynsky sống ẩn dật trong một căn nhà nhỏ giữa rừng, tận tiểu bang Montana.

Các hãng thông tấn ồn ào loan tin vụ bắt này. Hai hãng tin lớn hàng đầu thế giới là Reuter và Associated Press đưa ra những suy luận và tự đặt ra nguồn gốc mấy chữ đầu UNA của cái tên Unabomber. Họ cho rằng đó là chữ viết tắt của những mục tiêu mà Unabomber muốn đánh phá

khi nói rằng UN là viết tắt của University (Đại học), A là viết tắt của Academic (Viện hàn lâm), của Airline (Hãng hàng không). Nhưng hai hãng tin uy tín này lúc nào cũng chỉ suy luận mà thôi, không có một căn bản chính xác nào về ba chữ UNA nên những giải thích của hai hãng mâu thuẫn, không giống nhau. Bởi vì chỉ suy luận mà chẳng có tài liệu chứng minh thì ta cũng có thể tán rộng thêm UN là United Nations (Liên Hiệp Quốc) vì biết đâu ông Unabomber chẳng có lúc muốn đánh sập trụ sở Liên Hiệp Quốc mấy chục tầng này. Và cũng có thể nói ông ta muốn đánh bom các tiệm rượu quân đội hay các nhà khảo cổ vì chữ A cũng có thể viết tắt của các từ Alcohol, Army, Archaeology hay Antique.

Chẳng biết đằng nào mà tin. Chỉ có ông FBI thì cứ im hơi lặng tiếng, không hoài công giải thích. Biết đâu họ chẳng đặt ra cái tên này rất tình cờ như Tèo, là Tũn, là Mít, là Xoài sau khi một đừ công tác?

* * *

Cứ theo cái cách suy luận đó hai chữ tắt H.O. của Việt Nam cũng đã biến thành của Mỹ và được suy luận tràn lan. Có người cho là H.O. viết tắt từ hai tiếng High Officer (Sĩ Quan Cao Cấp), có người cho là Humanitarian Operation khi số ít, khi số nhiều với chữ S đằng đuôi và dịch là chiến dịch nhân đạo. Khuynh hướng thứ hai có vẻ xuôi tai nên nhiều người theo.

Thực ra thì hai chữ tắt H.O. phát xuất từ Việt Nam khi nhà cầm quyền cộng sản loan báo cho những người thuộc chế độ cộng hòa đã bị cộng sản cầm tù họ đã được chấp thuận cho đi Mỹ theo những danh sách gửi cho phía Mỹ mà cộng sản ghi số Ho 1, HO 2, HO 3 v.v... Anh em tù đã tự cho là họ thuộc danh sách H.O. và tên H.O. bắt đầu từ đó. Và cũng vì còn ảnh hưởng lối đọc từ tiếng Pháp sau một trăm năm thống trị của Pháp H.O. đã được đọc là *Hát Ô* mà không là *Hát O* theo tiếng Việt và cũng không là *Éch Âu* theo tiếng Mỹ.

Khi hết danh sách HO 9 thì chữ O biến mất, trở thành danh sách H 10, H 11, H12 cho tới những H 30, H 40 và kế tiếp. Thì ra cộng sản khi viết chữ số hàng đơn vị đã thêm một số không (0) đằng trước cho đỡ cô đơn (tới số 10 thì bỏ số không), khiến đa số hiểu lầm số không là chữ O. Từ danh sách H01 tới H 09 kéo dài cả năm nên hai tiếng *Hát Ô* đã trở nên thông dụng thành một thói quen và không ai nghĩ tới chuyện sửa lại nữa. Miễn là đi cái đã, hơi đâu mà để ý tới những chuyện tiểu tiết. Thói quen này lan tới cả chính Việt Cộng vì ngay khi giải thích về chuyện ra đi của anh em cựa tù, Lưu Văn Tấn thuộc Sở Ngoại Vụ thành Hồ cũng gọi là danh sách H.O. mà không bao giờ giải thích về nguồn gốc những chữ đó.

Đến bây giờ hai chữ H.O. đi vào ngôn ngữ Việt bình thường như những tiếng ăn, ở, đi, ngủ, nói v.v... mà ít ai truy nguyên gốc gác của nó từ đâu và suy luận để gán cho hai chữ này những gốc gác mà chúng không có. Cũng như những chữ thường dùng, H.O. khi là danh từ, khi là động từ hay tính từ thì cũng nghĩa là cựa tù nhân chính trị hoặc liên quan tới họ. Nói ông H.O., gia đình H.O., hay diện H.O. mọi người đều hiểu là ai rồi. Trong hồi ký *Hành Trình Một *Hát Ô** do Thời Luận xuất bản năm 1995, chúng tôi cũng đã nêu lên vấn đề này (trang 213).

Điều cần nói là thoát đầu ở Mỹ, người ta không quan tâm tới hai chữ H.O. Nhật báo Los Angeles Times ngày 13 tháng 1, 1990 có đăng phóng sự *The End of a Dream: From Vietnamese Prison to L.A.* nói về những cựa tù nhân chính trị đầu tiên đến Cali, đăng rải ra ở ba trang A.1, A.26 và A.27 của tờ báo mà không có một chữ H.O. nào cả. Tác giả bài báo là những ký giả trong bộ biên tập Sonni Efron, Ashley Dunn và Thuan Le, người Mỹ và có thể nói một người Mỹ gốc Việt.

Nhưng chỉ ít lâu sau khi các đợt cựa tù nhân chính trị H. 02 trở đi ào ạt tới Mỹ thì hai chữ H.O.

chính thức đi vào ngôn ngữ trong các cộng đồng người Việt hải ngoại. Rồi không biết từ đâu bỗng nhiên nhiều tác giả đã viết trên các báo Việt ngữ rằng H.O. là viết tắt từ hai tiếng Mỹ Humanitarian Operation.

Chúng tôi xin trích dẫn từ một vài bài báo hiện có dưới tay:

Trên báo Thời Luận xuất bản tại Los Angeles, California, số ra ngày 27 tháng Giêng 1994 Luật Sư Nguyễn Hữu Thống đã viết H.O. là Humanitarian Operation. Rồi mới đây trong bài Tường Trình Về Trường Hợp Hai Cha Con Trung Tá Nguyễn Quý An (người cứu sống bốn quân nhân Hoa Kỳ năm 1969) trên Thời Luận ngày 1 tháng 6, 1996 Luật Sư Nguyễn Hữu Thống cũng nhắc lại rằng một số gia đình cựu tù nhân cải tạo được nhập cảnh Hoa Kỳ do chiến dịch Humanitarian Operation - HO. Cùng trên bài báo này Luật Sư Lâm Lễ Trinh có cùng quan điểm với Luật Sư Thống. Chúng tôi có liên lạc với hai vị luật sư trên nhưng ông Lâm Lễ Trinh bận đi Pháp, và Luật Sư Thống nói rằng ông có đọc một cuốn sách hoặc bản phúc trình nào đó viết như thế nhưng ông không còn tài liệu ấy.

Trên báo Saigon Times, Rosemead, CA, ngày 26 tháng Tư, 96, trong bài Rồi, Việt Nam Đi Về Đâu? Giáo Sư Lê Bá Kông viết ở trang A.7:

"... qua sự can thiệp đặc lực (với áp lực mạnh mẽ) và thái độ quyết liệt của hai vị tổng thống Reagan và Bush (suốt hơn mười năm) hàng chục ngàn cựu sĩ quan và một số tướng lãnh cộng hòa Việt Nam cũng như nhiều chính khách công cán chính trung và cao cấp - có vậy mới được Việt Cộng trả tự do để được Hoa Kỳ đón nhận theo chương trình H.O. (Humanitarian Operations)" (số nhiều)

Từ Los Angeles Times từ chỗ không nói tới hai chữ H.O. trong bài báo đầu tiên về chương trình đón nhận cựu tù nhân chính trị Việt Nam thì trong số báo ra ngày 14 tháng Tư, 95 đã khẳng định hai chữ H.O. với bài Wounded by War-and Peace của Nữ Ký Giả Lily Dizon thuộc bộ biên tập. Cái tên Lily Dizon khá quen thuộc trong cộng đồng Việt Nam vì cô chẳng phải là ai xa lạ. Cô có tên Việt là Nguyễn Tấn Bằng Phương và là ái nữ của một đại úy pháo binh đã mất tích trong trận Tân Cảnh (Kontum) năm 1972. Cô đã trở về Việt Nam tìm tung tích thân phụ và quan sát tại chỗ thực trạng xã hội Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Bài cô viết trên Los Angeles Times về một số sĩ quan H.O. tại quận Cam, CA khá sâu sắc và trung thực. Cô cũng cho rằng H.O. là những chữ đầu (acronym) của hai từ Humanitarian Operation (số ít) trong đoạn văn sau đây:

"Most have settled in Orange County, home to the nation's largest Vietnamese expatriate community, where they are referred as the 'H.O. people,' an acronym for Humanitarian Operation, the program that allowed them to come."

Giữa tháng Tư 1966 chúng tôi có gửi biếu cô một cuốn Hành Trình Một Hát Ô trong có nói tới sự hình thành hai chữ H.O. khi còn ở Việt Nam và xin cô giúp cho tài liệu về hai chữ H.O. nếu chúng tôi sai lầm để có thể điều chỉnh lại khi sách được tái bản. Không hiểu sách thất lạc hay cô bận rộn sao đó nên tới nay không có hồi âm.

* * *

Tuy nhiên cũng có những tác giả không thừa nhận H.O. là viết tắt của Humanitarian Operation. Trong bài Những Ưu Tư Của Người Việt Di Dân, Thẩm Phán Nguyễn Cần với bút hiệu Lữ Giang đăng trên hai báo Saigon Nhỏ, Westminster, CA số ra ngày 19 tháng Tư, 96 và Thời Luận ngày 18 tháng Tư, 96, đã trình bày khá rõ:

"Cũng trong năm đó, với sự thỏa thuận của nhà cầm quyền Hà Nội, ngày 30-7-19890, chính phủ Hoa Kỳ lập thêm "Chương Trình Tù Cải Tạo Được Phóng Thích" (Release Reeducation Detainers Program - thường hay gọi là chương trình H.O., một ký hiệu do Việt Cộng đặt) cho phép các tù nhân chính trị đã được phóng thích cùng với gia đình đến định cư tại Hoa Kỳ".

Trên Văn Nghệ Tiền Phong, Arlington, VA, số 488, đề ngày 15 tháng Năm, 96 tác giả Uncle Tom trả lời độc giả trong mục Vấn Đề đã viết: "Cái chiến dịch nhân đạo mà ông thầy gọi là 'cái trò HO' thì có nhẽ ông thầy hơi cay cú đấy." Uncle Tom dùng chữ chiến dịch nhân đạo nhưng không nói H.O là viết tắt của hai chữ Humanitarian Operation.

Còn phía chính quyền Mỹ và các tổ chức Mỹ lo về định cư có bao giờ thu72aa nhận hai chữ H.O. là hai chữ đầu hoặc chữ tắt của Humanitarian Operation không? Chúng tôi đã hỏi một số giới chức thuộc những cơ quan này (chúng tôi cảm ơn quý vị đó nhưng không tiện nêu tên ở đây) thì được trả lời là đôi khi quen miệng cũng dùng theo dân chúng nhưng không có văn bản nào xác nhận H.O. là chữ viết tắt của Humanitarian Operation cả.

Trong một văn thư mới nhất. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ nhắc nhở những người xin đi Mỹ qua Chương Trình Ra Đi Có Trật Tự (ODP) đã nhấn mạnh về ba tiêu chuẩn để được chấp nhận.

Tiêu chuẩn thứ nhì gồm những người liên hệ với chính phủ Mỹ như công chức, quân đội bản xứ cộng tác với chính phủ Mỹ, nhân viên sở Mỹ những người đã được huấn luyện tại Mỹ v.v...

Tiêu chuẩn thứ ba là những người có thân quyến gần đang sống tại Mỹ.

Tiêu chuẩn thứ nhất liên quan tới cựu tù nhân chính trị nguyên văn như sau:

"persons of particular humanitarian concern to the United States, including Amerasians and reeducation camp detainees (tạm dịch: Những người mà Hoa Kỳ quan tâm đặc biệt vì lý do nhân đạo, trong đó bao gồm những con lai Mỹ và những tù nhân từ các trại cải tạo).

Câu văn ấn định tiêu chuẩn thứ nhất trên đã quá rõ ràng là những cựu tù nhân chính trị chỉ là một thành phần cùng với trẻ lai trong số những người Hoa Kỳ lưu tâm vì nhân đạo. Những người bị đàn áp phải bỏ nước vượt biên, những người chống đối cộng sản bị lùng bắt phải xin tị nạn chính trị v.v... cũng là những người mà Hoa Kỳ quan tâm vì nhân đạo.

Không có chương trình nào mang tên Humanitarian Operation cả nhưng những người cựu tù nhân chính trị mặc nhiên được gọi là H.O. từ trong nước mặc dầu không ai phủ nhận rằng họ được tới Mỹ là do sự nhân đạo của chính phủ Mỹ và người Mỹ. Trẻ em lai Mỹ và những người vượt biên tị nạn cũng được Mỹ chấp nhận cho định cư vì lý do nhân đạo nhưng không ai gọi những người vượt biên hay trẻ lai là những H.O. cả.

Có thể ví dụ như trong những ngày đầu Pháp thuộc người dân Việt Nam thường gọi người đàn bà Pháp là bà đầm. Tiếng đầm dịch âm từ tiếng dame của tiếng Pháp có nghĩa chung là những người đàn bà trung, thượng lưu trong xã hội. Khi ta thấy một thiếu phụ sang trọng Trung Hoa hay Nhật Bản ta vẫn gọi là dame được nhưng không thể gọi là bà đầm mà gọi là bà xẩm hay bà Nhật. Vì hoàn cảnh hình thành tiếng đầm từ đại đa số quần chúng Việt Nam trong giai đoạn lịch sử đó chỉ có nghĩa riêng là người đàn bà Tây Phương mà thôi.

Có thể một số tác giả vội vã không để ý tới những tiểu tiết nên khi thấy phảng phất có chữ Humanitarian thì đặt cho H.O là Humanitarian Operation chẳng? Không ai phủ nhận sự ra đi

của tù nhân H.O. là do chính sách nhân đạo của Mỹ, nhưng không phải là của cộng sản, và cũng không thể chấp nhận sự mập mờ vơ lòng nhân đạo cho mình của phía chính quyền Việt Nam. Không phải cộng sản dễ dàng cho H.O ra đi; khi đạt được thỏa hiệp này với Hà Nội, phía Mỹ cũng phải viện trợ nhân đạo cho Hà Nội 200 triệu đô la bằng dụng cụ y khoa.

Vậy thì H.O. nằm trong chương trình nhân đạo rộng lớn nhưng không hề có một chiến dịch nào mang tên Humanitarian Operation cũng như H.O. không hề là những chữ viết tắt của Humanitarian Operation như trường hợp USA, NATO, ODP hay KFC là những chữ đầu hay viết tắt của United States of America, North Atlantic Treaty Organization, Orderly Departure Program hay Kentucky Fried Chicken.

* * *

Trong lúc thường đàm chúng ta nhiều lúc vô tình dùng những chữ, những tiếng mà cộng sản Việt Nam thường dùng ví dụ như ngày giải phóng, học tập cải tạo v.v.. Thực ra ngày 30 tháng Tư 1975 chỉ là ngày tang tóc cho toàn dân miền Nam đã khiến hàng triệu người phải bỏ nước ra đi - nhiều người đã vui thây nơi biển cả - không thể gọi là ngày giải phóng. Ngày sĩ quan và công chức cao cấp Việt Nam Cộng Hòa bị kẹt đành khăn gói tới trình diện để thi hành cái mà cộng sản gọi là học tập cải tạo thực chất chỉ là bắt đầu những ngày tù khổ sai trong chính sách ngăn chặn sự chống đối, một chính sách dã man và hiểm độc của cộng sản Việt Nam.

Thiết tưởng hai chữ H.O. (luôn luôn phải viết hoa như một biệt lệ) đã trở thành phổ thông trong dân chúng để chỉ những cựu tù nhân chính trị thì chúng ta cũng chỉ nên hiểu thế thôi và nên ngừng ở đó. Chẳng nên gán ghép cho hai chữ đó những nguồn gốc mà chúng không có vì chúng chỉ là những mã số mà do Việt Cộng dùng trong lúc ban đầu. Nếu ta gán ghép cho chúng những nguồn gốc cao đẹp, cộng sản sẵn sàng vơ vào mà nhận công ngay. Trước đây họ từng cướp công của người quốc gia nhiều lần. Như cái công cuộc đánh Pháp giành độc lập của toàn dân Việt Nam thì họ nhận là của riêng cộng sản là một chuyện nhận vơ trắng trợn và to lớn nhất.

Cách đây khá lâu từ cái thời thuốc lá Salem, Capstan còn phổ thông ở Việt Nam; từ cái thời nhà in Mai Lĩnh còn là nhà in hạng lớn nhất Sài Gòn, có một nhóm lính trẻ trở về từ mặt trận ngồi nhậu ở một quán cóc đầu đường đổ nhau về xuất xứ những danh từ riêng hay những chữ viết tắt.

Sau khi một anh đọc lên một câu khá tục ghép bằng những chữ đầu tên thuốc Salem, anh bạn đối diện đứng lên góp hai câu vừa ngược vừa xuôi từ những chữ đầu tên thuốc lá CAPSTAN như sau:

"Chiếc Áo Phong Sương Tình Anh Nặng, Nghĩa Anh Trọn Sao Phụ Anh Chi?".

Cả bàn vỗ tay tán thưởng. Anh liền nói tiếp:

Chuyện thuốc lá mãi cũng chán. Đố các bạn biết tại sao ông chủ nhà in lớn chuyên in xổ số Kiến Thiết Quốc Gia ở đường Trần Hưng Đạo lại lấy tên là nhà in Mai Lĩnh?"

Chưa ai trả lời thì anh ite61p:

"Khi mới vào nghề, nhà in cũng nhỏ thôi, ông phân vân chưa biết đặt tên gì thì một anh thầy cò góp ý: 'Mình mở cơ sở kinh doanh thì tại sao không đặt tên nhà in Minh Lãi' Ông chủ tỏ vẻ thú vị gật gù và sau ông quyết định nói lái cái tên đề nghị từ Minh Lãi thành Mai Lĩnh, rồi sau bỏ

dấu huyền trở thành Mai Lĩnh."

Những chuyện kể trên chỉ là chuyện dân gian lúc vui đùa. Nhưng nếu chuyện đó được nghiêm chỉnh viết lên sách báo bởi những cây bút uy tín như trường hợp hai chữ H.O. hay được những hãng tin lớn có uy tín quốc tế xưa nay giải thích kiểu giải thích Unabomber sẽ khiến nhiều người tin là thật và loan truyền rộng rãi. Nếu đó là một sự lầm lẫn và người nghe cũng dễ dãi tin tưởng, sự lầm lẫn sẽ kéo dài mãi mãi và chỉ một trăm năm sau rất khó truy nguyên gốc rễ và người sau đành phải tin là đúng.

Như trường hợp Nữ Sĩ Sương Nguyệt Anh, con gái cụ Đồ Chiểu (tác giả Lục Vân Tiên) cứ bị người đời thêm dấu sách vào để đổi tên bà thành Sương Nguyệt Ánh, để đặt tên đường cho toàn thành phố ghi nhớ thiên tài, mãi mấy chục năm sau, cho tới thập niên 60 hay 70 gì đó mới được phục hồi cái biệt danh Sương Nguyệt Anh mà bà đã mang sau khi chồng chết và thủ tiết thờ chồng khi còn đang tuổi nửa chừng xuân.

Tiếng nổ từ cái ruột xe hư



Tiếng còi xe của anh "tin tin" trước cửa càng làm tôi thêm tức tối ! Tôi vẫn nằm im trên chiếc giường tầng hai, không buồn ngồi dậy. Phòng trọ hôm nay cũng trống vắng như nhiều lần anh đến. Rồi anh đập cửa âm ỉ. Anh gọi tôi dồn dập :
- Uyên ! Uyên ! Mở cửa cho anh vào. Cho anh được trần tình cùng em mà...
Những lời réo gọi của anh cũng tha thiết, cũng ngọt ngào như ngày nào. Tôi vẫn nằm im, cắn chặt môi, để mặc cho nước mắt tuôn trào ướt gối.
Bạn bè ai cũng ghen tôi. Ai cũng bảo tôi có điểm phúc mới được anh yêu : Anh lịch lãm. Anh thành đạt trước bạn bè. Mới ra trường chưa đầy một năm mà anh có con Future bóng loáng; anh có chỗ đứng vững vàng trong công ty ...

Có ai ngờ rằng, mỗi tình như mơ như mộng, như trong tiểu thuyết Quỳnh Dao của chúng tôi lại sớm tan vỡ thế này !

Đi chơi với anh nhiều lần, tôi để ý thấy trong "cốp" xe của anh, lúc nào cũng có vài món phụ tùng cũ như ruột xe, dây xích, bu-gi ... hư. Cũng nhiều lần tôi hỏi sao anh không quảng đi thì anh lại bảo "chúng quan trọng lắm em à. Quan trọng hơn món đồ mới rất nhiều !". Tôi hỏi mãi, anh chỉ cười bí hiểm.

Hôm qua anh đến. Anh đẹp trai đến tôi phải run ! Lại có mùi nước hoa thoang thoảng. Bạn bè trong phòng đi vắng. Anh ôm chầm lấy tôi quấn chặt trên giường và hôn lấy hôn để. Tôi ngất ngây đón nhận tình yêu anh như bao lần đã nhận.

Bây giờ. Anh vẫn không buông tha tôi. Tôi đánh thức anh để cầu viện :

- Anh ! Đã đến giờ đi làm rồi. Không ... được ... đâu !

Anh ôm tôi chặt hơn. Hôn tôi tới tấp hơn, thì thào :

- Không sao mà ! Anh có kế.

Tôi nũng nịu hôn anh hỏi :

- Kế gì ?

- Xe hư ! Đổ thừa xe nổ ruột.

Anh lại cười hì hì :

- Đó ! Cái ruột xe trong “cốp” đó. Anh sẽ lấy ra nói với thủ trưởng. Em thấy nó có giá trị lớn không ?

Tôi giật thót người. Tiếng ruột xe nổ trong đầu tôi ! Thì ra ... vậy ! Thì ra anh là vậy ? Chắc đã nhiều lần anh đổ thừa xe nổ ruột, hư xích, hư bu-gi ... ?

Tay tôi mềm nhũng buông xuôi, không còn háo hức quẩn anh nữa. Tôi đẩy nhẹ anh ra và ngồi dậy. Tôi nhìn anh trân trối. Nước mắt tôi tự nhiên chảy dài.

Anh hôn tôi. Anh uống cả những giọt nước mắt tôi. Anh làm nhắm đủ điều. Tôi vẫn lạnh băng ! Hết rồi ! Hết thật rồi ... Tôi cố đẩy anh ra khỏi phòng và khép cửa. Tôi khóc suốt ngày suốt đêm. Hôm nay anh lại đến. Mặc !

Hồi tưởng lại những ngày quen và yêu anh. Tôi bàng hoàng xót xa...

Mười chín tuổi. Đổ vào đại học. Một nữ sinh tinh lẻ như tôi, xách hai cái va li nặng oằn về thành phố Hồ Chí Minh mà lòng nhẹ tênh ! Còn sung sướng nào bằng ? Bạn bè quê nhà nhìn tôi nuốt nước miếng ừng ực.

Hằng ngày tôi đạp chiếc mini màu nho, cũng nhẹ tênh trên đại lộ Nguyễn Văn Cừ phơi phơi rộng như lòng tôi. Tôi liên tưởng những cuộc tình trong tiểu thuyết Quỳnh Dao. Thành phố Hồ Chí Minh có thua gì Đài Bắc ?

Anh. Chính anh đã làm xao động con tim cô sinh viên nhỏ.

Một sáng, anh đạp chiếc xe đò đông cũ, kẹp trên gui-đông chông sách cao ngất. Vừa vọt qua mặt tôi, cả chông sách lại đổ nhào; vung vãi khắp mặt đường. Tôi cúi xuống phụ nhặt. Anh lí nhí cảm ơn. Rồi anh lại lên xe, để lại trong tim tôi chiếc áo và cái quần jeans ngã màu xanh bạc.

Một tháng trời sau, ngày nào cũng chiếc xe đò đông ấy, cũng chiếc áo ngã màu ấy hững hờ vọt qua trước mặt tôi và quẹo vào trường đại học tổng hợp. Thỉnh thoảng, tôi hụt hẫng khi phải rẽ vào trường đại học sư phạm vì chưa thấy bóng anh.

Tôi lại phát hiện anh ở cạnh khu nhà tôi trọ. Tôi hát thường hơn. Đám bạn cùng phòng đã cười mỉm với tôi.

Rồi một sáng anh ngoặt xe trước mặt tôi. Anh tròn mắt kêu lên:

- Í ... ! Cô bé mà tôi mang ơn.

Tôi hả hê như một lần nữa đổ vào đại học : Thì ra anh vẫn nhớ và “mang ơn” tôi.

Đêm. Tôi ôm anh vào giấc ngủ từ đó. Thành phố Hồ Chí Minh - với những con đường rợp mát, những điểm tham quan lý thú, những shop, những store hào nhoáng - cũng biến thành Đài Bắc từ đó. Đâu đâu cũng in bóng chúng tôi.

Anh ra trường. Sớm hơn tôi hai năm. Anh thay chiếc xe đò đông cũ bằng con Future trước con mắt kinh ngạc của nhiều người. Từ một kế toán bình thường, anh nhảy lên làm kế toán trưởng, rồi trợ lý giám đốc; làm ai nấy phải cúi đầu. Tôi trao anh tất cả cũng từ đó...

Và hôm nay, tôi nào nê phát hiện ra con người thật của anh ! Thì ra cái dạo anh ôm chông hồ sơ kế toán về nhà tẩy xoá, xé bỏ gì đó; khiến anh kế toán trưởng cũ phải mất việc ? Thì ra chính anh đã ở cạnh nhà tôi trọ và anh đã giăng lưới tôi vào bẫy mà tôi đâu hay ! Cái chông sách cao nghệu đổ trước mặt tôi ngày đó, những lần vượt qua mặt tôi cả một tháng trời đằng đằng để tôi tương tư đó, cái ngoặt xe và anh chọt reo mừng nhận ra tôi, ... nào phải vô tình ! Rồi những lần anh qua nhà tôi mượn sách, cảm ơn tôi rối rít; thật hay giả vờ ? Anh đã thuộc lòng cái lịch học của bạn bè tôi cùng phòng; để lần nào anh cũng “vô tình” đến phòng trọ khi tôi một mình mà tôi đâu có hay !

Ồi ! Nhớ lại mấy lần anh trễ hẹn, anh đẩy chiếc xe đò đông xồng xộc chạy đến, dây xích lỏng thòng, tay chân nhót nhao, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, hối hả xin lỗi tôi. Tôi đã vội lau mặt, vén tóc cho anh; mà ghen mà tức! Tôi đã nhịn một tuần ăn sáng, mua thay cho anh nào xích, nào líp mà xe anh vẫn trật xích trật líp phải trễ hẹn hoài ! Thế mà tôi vẫn tin và tội nghiệp cho anh !

Anh lại đập cửa. Anh lại gào thét : “Uyên ! Uyên...”.

Mặc ! Tôi nghiêng rặng cấn nát cuộc tình. Vĩnh biệt anh ! Vĩnh biệt cuộc tình khờ khạo ! Anh đã

sống như thế thì anh không xứng với tình yêu của tôi đâu !
Tôi nhờ người ôm chặt chiếc gối, lại để mặc cho nước mắt tuôn trào ...